FRANK SNEPP

Phủi tay

DECENT INTERVAL

phần 2

phủi tay

(phần 2)

decent interval

FRANK SNEPP

Paris * 04.2025

Chuyển ngữ : trình dịch AI
Biên tập : *Ban Tuyển đọc*
Thư viện Tiếu Lùn
Bìa : *M. C. P*

phủi tay

FRANK SNEPP

RANDOM HOUSE NEW YORK
1977

Phần 2
Sự tan rã

Mục lục

9. Cuộc tấn công ngẫu hứng 11
10. Ngàn vết chém 69
11. Chào đồng chí 105
12. Chiến thắng thảm bại 143
13. Hoa sen nở rộ 191
14. Ánh sáng trên đỉnh 253
15. Ngọn núi thủy tinh 335
16. Hộp đen 381
17. Đạn đại bác bắn vào Papa Lima 435
18. Ý tưởng của tháng 3 493
19. Mảnh lưỡi của tôi 563

9. Cuộc tấn công ngẫu hứng

Về mặt quân sự, Việt Nam Cộng Hòa từ lâu đã là một bàn cờ của những lãnh địa xung đột. Bộ Tổng Tham mưu Liên quân ở Sài Gòn lẽ ra phải là quyền lực quân sự tối cao trong nước, nhưng vì Thiệu lo sợ việc tập trung quá nhiều quyền lực vào tay một số ít người, ông đã biến bốn tư lệnh vùng của mình thành những người gần như độc lập trong lãnh thổ của họ.

Các Quân Khu (The Military Regions) tự chúng khác nhau rất nhiều về khí hậu và địa lý. Có lẽ đặc điểm duy nhất thực sự thống nhất giữa họ là Quốc lộ I, chạy dọc theo bờ biển (mặc dù không phải lúc nào cũng liên tục) từ Huế đến Sài Gòn.

Năm tỉnh tạo thành Quân khu 1 ở miền Bắc của đất nước là những vùng đất gồ ghề và khắc nghiệt. Phần lớn trong số 3.000.000 cư dân của họ sống tập trung quanh các thành phố lớn Huế và Đà Nẵng, và "sự kiểm soát" của chính phủ chủ yếu giới hạn ở các vùng đất thấp dọc theo bờ biển. Cuộc chiến "quan trọng" trong khu vực này luôn là một cuộc chiến thông thường, được tiến hành bởi các đơn vị chính quy dọc theo các tuyến chiến đấu cố định. Cho đến khi sụp đổ vào năm 1974, hai bên đã công

nhận một ranh giới ngừng bắn thực tế dọc theo sông Thạch Hãn phía bắc Huế, nhưng với cuộc tấn công gần đây của lực lượng cộng sản vào vùng thấp phía tây thành phố, tình trạng bế tắc đã bắt đầu tan rã.

Ngay cả hơn cả QK 1, Quân khu 2, ở trung tâm Nam Việt Nam, là một tập hợp của những tương phản. Từ những bãi cát trắng nóng bỏng của bờ biển trung tâm, đất đai trải dài về phía tây với những nếp gấp và bậc thang ngày càng tăng, culminate trong những ngọn núi hiểm trở của cao nguyên phía tây dọc theo biên giới Campuchia. Thành phố Qui Nhơn tồi tàn chiếm ưu thế ở vùng phía bắc của khu vực ven biển ; Nha Trang, phần trung tâm; và Phan Thiết, phía nam. Ở vùng cao nguyên, các thành phố Pleiku và Kontum đánh dấu ranh giới phía

bắc của sự kiểm soát của chính phủ, và Ban Me Thuot đánh dấu ranh giới phía nam. Ở giữa là những khu định cư nhỏ lẻ của người dân tộc thiểu số sống rải rác, những người có làn da nâu, bị tất cả người Việt Nam khinh ghét.

Cuộc chiến ở Quân khu 2 thường tự điều chỉnh theo sự khắc nghiệt của địa hình. Xung quanh Qui Nhơn, các lực lượng cộng sản đã lâu nay theo đuổi sự kết hợp giữa các chiến thuật thông thường và du kích, áp đặt quyền kiểm soát của họ lên phần lớn các tỉnh xung quanh, nhưng xa hơn về phía nam gần Nha Trang và Phan Thiết, xa các tuyến tiếp tế của BV từ phía bắc, các du kích cộng sản chiến đấu chủ yếu một mình và không hiệu quả. Về phía tây, ở vùng cao nguyên, các đơn vị chủ lực của BV, lấy sức mạnh trực tiếp từ các kho tiếp

tế của "Việt Nam thứ ba," lảng vảng trên các sườn đồi rừng bao quanh các thị trấn và thành phố lớn, sẵn sàng gây ra sự tàn phá bằng pháo binh và tấn công bộ binh bất cứ khi nào các đơn vị chính phủ bị kéo dài lực lượng lơ là cảnh giác.

Tại Quân khu 3, khu vực xung quanh

Sài Gòn, sự đối lập giữa miền núi và đồng bằng hòa quyện vào nhau trong một sự hỗn độn của những đồi núi thấp, rừng rậm và ruộng lúa. Phía bắc thủ đô, các lực lượng chính của BV đã nhiều năm tự do hoạt động trên những khu rừng rộng lớn. Ở đó, họ định kỳ thu thuế và tuyên truyền tại các làng mạc rải rác trong khi xây dựng kho dự trữ cần thiết cho những cuộc tấn công thỉnh thoảng vào Sài Gòn. Về phía nam và đông của thủ đô, các chiến dịch dọn dẹp của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 đã đẩy các du kích cộng sản vào các vùng đầm lầy.

Bên cạnh Sài Gòn, thành phố quan trọng nhất về mặt chiến lược ở Quân khu 3 là Tây Ninh, nằm khuất ở góc tây bắc của khu vực gần biên giới Campuchia. Là mục tiêu lâu dài của việc quấy rối và

tấn công của BV, thành phố nhộn nhịp với 40.000 dân này nằm chắn ngang các tuyến tiếp tế quan trọng của cộng sản chạy về phía nam hướng tới Sài Gòn, và ai kiểm soát nó cùng với đồng bằng phù sa xung quanh sẽ kiểm soát cánh cửa từ Campuchia. Không xa hơn hai mươi dặm về phía tây bắc của thành phố, cộng quân duy trì trụ sở của COSVN, căn cứ chỉ huy chính của họ ở nửa phía nam của đất nước.

Phía nam Sài Gòn, khu vực chỉ huy quân sự cuối cùng của chính phủ, Quân khu 4, bao trùm khu vực giàu có và đông dân nhất của đất nước, đồng bằng sông Cửu Long: Là nơi cư trú của hơn một phần ba dân số miền Nam Việt Nam và là nơi sản xuất tám mươi phần trăm lượng gạo của khu vực này, đồng bằng sông Cửu Long luôn là phần thưởng

tối thượng cho mỗi bên. Tuy nhiên, vì khí hậu ẩm ướt và địa hình lầy lội của nó, khu vực này không phù hợp với loại đối đầu lực lượng chính sẽ quyết định cuộc chiến. Các lực lượng cộng sản đã lâu hoạt động trong các đơn vị tiểu đoàn hoặc đại đội phân tán mà không có pháo binh nặng hoặc xe tăng, chủ yếu dựa vào các cuộc tấn công chớp nhoáng để tiến tới mục tiêu của họ. Trong khi đó, lực lượng chính phủ đã tiến hành một cuộc phòng thủ ngày càng kém hiệu quả từ một vài thị trấn và thành phố lớn cùng với một loạt các tiền đồn xa xôi, nhiều trong số đó giờ đây không thể giữ vững nếu không có sự hỗ trợ của trực thăng, không quân và pháo binh Mỹ. Ở nửa phía nam của khu vực, điểm tựa của sự hiện diện chính phủ là thành phố Cần Thơ ; ở phía bắc, Mỹ Tho. Trong những tháng gần đây, ảnh hưởng và sự kiểm

soát của cộng sản đã thấm vào ngưỡng cửa của những trung tâm đô thị chính này và các trung tâm đô thị khác, và lần đầu tiên trong hơn một năm, động mạch chính Bắc-Nam trong khu vực, Quốc lộ 4, đã bị các đội quân khủng bố cộng sản cướp bóc cản trở trong những khoảng thời gian dài.

Vậy thì, đây là Việt Nam mà các nhà chiến lược quân sự của Hà Nội đã suy nghĩ khi họ lên kế hoạch cho cuộc tấn công được phác thảo trong Nghị quyết của họ cho năm 1975. Không thể tránh khỏi, chiến dịch mà họ hoạch định không phải là một chiến dịch duy nhất, nhưng một loạt các hoạt động quân sự mang tính đơn lẻ cao, mỗi hoạt động được điều chỉnh theo địa hình và khí hậu đặc trưng của khu vực mục tiêu.

Công tác chuẩn bị cho cuộc tấn công cuối cùng của cộng sản trong cuộc chiến này diễn ra theo từng đợt. Một số ít quân tiếp viện của BV đã đi vào hệ thống đường mòn ở miền Nam Lào trên đường ra mặt trận cho đến giữa tháng 11, hai tuần trước ngày ra quân, và các chu kỳ tuyển dụng và huấn luyện ở Bắc Việt diễn ra chậm chạp cho đến cuối tháng. Không có điều nào trong số này là điển hình của Bắc Việt. Thông thường, họ mất nhiều tháng và rất cẩn thận để chuẩn bị cho một cuộc tấn công. Lần này, họ dường như thực sự đang loạng choạng bước vào trận chiến.

Theo một nghĩa nào đó, họ không thể làm khác đi. Đã chờ đến tháng Mười để quyết định một hành động, họ đơn giản là không có thời gian cho những chuẩn bị chi tiết. Họ cũng không có thời tiết lý tưởng. Mùa mưa thu ở vùng Bắc

Việt và miền nam Lào đã đặc biệt nặng nề, và việc di chuyển nhân lực và hàng hóa về phía nam đã trở thành một cuộc hành trình 500 dặm qua bùn lầy đến đầu gối.

Trong các cuộc họp và phân tích cho Polgar, tôi cũng đưa ra một lý do khác cho sự vụng về của Hà Nội. Có khả năng, tôi lập luận, Bắc Việt đang cố tình giữ thái độ khiêm tốn, nhằm đánh lừa chúng tôi và các phái ôn hòa của họ tin rằng không có điều gì đặc biệt sắp xảy ra.

Nhưng nếu đây là ý định của họ, họ đã không hoàn toàn thành công. Các tài liệu bị bắt giữ và báo cáo của các đặc vụ phản ánh những mục tiêu chung của họ, nếu không phải là các mục tiêu cụ thể, tiếp tục đổ xuống chúng tôi suốt cả tháng.

Với dòng thông tin này, cả Đại sứ quán và chính phủ miền Nam Việt Nam lẽ ra nên chuẩn bị cho những gì cuối cùng đã xảy ra. Thật đáng buồn, chúng tôi đã không chuẩn bị. Điều thiếu thốn là sự giải thích vững chắc. Từ khoảnh khắc Polgar và tôi chia tay nhau về ý nghĩa của Nghị quyết năm 1975, không ai dường như có thể đồng ý về các hệ quả của thông tin tình báo có sẵn, và khi thời gian trôi qua và dữ liệu ngày càng nhiều lên, các dòng phân tích khác nhau chỉ càng gia tăng.

Polgar vẫn là người luôn cảnh báo thái quá, lập luận rằng các sáng kiến của Đảng Cộng sản trong vài tháng tới sẽ được điều chỉnh theo các mục tiêu tham vọng hơn được nêu trong Nghị quyết. Tôi vẫn tin rằng chúng tôi đang đối mặt với điều gì đó khiêm tốn hơn : những cuộc

tấn công sắc bén, mặc dù có chọn lọc, để mở đường cho các cuộc đàm phán được khôi phục.

Những điểm không rõ ràng trong thông tin tình báo đã giải thích được một phần những khác biệt phân tích của chúng tôi, nhưng không phải tất cả. Cuộc tranh luận liên tục về viện trợ cho Sài Gòn cũng đóng một vai trò. Đến đầu tháng Mười Hai, Chính quyền đã chuẩn bị để đối mặt với Quốc hội về khoản trợ cấp "bổ sung" mà Martin đã đề xuất vài tuần trước, và không thể tránh khỏi rằng ưu tiên mới này đã ảnh hưởng đến cách chúng tôi nhìn nhận và phân tích tình báo. Các diễn giải hoảng loạn rõ ràng là có lợi cho Chính quyền, vì chúng tạo ra một nốt khẩn cấp cho yêu cầu "trợ cấp bổ sung" ; các diễn giải thận trọng hơn thì không.

Các báo cáo của chúng tôi về Nghị quyết năm 1975 đặc biệt phù hợp với mục đích của Đại sứ. Vì chúng phản ánh sự sẵn sàng của Hà Nội trong việc đẩy cuộc chiến đến giới hạn nếu cần thiết, chúng có thể được đọc như bằng chứng cho những dự đoán quân sự tồi tệ nhất. Martin nhận ra khả năng này ngay lập tức và sớm lên giọng giảng giải cho mọi người về "mối đe dọa nghiêm trọng mới" được báo trước trong tài liệu. Ông khuyến khích những người khác làm tương tự. Là sĩ quan tình báo chính của Đại sứ quán, Polgar khó có thể tránh khỏi việc bị cuốn vào mưu kế này. Cũng không phải là ông ta cố gắng. Trong vài tuần tiếp theo, anh ta nhiệt tình thúc giục tôi đưa ra những đánh giá lo lắng về những gì sắp xảy ra, và bắt đầu rò rỉ những dữ liệu bi quan nhất của chúng ta cho các bạn phóng viên. Đến cuối tháng, một

người đăng ký trung bình của Washington Post hoặc New York Times sẽ có mọi lý do để tin rằng Sài Gòn đang đối mặt với ngày tận thế.

Mặc dù tôi tôn trọng Polgar, tôi không thích trò chơi vỏ sò này chút nào. Đối với tôi, có vẻ như khi chơi quá mức ở mức cao nhất của thang lựa chọn của Hà Nội, chúng ta đang có nguy cơ mất đi tầm nhìn về mức còn lại, bao gồm cả khả năng đàm phán. Do đó, tôi đã nỗ lực khôi phục lại sự cân bằng. Trong tuần thứ hai của tháng 12, tôi bắt đầu dành một hoặc hai giờ mỗi ngày để tóm tắt thông tin từ các tù nhân và những người đào tẩu khỏi cộng sản tại Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia, với hy vọng thu thập đủ dữ liệu bổ sung để khiến Polgar điều chỉnh quan điểm của mình. Tôi chỉ thành công đến một mức độ nào đó. Một người đào tẩu

am hiểu đã khẳng định với tôi một cách dứt khoát rằng chiến dịch BV sắp tới sẽ khiêm tốn hơn so với sự kiện năm 1972. Nhưng khi tôi trình bày những phát hiện này với Polgar, ông ấy đã gạt bỏ chúng. Điểm duy nhất mà ông ấy thừa nhận là thuật ngữ "tổng tấn công," hàm ý một cuộc tấn công phối hợp trên toàn quốc chống lại nhiều thành phố và thị trấn, có thể không phù hợp để mô tả những gì Hà Nội đang lên kế hoạch - mặc dù ông ấy cũng khẳng định rằng những định nghĩa như vậy không còn áp dụng được nữa. Vì những cắt giảm viện trợ gần đây, ông khẳng định, Nam Việt Nam đã yếu và dễ bị tổn thương đến mức bất kỳ điều gì mà các lực lượng cộng sản ném vào họ cũng sẽ có tác động như một cuộc tổng tấn công. Kết thúc cuộc tranh luận.

Đại tá Bill Legro và các nhà phân tích

tình báo hiếu chiến của ông tại DAO rất sẵn lòng ủng hộ Polgar trong vị trí này. Vì họ đã dự đoán một cuộc tấn công tổng lực mỗi tháng kể từ ngày đầu tiên của lệnh ngừng bắn, những cảnh báo của ông như âm nhạc đối với họ.

Trong số tất cả những người bên ngoài nhìn vào tình hình Việt Nam, có lẽ những người ít hoảng sợ nhất vào mùa đông năm 1974-75 là các nhà phân tích CIA ở Washington. Bị nhốt trong những góc nhỏ và ngăn tủ tiền chế của họ, ít nhất là ban đầu, họ ít bị ảnh hưởng bởi áp lực của cuộc tranh luận về viện trợ hơn so với những người trong chúng ta ở tuyến đầu. Trong một Đánh giá Tình báo Quốc gia cuối năm, họ đã trình bày các dự đoán của mình bằng những sắc thái ôn hòa đến mức bạn phải tự hỏi liệu tất cả chúng ta có đang suy nghĩ về cùng

một cuộc chiến không. Trong khi thừa nhận rằng quân đội Bắc Việt mạnh hơn bao giờ hết, các tác giả vẫn khẳng định rằng quân đội Nam Việt Nam vẫn "mạnh mẽ và kiên cường," bất chấp các vấn đề lãnh đạo, tham nhũng và sự suy giảm gần đây về chất lượng của các đơn vị dân quân. Và mặc dù họ sẵn sàng chấp nhận một số loại sáng kiến của cộng sản trong tương lai gần, họ cảm thấy không có gì "đáng kể" - theo đó họ muốn nói đến một chiến dịch toàn quốc dựa trên sự ra đời của bảy sư đoàn chiến lược hiện nay[1] ở Bắc Việt - sẽ diễn ra trước năm 1976, năm bầu cử ở Hoa Kỳ.

Khi ước tính được gửi đi đến Sài Gòn, Legro và Polgar đã phản ứng gần

1 Giống như tất cả các Đánh giá Tình báo Quốc gia, cái này, NIE 53/14-3-74, là một nỗ lực hợp tác, được sản xuất chung bởi tất cả các thành viên của cộng đồng tình báo Mỹ. Tuy nhiên, CIA, và đặc biệt là một nhà phân tích từng là sếp của tôi, đã chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo.

như tức giận. "Nhìn chung, ước tính này định nghĩa quá hẹp về phạm vi của mối đe dọa," Legro nhận xét một cách châm biếm trong một tin nhắn trả lời Washington. "Chúng tôi cảm thấy ước tính này không chính xác vì định nghĩa sai về cái gì cấu thành một 'cuộc tấn công quân sự lớn'," Polgar thêm vào phản bác của mình. "Có thể người Bắc Việt sẽ chiếm được một số thủ phủ tỉnh như An Lộc, Tây Ninh, Kontum, có thể một hoặc hai ở đồng bằng, mà không cần phải điều động bất kỳ sư đoàn dự bị chiến lược nào vào miền Nam. Một chiến thắng như vậy sẽ không quyết định theo nghĩa là nó sẽ lật đổ chính phủ, nhưng sẽ là một điềm báo xấu cho năm 1976 hoặc sau đó."

Các đồng nghiệp của chúng tôi ở Washington không bị thuyết phục nhiều bởi những lập luận này. Trong suốt vài

tuần tiếp theo, ít nhất cho đến khi cuộc tranh luận về viện trợ buộc họ phải thay đổi giọng điệu của mình - họ và một số đồng minh tại Lầu Năm Góc (bao gồm cả Bộ trưởng Quốc phòng) sẽ tiếp tục mắc sai lầm với sự lạc quan thái quá.

Một phần vấn đề của họ chỉ đơn giản là lợi ích cá nhân. Hầu hết các sĩ quan đã soạn thảo Đánh giá Tình báo Quốc gia đã xây dựng sự nghiệp của họ trên Việt Nam và không thể tưởng tượng rằng bệ đỡ của họ có thể đột ngột trở thành một đống cát. Giám đốc CIA William Colby, người có kinh nghiệm là kiến trúc sư của chương trình bình định đã để lại cho ông một niềm tin vượt trội vào khả năng của QL VNCH, đã tâm sự với tôi sau khi Sài Gòn thất thủ rằng chính ông là người đã đặt tông điệu lạc quan cho ước lượng cuối năm. "Vâng," ông ấy nói

với vẻ buồn bã, "tôi là người chịu trách nhiệm cho phán đoán rằng sẽ không có điều gì quan trọng xảy ra cho đến năm 1976."

Đối với chính người Việt Nam miền Nam, tương lai, giống như quá khứ, là một tầm nhìn vay mượn. Đã lâu họ phụ thuộc vào người Mỹ cho hầu hết mọi thứ, họ tiếp tục dựa vào chúng tôi để hiểu những gì đang chờ đợi họ. Ở một mức độ nào đó, họ không có sự lựa chọn nào khác. Các nhà phân tích làm việc cho cơ quan tình báo quân sự và Tổ chức Tình báo Trung ương dân sự nổi tiếng nhút nhát, với sự gắn bó mạnh mẽ với trí tuệ đã được chấp nhận của cấp trên của họ. Ngoài ra, vì kiến thức là sức mạnh, Thiệu thường giữ chặt các dữ liệu tình báo quan trọng nhất, đến nỗi các nhà phân tích của ông không thể phát triển

một đường lối độc lập ngay cả khi họ có muốn.

Vì mối quan hệ làm việc chặt chẽ với CIA, Thiệu và các nhân viên cấp cao của ông đã dựa nhiều vào các ước tính của Trạm khi xây dựng các ước tính của riêng họ, và vào đầu tháng 12, tài liệu tham khảo cơ bản của họ là đánh giá thực địa mà tôi đã viết một tuần trước về Nghị quyết cho năm 1975. Phản ánh tất cả những điều không chắc chắn và chung chung của tôi, kết quả của những khác biệt với Polgar của tôi - họ đã kết thúc với một bức tranh thậm chí còn mơ hồ hơn về ý định của BV so với chúng tôi, nếu điều đó là có thể.

Để đưa tầm nhìn của họ vào đúng hướng với tầm nhìn của mình, Polgar đã vận động hành lang mạnh mẽ cho Armageddon trong số những mối liên

hệ gần gũi nhất của ông với người Việt Nam. Như thường lệ, ông ấy đã sử dụng tôi làm người phát ngôn của mình, và liên tục cử tôi vào vùng nông thôn trong suốt tháng để thông báo cho các nhân viên cấp cao của miền Nam Việt Nam về những gì "chúng tôi" cảm thấy bên kia sẽ làm.

Vào giữa tháng 12, đúng theo kế hoạch, quân đội miền Bắc Việt Nam đã phát động giai đoạn đầu tiên của chiến dịch đông-xuân. Dễ đoán, các cuộc tấn công mạnh mẽ nhất của họ tập trung vào nửa phía nam của đất nước, ở các Quân khu 3 và 4, nơi mà mùa mưa theo mùa vừa mới kết thúc. Ở miền Bắc, nơi mùa mưa chỉ mới bắt đầu, hai bên vẫn tương đối không hoạt động.

Giữa ngày 14 và 16 tháng 12, hai thị trấn huyện ở phía đông bắc Sài Gòn đã

bị chiếm đóng, và ở phía nam, tại đồng bằng sông Cửu Long phía trên, các đơn vị BV đã chiếm giữ một số tiền đồn gần Quốc lộ 4. Mục đích rộng lớn của những sáng kiến này hầu như không còn nghi ngờ gì nữa. Các nhà lãnh đạo Cộng sản rõ ràng đã nhằm biến Sài Gòn thành một hòn đảo bằng cách cắt đứt tất cả các tuyến đường chính từ phía bắc và phía nam, như họ đã thường cố gắng làm trong quá khứ.

Nếu mục tiêu tổng thể của cộng sản được hiểu, tuy nhiên, đã có nhiều tranh cãi trong Đại sứ quán về các mục tiêu cụ thể của họ. Đại sứ Martin nhanh chóng kết luận rằng mũi tấn công chính của kẻ thù trong Quân khu 3 sẽ đến từ tỉnh Tây Ninh, và ông sớm thuyết phục được Thiệu như vậy. Polgar và tôi thì ít bị thuyết phục hơn. Xét thấy áp lực tiếp tục

ở Tỉnh Phước Long, đông bắc Sài Gòn, chúng tôi cảm thấy có khả năng ngang nhau rằng đây sẽ là mục tiêu chính.

Không ai biết rằng chính Bắc Việt lúc đó cũng đang tranh luận về cùng một câu hỏi. Như Tướng Văn Tiến Dũng, người sẽ dẫn dắt Quân đội Nhân dân Việt Nam đến chiến thắng, đã chỉ ra trong hồi ký sau chiến tranh của ông, một cuộc xem xét chính sách khác đã được khởi xướng ở Hà Nội vào đầu tháng 12, ngay khi giai đoạn đầu của cuộc tấn công của Quân đội Nhân dân Việt Nam đang tiến triển. Trong vài ngày đầu, Dũng và các đồng nghiệp của ông chỉ đơn giản suy ngẫm về triển vọng thực hiện Nghị quyết năm 1975. Nhưng vào ngày thứ tư, một điều gì đó đã xảy ra khiến sự chú ý của họ bị chuyển hướng đột ngột.

Một điệp viên trong vòng tròn thân

cận của Tổng thống Thiệu đã gửi cho họ một báo cáo tối mật về các kế hoạch và quan điểm của chính phủ. Theo báo cáo của ông, một phiên họp chiến lược quan trọng đã được tổ chức ở Sài Gòn vào ngày 9 và 10 tháng 12 để làm rõ ý định của Hà Nội. Trong quá trình đó, ông ta nói, Thiệu và các chỉ huy của ông ta đã đồng ý rằng các lực lượng cộng sản sẽ "chiến đấu quy mô lớn hơn" trong những tháng tới so với năm 1974, nhưng "sẽ không đẩy chiến dịch của họ lên mức độ của cuộc tấn công năm 1968." (Chính xác là ước lượng lấp lửng mà Polgar và tôi đã áp đặt lên người Việt Nam hai tuần trước đó.) Ngoài ra, theo như viên chức này khẳng định, Thiệu đã kết luận rằng quân đội Bắc Việt không có khả năng tấn công và chiếm giữ các thành phố lớn ; rằng mũi tiến công chính của họ sẽ là Quân khu 3 và sẽ nhắm vào Tây Ninh (Martin

đoán) ; và rằng họ sẽ tiến hành cuộc tấn công của mình một cách nghiêm túc chỉ đến hết mùa khô vào tháng Sáu, sau đó họ sẽ dừng lại để nghỉ ngơi và tái trang bị. Theo thông tin từ điệp viên, Thiệu cũng đã quyết định, dựa trên ước tính này, không tăng cường lực lượng ở vùng cao nguyên phía tây của Quân khu 2, mà tập trung lực lượng dự trữ của mình ở nửa phía nam của đất nước.

Không khó để tưởng tượng sự phấn khích mà các nhà lãnh đạo Hà Nội phải cảm thấy khi báo cáo được giải mã và đưa cho họ. Bằng bất kỳ thước đo nào, nó cũng vô giá. Trong Nghị quyết năm 1975 của họ, họ đã đưa ra một loạt các lựa chọn cho bản thân. Bây giờ, với đầy đủ thông tin về những gì Thiệu mong đợi ở họ, họ có thể thu hẹp và tinh chỉnh kế hoạch của mình cho phù hợp, để vượt mặt ông ta. Vì ông ta dự đoán một cuộc tấn công ở Tây Ninh, họ sẽ tấn công trước ở Phước Long ; vì ông ta không mong đợi một cuộc tấn công ở vùng cao nguyên, đó sẽ là nơi họ thực hiện kế hoạch lớn của mình ; và vì ông ta nghi ngờ khả năng chiếm và giữ các tỉnh lỵ của họ, họ sẽ làm đúng điều đó, đầu tiên nhắm vào thủ phủ của tỉnh Phước Long và sau đó là Buôn Ma Thuột ở vùng cao nguyên Quân khu 2.

Trong số những người chịu trách nhiệm cho chiến thắng cuối cùng của Bắc Việt, điệp viên trong đoàn tùy tùng của Thiệu rõ ràng phải được xếp hạng cao trong danh sách công trạng. Cho đến ngày nay, danh tính của ông vẫn là một bí mật, chỉ có Bắc Việt biết, nhưng vào thời điểm ông cung cấp thông tin tình báo ngoạn mục của mình cho Hà Nội, bốn thành viên trong nhóm thân cận của Thiệu nằm trong danh sách những người cộng tác với cộng sản có thể có của CIA và có thể đã lặp lại thành tích của ông. Trong số đó có người đứng đầu bộ phận phản gián của Cục An ninh Quân đội (MSS) của quân đội, một người đàn ông có gia đình có quan hệ mật thiết với đội ngũ thư ký của Thiệu.

Mặc dù có những nghi ngờ lâu dài, nhưng đáng tiếc là Đài CIA chưa bao giờ thấy cần thiết phải hành động chống lại viên chức MSS hoặc bất kỳ nghi phạm nào khác. Tất cả bốn người đều là những người thân cận nhất của Thiệu và hai trong số họ, bao gồm cả người của MSS, đã được CIA hỗ trợ tích cực trong những giai đoạn đầu của sự nghiệp. Việc kết tội họ về tội gián điệp sẽ là một sự xấu hổ lớn cho tất cả chúng ta. Thay vì mạo hiểm điều đó, Trạm đã chọn cách cho các nghi phạm được hưởng lợi từ sự nghi ngờ.

Ngày 18 tháng 12, Bộ Chính trị Bắc Việt họp lại để xem xét những hàm ý của những tiết lộ bất thường của điệp viên. Các cuộc thảo luận kéo dài thêm hai tuần nữa khi lực lượng BV ở phía nam đạt được thành công này đến thành công khác. Vào cuối tháng, khi tình thế rõ

ràng đang có lợi cho họ, Bộ Chính trị đã bí mật điều động Sư đoàn 316 BV, được biết đến là đơn vị tiên phong trong trận Điện Biên Phủ năm 1954, đến vùng cao nguyên miền Trung để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Vài ngày sau, Lê Duẩn và các đồng chí của ông đã cho phép một cuộc tấn công[2] ngay lập tức và toàn diện vào thủ phủ của Tỉnh Phước Long ở Quân khu 3.

Quyết định leo thang không dễ dàng đạt được. Những người ôn hòa và trung dung vẫn lo ngại về sự can thiệp của Mỹ và những nguy cơ đối với công cuộc tái

2 Như Tướng Dũng đã chỉ ra trong hồi ký của ông, ông và các đồng nghiệp trong Bộ Chính trị đã được thúc đẩy bởi cả những thành công quân sự nhanh chóng của Quân đội Nhân dân Việt Nam và bởi sự nhầm lẫn rõ ràng ở Hoa Kỳ về các kế hoạch của họ. Đặc biệt khuyến khích đối với họ, ông nói, là một loạt các bình luận công khai của Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger với nội dung rằng không có cuộc tấn công lớn nào của cộng sản đang diễn ra. Theo quan điểm của họ, nếu Washington thực sự tin điều này, thì rõ ràng họ có thể tiếp tục leo thang mà không bị trừng phạt.

thiết. Nhưng Lê Duẩn đã thành công trong việc bác bỏ những phản đối của họ bằng những lập luận mà ông đã sử dụng vào mùa thu trước đó để giành được sự ủng hộ cho Nghị quyết năm 1975. Cuộc tranh luận về viện trợ của Quốc hội, ông khẳng định, đã chứng minh rằng chỉ có khả năng rất nhỏ xảy ra can thiệp của Mỹ. Do đó, sự leo thang mang lại ít nguy hiểm. Trong một sự nhượng bộ nhỏ đối với các đồng nghiệp thận trọng hơn, ông đã đồng ý biến trận chiến cho Phước Long thành một trường hợp thử nghiệm cho những niềm tin của mình. Nếu người Mỹ không can thiệp để cố gắng cứu tỉnh, ông lập luận, thì có thể giả định rằng ông đã đúng về sự do dự của họ trong việc bảo vệ Sài Gòn. Nếu họ làm vậy, vẫn còn thời gian để rút lui khỏi bờ vực.

Đến cuối tháng 12, ba thị trấn huyện

ở Phước Long đã rơi vào tay cộng sản ; tất cả các con đường đến thủ phủ tỉnh, Phước Bình, đã bị cắt ; sân bay của nó bị bao vây bởi súng cối và pháo binh của kẻ thù, và hơn 8.000 quân đội chính quy BV đã đến để chiến đấu với 3.000 người bảo vệ của nó, hầu hết trong số họ là dân quân chưa được huấn luyện đầy đủ.

Vào ngày đầu năm mới, lực lượng cộng sản đã mở cuộc tấn công, bắn 300 phát pháo và tên lửa vào thành phố và chiếm một vị trí đỉnh đồi chiến lược nhìn ra các vùng ngoại ô phía đông nam của nó. Từ khoảnh khắc đó trở đi, Phước Bình đã thuộc về họ, vì đỉnh đồi đã cho họ một khu vực bắn rõ ràng vào các vị trí chính của chính phủ.

Ba ngày sau, khi những cuộc tấn công mặt đất đầu tiên của BV đổ bộ vào thành phố, Thiệu đã ra lệnh cho Bộ

Ngoại giao chuẩn bị một tuyên bố công khai nhượng toàn bộ tỉnh Phước Long cho kẻ thù. Nhưng vài giờ sau, ông đã thay đổi quyết định và điều động 200 lính biệt kích đến tăng cường cho Phước Bình. Theo một đặc vụ CIA trong nội các của ông, ông hy vọng mua thêm thời gian để Quốc hội "xem xét lại" lệnh cấm các hoạt động chiến đấu của Mỹ ở Việt Nam. Đối với ông, cũng như đối với những người cộng sản, trận chiến đã trở thành một bài kiểm tra phản xạ của người Mỹ.

Trong khi đó, thành phố tiếp tục chết trong nỗi đau đớn của nó. Trước sự pháo kích dữ dội, nhiều cư dân trong số 26.000 người và ngày càng nhiều lính dân quân lặng lẽ rút lui vào bụi rậm, chỉ để lại lính biệt kích và một số quân chính quy giữ vững phòng tuyến. Không quân được gọi đến để hỗ trợ họ, nhưng hỏa

lực pháo phòng không của BV giữ máy bay ở độ cao 10.000 feet hoặc cao hơn, quá cao để có thể nhắm mục tiêu hiệu quả, và các phi công sợ hãi liên tục thả bom vào các vị trí của quân "thân".

Đến ngày 6 tháng 1, các phòng thủ bên ngoài của thành phố đã bị phá vỡ và những người bảo vệ chỉ còn lại một nhóm nhỏ các chiến binh mất tinh thần. Trong buổi sáng, Thiệu đã gặp gỡ các cố vấn quân sự hàng đầu của mình để xem xét việc gửi thêm quân tiếp viện, nhưng cuối cùng đã quyết định không làm như vậy. Vì Hoa Kỳ vẫn chưa có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy sẽ đến cứu viện, việc phô trương sức mạnh thêm nữa là vô nghĩa. Phước Bình có lẽ cũng nên bị bỏ rơi. Ngày hôm sau, lực lượng BV đã cắm cờ của họ tại chợ thành phố.

Về mặt quân sự, Phước Bình luôn có

giá trị biên giới, như một hòn đảo trong lòng vùng lãnh thổ đang tranh chấp gay gắt, nhưng về mặt tâm lý, việc mất đi nơi này là một cú sốc lớn đối với chính phủ. Kể từ khi thành phố Quảng Trị đầu hàng trong các giai đoạn đầu của cuộc tấn công năm 1972, chưa bao giờ một tỉnh lỵ lại bị giao cho kẻ thù (và ngay cả lúc đó Quảng Trị cũng đã được tái chiếm). Cũng chưa bao giờ Hoa Kỳ có vẻ thụ động như vậy.

Khi tin xấu lan truyền khắp thủ đô, lực lượng chính phủ lại chịu một thất bại nữa, lần này ở Tây Ninh. Sau năm ngày không có thức ăn hoặc nước uống, một đồn quân gồm tám mươi lính VNCH đã từ bỏ vị trí bị bao vây của họ trên đỉnh Núi Bà Đen phía bắc thành phố. Sự mất mát không chỉ loại bỏ một trạm quan sát quan trọng ở các sườn thành phố, mà còn khiến dân cư địa phương cảm thấy

vô cùng lo lắng, vì ngọn núi đã từ lâu có giá trị thiêng liêng đối với giáo phái tôn giáo Cao Đài đa dạng, vốn có trụ sở tại Tây Ninh. Nhiều cư dân của thành phố sớm bắt đầu thu dọn đồ đạc và rời bỏ đến Sài Gòn.

Nhiều chiến thắng của cộng sản ở miền Bắc Quân khu 3 đã làm nghiêng cán cân chính trị ở Hà Nội về phía leo thang, vì thực tế chúng xác nhận rằng Hoa Kỳ sẽ không can thiệp để ngăn chặn một thất bại lớn cho đồng minh của mình. Các con diều hâu trong Bộ Chính trị không mất thời gian để tận dụng lợi thế từ tiết lộ này. Vào ngày 8 tháng 1, ngày sau khi chiếm được Phước Long, Lê Duẩn đã đứng trước các đồng nghiệp của mình để thúc giục một chiến lược quân sự táo bạo hơn và khuyến khích họ chính thức và chính thức thông qua một

kế hoạch hai năm để giành chiến thắng - "các cuộc tấn công rộng rãi vào năm 1975, để tạo điều kiện cho một cuộc nổi dậy tổng thể vào năm 1976 để giải phóng toàn bộ miền Nam Việt Nam". Ông cũng đề nghị rằng một điều khoản linh hoạt được viết vào kế hoạch của họ. «Nếu có cơ hội xuất hiện sớm hay muộn trong năm 1975,» ông nói, «Nam Việt Nam nên được giải phóng trong năm nay,»

Vì sự rộng lớn của các đề xuất của ông, những người ôn hòa đã giữ vững lập trường của họ cho đến phút cuối cùng. Chỉ bằng cách hứa sẽ để mắt đến sự can thiệp của Mỹ, Lê Duẩn cuối cùng mới có thể thuyết phục họ. Ông cũng đảm bảo với họ rằng sẽ không có động thái nào được thực hiện hướng tới một "cuộc tổng tấn công" tốn kém hoặc cam kết sử dụng tất cả các lực lượng dự trữ

của quân đội trừ khi chiến thắng hoàn toàn rõ ràng nằm trong tầm tay, và hứa sẽ để ngỏ con đường cho các cuộc đàm phán, ít nhất là với Hoa Kỳ. Vì người Mỹ đã không can thiệp để cứu Phước Long, có lẽ họ thực sự đã chuẩn bị, ông ta suy luận, để mặc cả Thiệu ra khỏi sự tồn tại, hoặc buộc ông ta phải thỏa hiệp về các vấn đề then chốt. Các cuộc đàm phán với mục đích đó sẽ hoàn toàn chấp nhận được.

Để giúp thuyết phục những người phản đối, Lê Duẩn đã chuẩn bị một bài xã luận đặc biệt cho số tháng Giêng của tạp chí đảng. Bài viết đã trình bày một cách ngắn gọn và rõ ràng logic đằng sau quan điểm của ông và kế hoạch hiện tại của Hà Nội, và nếu chúng tôi có thể tiếp cận ngay lập tức với nó ở Sài Gòn, có lẽ chúng tôi đã ở trong một vị trí tốt hơn

để dự đoán những gì sắp xảy ra. Nhưng do một sự cố trong bưu điện quốc tế, bản sao của tạp chí đảng từ Đại sứ quán không đến nơi cho đến đầu tháng Ba. Đến lúc đó thì đã quá muộn.

Ngoài các lập luận của Lê Duẩn, những người diều hâu trong Bộ Chính trị đã đến các cuộc thảo luận quan trọng vào tháng Giêng với một vũ khí khác - sự ủng hộ của một đảng mà thái độ của họ có thể quyết định thành công hay thất bại. Lần đầu tiên kể từ khi ngừng bắn, đồng minh quan trọng nhất của Hà Nội, Liên Xô, dường như sẵn sàng ủng hộ một chính sách quyết liệt hơn ở miền Nam.

Cuối tháng 12, ngay trước khi xảy ra cuộc tấn công vào Phước Long, Tướng Viktor Kulikov, tư lệnh lực lượng vũ trang Liên Xô, đã bay đến Hà Nội để tham gia vào các cuộc thảo luận của Bộ

Chính trị. Polgar và tôi lập tức báo động cho trụ sở CIA. Mặc dù chúng tôi không có cách nào biết Kulikov muốn thảo luận điều gì với chủ nhà, nhưng có vẻ quan trọng đối với chúng tôi (như tôi đã chỉ ra trong bức điện tín của mình) rằng lần cuối cùng một sĩ quan quân đội Liên Xô cấp cao như vậy đến thăm Bắc Việt là vào mùa thu năm 1971, ngay trước khi họ phát động cuộc tấn công lớn cuối cùng. Không cần phải nói, Polgar cảm thấy có nghĩa vụ phải nhắc nhở Washington rằng điều đó có thể xảy ra lần nữa.

Nhưng các nhà phân tích quá thận trọng tại CIA và Bộ Ngoại giao không bị thuyết phục và khẳng định với chúng tôi rằng chuyến thăm của Kulikov chỉ là một hoạt động thường lệ. nếu bất kỳ ai trong chúng tôi biết rằng Bộ Chính trị đang họp, điểm đó có thể tranh cãi, nhưng vì

không ai trong chúng tôi có ý niệm về điều này, Polgar đã bỏ qua vấn đề.

Chỉ sau này mới rõ ràng rằng mối lo ngại của chúng tôi về Kulikov là hoàn toàn chính đáng. Trong những tuần sau chuyến thăm của tướng, các chuyến hàng hải vận chuyển vật liệu chiến tranh của Liên Xô đến Bắc Việt đã tăng gấp bốn lần về khối lượng, khi Moskva đã cung cấp đầy đủ viện trợ và hỗ trợ cho Hà Nội trong cuộc tấn công cuối cùng của họ.

Việc Liên Xô tiếp tục ủng hộ "cuộc cách mạng" không có gì đáng ngạc nhiên. Mặc dù hội nghị thượng đỉnh tháng 11 ở Vladivostok diễn ra trong bầu không khí thân thiện, quan hệ giữa hai cường quốc gần đây đã xấu đi. Yếu tố gây khó chịu chính là mối quan ngại ngày càng tăng

ở Hoa Kỳ về việc đối xử tệ bạc với người Do Thái ở Liên Xô - và nỗ lực quyết liệt của Quốc hội để trừng phạt Moskva vì điều đó. Người đứng đầu vấn đề này là Thượng nghị sĩ Henry Jackson, một ứng cử viên tổng thống, lâu năm là người theo chủ nghĩa diều hâu và là người chỉ trích Kissinger suốt đời. Trong nhiều tháng, ông đã kêu gọi Chính quyền làm điều gì đó để buộc Moscow nới lỏng các hạn chế đối với việc di cư của người Do Thái ở Liên Xô. Ông và các nghị sĩ đồng cảm khác cuối cùng đã tìm thấy một diễn đàn cho quan điểm của họ trong bản dự thảo của một dự luật thương mại quan trọng được Kissinger và các đại diện Liên Xô soạn thảo hai năm rưỡi trước đó.

Vào cuối mùa thu, Jackson và những người ủng hộ ông đã soạn thảo một sửa đổi cho dự luật, làm cho việc gia hạn các

lợi ích của nó phụ thuộc vào việc nới lỏng các quy tắc di cư của Liên Xô. Moscow đã phản đối và Kissinger cảnh báo Quốc hội rằng sự can thiệp như vậy vào quyền lợi quốc gia của Liên Xô có thể phản tác dụng. Nhưng đến giữa tháng Mười Hai, rõ ràng là Quốc hội sẽ không bị ngăn cản. Dự luật đã được thông qua với điều chỉnh gây tranh cãi được bao gồm, và Ford đã ký thành luật vào ngày 3 tháng Giêng.

Phản ứng của Liên Xô nhanh chóng và dễ đoán. Từ chối thẳng thừng thỏa thuận, họ phản đối rằng việc liên kết các vấn đề thương mại và di cư vi phạm các thỏa thuận ban đầu của họ với Kissinger. Tass, cơ quan báo chí của Liên Xô, đã cảnh báo về "trả đũa" không xác định, và khoảng một tuần sau đó, Đại sứ Liên Xô tại Washington đã được triệu hồi về

nước để "tham vấn." Trong khi đó, Kulikov đã được gửi đến Hà Nội và viện trợ quân sự của Liên Xô cho Bắc Việt đang gia tăng.

Quyết định của Moscow để bày tỏ sự không hài lòng với điều chỉnh Jackson thông qua Việt Nam là điều gần như không thể tránh khỏi. Vào mùa thu năm 1972, như một phần trong nỗ lực tuyệt vọng và phút chót của ông để tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam, Kissinger đã khiến các nhà lãnh đạo Liên Xô tin rằng họ có thể mong đợi được hưởng quy chế "quốc gia được ưu đãi nhất" trong thương mại từ Hoa Kỳ nếu họ giúp thúc đẩy một thỏa thuận. Người Liên Xô đã mắc câu và đã thúc giục người Bắc Việt Nam từ bỏ yêu cầu loại bỏ Thiệu như một điều kiện tiên quyết để đạt được giải pháp. Vào tháng Chín - tại cùng một cuộc họp ở Moscow

nơi Brezhnev đã thông báo rằng Hà Nội sẵn sàng đàm phán, Kissinger đã đề nghị với Liên Xô một thỏa thuận qua lại, một danh sách các nhượng bộ thương mại. Những điều này sau đó đã được chuyển thành thỏa thuận thương mại.

Ngay từ đầu, hòa bình Việt Nam và vấn đề thương mại đã được liên kết ngầm với nhau, mặc dù cả Kissinger và Liên Xô đều không bao giờ thừa nhận điều này công khai. Khi Quốc hội đính kèm điều khoản di cư vào dự luật thương mại vào mùa đông năm 1974, họ đã gây ra nhiều rắc rối hơn họ nhận ra, và từ thời điểm đó, Liên Xô có lý do để phàn nàn rằng các thỏa thuận ban đầu của họ với Kissinger đã bị phá vỡ. Vì ông ta đã không thực hiện được trong lĩnh vực thương mại, họ có phải tiếp tục ủng hộ hòa bình ở Việt Nam không ? Rõ ràng là họ không

nghĩ như vậy. Vài tháng sau khi Sài Gòn sụp đổ, Washington đã biết rằng Liên Xô thực sự đã tích cực khuyến khích Bắc Việt trong cuộc tấn công cuối cùng của họ, khuyên họ rằng vì Quốc hội hiện nay khó có khả năng cấp thêm viện trợ kinh tế hoặc quân sự nào cho Sài Gòn, cơ hội giành được những thắng lợi quyết định của họ là tốt hơn bao giờ hết.

Vào ngày 9 tháng 1, Tướng Giáp và các chỉ huy quân sự hàng đầu của Hà Nội đã gặp nhau để thảo luận về các mục tiêu mới mà Bộ Chính trị đã đặt ra cho họ. Trong phiên họp, Lê Đức Thọ đã ghé qua để nhấn mạnh tầm quan trọng của một trong số đó - việc chiếm giữ Buôn Ma Thuột, một chiến dịch mà Giáp và các đồng nghiệp của ông đã đặt tên mã là "Chiến dịch 275."

Vài ngày sau, Bộ Chính trị đã thực

hiện một điều chỉnh cuối cùng trong kế hoạch chiến thuật cho nó. Vì tính chất quan trọng và nhạy cảm của "Chiến dịch 275," Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã khăng khăng rằng một trong số họ phải được giao trực tiếp phụ trách. Tướng Giáp, già yếu và bị tàn phá bởi bệnh Parkinson, rõ ràng không đủ sức đảm đương nhiệm vụ này. Ứng cử viên hợp lý tiếp theo là người đã điều hành Bộ Quốc phòng trong bốn năm qua, Tướng Văn Tiến Dũng.

Gương mặt thô lỗ, vuông vức, Dũng năm mươi tám tuổi là thành viên trẻ nhất của Bộ Chính trị và là người duy nhất có thể chân thành tuyên bố mình là "công nhân", khi đã từ xuất thân nông dân khiêm tốn ở tỉnh Hà Tây vươn lên trở thành tổ trưởng của một nhà máy dệt Pháp ở Hà Nội vào giữa những năm 1930. Ở đâu đó giữa Hà Tây và Hà Nội,

ông đã gia nhập đảng Cộng sản Đông Dương, và như những thành viên khác có uy tín, ông đã bị Pháp giam giữ trong cuộc đàn áp chống Cộng sản của họ vào năm 1939. Sau một cuộc vượt ngục táo bạo bốn năm sau đó, ông chia thời gian giữa các mặt trận và các trại huấn luyện cách mạng ở Liên Xô và đã tích lũy đủ kinh nghiệm quân sự thực tiễn để đủ điều kiện cho một vị trí ủy viên chính trị hàng đầu trong quân đội mới thành lập của Việt Minh. Năm 1950, sau một vài trận chiến nữa và một lần thăng chức khác, lần này lên cấp bậc thiếu tướng, ông đã chỉ huy một trong những sư đoàn đầu tiên được tổ chức bởi Việt Minh, Sư đoàn 320. Đó là một trong ba đơn vị mà ông sẽ dẫn dắt vào trận chiến tại Buôn Ma Thuột vào mùa xuân năm 1975.

Trong suốt những giai đoạn đầu của

sự nghiệp, Dũng luôn làm việc trong cái bóng của người bảo trợ nổi bật hơn, Tướng Giáp. Mặc dù Giáp đã nhận công lao cho chiến thắng của Việt Minh tại Điện Biên Phủ vào năm 1954, nhưng chính Dũng, với vai trò là tham mưu trưởng quân đội, mới là người thực sự tổ chức mọi việc, huy động vật tư và nguồn lực cho cuộc bao vây kéo dài một tháng đã khiến đồn Pháp phải quỳ gối. Và trong khi Giáp và đồng nghiệp trong Bộ Chính trị Trường Chinh bận rộn trong vài năm tiếp theo viết các tài liệu lý thuyết về du kích chiến thuật và "chiến tranh nhân dân," Dũng dành thời gian ở Sài Gòn với tư cách là thành viên phái đoàn Bắc Việt tham dự Ủy ban Kiểm soát Quốc tế đầu tiên, nghiên cứu trực tiếp kẻ thù, tìm kiếm những cách thực tế để đánh bại chúng.

Khi ông trở lại Hà Nội vào cuối những năm 1950, ông đã có một công thức cơ bản trong đầu : một cuộc chiến tranh du kích kiểu leo thang do các lực lượng chính quy tiến hành - và chính dựa trên các khuyến nghị của ông cùng với những người của Giáp và Lê Duẩn mà Bộ Chính trị đã bắt đầu xây dựng chiến lược dài hạn cho chiến thắng.

Trong các hội nghị đảng quan trọng năm 1959 và 1960, tại đó chiến lược và các mục tiêu cơ bản được thiết lập, Dũng được trao thêm một ngôi sao và được bầu vào Bộ Chính trị với tư cách là một thành viên "dự bị". Hồ Chí Minh đã đặc biệt quý mến ông, một phần vì họ có nguồn gốc nông dân chung, và ông đã nỗ lực để đảm bảo sự thăng tiến của vị tướng. Đồng cũng đã thu lợi từ một cuộc tranh cãi giữa Giáp và một sĩ quan đối thủ về

câu hỏi dường như tầm thường rằng liệu tính chuyên nghiệp hay địa vị đảng phái nên được ưu tiên hàng đầu như một vé thăng tiến trong quân đội. Giáp ủng hộ tính chuyên nghiệp và Dũng cũng vậy, và khi Giáp cuối cùng thắng thế, ông đã hào phóng thưởng cho những người đã đứng về phía ông.

Dũng đền đáp Giáp bằng lòng trung thành tuyệt đối, gánh vác những nhiệm vụ khó khăn nhất của quân đội và trở thành mục tiêu chỉ trích của giới chỉ huy cấp cao. Khi Giáp và các đồng nghiệp của ông mắc phải sai lầm nghiêm trọng nhất trong cuộc chiến, quyết định vào năm 1964 tăng cường lực lượng ở miền Nam và gửi các sư đoàn Bắc Việt vào với lý thuyết rằng Hoa Kỳ sẽ không trả đũa, chính Dũng đã đưa ra một lời biện minh công khai, viết trong tạp chí lý luận của

đảng rằng Bộ Chính trị đã biết từ lâu rằng người Mỹ sẽ sử dụng B-52 chống lại "tổ quốc." Sau đó, qua những năm tháng Mỹ can thiệp mạnh mẽ và các cuộc phản công lớn của BV, ông tiếp tục làm những gì ông luôn làm tốt nhất, hoạt động như là tổng tư lệnh thực tế của Hà Nội, lên kế hoạch và điều hành các chiến dịch trên chiến trường trong khi Giáp nhận hết vinh quang.

Cuối cùng ông đã nhận được phần thưởng xứng đáng. Khoảng sáu tháng sau khi cuộc tấn công năm 1972 kết thúc, Dũng được đưa lên làm thành viên chính thức của Bộ Chính trị, cùng với giám đốc cảnh sát mật Hà Nội, Trần Quốc Hoàn.

Xét thấy sự táo bạo và kinh nghiệm của Dũng, do đó thật hợp lý khi Bộ Chính trị giờ đây nên quay sang ông trong ván cược lớn cuối cùng của cuộc chiến. Ông

là một vị tướng của những người lính, giống như một Ulysses S. Grant của Bắc Việt, thực tế và không bị ràng buộc bởi giáo điều, và nếu công việc có thể hoàn thành, ông sẽ làm nó, nhanh chóng và hiệu quả nhất có thể, với tất cả sự chú ý đến mong muốn của các bậc tiền bối trong Bộ Chính trị.

Như Dũng ghi trong hồi ký của mình, ông rất "vui mừng" với nhiệm vụ mới của mình. Ngay sau khi được thông báo về điều đó, ông đã nói với người bạn cũ, Tướng Trần Văn Trà, chỉ huy khu vực Sài Gòn và đồng bằng, "Tôi sẽ chiến đấu ở vùng cao nguyên đến mùa mưa [vào tháng Sáu] ; sau đó tôi sẽ đến Nam Bộ [khu vực xung quanh Sài Gòn] để chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô 1975-76." Sự lạc quan của Dũng có phần sai lầm. Thực ra, anh ấy sẽ gia nhập cùng Trà ở Nam

Bộ trong vòng ba tháng.

Đến cuối tuần đầu tiên của tháng Giêng, Bắc Việt đã bắt đầu một chiến lược leo thang và ứng biến mà mục tiêu cuối cùng và tiềm năng của nó ngay cả họ cũng không thể dự đoán được. Hơn nữa, bất kỳ sự tương đồng nào giữa kế hoạch thực tế của họ và những gì các nhà phân tích tình báo Mỹ (hoặc Nam Việt Nam) mong đợi ở họ chủ yếu là ngẫu nhiên. Trong khi Polgar và nhân viên DAO tiếp tục cảnh báo về Ngày Tận Thế, chính Bắc Việt Nam lại bận rộn tinh chỉnh các mục tiêu của họ và chuẩn bị cho loại chiến dịch quân sự hạn chế mà tôi đã dự đoán trong nhiều tuần, mặc dù dựa trên thông tin tình báo đã lỗi thời (Nghị quyết năm 1975 - điểm mấu chốt của phân tích của tôi - thực sự đã bị các quyết định mới nhất của Bộ Chính trị thay thế, về điều

mà chúng tôi vẫn chưa biết gì). Mặc dù Polgar cuối cùng sẽ có được ngày tận thế của mình, nhưng những thay đổi trong chiến lược của Bắc Việt Nam dẫn đến điều đó vẫn còn vài tuần và vài chiến thắng nữa.

10. Ngàn Vết Chém

Khi quân Bắc Việt phát động chiến dịch mùa khô, các nhà cộng sản Khmer cũng làm điều tương tự ở Campuchia. Đã chặn tất cả các con đường đến Phnom Penh, họ ngay lập tức tiến hành cắt đứt liên kết đường bộ duy nhất khác của thành phố với thế giới bên ngoài - sông Mekong chảy đến biên giới Việt Nam. Các quả mìn nước mà người Trung Quốc gần đây đã cung cấp cho họ đã sớm hoàn thành công việc.

Trong khi đó, lực lượng KC phía

bắc Phnom Penh đã điều động súng cối và pháo đến gần sân bay Pochentong để ngăn chặn cuộc không vận của Mỹ. Trong chín tuần đầu tiên của cuộc ném bom, hơn 1.000 tên lửa và đạn pháo đã rơi xuống thành phố, giết chết 150 người và làm bị thương gấp sáu lần số đó.

Vào ngày 7 tháng 1, Kissinger đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của nhóm quản lý khủng hoảng của ông, Nhóm Hành động Đặc biệt Washington (WSAG), để xem xét các cách dập tắt các cuộc xung đột ở Đông Dương. Giám đốc CIA Colby đã mở đầu cuộc họp về Việt Nam với một dự đoán mơ hồ. Trong khi lưu ý rằng việc gia tăng chiến đấu có khả năng xảy ra trong "sáu tháng tới," ông đã nhắc nhở các thính giả rằng ước tính tình báo quốc gia mới nhất đã loại trừ

khả năng "tấn công tổng lực trong năm nay."

Một giải pháp khả thi cho cuộc khủng hoảng Campuchia đã bị bác bỏ ngay từ đầu cuộc họp. Mặc dù người Pháp gần đây đã hồi sinh đề xuất trả Sihanouk về, và các cuộc đàm phán giữa ông ta và Hoa Kỳ, Kissinger vẫn phản đối điều đó, vì lo ngại về việc bảo tồn danh tiếng của Hoa Kỳ như một đồng minh kiên định của Lon Nol. Như một giải pháp yếu ớt, WSAG quyết định rằng một chút dọa nạt là cần thiết, chỉ để nhắc nhở các nhà lãnh đạo Khmer Đỏ và người Bắc Việt rằng quân đội Mỹ vẫn là một lực lượng đáng gờm. Tin tức đã bị rò rỉ ra báo chí rằng một số tàu chiến vừa rời Vịnh Subic ở Philippines sẽ đi qua Bắc Việt để thể hiện mối quan ngại của Washington về việc vi phạm "ngừng bắn" của các lực

lượng cộng sản. Thật không may, trong tất cả sự ồn ào, không ai nghĩ đến việc báo cho Hải quân biết, và trước khi các lệnh có thể được sửa đổi, hạm đội liên quan đã cập bến tại Eo biển Malacca mà không hề có một chút nào hướng về Việt Nam. Kissinger đã rất tức giận, đổ lỗi cho Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger về sự sơ suất.

Ngày hôm sau, Chính quyền đã khởi động một giai đoạn khác của chiến lược Đông Dương, thông báo rằng họ sẽ yêu cầu Quốc hội viện trợ quân sự bổ sung cho các khách hàng Đông Dương của chúng ta để giúp họ vượt qua đến cuối năm tài chính vào tháng Sáu - 300 triệu đô la cho Việt Nam và hơn 200 triệu đô la cho Campuchia.

Từ khoảnh khắc các đề xuất được đưa ra, rõ ràng là chúng sẽ gặp khó khăn.

Quốc hội mới được bầu ra trẻ trung và có tư tưởng cải cách, và hầu như không phải là bạn của các chế độ độc tài ở Đông Dương. Lạm phát và thất nghiệp ở Hoa Kỳ, hơn nữa, đang ở mức cao ngất ngưởng và ý tưởng rút tiền thuế để nuôi các cuộc xung đột xa xôi mà lẽ ra đã kết thúc dường như gần như buồn cười đối với nhiều nghị sĩ và bình luận viên tin tức.

Chính quyền cũng phải đối mặt với phản ứng dữ dội từ vụ Watergate. Sau khi lật đổ một Tổng thống, Quốc hội giờ đây quyết tâm khẳng định mình trong việc tạo ra chính sách đối ngoại và nội địa. Cuộc tấn công của Thượng nghị sĩ Jackson vào dự luật thương mại với Liên Xô là một triệu chứng của xu hướng này. Một ví dụ khác đã được cung cấp bởi cuộc khủng hoảng gần đây ở Cyprus.

Khi lực lượng Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược hòn đảo vào mùa hè trước đó để đối phó với cuộc nổi dậy của người Hy Lạp-Cypriot, nhiều người trong Quốc hội và Nhánh Hành pháp đã kêu gọi phản đối, đặc biệt là vì việc sử dụng vũ khí Mỹ trong chiến dịch này rõ ràng vi phạm luật viện trợ của Mỹ. Giờ đây, Quốc hội quyết tâm làm cho những phàn nàn của mình có hiệu lực bằng cách cắt đứt tất cả viện trợ quân sự cho Thổ Nhĩ Kỳ. Động thái này, dù có lý do chính đáng, đã có những tác động tồi tệ đối với toàn bộ các chính sách của Chính quyền, bao gồm cả cách tiếp cận của Kissinger đối với các vấn đề ở Đông Dương. Nếu Quốc hội sẵn sàng cắt giảm ngân sách cho một đồng minh NATO như Thổ Nhĩ Kỳ, thì làm thế nào ông có thể biện minh cho việc tiếp tục hỗ trợ Campuchia và Nam Việt Nam, nơi vị trí của họ trong bức tranh an ninh của Mỹ

luôn bị nghi ngờ nhiều hơn ?

Cũng có một lực lượng khác đang hoạt động trong Quốc hội - cũng là di sản của vụ Watergate có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc tranh luận về viện trợ. Hơn một năm trước, chính Kissinger đã gần như không thể chạm tới trong vinh quang và những thành tựu của mình. Bây giờ ông trở thành đối tượng của một sự thù ghét ngày càng tăng trong Quốc hội mà vượt qua mọi giới hạn hợp lý. Phong cách và cách tiếp cận ngoại giao của ông - sự bí mật kéo dài, xu hướng đạt được các thỏa thuận hành pháp một cách bí mật - dường như đối với nhiều nhà lập pháp quá giống với những gì đã sai lầm ở Nixon. Rồi thì, ông cũng là thành trì cuối cùng chống lại việc tái khẳng định quyền lợi của họ trong lĩnh vực chính sách đối ngoại. Nếu ông ta có thể bị

vượt mặt, Quốc hội sẽ mạnh mẽ hơn rất nhiều. Giống như thỏa thuận thương mại với Liên Xô và vụ việc ở Síp, cuộc tranh luận về viện trợ Đông Dương do đó trở thành một chiến trường triết học và chính trị, một cuộc thi giữa Kissinger và Nhánh Lập pháp về vai trò đúng đắn của họ trong việc thực hiện các công việc đối ngoại.

Đối với chính Kissinger, cuộc tranh luận về viện trợ cũng đại diện cho một thử thách cho điều mà ông coi là thiết yếu đối với an ninh của Mỹ - sự kiên cường của hình ảnh Mỹ trên toàn thế giới như một người bảo vệ bạn bè trong lúc cần thiết. Duy trì hình ảnh này luôn là một thành phần trung tâm trong công thức ngoại giao quốc tế của ông, nhưng gần đây nó đã mang một ý nghĩa mới

và đặc biệt. Đến tháng Giêng năm 1975, sau nhiều tuần làm việc cẩn thận, cuộc tìm kiếm một giải pháp cho Trung Đông của ông dường như đã đạt đến một bước ngoặt, và bây giờ, có lẽ chưa bao giờ như trước đây, yếu tố quyết định trong đó là độ tin cậy của sự hỗ trợ của Hoa Kỳ đối với Israel. Chính điều này sẽ quyết định mức độ mà cả người Israel và người Ả Rập sẽ đi xa đến đâu để đạt được sự hòa giải. Hiện tại, Israel đang kháng cự các đề xuất rút lui khỏi sa mạc Sinai do không chắc chắn về mức độ ủng hộ của chúng tôi đối với vị trí đàm phán mới nhất của họ, và người Syria cũng như người Ai Cập đang giữ lại các nhượng bộ quan trọng của họ vì lý do tương tự. Xem xét những nhạy cảm của mỗi bên, Kissinger và nhân viên của ông cảm thấy rằng sẽ rất "bất ổn" nếu vào thời điểm ông đang cố gắng thúc đẩy Israel hướng

tới thỏa hiệp, Quốc hội lại quay lưng với những người bạn đang cần giúp đỡ ở Đông Dương.

Đại sứ Martin biết và đánh giá cao những lý do địa chính trị đứng sau chiến dịch viện trợ mới, nhưng ông cũng ủng hộ một khoản bổ sung ngân sách vì lợi ích mà ông cảm thấy nó có thể mang lại cho chính người dân miền Nam Việt Nam. Ông đã từ lâu tin rằng mức độ viện trợ cao là rất quan trọng về mặt tâm lý đối với họ như một biện pháp tăng cường tinh thần, và đã nhiều lần nhấn mạnh điểm này với các nhà báo và các nghị sĩ Quốc hội. Nếu ông không thành công trong việc thu phục nhiều người trong số họ, ông rõ ràng đã làm tốt hơn với các nhà lãnh đạo của cả Bắc và Nam Việt Nam, hầu hết trong số họ giờ đây coi đó như một điều hiển nhiên rằng tinh thần của

quân đội Sài Gòn sẽ sụp đổ nếu không có một cử chỉ hỗ trợ mới từ Mỹ.

Nhưng cuộc thập tự chinh của Martin không chỉ đơn thuần là cứu rỗi Sài Gòn, vì ông cũng đã bắt đầu xem cuộc tranh luận về viện trợ như một vòng đấu khác trong cuộc đấu tranh không ngừng của ông chống lại "âm mưu lớn bên ngoài," sự hỗn loạn của những "trí thức bị tách biệt" ở vùng sâu vùng xa của chính trị Mỹ mà ông cho rằng đang làm tuyên truyền cho Hà Nội. Đến lúc này, hệ thống ma quỷ của ông đã trở nên khá rõ ràng - Tom Hayden, Jane Fonda, Fred Branfman và Don Luce của Trung tâm Tài nguyên Đông Dương phi lợi nhuận là những cái tên ông thường nhắc đến nhất - và khi ông chuẩn bị cho những gì thực sự sẽ là trận chiến cuối cùng của ông vì Sài Gòn, ông quyết tâm biến họ,

cũng như viện trợ bổ sung, thành vấn đề.

Đó không phải là một quyết định tùy tiện, nhưng thực tế, nó đã bị ép buộc lên ông. Giữa tháng 12, ngay khi Bắc Việt đang chuẩn bị phát động chiến dịch mùa khô của họ, một nhóm các nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng của Mỹ đã phát hành một bức thư "mục vụ" về Việt Nam đến các cộng đồng tôn giáo khác nhau trên khắp Hoa Kỳ. Dựa trên thông tin do Trung tâm Tài nguyên Đông Dương cung cấp, họ đã chọn cách giải thích việc tiếp tục đổ máu ở Việt Nam chủ yếu là trách nhiệm của Mỹ. "Hòa bình không có, chiến tranh vẫn tiếp diễn," họ viết. "Quỹ tiền và uy tín của Mỹ hỗ trợ một chế độ độc tài ở Nam Việt Nam bắt giữ và tra tấn những người bất đồng chính kiến." Tại sao lại như vậy ? Khi chúng ta tiến gần đến kỷ niệm ngày ký kết các hiệp

định hòa bình Paris, sự thật khó chịu mà chúng ta chọn lờ đi là chúng ta đã không tôn trọng các hiệp định mà chúng ta đã hứa sẽ tôn trọng. Khẩu hiệu của chúng ta là 'hòa bình với danh dự.' Thực tế của chúng ta là 'không có danh dự, do đó không có hòa bình.' Đây là sự ghê tởm của chúng ta. Đây là lý do tại sao cuộc chiến vẫn tiếp diễn.

Giọng điệu và nội dung của bức thư khiến Martin cảm thấy bị xúc phạm đến mức ông cảm thấy có bổn phận phải phản hồi, đặc biệt là khi Bộ Ngoại giao dường như không muốn làm vậy. Trong một bức điện gửi đến Washington vào ngày Giáng sinh, trong đó ông đính kèm một bản sao của bức thư, ông đã triệu tập các đồng nghiệp của mình lên thành lũy : "Có lẽ đây là một sự xúc phạm đến tất cả những gì ngày này nên mang lại

khi bức thư này được nhận tại Bộ vào ngày Giáng sinh." Tuy nhiên, để mượn một từ từ văn bản của nó, đây là một 'sự ghê tởm' đến mức chúng tôi tin rằng không nên lãng phí thời gian trong việc xem xét cẩn thận bản chất và mức độ trách nhiệm của Bộ trong việc phản hồi.

" [Bức điện này] được gửi đi với hy vọng ngày càng mờ mịt rằng Bộ sẽ chia sẻ niềm tin sâu sắc của chúng tôi... rằng những sự xuyên tạc thô bạo đến mức gần như giống như biếm họa không nên để không có hành động sửa chữa... và việc không [phản hồi] trở thành một đóng góp tích cực mặc dù ngấm ngầm cho một chiến dịch được dàn dựng khéo léo nhằm lừa dối người dân Mỹ, một chiến dịch mà 'thư mục vụ' này chỉ là một phần."

Chúng tôi hoàn toàn đồng cảm với

sự ghê tởm rõ ràng của Bộ về việc bị bôi nhọ bởi những cuộc tấn công mà chắc chắn sẽ được thực hiện đối với bất kỳ ai dám nhận xét rằng tuyên bố của nhóm liên tôn là một mớ bùng nhùng từ đầu đến cuối... Mặc dù chúng tôi đồng cảm với sự không thích, nhưng chúng tôi không thể đồng tình với những lý do biện minh cho phép Bộ tránh né trách nhiệm đạo đức của mình trong việc cung cấp sự thật toàn diện cho người dân Mỹ. Những kỷ niệm về Pontius Pilate rửa tay vẫn còn quá mới mẻ trong tâm trí chúng ta mùa Giáng sinh này.

Với điều đó, Martin đã nắm lấy sáng kiến, thúc giục các đồng nghiệp tham gia vào một cuộc đối đầu cuối cùng chống lại âm mưu "ở ngoài kia," với các đề xuất viện trợ như cả lý do và vũ khí của họ. Ông thực sự thất vọng trước sự do dự của

Bộ Ngoại giao. "Tôi lúc đó đã tin chắc," ông nói với tôi hơn một năm sau đó, "rằng Việt Nam đã xong, rằng tôi không thể làm gì hơn ngoài việc tiến hành một hành động giữ chân"—nhưng ông không hề ngần ngại khi gánh vác gánh nặng đó.

Xét về bầu không khí, sẽ là điều kỳ diệu nếu cuộc tranh luận về các đề xuất viện trợ bổ sung vẫn giữ được sự bình tĩnh và không thiên vị. Nó đã không như vậy. Trên và xuống Đại lộ Pennsylvania, và từ Washington đến Sài Gòn, cơn giận bùng lên, cái tôi bị chạm đến và, như thường lệ, sự thật và sự thẳng thắn là những nạn nhân đầu tiên.

Chính quyền có lẽ là kẻ vi phạm tồi tệ nhất, một cách mỉa mai bóp méo sự thật để phù hợp với trường hợp của mình.

Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, có lẽ họ không thể làm khác đi, vì những sự thật tự nó không hề hữu ích. Như các nhà phân tích CIA ở Washington hiện đã nhận ra, Campuchia đã quá muộn để có thể hưởng lợi từ bất kỳ sự trợ giúp bổ sung nào. Còn về Sài Gòn, khoản bổ sung 300 triệu đô la được đề xuất không khẩn cấp bằng những gì Chính quyền khẳng định về nhu cầu ngay lập tức của nó.

Các quan chức chính quyền khó có thể tuyên bố rằng họ không biết về điều này. Trong một cuộc khảo sát thực địa gần đây, một đội ngũ hậu cần của Lầu Năm Góc cuối cùng đã phát hiện ra một số kho dự trữ chưa được khai thác ở miền Nam Việt Nam mà Tướng Murray đã không tìm thấy trong năm rưỡi đầu tiên của lệnh ngừng bắn. Theo các phát hiện của nó, nếu đạn dược tiếp tục được tiêu

thụ với tốc độ tháng 12 - 18.000 tấn mỗi tháng - kho dự trữ sẽ kéo dài được một năm hoặc hơn. Ngay cả khi chi tiêu tăng lên mức của năm 1972, quân đội vẫn có thể tự duy trì đến tháng Tám. CIA về cơ bản đã xác nhận những quan điểm này.

Hơn nữa, như một biện pháp bảo vệ bổ sung cho tương lai của Sài Gòn, vẫn còn tiền và vật tư trong đường ống viện trợ của Mỹ để có thể sử dụng. Như chính Lầu Năm Góc sau này đã thừa nhận, chỉ một phần nhỏ trong ngân sách viện trợ hiện tại đã được sử dụng - 158,4 triệu đô la trong tổng số 700 triệu đô la phân bổ. Phần còn lại vẫn chưa được chi tiêu hoặc đã được cam kết cho các thiết bị đang chờ giao hàng. Tất cả những cân nhắc này, tất nhiên, không ảnh hưởng đến các tính toán của Chính quyền về tính cấp bách của các yêu cầu viện trợ bổ sung.

Vì các đề xuất được căn cứ vào các ưu tiên địa chính trị của Kissinger, nhu cầu thực tế và xứng đáng của các bên nhận gần như không quan trọng. Tuy nhiên, Chính quyền không thể thừa nhận điều này với Quốc hội mà không làm suy yếu vị thế của mình. Vì vậy, cuối cùng họ đã chọn cách bóp méo và nói nước đôi, lập luận rằng các khoản bổ sung là cần thiết để cứu Nam Việt Nam và Campuchia khỏi sự sụp đổ tài chính và tâm lý, chờ đợi khoản phân bổ hàng năm tiếp theo vào tháng Sáu.

Với hy vọng giành được sự ủng hộ cho quan điểm này, các chuyên gia quan hệ công chúng tại Lầu Năm Góc đã soạn thảo một bản ghi nhớ vào cuối tháng 12, kêu gọi một nỗ lực tuyên truyền quy mô lớn để thuyết phục Quốc hội và công chúng rằng Sài Gòn sẽ hết đạn trong

vòng ba mươi ngày nếu không có thêm viện trợ. Một tuần sau, các quan chức Bộ Ngoại giao đã thúc giục Nhà Trắng biến việc mất tỉnh Phước Long thành tâm điểm của một chiến dịch gây cảm tình cho Sài Gòn. "Viện trợ quân sự cho Đông Dương vẫn là một trong những vấn đề ít được ưa chuộng nhất trong Quốc hội," Thứ trưởng Ngoại giao về Các vấn đề Quốc hội đã viết cho Kissinger trong một bản ghi nhớ vào ngày 13 tháng Giêng. "Tuy nhiên, chúng tôi hơi được an ủi bởi những phản ứng gần đây đối với các câu chuyện về xe tăng Bắc Việt vượt qua các binh sĩ Nam Việt ở các tỉnh thành chiến sự..." Chúng tôi mong muốn ít sự chú ý hơn từ Quốc hội đối với hành vi chính trị nội bộ của Thiệu và nhiều sự chú ý hơn vào sự xâm lược của Bắc Việt, điều này chắc chắn sẽ dẫn đến câu hỏi về việc làm thế nào chúng ta có thể bỏ rơi một

đất nước nơi 55.000 người Mỹ đã hy sinh mạng sống của họ.

Trong khi đó, tại Sài Gòn, Đại sứ quán tiếp tục làm phần việc của mình. Lịch trình báo cáo của tôi đã được mở rộng thành hai hoặc ba buổi mỗi ngày để tiếp đón các nghị sĩ và trợ lý nghị sĩ đột ngột đổ xô vào thành phố để được thông tin, và các đánh giá thực địa của tôi đã được điều chỉnh và sửa đổi cẩn thận để đặt người Bắc Việt vào ánh sáng xấu nhất có thể. "Chiến lược của các nhà cộng sản cho năm 1975," một ước tính đã được chỉnh sửa kỹ lưỡng vào đầu tháng Giêng, "nhằm giành chiến thắng đáng kể thông qua các phương tiện quân sự trong khi tiếp tục tỏ ra tôn trọng thỏa thuận Paris." Về mặt quân sự, họ có thể làm tốt hơn năm nay so với năm 1972, vì trong thời gian đó Hoa Kỳ đã giảm

viện trợ cho Nam Việt Nam, để lại cho chính phủ những bất ổn và vấn đề mà họ chưa từng đối mặt trước đây... Trong hoàn cảnh này, người Việt Nam miền Nam chỉ có thể phản ứng lại các sáng kiến của Đảng Cộng sản và, như tạp chí Economist gần đây đã nói, họ đang đối mặt với triển vọng "***chết vì ngàn vết cắt.***" Dưới những hoàn cảnh này, người Việt Nam miền Nam chỉ có thể phản ứng lại các sáng kiến của cộng sản và, như tạp chí Economist gần đây đã nói, họ đang đối mặt với triển vọng "***chết vì ngàn vết chém.***"

Câu nói dí dỏm đó có thể đã gây ấn tượng với một số nghị sĩ Quốc hội mà bản đánh giá được rò rỉ kín đáo ở Washington, nhưng nó không giúp gì trong việc xác định ý định của miền Bắc Việt. Nhưng điều đó, tất nhiên, không còn là

mục đích chính của các ước tính của tôi nữa. Bây giờ tôi đang làm trong ngành quảng cáo.

Như vào mùa thu, các ưu tiên của cuộc tranh luận về viện trợ cũng ảnh hưởng đến quan điểm của chúng ta về chính người Nam Việt Nam. Trong khi việc đóng vai trò phản biện khi đối phó với ý định của BV là hoàn toàn chấp nhận được, thì điều đó là không thể chấp nhận khi bạn đang giải quyết các vấn đề và tiềm năng của đồng minh của chúng ta. Những điểm yếu của Sài Gòn, chúng tôi giờ đây cẩn thận chỉ ra, chủ yếu là kết quả của việc cắt giảm viện trợ. Chính Thiệu cũng không chịu trách nhiệm nhiều về chúng. Nếu có gì, khả năng lãnh đạo của ông ấy rất quý giá.

Vào giữa tháng Giêng, Polgar đã viết một ước tính để nhấn mạnh điểm này,

lập luận rằng Thiệu đã vững chắc trong quyền lực đến mức ông ta có thể sẽ tái tranh cử vào tháng Mười mà không gặp phải bất kỳ sự đối lập đáng kể nào trong nước. Ông cũng đề xuất rằng chúng ta nên bắt đầu nuôi dưỡng một ứng cử viên đối lập tượng trưng, khách hàng của CIA Trần Quốc Bửu, để Thiệu không phải đối mặt với sự xấu hổ của một cuộc thi một người như ông đã gặp vào năm 1971. Ngay cả đối với những người cận thị ở trụ sở CIA, điều này cũng hơi quá, và trong một tin nhắn phản hồi, họ đã khuyên Polgar một cách lịch sự nhất có thể rằng họ đã ném cả đề xuất và phân tích của ông vào máy hủy tài liệu. Họ giải thích rằng còn quá sớm trong năm để đưa ra bất kỳ dự đoán nào về tương lai chính trị của Thiệu.

Mặc dù Polgar tiếp tục tích cực ủng hộ chiến lược viện trợ tổng thể của Chính quyền, ông đã phản đối một số kế hoạch cá nhân, bao gồm đề xuất lặp đi lặp lại của Martin về việc cấp ngân sách viện trợ kinh tế đủ lớn để làm cho Sài Gòn tự túc trong ba năm. Giữa tháng Giêng, Đại sứ lại đưa ra ý tưởng này, như một bổ sung cho đề xuất viện trợ quân sự, và Polgar đã thách thức ông ta về điều đó. Mối quan hệ của họ không bao giờ trở lại như trước nữa.

Cuộc đối đầu diễn ra trong một cuộc phỏng vấn với Thượng nghị sĩ Sam Nunn của Georgia, người đã đến Sài Gòn để xem xét "tình hình." Đại sứ đã tranh luận trong nửa giờ qua rằng có khả năng tốt là người Việt Nam miền Nam có thể trở nên độc lập về kinh tế và quân sự với Hoa Kỳ sau ba năm nữa nhận được viện

trợ khổng lồ. Nunn lắng nghe nhưng rõ ràng là không bị thuyết phục. Cuối cùng, ông nhìn qua bàn về phía Polgar và hỏi ý kiến của ông ấy. Trong một khoảnh khắc, Polgar do dự, đôi mắt của ông quay cuồng sau cặp kính hình chai Coke như thể ông đang tìm kiếm một nơi để trốn. Nhưng không có nơi nào cả. "Không, thưa ngài," anh ta cuối cùng nói, "Tôi không tin rằng người Việt Nam miền Nam có thể mong đợi trở nên độc lập về quân sự hoặc kinh tế với chúng ta miễn là Liên Xô và Trung Quốc tiếp tục cung cấp cho Bắc Việt." Nếu họ có thể bị thuyết phục để cắt giảm viện trợ của họ, có lẽ chúng ta cũng có thể giảm bớt viện trợ của mình theo cách tương tự. Nhưng đó sẽ là điều kiện tiên quyết.

Martin tái mét mặt. "Ý của ông Polgar muốn nói là..." Nhưng Nunn cắt ngang

lời anh ấy. "Ông có phiền lặp lại câu trả lời của mình không, ông Polgar ?" ông ta nói một cách thoải mái. Khi nghe vậy, các thành viên khác trong đội ngũ của Martin ngồi quanh chiếc bàn dài trong phòng hội nghị bắt đầu lắc lư như thể họ sợ bị hỏi cùng một câu hỏi.

Nhưng Polgar không hề nao núng. Ông ta lặp lại những gì ông đã nói : tất cả phụ thuộc vào người Xô Viết và người Trung Quốc. Nếu không, chúng ta sẽ ở lại Việt Nam mãi mãi.

Đến cuối tháng Giêng, sự phản đối của Quốc hội đối với các đề xuất viện trợ đang gia tăng, nhưng Chính quyền vẫn tiếp tục vận động mạnh mẽ cho chúng. Trong một ghi chú gửi Quốc hội vào ngày hai mươi tám, Ford đã nhấn mạnh một cách kịch tính rằng 300 triệu đô la là cần thiết «như một mức tối thiểu»

để ngăn chặn «những thất bại nghiêm trọng» ở Nam Việt Nam, và Phó Tổng thống Rockefeller cảnh báo rằng việc cắt giảm viện trợ thêm nữa sẽ dẫn đến mất nước và một cuộc tắm máu ở đó, trách nhiệm cho điều này, ông nói, sẽ phải do Quốc hội gánh vác.

Cuối cùng, vào ngày ba mươi, một nhóm các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc đã lên Đồi Capitol để trình bày lập luận của Chính quyền trước Tiểu ban Phân bổ Ngân sách Hạ viện quan trọng. Lấy gợi ý từ Đại sứ quán, họ đã quảng bá và đơn giản hóa quá mức thông tin tình báo có sẵn để nhấn mạnh triển vọng có những cuộc chiến đấu đáng kể trong những tháng tới. Tướng Daniel O. Graham, giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc phòng của Lầu Năm Góc, tiết lộ rằng người Bắc Việt

đang chuẩn bị gửi thêm hai sư đoàn vào miền Nam Việt Nam và gần đây đã chuyển một sư đoàn khác từ miền nam Lào vào vùng cao nguyên phía tây. Erich Von Marbod, Phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng, đã trích dẫn có chọn lọc và rõ ràng từ Nghị quyết của Hà Nội năm 1975, nhằm nỗ lực mô tả việc cắt giảm viện trợ gần đây là động lực chính cho sự hung hăng của cộng sản.

Von Marbod tuyên bố rằng các đoạn trích ông trích dẫn được lấy từ một phiên bản của Nghị quyết đã được thu thập trong lưu lượng phát thanh của Bắc Việt. Điều này là sai. Hà Nội hiếm khi phát đi các chỉ thị cấp cao như vậy trên sóng phát thanh. Thực ra, Von Marbod đã trích dẫn nguyên văn từ một báo cáo do một trong những đặc vụ hàng đầu của chúng ta cung cấp.

Khi tôi biết những gì anh ta đã làm, tôi đã bị sốc và nản lòng. Vì mục đích gây ấn tượng với một ủy ban Quốc hội duy nhất, Chính quyền lại một lần nữa đặt một nhân viên quan trọng vào tình thế nguy hiểm. Nếu họ sẵn sàng đi xa đến mức đó trong nỗ lực giành được sự ủng hộ cho các đề xuất viện trợ, thì cơ hội để có một phán đoán hợp lý về tương lai của Sài Gòn gần như bằng không.

Chắc chắn rằng có một vài người kiên định ở Washington đã cố gắng giải quyết các vấn đề một cách hợp lý trong mùa đông cuối cùng của cuộc chiến. Cuối tháng 12, nhân viên phụ trách Việt Nam tại Bộ Ngoại giao đã thực hiện một chuyến thăm nhanh đến khu vực chiến sự và trở về nhà với niềm tin rằng Nam Việt Nam đang trong tình trạng nguy

hiểm nghiêm trọng, không phải chủ yếu vì thiếu hụt nguồn cung mà vì lạm phát tăng vọt và tinh thần sa sút trong quân đội và dân chúng. Những phát hiện của ông, dù được lý luận chặt chẽ, thường bị bỏ qua tại các văn phòng chính của Bộ Ngoại giao, vì họ không đồng tình với chiến lược của Chính quyền trong cuộc tranh luận về viện trợ. Một chuyện là nhấn mạnh nhu cầu và sự dễ bị tổn thương của Sài Gòn ; một chuyện khác là loại bỏ người Việt Nam miền Nam ngay cả trước khi Quốc hội bỏ phiếu.

Vào khoảng thời gian đó, phó giám đốc ước tính của Cơ quan Tình báo Quốc phòng đã đến Sài Gòn để thực hiện một đánh giá độc lập của riêng mình. Những kết luận mà ông đạt được cũng bi thảm không kém, và ít đồng nghiệp của ông ở Lầu Năm Góc muốn công khai ủng hộ

chúng. Báo cáo cuối cùng của ông do đó nhanh chóng bị lạc hướng xuống một trong những hành lang dài ở Lầu Năm Góc, nơi đã từng là nơi chôn vùi nhiều sự thật về Việt Nam trong quá khứ.

Giữa tháng Giêng, một người hoài nghi khác của Washington lại có những nghi ngờ tồi tệ nhất của mình được xác nhận. Trong một chuyến đi thực địa kéo dài hai tuần, một quan chức nổi bật của USIA từng phục vụ tại Việt Nam đã phát hiện ra rằng an ninh ở nông thôn, đặc biệt là ở đồng bằng, đã bị suy giảm nghiêm trọng trong vài tháng qua - nhiều hơn so với những gì Đại sứ quán thừa nhận - và tinh thần trong quân đội đang trên bờ vực sụp đổ. Thông qua một người bạn cũ trong đội ngũ của Thiệu, ông cũng đã thu thập được các hồ sơ "trách nhiệm" chứng minh rằng Sài Gòn

không gặp phải tình trạng thiếu hụt ngay lập tức về nguồn cung cấp hoặc thiết bị. Điều cần thiết, bạn của ông nói với ông, chỉ là một biểu tượng của sự ủng hộ liên tục của Mỹ đối với Sài Gòn. Khoản bổ sung 300 triệu đô la được đề xuất sẽ rất hữu ích, nhưng một số tiền ít hơn nhiều cũng sẽ đủ.

Viên chức USIA đã giải thích điều này cho người đứng thứ hai của Martin, Wolfgang Lehmann, và khuyên ông ta đề xuất một sự thay đổi trong các mục tiêu tới Washington. Thay vì đề xuất 300 triệu đô la, Chính quyền nên tìm kiếm một gói hỗ trợ khiêm tốn hơn, ông nói, một gói có khả năng được Quốc hội phê duyệt hơn. Điều đó sẽ đáp ứng nhu cầu ngay lập tức của Sài Gòn, nhu cầu tâm lý, với ít tranh cãi nhất.

Nhưng Lehmann lắc đầu. “Ông đến muộn rồi,” ông giải thích. “Chính quyền đã quyết định liều lĩnh rồi.”

Và đúng như vậy. Không có lúc nào Kissinger hay nhân viên của ông nghiêm túc xem xét cách tiếp cận “đường thấp” đối với vấn đề viện trợ. Thay vào đó, họ sẽ tiếp tục ủng hộ các khoản viện trợ tối đa vượt xa những gì Sài Gòn cần ngay lập tức hoặc sự hào phóng của Quốc hội, trong khi từ chối các thỏa hiệp sẽ đảm bảo “cử chỉ hỗ trợ” tối thiểu mà Sài Gòn cần hơn bất kỳ điều gì khác.

Họ đã làm như vậy vì những lý do hoàn toàn không liên quan đến Đông Dương. Làm thế nào bạn có thể hy vọng mua được một hợp đồng mới về uy tín của Mỹ trên toàn thế giới, ở Trung Đông hoặc Liên Xô, với giá rẻ như bèo ? Sài

Gòn sẽ nhận được 300 triệu đô la đó, dù có cần hay không.

Nhận ra rằng Chính quyền đã bị kẹt trong con đường sai lầm này, người của USIA trở lại Washington trong sự tuyệt vọng về triển vọng của Sài Gòn. Một lần nữa, theo ông, ***người Việt Nam miền Nam sẽ bị hy sinh trên bàn thờ của lợi ích bản thân Mỹ***. Ông đã đúng.

11. Chào Đồng Chí

Việc chiếm đóng Tỉnh Phước Long giống như tiếng nổ của một khẩu súng lệnh xuất phát. Chưa kịp để tiếng vang lắng xuống thì các lực lượng Bắc Việt đã tiến vào các mục tiêu ưu tiên khác. Tại Quân khu 1, khu vực phía bắc nhất của đất nước, ba sư đoàn BV đã di chuyển vào vị trí phía tây của các thành phố Huế và Đà Nẵng khi một số trung đoàn không thuộc biên chế từ Bắc Việt lọt qua khu vực phi quân sự để hỗ trợ họ. Trong khi đó, dòng chảy của lực lượng tăng cường BV vào vùng cao

nguyên phía tây của QK 2 tăng tốc một cách đáng kể, và xa hơn về phía nam, trong khu vực Sài Gòn, một trong các sư đoàn đã tham gia chiến dịch Phước Long đã tiến sát qua đỉnh của khu vực hướng về tỉnh Tây Ninh để gia nhập các đơn vị khác đang sẵn sàng tấn công. Đến đầu tháng Hai, lực lượng cộng sản đã được bố trí thành một vòng cung khắp các vùng biên giới phía bắc của QK 3.

Với quá nhiều lãnh thổ cần bảo vệ, các đơn vị chính phủ đối lập trên khắp cả nước thấy mình bị kéo dài quá mức và bị tê liệt. Lựa chọn duy nhất của họ, ngoài việc đầu hàng những vùng lãnh thổ lớn, là giữ vững vị trí, nằm im và chờ đợi đòn tấn công tiếp theo.

Khi cuộc chiến tiếp tục diễn ra ở cả hai bên, Tướng Văn Tiến Dũng chuẩn bị lên đường vào miền Nam Việt Nam.

Trong tuần cuối cùng của tháng Giêng, ông đã đến thăm và chào tạm biệt Lê Duẩn tại nhà ông ở Hà Nội. Khi họ cụng ly rượu cognac và chúc nhau may mắn, Lê Duẩn đã nhắc nhở người chỉ huy của mình về điều khoản thoát hiểm trong kế hoạch chiến lược của họ. "Nếu chúng ta giành được những chiến thắng lớn," ông nói với Dũng, "chúng ta có thể giải phóng miền Nam trong năm nay."

Vào ngày 5 tháng 2, Dũng đã bay từ Hà Nội đến Đồng Hới ở khu vực phía Bắc Việt Nam và sau đó lái xe qua biên giới vào tỉnh Quảng Trị ở miền Bắc QK 1 để bắt đầu hành trình về phía nam. Từ đó, ông đi bằng thuyền và xe dọc theo mạng lưới hậu cần của BV qua miền tây Nam Việt Nam và miền nam Lào. Trên suốt hành trình, ông được các lực lượng BV hoan nghênh và vỗ tay khi họ cũng

đang mò mẫm tiến về phía trước. Thật khó để nhiều người trong số họ nhận ra hình dáng vạm vỡ, với khuôn mặt vuông vức ngồi ở ghế sau ngồi của chiếc xe dã chiến mới sơn, nhưng không có gì phải nghi ngờ, xét theo số biển số - "TS 50," một chỉ định ưu tiên hàng đầu - rằng hành khách là một sĩ quan quân đội cấp cao.

Ngay từ đầu, chiến dịch đã được giữ kín. "Ngay cả những di chuyển của tôi cũng phải được giữ bí mật," Dũng ghi chú trong tường thuật của mình, "và mọi thứ đều được thực hiện để làm rối loạn tình báo của kẻ thù." Theo đó, sau khi tôi rời đi, báo chí ở Hà Nội đã đăng tải một số bài báo về 'hoạt động' của tôi như thể tôi vẫn còn ở đó. Hàng ngày, chiếc xe Volga của tôi sẽ thực hiện các chuyến đi từ nhà tôi đến tổng hành dinh... [và] vào buổi

chiều muộn, các binh lính sẽ đến sân trong nhà tôi để chơi bóng chuyền như thường lệ, vì tôi có thói quen chơi bóng chuyền sau giờ làm việc buổi chiều."

Mưu kế đã đem lại thành công rực rỡ. Chỉ đến khi Dũng công bố hồi ký một năm sau khi Việt Nam thất thủ, chúng tôi ở bên kia chiến tuyến mới nhận ra rằng ông đã gia nhập quân đội ở chiến trường cho cuộc tấn công cuối cùng.

Với nhiều thứ phụ thuộc vào nhiệm vụ của Dũng, Lê Duẩn đã nỗ lực cuối cùng để củng cố sự ủng hộ cho nó trong đảng, đặc biệt là trong số những người "ưu tiên tái thiết" vẫn đang phàn nàn về những nguy hiểm và chi phí tiềm ẩn. Trong một bài phát biểu vào ngày 3 tháng 2, kỷ niệm ngày thành lập đảng, ông đã

dùng cả đòn roi và củ cà rốt, một mặt đe dọa trả đũa nếu họ tiếp tục phản đối, mặt khác hứa hẹn sẽ tiếp tục sự điều độ và "cân bằng" trong việc ra quyết định. Như một bằng chứng cho sự hợp lý của bản thân, ông nhấn mạnh lại tầm quan trọng của các mục tiêu chính trị hơn là quân sự, đưa ra một công thức mới đầy khiêu khích cho các cuộc đàm phán. Khi phác thảo "các điều kiện quan trọng nhất" cho một thỏa thuận, ông đã cẩn thận bỏ qua yêu cầu loại bỏ Thiệu, điều mà ông và các đồng nghiệp của ông đã khôi phục lại vào tháng Mười trước đó, và thay vào đó chỉ kêu gọi "chấm dứt sự can thiệp và can dự của Mỹ, và thành lập một chính quyền mới ở Sài Gòn sẽ thực hiện thỏa thuận Paris." Cách diễn đạt, với sự mơ hồ của nó, gợi nhớ đến cách mà Hà Nội đã sử dụng để báo hiệu sự đột phá trong các cuộc đàm phán Paris

năm 1972, và như một tuyên bố tiềm ẩn về sự thận trọng và linh hoạt, nó khó có thể không gây ấn tượng với những người lãnh đạo hiện đang lo lắng về việc Dũng và các đồng minh diều hâu của ông đẩy lựa chọn quân sự đến giới hạn của nó.

Khi tôi đọc lại bản dịch của bài phát biểu, tôi càng củng cố thêm niềm tin của mình rằng một vòng đàm phán mới, chứ không phải chiến thắng quân sự, mới là mục tiêu ngay lập tức của những người Cộng sản. Vài ngày sau, một đặc vụ cấp cao đã nộp một báo cáo dường như xác nhận điều này. Dự đoán những sáng kiến mới và mạnh mẽ ở phía bắc Sài Gòn (Ban Mê Thuột không được đề cập cụ thể), ông lưu ý rằng khi cuộc chiến kết thúc, Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ kêu gọi nối lại các cuộc đàm phán song phương hiện đang bị đình chỉ, cũng như

chuyển địa điểm cho chúng, từ Paris đến một thành phố nào đó ở miền Nam Việt Nam.

Dựa trên báo cáo, bài phát biểu của Lê Duẩn dường như có ý nghĩa gấp đôi, và tôi đã viết một bài phân tích về nó cho Polgar, nêu rõ những gì tôi thấy là các hệ quả chính trị và quân sự. Polgar rất hứng thú nên đã quyết định thử nghiệm ý tưởng của tôi với các mối liên hệ của ông trong phái đoàn ICCS Hungary. Ông ấy đã chuyển bản ghi nhớ của tôi cho họ và yêu cầu bình luận. Vài ngày sau, họ đã đưa cho anh ta một cái, đảm bảo rằng những kết luận của tôi là "đúng đắn." Nói cách khác, vẫn còn cơ hội cho một thỏa thuận thương lượng, mặc dù mức độ hoạt động có khả năng sẽ tăng lên trong những tuần tới.

Polgar ngay lập tức gửi một bức điện

tóm tắt những nhận xét của người Hungary đến Washington. Người Hungary đã báo cho Hà Nội biết về suy nghĩ của chúng tôi để Bộ Chính trị có thể điều chỉnh kế hoạch và chiến lược của họ cho phù hợp. Trên thực tế, với những động cơ tốt nhất, Polgar vừa mới trao cho Bắc Việt một cú đột phá tình báo khác, một cú đột phá cung cấp cái nhìn vô giá về những gì chúng tôi mong đợi ở họ.

Các triển vọng mới được làm nổi bật cho một giải pháp chính trị không làm giảm đi sự kêu gọi của Polgar về mối đe dọa quân sự. Quốc hội vẫn chưa được thuyết phục về nhu cầu cần thêm viện trợ, và ông ấy quyết tâm làm phần việc của mình. Do đó, chúng tôi đã giải mật và rò rỉ cho báo chí hai tài liệu kế hoạch của Đảng Cộng sản vừa mới thu giữ được - kèm theo một bình luận mà tôi đã viết

- dường như có khả năng thuyết phục bất kỳ độc giả nào ở Washington rằng Bắc Việt đang tiến đến. Tôi cũng giữ các buổi thông báo của mình cho khách và các nhân viên khác của Đại sứ quán một cách đơn giản và gây hoang mang theo đúng yêu cầu của Polgar, tránh né vấn đề khó khăn và phức tạp về ý định[3] chính trị của Hà Nội.*

Sau một trong những bài thuyết

3 Hai tài liệu kế hoạch - Chỉ thị COSVN 08 và Nghị quyết Tỉnh Bình Định - cùng với bình luận của tôi đã được phát hành như một gói duy nhất thông qua sự bảo trợ của văn phòng USIA tại Sài Gòn, như một phần của loạt bài liên tục "Việt Nam : Tài liệu và Ghi chú Nghiên cứu." Vì theo điều lệ, USIA được coi là một phương tiện để quảng bá hình ảnh tốt nhất của Mỹ ra nước ngoài, nên việc họ tham gia vào việc phát tán thông tin tình báo cho báo chí phương Tây về chiến lược của Đảng Cộng sản là một điều gì đó bất thường. Trên thực tế, trong suốt thời gian ngừng bắn, văn phòng USIA tại Sài Gòn thường xuyên cung cấp cho các nhà báo thông qua loạt "Tài liệu" những thông tin tình báo mà CIA đã tạo ra và các bình luận mà tôi đã sản xuất. Người bạn tốt của tôi, Jim Haley ở USIA, đã phản đối sự can thiệp của CIA vào công việc của cơ quan ông, nhưng đã bị phớt lờ.

trình sống động của tôi về mối đe dọa của chủ nghĩa cộng sản, một đồng nghiệp CIA đã ngửa tay lên trời trong sự thất vọng. “Chúa ơi !” anh ấy kêu lên. “Bạn đã nói với chúng tôi chỉ vài tuần trước rằng mọi thứ đều an toàn.” Bây giờ có vẻ như chúng ta đang đối mặt với sự thanh toán cuối cùng.

Những cảm xúc như vậy nhanh chóng trở nên phổ biến trong Đại sứ quán, và một số đồng nghiệp của tôi bắt đầu lên kế hoạch cho điều tồi tệ nhất. Phần hành chính của Trạm đã tiến hành tích trữ thêm các nguồn cung cấp C-rations và nước uống, và một số sĩ quan cấp cao của CIA đã ra lệnh cho cấp dưới của họ chuẩn bị các kho vũ khí và đạn dược phòng trường hợp họ phải tự vệ trước cuộc tấn công.

Cùng lúc đó, Văn phòng Tùy viên

Quốc phòng và bộ phận hành chính của Đại sứ quán đã thực hiện một biện pháp phòng ngừa nghiêm ngặt hơn. Họ bắt đầu cập nhật kế hoạch sơ tán 400 trang của Đại sứ quán. (Mỗi Đại sứ quán Mỹ trên thế giới đều có một cái như vậy, như một quy trình thông thường.) Đại tá Garvin McCurdy và Đại úy Cornelius Carmody, các tùy viên Không quân và Hải quân, đã được giao phụ trách dự án. Làm việc với một đội ngũ nhân viên nhỏ, họ đã tinh chỉnh một số phần của bản thiết kế đồ sộ, phát triển một kịch bản riêng cho việc sơ tán người Mỹ ở mỗi khu vực quân sự và, cuối cùng, Sài Gòn. Hầu hết các sửa đổi của họ mang tính thủ tục hơn là nội dung, và trong số các yếu tố của kế hoạch ban đầu mà họ giữ lại là giới hạn tùy ý về số lượng người sơ tán được phép : không quá 6.800 người tổng cộng, phần lớn trong số đó là người Mỹ.

Vào đầu tháng Hai, khi cuộc tập trận tiếp tục, một đại diện của DAO đã ghé thăm Polgar và hỏi ông có muốn tham gia không. Là một trong những đóng góp của mình, DAO đang lập kế hoạch dự phòng để bí mật sơ tán các điệp viên tình báo và quan chức chính phủ cấp cao. Trạm tự nhiên cũng phải đối mặt với yêu cầu tương tự.

Nhưng Polgar đã từ chối ; ông không thấy lý do gì để tham gia vào. Mặc dù ông lo ngại về tình hình quân sự, ông không thể tin rằng đất nước sẽ phải bị bỏ rơi hoặc rằng một cuộc di tản toàn bộ có thể là cần thiết.

Trong khi phần lớn chúng tôi ở Đại sứ quán lao động với các kế hoạch sơ tán và tuyên truyền gây hoang mang,

Đại sứ Martin cố gắng sử dụng thời gian của mình một cách hiệu quả hơn. Đầu tháng Hai, ông đã thu dọn đồ đạc và trở về Washington để giúp củng cố vị trí của Chính quyền trong cuộc tranh luận về viện trợ.

Ngay khi đến nơi, ông bắt đầu vận động trong số các đồng nghiệp trong Chính quyền và các mối liên hệ với Quốc hội cho một kế hoạch gần gũi với trái tim ông - kế hoạch của ông cho một chương trình viện trợ lớn đủ để biến Sài Gòn "độc lập về kinh tế" trong ba năm.

Vào ngày 8 tháng 2, Tổng thống Ford đã chính thức ủng hộ khái niệm tổng thể, nhưng những người khác ở Washington vẫn không ấn tượng. Schlesinger cho rằng đề xuất này không thành thật. Nếu Hoa Kỳ đã chuẩn bị để cắt đứt Saigon trong ba năm, ông ấy đã bình luận

với một phóng viên, tại sao không ngay bây giờ ? Quốc hội dường như cũng hoài nghi như vậy, và một số nhà lập pháp hoài nghi hơn phàn nàn rằng kế hoạch ba năm chỉ đơn giản là để giành cho Chính quyền một khoảng thời gian tạm hoãn khỏi Việt Nam cho đến sau cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo.

Martin đã tiếp nhận những lời chỉ trích đó một cách bình thản. Vấn đề, ông trấn an nhân viên của Kissinger, không nằm ở chính đề xuất viện trợ, mà ở quan điểm của Quốc hội. Nếu Hạ viện và Thượng viện có thể được thuyết phục gửi một đội điều tra chính thức đến Sài Gòn để xem xét tình hình, sự phản đối sẽ tan biến.

Trên thực tế, Chính quyền từ lâu đã ủng hộ một chuyến tham quan Quốc hội như vậy, và vào đầu tháng Hai, họ đã

đề nghị hoãn tất cả các phiên điều trần về các dự luật viện trợ đề xuất trong vài tuần để một đội có thể được thành lập và gửi đến Sài Gòn. Tuy nhiên, chỉ trong vài ngày, một cuộc tranh cãi đã nổ ra về thành phần của phái đoàn. Đại diện Tom Harkin, một đảng viên Dân chủ trẻ tuổi từ Iowa đã từng phục vụ như một phi công Hải quân ở Việt Nam, đã thông báo rằng người phiên dịch cho chuyến đi của ông sẽ không ai khác ngoài Don Luce, người luôn chỉ trích các chính sách của Mỹ ở Việt Nam và là một trong những kẻ thù không đội trời chung của Martin. Đại diện Bella Abzug, bồ câu hiếu chiến từ Manhattan, tiết lộ rằng bà đang có kế hoạch sử dụng một "tù nhân chính trị" Nam Việt Nam trước đây làm người hướng dẫn để bà có thể có được cái nhìn "khách quan" về tình hình. Các thành viên bảo thủ hơn trong phái đoàn đã đe

dọa rút lui để phản đối.

Khi những vấn đề này dường như sắp được giải quyết, một vấn đề khác lại xuất hiện và làm đình trệ toàn bộ dự án. Cái này không liên quan gì đến chính bản thân Việt Nam. Trong nhiều ngày, một cuộc tranh cãi đã nảy sinh giữa Nhà Trắng và Quốc hội về một đạo luật gây tranh cãi sẽ đình chỉ chương trình thuế quan dầu mỏ của Tổng thống Ford, và như hầu hết các đồng nghiệp của họ ; khoảng hai mươi nghị sĩ Quốc hội sẽ tạo thành nhóm điều tra thực địa Đông Dương cuối cùng đã quyết định hoãn tất cả các công việc còn lại, bao gồm cả chuyến đi, chờ một cuộc đối đầu. Với điều đó, chiến lược Đông Dương của Chính quyền đe dọa sẽ dừng lại hoàn toàn. Martin trở về Sài Gòn trong tâm trạng chán nản và cay đắng.

Các quan chức khác của Chính quyền, trong khi đó, đã nỗ lực cuối cùng để khôi phục động lực. Quay lại một chiêu trò cũ, họ lại bắt đầu kêu gọi cảnh giác, lần này lấy Campuchia làm đối tượng của những lời cảnh báo của họ. Họ cảnh báo Quốc hội rằng chính phủ Lon Nol sẽ sụp đổ trong vài tuần tới, trừ khi khoản bổ sung đề xuất cho Campuchia được phê duyệt ngay lập tức.

Tuy nhiên, không có gì trong số này thuyết phục lắm. CIA vừa hoàn thành một Đánh giá Tình báo Quốc gia cho thấy rằng ngay cả với sự hỗ trợ bổ sung, chính phủ Phnom Penh cũng sẽ không thể lấy lại sáng kiến quân sự trong tương lai gần. Giám đốc CIA Colby đã trình bày những kết luận này một cách thẳng thắn và chi tiết trước một ủy ban Quốc hội, và từ điểm đó trở đi, các vận động viên hỗ

trợ của Chính quyền đã rơi vào một tình thế khó xử. Kissinger và Schlesinger, cả hai đều nhận ra những rủi ro của việc thổi phồng vai trò cứu rỗi của viện trợ, đã sớm bắt đầu rút lui khỏi quan điểm đó, thừa nhận riêng với các phóng viên rằng Campuchia có thể sẽ bị diệt vong trong bất kỳ trường hợp nào.

Từ Sài Gòn, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu theo dõi cảnh tượng này với sự lo lắng và bối rối ngày càng tăng. Những lời nói to lớn của Chính quyền về tầm quan trọng của viện trợ bổ sung như một bảo đảm cho sự sống còn của ông đã làm tổn thương sâu sắc đến sự tự tin của ông, càng hơn nữa khi kẻ thù của ông ở Hà Nội dường như đang lấy đó làm động lực.

Ngoài ra, ông giờ đây đang đối mặt với những vấn đề mới ở nhà. Khuyến khích bởi sự tín nhiệm đang giảm sút ở Washington, các nhà phê bình trong nước của ông lại trở nên hoạt động. Vào ngày 3 tháng 2, Cha Trần Hữu Thanh, linh mục Công giáo bảo thủ đã từng chỉ trích chính phủ vào đầu mùa thu, lại đưa ra một bản cáo buộc công khai khác đối với Thiệu, buộc tội ông "phản quốc" và "làm suy yếu sự nghiệp dân tộc vì lợi ích tài chính của riêng mình".

Mặc dù Thanh vẫn không bị động đến vì liên kết với nhà thờ, Thiệu đã không lãng phí thời gian trong việc hành động chống lại các đồng minh của linh mục. Năm tờ báo đối lập đã dám công bố bản cáo trạng bị đóng cửa và mười tám nhà báo đã mắc sai lầm khi viết những điều không tốt về chính phủ bị bắt với

cáo buộc hoạt động ủng hộ cộng sản.

Khi Thiệu trăn trở về những tiếng động trên mặt trận chính trị, ông cũng cố gắng đối phó với kẻ thù và những hành động của hắn. Trong phản ứng quyết đoán nhất của mình đối với sự mất mát Phước Long, ông đã ra lệnh thay đổi chỉ huy trong bộ tư lệnh quân khu 3 và bổ nhiệm một tư lệnh khu vực mới, Tướng Nguyễn Văn Toàn, người đã bị cách chức khỏi vị trí hàng đầu trong quân khu 2 vào mùa thu trước đó vì tham nhũng và kém hiệu quả. Giải thích về việc phục chức cho Toàn với báo chí, Thiệu nói rằng điều này nhằm đơn giản là cải thiện phòng thủ của Sài Gòn trong bối cảnh những thất bại gần đây. Thực ra, ông còn có một động cơ khác nữa. Toàn là một trong số ít chỉ huy QL VNCH mà ông cảm thấy có thể tin tưởng trong một vị

trí quyền lực gần cột cờ như vậy.

Vì danh tiếng tham nhũng của Toàn vẫn bám theo anh ta như một mùi hôi thối, việc thăng chức của anh ta đã gây ra nhiều phàn nàn trong số những người cải cách đã không hài lòng ở Sài Gòn. Có lẽ nhân chứng duy nhất hài lòng với sự kiện này, ngoài đoàn tùy tùng của Thiệu, là Đại sứ quán Mỹ. Thực tế, chính Đại sứ Martin là người đã khuyến khích Thủ tướng Thiệu về ứng cử của Toàn. Mặc dù Toàn đã chịu nhiều thất bại ở QK 2 vào mùa hè trước đó, Đại sứ vẫn tin rằng tướng là một chỉ huy chiến trường hiệu quả. "Nhưng còn tất cả những tin đồn về sự tham nhũng của Toàn thì sao ?" Thiếu hỏi một cách hoài nghi khi Martin lần đầu tiên đề xuất việc bổ nhiệm. "Điều đó có làm xấu đi hình ảnh không ?" Martin, như sau này anh ấy kể lại câu

chuyện, chỉ nhún vai. "Ông đã nghe về Tướng Ulysses S. Grant chưa ?" anh ấy đáp. "Ông ấy cũng có tiếng xấu." Các tờ báo nói rằng ông ta là một kẻ say xỉn và vô dụng. Nhưng ông ấy đã giành chiến thắng trong cuộc Nội chiến Mỹ cho ông Lincoln, phải không ? Đó là điều Toàn sẽ làm cho bạn." Điều nào trong những phép so sánh ngụ ý khiến Thiệu ấn tượng hơn thì không bao giờ rõ ràng. Trong bất kỳ trường hợp nào, ông đã quyết định hành động theo lời khuyên[4] của Martin.

4 Tướng Toàn từ lâu đã là một nhân vật được yêu mến trong giới tướng lĩnh và các nhà ngoại giao Mỹ tại Việt Nam. Kích thước của ông có thể đã góp phần vào điều đó. Gần sáu feet chiều cao, với bụng tròn, ông có vẻ ngoài "hung hãn" của một cầu thủ bóng bầu dục Mỹ. Vào cuối những năm 1960, ông đã củng cố vị thế của mình trong lòng người Mỹ khi phục vụ với tư cách là tư lệnh của Sư đoàn 2 ARVN ở miền nam QK. 1. Trong thời gian ông làm nhiệm vụ tại đó, một đơn vị Mỹ đã tàn sát ba trăm bốn mươi bảy thường dân ở My Lai, một ngôi làng trong khu vực hoạt động của ông. Mặc dù Toàn và nhân viên của ông biết chuyện gì đã xảy ra, họ vẫn giữ im lặng để tôn trọng sự nhạy cảm của người Mỹ. Đại sứ quán và MACV, không cần phải nói, đã rất biết ơn. Sau đó, trong cuộc tấn công của BV năm 1972, Toàn đã củng cố hình ảnh của mình

Ngoài những thay đổi về nhân sự, Thiệu đã áp dụng một "diện mạo mới" (hơi) trong chiến lược sau thất bại ở Phước Long. Trong tháng qua, cố vấn quân sự chính của ông, Tướng Cao Văn Viên, người luôn mỉm cười và có mái tóc rậm rạp, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, đã thúc giục ông áp dụng một biến thể của khái niệm Việt Nam bị rút gọn mà ông, Thủ tướng Khiêm và thỉnh thoảng là người Mỹ đã ủng hộ trong gần một năm. Các quyết định của chính phủ vào ngày 9 và 10 tháng 12 - những quyết định mà gián điệp Bắc Việt đã mô tả rất đầy đủ cho các ông chủ của mình ở Hà Nội - đã là một bước đầu tiên, chập chững theo hướng này : một sự tập trung tất cả các nguồn lực có

---

như một chỉ huy chiến trường "hung hăng" với việc phòng thủ thành công tỉnh Kontum - một chiến dịch mà thực tế đã được lên kế hoạch chủ yếu bởi cố vấn Mỹ huyền thoại của ông, John Paul Vann.

sẵn, chẳng hạn như họ đã từng, ở QK 3, mà không nỗ lực củng cố các vùng cao nguyên hoặc QK 1.

Nhưng bây giờ Khiêm và Viên muốn Thiệu đi thêm một bước nữa, thực sự từ bỏ lãnh thổ ở nửa phía bắc của đất nước để tiết kiệm đạn dược và các nguồn lực khác[5]. Để củng cố lập luận của mình, Viên đã đưa cho Thiệu một phác thảo chiến lược rộng rãi mà gần đây đã được vẽ bởi doanh nhân nhiệt tình Ted Sarong,

5 Sự quan tâm mới của Viên đối với việc cắt bớt một phần nào đó xuất phát một phần từ tâm lý của một người tích trữ, theo lời của các cấp dưới. Kể từ những ngày đầu của lệnh ngừng bắn, ngay cả trước khi nghĩ đến việc thiếu hụt vật tư, ông và các chỉ huy chính của ông đã kiên quyết giữ các kho cung cấp của chính phủ gần các trung tâm đô thị lớn nơi chúng có thể được tích trữ và bảo vệ dễ dàng, và hiếm khi sẵn lòng phân phối vật tư ra số lượng lớn cho các đơn vị quân đội ở các khu vực kém an toàn hơn. Đến đầu năm 1975, những bất ổn trong cuộc tranh luận về viện trợ đã củng cố những xu hướng này và khiến việc tích trữ hàng hóa ở các tỉnh và do đó là việc phòng thủ các tiền đồn xa xôi trở nên không thể tưởng tượng nổi đối với họ. Việc từ bỏ một số lãnh thổ do đó trở nên không thể tránh khỏi.

vị tướng bậc một người Úc đã nghỉ hưu, người vẫn còn mơ ước phục vụ như một cố vấn quân sự riêng của Thiệu. Thiếu chi tiết nhưng đầy tham vọng, kế hoạch dự kiến rút lực lượng khỏi các vùng cao nguyên và miền Bắc Khu vực Quân sự 1 trước làn sóng tấn công tiếp theo của lực lượng Cộng sản, mà Sarong dự đoán sẽ xảy ra vào ngày 15 tháng 2.

Thiệu xem xét tài liệu, cân nhắc các hệ lụy của nó, và từ chối nó. Nhưng ngay cả khi ông đang cố gắng thuyết phục Viên và Khiêm về sự đúng đắn của quyết định này, tin tức từ Washington lại trở nên ảm đạm một cách đáng buồn. Theo các sứ giả của Thiệu ở đó, triển vọng cho các khoản bổ sung ngày càng trở nên mờ mịt hơn từng ngày.

Trong bối cảnh này, các khuyến nghị của Viên trở nên hấp dẫn hơn một chút,

và Thiệu quyết định xem xét chúng kỹ lưỡng hơn. Đầu tháng Hai, ông đã thành lập một nhóm nghiên cứu dưới sự lãnh đạo của Viên và Khiêm để suy nghĩ về toàn bộ các lựa chọn chiến lược của họ, và chỉ đạo chỉ huy QK 1 chuẩn bị rút Sư đoàn Nhảy dù tinh nhuệ khỏi tuyến liên lạc phía bắc Huế và giữ lại trong tình trạng dự bị để có thể chuyển đến Sài Gòn.

Viên và Khiêm không hài lòng. Họ cho rằng việc rút lui của lực lượng Nhảy dù là "không đủ" so với những gì họ cảm thấy là cần thiết. Những người khác trong đoàn tùy tùng của Thiệu lại bị phản đối vì lý do hoàn toàn ngược lại, cảm thấy quyết định này đi quá xa. Một trong những người phản đối mạnh mẽ nhất là chính tư lệnh QKI, Tướng Ngô Quang Trưởng. Theo quan điểm của ông, việc cắt giảm lực lượng của ông là một sự

điên rồ không thể chấp nhận được.

Cao và điềm tĩnh, Trưởng từ lâu đã trở thành người được yêu thích của người Mỹ. Ông là một người mà người Mỹ có thể nhìn thẳng vào mắt mà không phải cúi đầu, và điều đó chắc chắn đã giúp nâng cao danh tiếng của ông. Là một chỉ huy ở đồng bằng vào đầu những năm 1970, ông đã khá thành công trong việc thúc đẩy bình định, trò chơi yêu thích của người Mỹ, và vào tháng 5 năm 1972, vào thời điểm cao điểm của cuộc tấn công BV, ông đã được bổ nhiệm vội vàng vào chỉ huy QK 1 theo lời khuyên của người Mỹ, chủ yếu vì MACV tin rằng ông là chỉ huy hiện trường duy nhất có thể tập hợp lực lượng ARVN ở đó. Dưới sự hướng dẫn của các cố vấn Mỹ, ông đã làm chính xác điều đó, và có lẽ đã cứu được đất nước. Kể từ đó, ông đã thường

xuyên được các quan chức Đại sứ quán nhắc đến như là người thay thế hấp dẫn nhất cho Thiệu - một thực tế mà chính Thiệu cũng đã ghi nhận, gây tổn hại rất nhiều đến mối quan hệ cá nhân của ông ta với Trưởng. Thực vậy, sự nghi ngờ kéo dài của Thiệu đối với tư lệnh QKI của mình có lẽ đã ảnh hưởng đến quyết định của ông về lực lượng Nhảy dù. Với một sư đoàn ít hơn trong tay, Truong sẽ ít nguy hiểm hơn nhiều.

Tuy nhiên, điều khiến Trưởng lo lắng không phải là những hệ lụy chính trị của việc rút lui, mà là những hệ lụy quân sự. Năm sư đoàn của ông đã bị kéo dài quá mức, và nếu không có Không vận, ông sẽ không bao giờ có thể phòng thủ chống lại bốn sư đoàn BV và nhiều đơn vị khác đang đối đầu với ông.

Giữa tháng Hai, Tướng Charles Tim-

mes, liên lạc chính của CIA với chỉ huy miền Nam Việt Nam, đã ghé thăm sở chỉ huy của Trưởng ở Đà Nẵng để nhận báo cáo tình hình định kỳ. Trong cuộc thảo luận của họ, Trưởng đã khiến ông ngạc nhiên khi công bố một kế hoạch chiến lược mới cho khu vực, mặc dù không tiết lộ cho ông biết lý do tại sao nó trở nên cần thiết. Nó bao gồm việc phòng thủ bốn khu vực chính : các thành phố Huế và Đà Nẵng ; Tam Kỳ, thủ phủ của Tỉnh Quảng Tín ; và Bán đảo Chu Lai ngay phía nam, nơi có một sân bay lớn và là trụ sở của Sư đoàn 2 Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Nếu các lực lượng Cộng sản gửi quân tiếp viện qua khu phi quân sự, Trưởng giải thích, ông sẽ rút vào các khu vực này và giữ vững vị trí ở đó. Timmes (như ông ấy đã thổ lộ với tôi sau này) đã bị cuốn hút bởi khái niệm này ; ông ấy cho rằng nó sẽ giúp Trưởng sử dụng tốt

hơn năm sư đoàn của mình. Chắc chắn rằng ông ấy sẽ ít ấn tượng hơn nếu ông ấy biết rằng tư lệnh QK 1 chỉ có bốn sư đoàn để làm cho nó hoạt động.

Vài ngày sau, Trưởng đã đến Sài Gòn để trình bày kế hoạch của mình với bộ chỉ huy. Thật thất vọng, chính Thiệu cũng không tiếp nhận, và cố gắng trì hoãn bất kỳ quyết định cuối cùng nào bằng cách cãi nhau về các chi tiết.

Vậy phải làm gì bây giờ ? Trưởng yêu cầu một cách cay đắng sau khoảng một giờ nói chuyện vô ích. Thì, Thiệu trả lời, trong khi việc bảo vệ Đà Nẵng bằng mọi giá là cần thiết, việc giữ lại bất kỳ thứ gì khác có thể được bảo vệ mà không mất nhiều nhân lực và nguồn cung cũng sẽ hữu ích. Thực tế, ông không muốn có bất kỳ thay đổi nào trong các tuyến phòng thủ của chính phủ, mặc dù ông

thừa nhận rằng việc rút lui của Sư đoàn Nhảy dù sẽ khiến lực lượng của Trưởng bị thiệt hại nghiêm trọng về số lượng. Ông lo sợ rằng việc nhượng bộ lãnh thổ sẽ gây ấn tượng xấu đến người Mỹ.

Quyết định của Thiệu rút lực lượng Nhảy dù ra khỏi QK I là một sự mở rộng của logic chiến lược đã dẫn đến việc bỏ rơi Tống Lê Chân vào tháng 4 năm 1974 và Phước Bình một tháng trước đó. Sinh ra từ một động lực để tiết kiệm nguồn cung, gây ấn tượng với Quốc hội và củng cố phòng thủ xung quanh Sài Gòn, nó đã báo hiệu một sự từ bỏ có chủ ý các cam kết thứ yếu, như Murray đã khuyến khích vào mùa hè trước đó. Nhưng ngay cả khi Thiệu do dự, miễn cưỡng và theo cách riêng của ông, tiến về hướng định mệnh này, phần lớn chúng tôi trong đội ngũ của Martin vẫn quá bận rộn với cuộc

tranh luận về viện trợ để chú ý nhiều đến điều đó. Đến tuần thứ ba của tháng Hai, lịch trình thông báo của tôi đã trở thành một cuộc marathon gần như suốt ngày đêm, nhờ vào sự tiếp tục của các đoàn khách Quốc hội và các quan chức Chính quyền, và điều này, kết hợp với yêu cầu mở rộng đối với các bài báo lập trường tuyên truyền, đã để lại cho tôi ít thời gian để suy ngẫm về khía cạnh tinh tế hơn của chính phủ hoặc chiến lược của cộng sản.

Để làm cho tình hình tồi tệ hơn, văn phòng của tôi đã thiếu một thành viên quý giá trong vài tuần qua. Đầu tháng này, Pat Johnson đã ăn ngấu nghiến một chiếc bánh sandwich salad tôm tồi tại một bữa brunch Chủ nhật bên cạnh hồ bơi của khách sạn Duc và đã phải nằm bẹp trên giường. Khi cô ấy hồi phục sức khỏe, tôi đã kiệt sức và mong chờ một

lịch trình thư giãn hơn. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Thành viên thứ ba trong đội ngũ nhỏ bé của chúng tôi quyết định rằng anh ấy cũng đã đủ rồi và xứng đáng với một kỳ nghỉ. Vài ngày sau, anh ấy đã bay Pan Am trở về Mỹ, nơi anh ấy sẽ dành bốn tuần tiếp theo để xem miền Nam Việt Nam tan rã qua ống kính của bản tin Cronkite.

May mắn thay, Polgar đã có tầm nhìn xa trông rộng khi cung cấp cho chúng tôi một người thay thế. Tên của anh ta cho mục đích của câu chuyện này là "Joe Kingsley." Một nhân viên CIA không có kinh nghiệm phân tích gì cả, anh ta đã thu hút sự chú ý của Polgar vì anh ta biết QK I như lòng bàn tay của mình. Ông đã phục vụ ở đó với tư cách là một sĩ quan Lực lượng Đặc biệt vào đầu những năm 1960 và đã bị một mảnh đạn găm

vào chân vì lỗi của mình, và ông vẫn đi khập khiễng như đang nhảy múa, dáng đi này trở nên rõ rệt hơn sau ly martini đầu tiên.

Khi Joe và tôi lần đầu gặp nhau, anh ấy không gây ấn tượng với tôi. Mái tóc đen rối, đôi lông mày cong cong và nụ cười tinh nghịch vĩnh viễn kết hợp lại tạo cho anh ta vẻ ngoài ngây thơ như một cậu bé, thậm chí là ngây ngô, che giấu khéo léo ba mươi tám năm tuổi đời và sự khôn ngoan đầy trải nghiệm. Tệ hơn nữa, ông ta dường như ấn tượng hơn với những món đồ trang sức của gián điệp như radio, vũ khí và mã bí mật hơn là với bản chất. Ông ta, nói một cách ngắn gọn, là người cuối cùng tôi muốn chia sẻ những chiến hào phân tích với tôi khi Sài Gòn đối mặt với cuộc tấn công cuối cùng.

Nhưng tôi sớm nhận ra rằng ấn tượng ban đầu không phản ánh đúng về Joe Kingsley. Anh ấy hóa ra là một trong những nhà phân tích tình báo xuất sắc nhất (và nhiệt tình nhất) mà tôi từng biết, và vẻ ngoài thân thiện mà anh ấy thể hiện một cách tự nhiên cuối cùng sẽ trở thành một phước lành cho cả hai chúng tôi. Trong vài tuần cuối của cuộc chiến, anh ấy đã cười đùa và năn nỉ để vượt qua vô số trạm kiểm soát tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất nhằm đảm bảo việc sơ tán cho những người bạn Việt Nam thân thiết nhất của anh ấy và cả của tôi.

12. Những chiến thắng thảm bại

Graham Martin bây giờ muốn giải quyết mọi chuyện một lần cho tất cả. Vì Quốc hội vẫn đang tỏ ra lấp lửng với Chính quyền về các yêu cầu viện trợ bổ sung, ông ấy tin rằng, như ông ấy đã giải thích với tôi sau này, cách duy nhất để buộc đưa ra quyết định là phải chịu áp lực trực tiếp từ những người hoài nghi. Vì vậy, ông rất vui mừng khi Quốc hội quyết định vào cuối tháng Hai gửi đội điều tra đã bị trì hoãn từ lâu đến

Đông Dương.

Đoàn đại biểu dường như dễ quản lý hơn từ quan điểm của Martin so với đoàn ban đầu được đề xuất. Chỉ có sáu thành viên, thay vì hai mươi mốt, và nghị sĩ trẻ Harkin cùng trợ lý gây tranh cãi của ông, Don Luce, không nằm trong số đó. Tuy nhiên, nhóm này vẫn đặt ra một thách thức. Trong số các thành viên tự do hơn của nó có Donald Fraser từ Minnesota và Bella Abzug không thể bị kiềm chế. Người quyền lực và hùng biện «Pete» McCloskey của California cũng đã chọn lên lịch một chuyến khảo sát riêng của mình để trùng với chuyến đi của phái đoàn. Với nhiều người hoài nghi như vậy, Martin biết rằng anh sẽ phải thuyết phục một cách mạnh mẽ và dứt khoát.

Thông thường, ông không để lại điều gì cho may rủi. Ông đã tạo ra một buổi

trình diễn hoành tráng như Barnum và Bailey nhằm gây ấn tượng chỉ bằng sự kỳ diệu của nó. Mỗi cơ quan trong Đại sứ quán được yêu cầu đóng góp một hoặc hai tiết mục, dưới dạng các buổi báo cáo hoặc tài liệu lập trường. Văn phòng của tôi được chỉ định đảm nhận phần lớn chương trình. Một số đánh giá thực địa của tôi đã được giải mật và sao chép bằng máy, để phát như chương trình vào đêm đầu tiên, mặc dù các nguồn và thông tin mà chúng dựa vào là những thứ nhạy cảm nhất của chúng tôi.

Tôi cũng được chỉ đạo viết một số bản ghi nhớ đặc biệt cho dịp này. Một trong số đó đã bàn luận dài dòng về những gì Polgar thích mô tả là "thực tế chiến lược." Đoạn văn mà nó đưa ra có thể được sao chép nguyên văn từ cuốn sách tóm tắt của Đại sứ. Cán cân lực

lượng hiện tại, tôi lập luận, không nên được coi là thước đo sức mạnh của hai bên. Mặc dù quân đội Việt Nam Cộng hòa có 300.000 quân chiến đấu (và tổng cộng 1,1 triệu người có vũ trang) - so với gần 200.000 quân chính quy của cộng sản trên chiến trường - họ cũng có nhiều dân số và lãnh thổ hơn để bảo vệ. Do đó, họ khó có thể được kỳ vọng sẽ tiến hành chiến tranh một cách tiết kiệm như vậy.

Lập luận thì hợp lý. Cách chúng tôi trình bày thì không. Tài liệu chứa một cuộc khảo sát đầy đủ về sự cân bằng lực lượng giữa hai bên, thông tin tình báo quý giá nhất mà người Bắc Việt có thể thu được. Tuy nhiên, không có gì trong bản ghi nhớ mang bất kỳ loại phân loại nào. Tất cả đều sẽ được cung cấp miễn phí cho các nghị sĩ Quốc hội đang thăm, và các nhà báo đi cùng, mà không có bất

kỳ điều kiện nào về việc sử dụng hoặc công bố.

Cách chúng tôi xử lý tình báo trong suốt thời gian này thật tầm thường và khiến tôi rất lo lắng. Hiếm khi Đại sứ hoặc Polgar có bất kỳ lo ngại nào về việc giải mật và công khai các báo cáo của điệp viên có thể giành được sự ủng hộ cho viện trợ bổ sung, nhưng bây giờ, với tình hình quân sự quá biến động và khó lường, việc tiếp tục công khai những thông tin mật này đã gây bất lợi đáng kể cho các đồng minh của chúng ta. Không chỉ có độc giả báo chí bình thường được tiếp nhận một bình luận liên tục về điểm mạnh và điểm yếu của hai bên, mà họ còn được cung cấp những mảnh lớn dữ liệu mới nhất của chúng ta về ý định của miền Bắc Việt Nam. Và điều mỉa mai là chúng tôi thực sự nghĩ rằng mình đang

giúp người Việt Nam miền Nam bằng cách quá cởi mở như vậy.

Ngoài sự khôn ngoan của những hành động thái quá này, còn có một câu hỏi về tính hợp pháp của chúng. Theo các Đạo luật An ninh Quốc gia, CIA bị cấm tham gia vào chính trị nội bộ ở Hoa Kỳ. Và thế nhưng mọi bản ghi nhớ và báo cáo mà tôi chuẩn bị cho phái đoàn đều là một động thái giả vờ theo hướng này - một nỗ lực để thay đổi suy nghĩ của Quốc hội về một vấn đề nội bộ.

Khi Đại sứ quán chuẩn bị cho chuyến thăm của Quốc hội, Thieu và nội các của ông cũng vậy. Tướng Viễn đã cho cấp dưới chuẩn bị một bản tóm tắt có sẵn về tình hình quân sự nhằm thuyết phục phái đoàn rằng đất nước đang đứng

trên bờ vực thảm họa. Ngay cả Martin cũng thấy điều đó hơi cực đoan và yêu cầu Viên giảm bớt. Quá nhiều u ám, ông cảnh báo, có thể gây hại như quá ít.

Các thành viên khác của nội các tập trung vào việc dọn dẹp những vấn đề nhạy cảm của chính phủ. Vì việc bắt giữ mười tám nhà báo ở Sài Gòn gần đây đã gây ra một làn sóng phản đối mạnh mẽ trong các phương tiện truyền thông phương Tây, đây là một trong những vấn đề được xem xét kỹ lưỡng. Bộ Nội vụ được chỉ thị biên soạn một loạt hồ sơ chứng minh rằng cả mười tám người đều là "chắc chắn" là gián điệp cộng sản. Điều này hóa ra không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, vì có một sự thiếu hụt đáng xấu hổ về bằng chứng chống lại họ. Các nhà điều tra cảnh sát, do đó, ngay lập tức bắt tay vào làm việc với các nghi phạm,

thu thập lời thú tội từ một số lượng đáng kể trong số họ và xây dựng các vụ án có thể bào chữa khác nhau chống lại những người còn lại. Đài phát thanh hoàn toàn nhận thức được sự vội vàng trong việc phán xét này, và cả những vụ dàn dựng. Một đặc vụ đã cung cấp cho chúng tôi một báo cáo chi tiết về họ. Nhưng chúng tôi nhanh chóng đặt một lớp bảo mật lên những tiết lộ của anh ấy để tránh rơi vào tay các khách mời Quốc hội của chúng tôi.

Tại Washington, trong khi đó, các đồng nghiệp ở Bộ Ngoại giao và CIA cũng đang vật lộn với những nỗ lực phút chót của riêng họ. Trong nhiều ngày, kể từ khi biết tin về chuyến thăm của Quốc hội, Martin đã làm phiền họ để có được các tài liệu và bản báo cáo để củng cố vị

thế của mình với các vị khách, và áp lực để có được sự khôn ngoan ngay lập tức về nhiều chủ đề giờ đây đã đạt đến đỉnh điểm.

Một trong những món quà Martin yêu cầu họ phải làm đòi hỏi tất cả sự sáng tạo mà họ có thể huy động : một nghiên cứu hoàn toàn cập nhật về viện trợ của Liên Xô và Trung Quốc cho Bắc Việt Nam. Ông đã từ lâu tin rằng nếu ông có thể thuyết phục những người hoài nghi trong Quốc hội về sự hào phóng của các đồng minh của Hà Nội, ông có thể thuyết phục họ đáp lại Sài Gòn một cách tương tự.

Khi yêu cầu của ông được chuyển đến trụ sở CIA, các nhà phân tích trong bộ phận tình báo kinh tế đã phát ra những tiếng kêu phản đối. Trong nhiều tuần, họ đã chống lại áp lực từ Nhà Trắng để

thực hiện một nghiên cứu như vậy, với lý do rất chính đáng rằng điều đó vượt quá khả năng của họ. Trong khi họ có thể xác định khá chính xác loại và số lượng hàng nhập khẩu vào Bắc Việt, thì việc gán giá cho chúng bằng đô la Mỹ lại là một chuyện khác.

Nhưng tính không thực tiễn của bài tập không làm Martin bận tâm. Ngược lại, ông ta quyết tâm khai thác tối đa từ nó. Không chỉ muốn có một ước tính giá trị cho viện trợ Bắc Việt Nam trong năm qua ; ông còn muốn có một ước tính cho mỗi năm kể từ năm 1967 để ông có thể tính toán và vẽ biểu đồ xu hướng so với viện trợ đồng thời cho Nam Việt Nam.

Nghiên cứu mà các nhà phân tích sản xuất ra là một sự nhạo báng, không chỉ đối với trí tuệ mà còn đối với sự liêm chính của họ. Một điều là, nó đã được

điều chỉnh quá mức, như nó phải như vậy, các phát hiện của nó gần như vô nghĩa. Nhưng tệ hơn nhiều từ góc nhìn của Martin : nó không chứng minh được quan điểm của ông. Bảng tổng kết cuối cùng cho thấy rằng trong khi tổng viện trợ nước ngoài cho Bắc Việt Nam đã tăng lên mức chưa từng có vào năm 1974, sự gia tăng này chủ yếu nằm ở các hạng mục viện trợ kinh tế chứ không phải quân sự. Nếu bạn đang cố gắng chứng minh ý định "xâm lược" của Hà Nội, như Martin đã làm, thì đó quả là một sự thật đáng xấu hổ, đặc biệt là vì xu hướng của miền Nam Việt Nam hoàn toàn ngược lại. Người Nam Việt, thực tế, đã nhận được nhiều viện trợ quân sự hơn viện trợ kinh tế trong năm qua, và khoảng gấp đôi số lượng viện trợ quân sự (tính theo đô la) so với số viện trợ[6] đã đến Hà Nội.

6 Giá trị tổng của viện trợ kinh tế và quân sự cho hai miền

Khi nghiên cứu được gửi đi đến Sài Gòn, cảm giác như chúng tôi vừa nhận được một củ khoai nóng. Polgar đã đọc nó, thấy rằng nó không có gì cho trường hợp của Đại sứ, và nhanh chóng tuyên bố rằng những ước tính như vậy không liên quan đến việc xác định khả năng quân sự hoặc ý định của Hà Nội. Martin cũng cảm thấy không hài lòng tương tự, nhưng thay vì bác bỏ nghiên cứu ngay lập tức, ông quyết định sử dụng nó một cách chọn lọc, chỉ trích dẫn những phát hiện và thống kê "hữu ích" nhất trong khi bỏ qua những cái khác.

Về mặt khéo léo, nghiên cứu viện trợ đã vượt qua bất cứ điều gì tôi từng thấy các nhà phân tích CIA sản xuất. Hầu hết

Việt Nam trong năm qua gần như là như nhau: 1,2 tỷ đô la cho Sài Gòn, 1,7 tỷ đô la cho Hà Nội. Tuy nhiên, khoản viện trợ quân sự mới nhất cho Sài Gòn đã lên tới 700 triệu đô la, trong khi Hà Nội chỉ nhận được khoảng 300 triệu đô la viện trợ quân sự từ các đồng minh của mình.

các đồng nghiệp của tôi ở Langley, hơn nữa, không có ai ảo tưởng về điều đó. Thật vậy, hai người đàn ông đứng đầu trong ban giám đốc phân tích đều đã xây dựng sự nghiệp của mình với tư cách là chuyên gia tình báo kinh tế và rất quen thuộc với những khó khăn trong việc đưa ra một ước tính như vậy. Tuy nhiên, thay vì mạo hiểm làm Kissinger tức giận bằng cách cảnh báo ông ta về dự án, cả hai đều đã chọn tiếp tục thực hiện nó như thể không có khó khăn gì cả.

Sau tất cả sự phấn khích của buổi khởi động, sự xuất hiện của phái đoàn Quốc hội dường như gần như không có gì đặc biệt, ít nhất là trong khoảng một giờ đầu tiên. Tuy nhiên, rất nhanh chóng, chúng tôi nhận ra rằng thử thách thực sự vẫn còn ở phía trước.

Ngay từ đầu, không chỉ các vị khách

của chúng tôi nghi ngờ Đại sứ quán, họ còn tỏ ra thù địch rõ ràng. Họ đã mang theo một số "chuyên gia về Việt Nam" từ USIA và Bộ Ngoại giao để giới thiệu cho họ xung quanh Sài Gòn, và họ rõ ràng quyết tâm dựa vào Martin và nhân viên của ông ấy càng ít càng tốt để nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn. Sự độc lập của họ phần nào được truyền cảm hứng bởi Thứ trưởng Ngoại giao Philip Habib, người đã đồng hành cùng nhóm như một cố vấn thực tế. Habib không phải là người ngưỡng mộ Martin. Ông đã trở nên mất kiên nhẫn với thói quen khó chịu của Đại sứ khi thường xuyên bỏ qua ông trong các cuộc giao dịch với Kissinger, và coi sự ủng hộ nhiệt tình của Martin đối với chính phủ Thiệu là chính trị tồi tệ (nếu không muốn nói là chính sách tồi tệ). Ít đam mê hơn một chút, ông từng nói với một cộng sự, có

thể giành được nhiều điểm hơn với Quốc hội. Vì vậy, khi các đại biểu bắt đầu với lịch trình dày đặc của họ, Habib đã nỗ lực để giữ quyền kiểm soát, hướng dẫn họ một cách cẩn thận để không ai phải chịu đựng sự chỉ trích của Martin lâu hơn mức cần thiết.

Thông thường, mỗi khi có các vị khách cấp cao đến thăm Đại sứ quán, tôi sẽ được gọi để trình bày "báo cáo tình hình" khai mạc. Lần này, Martin quyết định tự mình đảm nhận nhiệm vụ này, chỉ với sự giúp đỡ của các thành viên cao cấp trong Hội đồng Sứ mệnh. Rõ ràng là ông không muốn làm nhàm chán các vị khách của mình với một bài tường thuật dài dòng về các sự kiện.

Bài thuyết trình của anh ấy, như đã xảy ra, là một thảm họa. Kết quả đã rõ ràng ngay từ khoảnh khắc Đại diện Ab-

zug nhảy vào phòng hội nghị, gọi to bằng giọng của mình, "Ai là Polgar ? Tôi muốn gặp Polgar." Sau đó mọi thứ đều xuống dốc.

Trong suốt hai giờ họp, Polgar và Đại sứ đã thành công trong việc làm phật lòng ngay cả những người nghe đồng cảm nhất của họ bằng cách lảng tránh hầu hết các câu hỏi của họ. Khi Abzug yêu cầu biết làm thế nào Đại sứ quán có thể tiếp tục nói về sự ổn định chính trị ở Sài Gòn trong bối cảnh có quá nhiều bất ổn, Polgar đã thẳng thừng phủ nhận rằng có bất kỳ sự bất ổn nào cả. Câu hỏi đó, ông ta nói, cho thấy một sự hiểu lầm về "thực tế". Không có nhóm đối lập nào biểu tình chống lại chính phủ Thiệu có giá trị gì, ông khẳng định. Chỉ có những người đối lập "trung thành" mới có ảnh hưởng chính trị, và họ vẫn bình tĩnh như

bao giờ hết.

Cuộc thảo luận chuyển sang vấn đề nhạy cảm nhất, câu hỏi về tù nhân chính trị, và ở đây Polgar lại lấp lửng. Khi Đại diện Fraser mời ông đưa ra quan điểm về vấn đề này, Polgar trả lời rằng câu hỏi đã được diễn đạt không đúng cách. Tốt hơn là hỏi về việc bỏ tù những người bất đồng chính kiến ở Bắc Việt Nam, ông nói, vì ở đó việc này đã trở thành một nghệ thuật cao. Sau đó, ông ấy trượt một trong những bản ghi chú của tôi về vấn đề này qua bàn cho nghị sĩ. Fraser không thèm nhìn vào nó. "Tại sao anh cứ khăng khăng ném Bắc Việt Nam vào mặt chúng tôi ?" anh ta quát. "Ông nghĩ rằng một số người trong chúng tôi ủng hộ Cộng sản và cần phải cải cách sao ?" Polgar mỉm cười một cách thiên thần, nhưng không nói gì.

Martin sau đó chen vào cuộc trao đổi, liên tục nhấn mạnh một điểm mà ông luôn tìm cách đưa vào bất kỳ diễn đàn công khai nào. "Tôi đã làm phục vụ công chúng suốt bốn mươi năm," ông nói, "và liên tục tôi đã được chứng minh là đúng." Vì vậy, bạn có thể tin lời tôi rằng không có tù nhân chính trị ở đây." Ông tiếp tục giải thích như ông thường làm mỗi khi vấn đề này được nêu ra rằng ông gần đây đã gửi các đội điều tra vào các nhà tù ở Nam Việt Nam và đã xác định mà không có "một chút nghi ngờ nào" rằng các tù nhân đều là tội phạm đã được chứng minh - và không quá 35.000 người trong số họ, bất chấp những tuyên bố của Tổ chức Ân xá Quốc tế và các thành viên khác của âm mưu "ở ngoài kia."

Một số viên chức trẻ tuổi của Đại

sứ quán có mặt không thể không nhăn mặt trước tuyên bố đó, vì họ biết những "cuộc điều tra" đó thực chất là gì. Một năm trước, hai hoặc ba nhân viên của Martin đã được gửi đến mỗi nhà tù lớn trên khắp đất nước để hỏi ai đang ở bên trong. Không cần phải nói, câu trả lời mà người Việt Nam luôn đưa ra cho họ là câu mà chúng tôi muốn nghe : "Chỉ có tội phạm thông thường." Không có tù nhân chính trị ở đây.

Khi phiên họp kéo dài, Martin ngày càng dựa vào hùng biện hơn là sự thật để đánh bại người nghe của mình vào sự im lặng. Khi được hỏi về tính khách quan của báo cáo từ Đại sứ quán, ông lại một lần nữa nhắc đến sự trung thực đã được chứng minh của mình trong bốn mươi năm phục vụ chính phủ. Về vấn đề an ninh ở nông thôn, ông phủ nhận rằng

đã có bất kỳ sự suy giảm đáng kể nào. Như ông đã nói, mười một thị trấn trong khu vực Sài Gòn và đồng bằng đã bị mất trong hai tháng qua đều là "marginal" đối với đời sống kinh tế và chính trị của đất nước.

Sau đó, khi có ai đó thúc giục ông về chủ đề ý định của BV, ông đã đưa ra một câu không liên quan mà tôi đã nghe ông sử dụng trong nhiều cuộc họp trước đây, tôi thuộc lòng : "Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi ước người Bắc Việt sẽ phát động một cuộc tấn công lớn trong khoảng một tháng tới." Không nghi ngờ gì nữa, QL VNCH sẽ nhượng bộ ban đầu ; họ luôn làm vậy. Nhưng sau đó họ chắc chắn sẽ tiếp tục đánh bại quân đội Bắc Việt một cách quyết định, như họ đã làm vào năm 1972.

Buổi gặp gỡ khai mạc đó là lần cuối

cùng các nghị sĩ đồng ý ngồi yên nghe một trong những bài giảng của Martin. Sau đó, mỗi người đi theo con đường riêng của mình, theo đuổi những điều mình yêu thích. McCloskey, cựu lính thủy đánh bộ, đã bay trực thăng đến vùng phía bắc nhất của đất nước. Phát hiện ra rằng ông có thể bay vào các khu vực tranh chấp trước đây mà không gặp nguy hiểm, ông nhanh chóng kết luận rằng có lẽ người Nam Việt Nam không tệ như ông nghĩ. Đại diện Abzug, trong khi đó, đã tìm gặp nhà hoạt động cánh tả - bà Ngô Bá Thành, và có lẽ đã chia sẻ những suy nghĩ nữ quyền với bà. Tối hôm sau, bà và Fraser đã làm phật lòng Đại sứ một cách nghiêm trọng bằng cách từ chối tham dự bữa tối đặc biệt mà ông đã sắp xếp cho phái đoàn tại Tòa Đại sứ với lý do "chính trị". Sau đó, khi toàn bộ nhóm gặp Tổng thống Thiệu, một số

người trong số họ cư xử rất thiếu ngoại giao, liên tục hỏi ông những câu hỏi xúc phạm như thể họ, chứ không phải ông, mới là người có quyền lực tối cao trong nước, khiến Martin cảm thấy có nghĩa vụ phải xin lỗi ông sau đó.

Nhưng điều đã làm cho quan hệ giữa các đại biểu và các chủ nhà Việt Nam trở nên không thể cứu vãn là một sự cố xảy ra xa khỏi Dinh Độc Lập, tại một nhà tù ở ngoại ô Sài Gòn. Trong một buổi tham quan nơi này vào một buổi chiều, Đại diện McCloskey và người bạn đồng hành của ông, Thượng nghị sĩ Dewey Bartlett của Oklahoma, đã yêu cầu phỏng vấn một số nhà báo Việt Nam vừa mới bị bắt. Tướng Bính, Cảnh sát trưởng Quốc gia, miễn cưỡng đồng ý. Khi ba trong số các tù nhân cuối cùng được đưa ra, mỗi người trong số họ đều thừa nhận dưới sự

chất vấn sắc bén của Bính rằng họ là gián điệp VC. Nhưng McCloskey không hài lòng. Ông và Bartlett muốn nói chuyện với các tù nhân một mình, không có sự hiện diện của Bính, ông giải thích. Có thể sắp xếp được không ? Cuối cùng, sau nhiều cuộc tranh luận, Bính đã đồng ý. Vừa mới ra khỏi tầm nghe, cô Phương Thị Thảo đã thì thầm với hai người Mỹ, "Họ đã đánh bại chúng ta rất nhiều." Sau đó, McCloskey đã đề cập đến vấn đề này với Thiệu. "Vâng, những người cộng sản sẽ nói rằng họ đã bị tra tấn," Thiệu trả lời một cách không liên quan lắm. Đại sứ quán, tất nhiên, không có bình luận gì.

Đến ngày thứ ba của chuyến thăm, một số nghị sĩ Quốc hội ít hiếu động hơn đã hết các dự án yêu thích, và với thời gian rảnh rỗi, họ quyết định xem có bất kỳ sự khôn ngoan nào trong Đại sứ quán

ngoài Martin và Polgar không. Họ đã mang theo một danh sách từ Washington gồm một số thành viên được cho là am hiểu và thẳng thắn hơn trong đội ngũ nhân viên của Đại sứ và yêu cầu được nói chuyện với một số người trong số họ. Tên tôi, dù hợp lý hay không, đã được đưa vào danh sách.

Với sự chấp thuận của Martin, McCloskey và Bartlett đã sắp xếp một cuộc phỏng vấn riêng với tôi và một trong những đồng nghiệp CIA của tôi. Khi Polgar nói với tôi về điều đó, tôi có cảm giác chao đảo đột ngột như khi nghe tiếng rocket đang bắn tới. Các sắp xếp cho nó cũng gần như vô hại. Cuộc họp sẽ diễn ra tại nhà Polgar vào tối hôm đó, với Polgar "điều phối." Rõ ràng là ý tưởng của Đại sứ về một "phiên họp riêng tư" có phần khác biệt so với các nghị sĩ. Tôi

thấy không có nhiều lợi ích tiềm năng cho bất kỳ ai trong đó.

Những lo ngại của tôi, hóa ra, hoàn toàn có cơ sở. McCloskey đã định hình cuộc thảo luận, ngụ ý với Polgar ngay từ đầu rằng ông nghi ngờ ông ta là kẻ nịnh bợ của Đại sứ - do đó cần phải kiểm tra lại thông tin với cấp dưới. Tất nhiên, Polgar có vài điều muốn nói về điều đó. Ông ấy là, và luôn là, người của chính mình, ông ấy khẳng định một cách mạnh mẽ, và về các vấn đề liên quan đến niềm tin, ông ấy sẵn sàng đối đầu với bất kỳ ai, bao gồm cả Đại sứ và Đại diện danh dự từ California. McCloskey bỏ qua điều đó (Bartlett ngồi im lặng, nếu có phần không thoải mái, qua hầu hết những điều này) và chuyển sang một vấn đề quan trọng hơn. "Delta vẫn an toàn như Đại sứ đã khẳng định không ?" ông ấy hỏi, quay sang tôi. Tôi

mở miệng định trả lời, nhưng Polgar đã ngắt lời. "Vâng, gần như vậy," ông ấy nói. "Các con đường và tuyến đường liên lạc vẫn mở và gạo vẫn chảy về Sài Gòn."

McCloskey tiếp tục nhìn chằm chằm vào tôi. "Thế nào ?" ông ấy hỏi. "Bạn nghĩ sao ?"

Có thể tôi đã mệt mỏi và không cảnh giác, hoặc có thể anh ta chỉ là một người thẩm vấn hấp dẫn. Dù sao đi nữa, tôi thấy mình đang tuôn ra một câu trả lời mà không có bất kỳ sự suy tính thực sự nào - điều này thật không khôn ngoan đối với một viên chức trẻ đang trong giai đoạn phát triển. "Như chúng tôi đã chỉ ra trong các ước tính gần đây," tôi nói, cố gắng để lại một cơ hội cho Polgar, "người Nam Việt Nam đang trong quá trình thu hẹp." Trong năm qua, họ đã rút khỏi các khu vực biên giới mà chúng tôi đã để lại

cho họ, từ bỏ các tiền đồn ở vùng cao nguyên và đồng bằng mà họ không còn đủ sức không quân hoặc pháo binh để bảo vệ. Bên kia, tất nhiên, đang cố gắng khai thác điều này và mang lại một 'cân bằng' mới có thể được biến thành lợi thế chính trị." Tôi kết thúc bằng cách dự đoán sẽ có một số trận chiến ác liệt ở các khu vực như Tỉnh Tây Ninh trong vài tháng tới khi các lực lượng Cộng sản cố gắng củng cố các khu vực biên giới của họ. Điều đó, như các sự kiện đã chứng minh, là một sự đánh giá thấp trong năm.

Tất cả những điều này dường như làm McCloskey vô cùng hài lòng, và khi tôi ngồi lại, tôi không thể hiểu nổi tại sao Polgar và Đại sứ lại gặp phải những vấn đề như vậy với những người này. Nhưng rõ ràng Polgar không hài lòng với những gì tôi đã nói và đã dành phần còn lại của

buổi tối để cố gắng giải thích nó.

Ngày hôm sau, khi tin tức về cuộc thảo luận của chúng tôi lan truyền trong phái đoàn, Frank Scotton, một trong những trợ lý đi cùng, đã gọi cho tôi và hỏi liệu tôi có xem xét một cuộc gặp lại, lần này hơi riêng tư hơn. Ông ấy và một vài "người bạn" đã ăn sáng cùng nhau vào sáng hôm sau. Tôi có tham gia cùng họ không ? Tôi đã nói là tôi sẽ tham gia.

Khi tôi xuất hiện vào lúc bình minh tại nơi ở của các đại biểu cách Đại sứ quán vài dãy phố, Scotton và cùng người đàn ông CIA đã cùng tôi trong phiên họp McCloskey đã uống đến cốc cà phê thứ hai. Ngồi đối diện với họ là Đại diện Fraser và Đại diện Millicent Fenwick của New Jersey, cùng với một vài trợ lý. Trong ba giờ tiếp theo, đồng nghiệp của tôi và tôi đã trả lời các câu hỏi về mọi thứ từ

ý định của cộng sản đến khả năng sống sót của Thiệu. Bà Fenwick, một quý bà với vẻ đẹp vượt trội, đang hút một điếu xì gà, và suốt buổi họp, một con quỷ quái ác nào đó trong tâm lý của tôi đã khiến tôi gọi bà ấy là "ngài" liên tục.

"Có khả năng nào không," cô ấy hỏi tôi vào một lúc nào đó, "Bắc Việt có thể đồng ý với một lệnh ngừng bắn mới không ?"

"Vâng, thưa ngài," tôi nói, "họ đang phải đối mặt với những áp lực và ràng buộc có thể đẩy họ theo hướng đó." Người dân Bắc Việt, chẳng hạn, được nói rằng hiệp định Paris là một chiến thắng lớn và cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn. Cả hai tuyên bố đều không thành công. Vì vậy, dân số đang bất an. Chỉ riêng điều đó thì không có gì đáng kể. Kiểm soát của chính phủ vẫn còn hơn cả đủ. Nhưng

những điều khác đã xảy ra để thay đổi bối cảnh và mức độ khoan dung của chế độ. Điều quan trọng nhất, tất nhiên, là sự hòa bình. Người Liên Xô và người Trung Quốc đang trở nên ngày càng khó đoán đối với Hà Nội, và điều đó có thể khiến người Bắc Việt Nam phải suy nghĩ lại về tất cả các vấn đề mãn tính của họ.

Không có điều gì trong số này, hãy nhớ rằng, sẽ khiến họ ngừng chiến tranh vào ngày mai. Nhưng nếu, giả sử, thêm hai hoặc ba năm nữa tình trạng bế tắc ở miền nam vẫn tiếp diễn, sự trì trệ ở trong nước cộng với một vài cái chết và sự nghỉ hưu trong Bộ Chính trị, họ có thể sẽ cuối cùng tập trung lại năng lượng của mình.

Cả hai nhà lập pháp đều lắng nghe chăm chú và ghi chép. Khi tôi dừng lại để lấy hơi, tôi cảm thấy một chút tội lỗi.

Những bình luận và dự đoán của tôi không hề tự phát hay nguyên bản như tôi cố gắng làm cho chúng nghe có vẻ như vậy. Bằng cách này hay cách khác, tất cả đều đã được chuẩn bị kỹ lưỡng trong các tài liệu chính sách của Chính quyền trong năm qua và là cơ sở cho những hy vọng lớn nhất của Kissinger về Việt Nam.

Cuộc thảo luận tiếp tục thêm khoảng một giờ nữa. Sau đó, ngay khi đồng nghiệp của tôi và tôi đang chuẩn bị kết thúc, cửa đột ngột bị mở tung và Đại diện Abzug bước vào phòng, chiếc mũ Panama rộng vành bay phấp phới quanh tai như một cái bạt trong mùa mưa. "Có chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy !" bà ấy gầm lên. Tôi hầu như không cần phải nhắc nhở về quan điểm của cô ấy về CIA, sự ghê tởm của cô ấy đối với ảnh hưởng "lan tỏa" của nó trên thế giới, vì vậy tôi quyết

định giới thiệu bản thân ngay lập tức và vượt qua điều tồi tệ nhất. "Tôi là một nhân viên CIA," tôi nói khi đứng dậy, và sau đó, trong một nỗ lực hài hước không khôn ngoan, thêm vào một cách vui vẻ, "Vậy nên hãy cẩn thận với những gì bạn nói." Cô ấy quay lại nhìn tôi như thể tôi đã ném một chiếc găng tay vào chân cô ấy, nhìn chằm chằm vào mắt tôi và nói (không có dấu hiệu nào của sự hài hước), "Mày nên cẩn thận với những gì mày nói, nhóc !" Với lưu ý đáng lo ngaii đó, cuộc họp đã kết thúc.

Bất chấp bà Abzug, buổi sáng đã không bị lãng phí. Khi các đại biểu bắt đầu kết thúc chuyến tham quan của họ, một số người trong số họ đã chấp nhận rằng có một vài cá nhân tự do trong xã hội vốn dĩ khép kín của Martin.

Giả thuyết đó sẽ có lợi cho tôi và Pol-

gar, như tôi đã phát hiện ngay sau phiên họp, khi một trong những trợ lý của các nghị sĩ ghé qua văn phòng của tôi để làm rõ một số chi tiết lặt vặt. Polgar có thật sự là nạn nhân của Đại sứ không ? anh ta hỏi. Nếu vậy, Fraser và một số người khác sẽ yêu cầu ông ta bị cách chức, cũng như Martin, trong các khuyến nghị cuối cùng của họ gửi tới Quốc hội. Tôi đã lặp lại gần như những gì chính Polgar đã nói với McCloskey đêm hôm trước. Theo bất kỳ tiêu chuẩn nào, tôi nói, Polgar là một người độc lập—có thể là một chiến binh lạnh lùng, người chia sẻ sự thù ghét của Martin đối với quỷ và chủ nghĩa Cộng sản cũng như sự bối rối của ông về điều đó, nhưng vẫn là một người độc lập. Nếu ông ấy có vẻ bám sát quan điểm của Đại sứ, thì chỉ vì họ rất giống nhau về mặt triết lý.

Người phụ tá cảm ơn tôi và rời đi. Một hoặc hai tuần sau, ông ấy đã gửi cho tôi một ghi chú theo dõi thú vị. Dựa trên những gì tôi đã nói với ông ấy, cũng như một số cân nhắc khác, ông ấy nói rằng Fraser và công ty đã quyết định không làm vấn đề về sự hiện diện liên tục của Polgar ở Sài Gòn. Thực tế, tôi đã giúp cứu công việc của sếp mình.

Khi chuyến thăm Quốc hội kết thúc, hầu hết chúng tôi trong Đại sứ quán đều u ám tin rằng chúng tôi đã không thu phục được nhiều người, và có thể đã tạo ra những kẻ thù mới. Hai trợ lý của Bộ Ngoại giao tuyên bố thẳng thừng rằng đề xuất viện trợ đã chết. Với tâm trạng của các đại biểu, tôi có thể đã đồng ý, nhưng rồi, như thể do số phận, một điều gì đó đã xảy ra vào buổi chiều cuối cùng

của họ để thay đổi một số quan điểm và tỷ lệ cược. Trớ trêu thay, chính những người Bắc Việt Nam đã là công cụ của sự chuyển biến này.

Vài giờ trước khi khởi hành, một số Nghị sĩ đã lái xe đến Trại Davis ở Tân Sơn Nhất để gặp gỡ các đại biểu Bắc Việt và PRG của Đội quân sự chung đang hấp hối. * Như họ đã làm rõ với các chủ nhà trước đó, họ đang tìm kiếm một cuộc thảo luận cởi mở, không có tuyên truyền và cay đắng, về 1.300 quân nhân Mỹ vẫn còn mất tích trong hành động. Trong năm qua, 107 hồ sơ về những người mất tích trong chiến tranh (MIA) này đã được chuyển cho các thành viên đội ngũ Cộng sản, nhưng cho đến nay vẫn chưa có phản hồi nào. Một tuần trước, trong một bức thư cá nhân gửi Thượng nghị sĩ Edward Kennedy, các quan chức

Bắc Việt đã thừa nhận có thông tin về MIA nhưng nhấn mạnh rằng cách duy nhất để Hoa Kỳ có được thông tin này là từ bỏ sự ủng hộ đối với chế độ Thiệu. Đây không phải là loại thẳng thắn mà Bộ Ngoại giao đã hy vọng, và các đại biểu Quốc hội quyết tâm xem liệu có thể làm được điều gì hơn nữa không[7].

Khi họ đến Trại Davis, tuy nhiên, mọi thứ đã được sắp xếp chống lại họ. Khoảng bảy mươi sáu phóng viên có mặt, tất cả đều là khách của Bắc Việt ; hội trường hội nghị được trang trí bằng cờ VC và có một bức tượng bán thân của Hồ Chí Minh - khó có thể là bối cảnh cho một cuộc thảo luận không thiên vị.

7 Nhóm Quân sự Liên hợp, không nên nhầm lẫn với Ủy ban Quân sự Liên hợp cũng đóng tại Tân Sơn Nhất, chỉ quan tâm đến việc kiểm kê tù nhân và những người mất tích trong hành động từ tất cả các bên. Hoa Kỳ và Bắc Việt đều có đại diện trong Đội, trong khi chỉ có Sài Gòn và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam hiện đang ngồi trên Ủy ban cũng đang bị tê liệt như vậy.

Chủ tịch nhóm Quốc hội, Đại diện John Flynt, đã cố gắng phản đối, nhưng các đại biểu Bắc Việt chỉ quay lưng lại với ông và dẫn các phóng viên vào hội trường.

Thiếu tá Bảo, phó chủ tịch của đội Bắc Việt, từ chối trả lời các câu hỏi khi cuộc họp được triệu tập. Thay vào đó, ông khăng khăng đọc một tuyên bố dài hai mươi phút cáo buộc Hoa Kỳ can thiệp "bất hợp pháp" vào công việc của Việt Nam. Có những tiếng rên rỉ và sự xô đẩy giữa các nhà lập pháp, một số người trong số họ dưới những hoàn cảnh khác có thể đã có xu hướng đồng ý.

Khi Bảo đã nói xong, Thượng nghị sĩ Bartlett tháo một chiếc vòng tay ra khỏi cổ tay và đưa nó qua bàn cho ông, giải thích rằng đó là một bùa hộ mệnh MIA được khắc tên của Đại úy Richard Feizel, người đã mất tích ở miền Bắc Việt

Nam vào ngày 30 tháng 6 năm 1968. Theo các điều khoản của hiệp định Paris và Công ước Geneva, ông nhận xét, Bắc Việt có nghĩa vụ cung cấp thông tin về số phận của Feizel - và ông thêm vào, để nhấn mạnh, rằng tuyên bố của Bao thực sự không đi vào trọng tâm. "Trên thực tế, ở Oklahoma, quê hương tôi", Bartlett tiếp tục với giọng điệu Will Rogers của mình, "họ có một từ cho những nhận xét của bạn - và từ đó là vô nghĩa." Bảo cứng người lại.

Đại diện Fenwick sau đó yêu cầu biết liệu Hà Nội có ý định giải quyết các vấn đề còn tồn đọng với Hoa Kỳ hay không. Bao lật qua một số giấy tờ và cố gắng bắt đầu một bài diễn thuyết khác, nhưng Bartlett đã ngắt lời. «Xin lỗi,» ông ta nói, chỉ vào chiếc vòng tay một lần nữa, «nhưng những nhận xét của ông

không liên quan gì đến câu hỏi cụ thể của chúng tôi.» Còn về Đại úy Feizel thì sao ? Tôi nói gì với vợ anh ấy ? Tôi có nên nói với cô ấy rằng anh ấy sẽ không giúp đỡ ? Hay tôi nói với cô ấy rằng bạn đã từ chối trả lời ? (Không có phản hồi từ phía Bắc Việt.) «Được rồi, tôi hiểu qua sự im lặng của bạn rằng bạn muốn tôi nói với cô ấy rằng bạn đã từ chối trả lời. Tôi sẽ làm đúng như vậy».

Sau nửa giờ tranh luận như vậy, các nhà lập pháp đã di chuyển đến một hội trường cách đó vài cửa để gặp các đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG). Người phát ngôn chính của họ, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn, đã cố gắng bắt đầu với một bài giảng đã chuẩn bị sẵn của mình, nhưng lần này người Mỹ đã được cảnh báo trước và chuẩn bị kỹ lưỡng. Sau khoảng

một phút, Bartlett đã ngắt lời, tuyên bố mình là chủ tịch tạm thời, và nhường lời cho Đại diện Flynt. "Nếu như bạn nói rằng bạn quan tâm đến việc thực hiện nghiêm túc thỏa thuận Paris," Flynt gầm gừ, "thì tại sao chính phủ của bạn lại từ chối hồi hương thi thể của bốn mươi mốt quân nhân Mỹ có tên trong danh sách mà chính phủ của bạn đã chuyển cho chúng tôi ở Paris khi thỏa thuận được ký kết ?" Những người đàn ông đó đã chết khi còn là tù binh chiến tranh trong các trại của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Tuấn : "Tôi đã giải thích điều này một cách có hệ thống bằng cách chỉ ra vấn đề tổng thể của thỏa thuận Paris và sự can thiệp liên tục của chính phủ của bạn, nhưng tiếc rằng tôi đã bị ngắt lời." Xin cho phép tôi tiếp tục, vì chúng ta chỉ

còn năm phút nữa thôi. Vấn đề thực sự là việc Mỹ tiếp tục chiến tranh...

Đại diện Flynt (một cách thiếu kiên nhẫn) : «Không, tôi muốn biết tại sao bạn chưa trả lại bốn mươi mốt thi thể.» Chúng ở đâu ?»

Tuấn (không trả lời câu hỏi) : "Sau khi ký hiệp định Paris, Hoa Kỳ đã tiếp tục duy trì cuộc chiến một cách bất hợp pháp, khiến cho việc thực hiện hiệp ước trở nên không thể, trong khi hàng trăm và hàng nghìn người Việt Nam đang khổ sở và chết mỗi tuần..."

Flynt : "Xin lỗi nhưng tôi không muốn nghe điều này." Tôi muốn biết bốn mươi mốt thi thể ở đâu. Bốn mươi mốt thi thể ở đâu ?

Tuấn (rõ ràng là bị chấn động) : "Tôi

đã nghĩ rằng các bạn đến để trao đổi quan điểm, để cố gắng hiểu rõ hơn về tình hình ở Việt Nam." Tôi sẽ không bị ép phải trả lời câu hỏi như vậy, và tôi tin rằng người dân Mỹ sẽ hiểu. (Nhìn đồng hồ.) Đã là 12 giờ, mười lăm phút kể từ khi phiên họp ba mươi phút đã thỏa thuận bắt đầu. Tôi thấy thời gian đã hết.

Thượng nghị sĩ Bartlett (mãnh liệt) : "Tốt !"

Khi các nhà lập pháp rời đi, Đại diện Fenwick lục lọi trong túi xách của mình để tìm một chiếc khăn tay. Lúc đó, cô mới nhận ra ví của mình với bốn trăm đô la đã biến mất. Rõ ràng, trong suốt sự phấn khích đó, một trong những người chủ nhà theo cộng sản của cô đã kịp thời lấy nó đi[8].

8 Trong suốt phiên họp tại Tân Sơn Nhất, Đại diện Abzug, thường là một trong những đại biểu Quốc hội thẳng thắn nhất, đã giữ thái độ đáng chú ý là trầm lắng. Bà đã bỏ lỡ một

Các thành viên của đội Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam đã hy vọng giành được một số điểm tuyên truyền với màn trình diễn buổi chiều của họ, nhưng rõ ràng kế hoạch này đã phản tác dụng. Một số người do dự trong nhóm Quốc hội đã hoàn toàn quyết tâm bỏ phiếu cho một số viện trợ bổ sung cho Nam Việt Nam.

Sự chuyển đổi của họ, tất nhiên, sẽ chứng tỏ là một chiến thắng thảm bại cho Chính quyền, vì chỉ trong vài tuần, sự suy thoái nhanh chóng của quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ làm cho tất cả các đề xuất viện trợ trở nên gần như không

cuộc họp báo cáo trước đó về vấn đề MIA do các đại diện Mỹ cung cấp cho Đội Quân sự Liên hợp và không tỏ ra sẵn lòng theo đuổi vấn đề này với các đại biểu Cộng sản. Đối với một số người trong chúng tôi, sự im lặng của cô ấy thật đáng ngạc nhiên, đặc biệt là vì cô ấy đã thể hiện sự nhiệt huyết mẫu mực trong việc loại bỏ những điều xấu xa của chế độ Thiệu.

còn ý nghĩa. Hơn nữa, Đại sứ quán đã phải trả giá cho những hành động của mình trong chuyến thăm của Quốc hội. Bằng cách ủng hộ "nguyên nhân" của Sài Gòn một cách nhiệt tình, chúng tôi chỉ thành công trong việc thuyết phục các vị khách rằng chúng tôi thực sự không đủ khả năng để đánh giá bất cứ điều gì một cách chính xác. Sự suy giảm độ tin cậy này sẽ khiến chúng tôi càng khó khăn hơn trong những tuần tới để thuyết phục các bạn bè trong Quốc hội ở Washington về tính nghiêm trọng của tình hình quân sự.

Tâm điểm của tất cả những nghi ngờ và chỉ trích là chính Martin. Đại diện Flynt đã nói với các phóng viên ở Sài Gòn rằng Đại sứ là một "thảm họa," và cả Abzug và Fraser đều hứa sẽ thúc đẩy việc ông ta bị cách chức.

Nhưng nếu Martin bị nản lòng bởi bất kỳ điều gì trong số này, anh ấy cũng không thể hiện điều đó. Theo tất cả những gì thấy được, ông vẫn tỏ ra tự tin một cách thanh thản về tính chính nghĩa của vị trí của mình và mối quan hệ của ông với Kissinger. Thật vậy, vào tối ngày 2 tháng 3, khi các nhà lập pháp tập trung tại Tân Sơn Nhất để lên máy bay trở về Hoa Kỳ, ông đã thực hiện một màn trình diễn cuối cùng. Ngay trước giờ bay, ông dừng xe tại phòng chờ VIP trong chiếc limousine đen của mình, bước vào và thông báo với nhóm rằng ông muốn đi cùng họ trở lại Washington. Ông có một số công việc vận động hành lang cuối cùng cho dự luật viện trợ, ông nói, và sẽ rất biết ơn nếu họ dành cho ông một chỗ trên máy bay của họ. Ít người trong số các nghị sĩ tỏ ra nhiệt tình - họ đã dành gần như toàn bộ thời

gian với Martin như họ mong muốn và viễn cảnh một chuyến bay dài với ông ta hầu như không phải là ý tưởng của họ về một sự hạ cánh dễ dàng sau một tuần dài mệt mỏi đi bộ qua Đông Dương. Nhưng Martin vẫn kiên trì, và vì lịch sự, Flynt, trưởng phái đoàn, đã đồng ý.

Trong suốt phần lớn chuyến bay dài, Đại sứ ngồi một mình, lật qua các ghi chú tóm tắt và tài liệu mật. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi giao tiếp xã hội, ông đã chặn Frank Scotton lại và chỉ trích ông ta vì đã để các thành viên của phái đoàn tiếp xúc với các quan chức cấp trung của Đại sứ quán như tôi.

13. Hoa Sen Nở Rộ

Trong cơn hỗn loạn của chuyến thăm Quốc hội, chiến trường bỗng nhiên trở nên yên tĩnh. Polgar giải thích sự yên tĩnh như một mưu kế chính trị. Các nhà lãnh đạo Cộng sản, ông khẳng định, đang cố tình nương tay để thuyết phục các vị khách cấp cao của chúng ta rằng chiến tranh đã kết thúc và viện trợ thêm cho Sài Gòn là không cần thiết.

Có thể ông ấy đã đúng, nhưng chỉ một phần. Bởi vì nếu sự yên tĩnh đó là

một mưu kế, thì nó cũng là một điều cần thiết. Các nhà chiến lược Bắc Việt đã thay đổi chiến lược một cách đột ngột sau trận chiến Phước Long, các nhà hậu cần của họ cần một khoảng thời gian thở để chuẩn bị cho vòng tiếp theo - cuộc tấn công vào thành phố Ban Mê Thuột ở vùng cao nguyên phía tây.

Bộ chỉ huy cao cấp miền Nam Việt Nam không hề không biết đến những động thái của kẻ thù. Trong vài ngày qua, các sĩ quan tình báo VNCH ở QK 2 đã phát hiện ra một số manh mối rõ ràng, bao gồm một cuốn nhật ký, được tìm thấy trên thi thể của một binh sĩ BV, với những đề cập rõ ràng đến một chiến dịch được lên kế hoạch chống lại Buôn Ma Thuột. Ngoài ra, một người đào ngũ từ Bắc Việt đã tiết lộ trong quá trình thẩm vấn rằng Sư đoàn 320 BV gần đây đã rời

khỏi tỉnh Pleiku và hiện đang nhắm mục tiêu vào thành phố. Hầu như trùng hợp, các thông tin viên của chính phủ ở tỉnh Quảng Đức, ngay phía nam thị trấn, đã báo cáo về sự tập trung đông đảo quân BV bên kia biên giới ở Campuchia.

Tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh Quân đoàn 2, đã trở nên vô cùng kích động trước những tiết lộ này, và có lý do chính đáng : ông không có đủ lực lượng ở vùng cao nguyên để bao quát tất cả các mục tiêu tiềm năng một cách đồng đều. Sư đoàn 23 VNCH, sư đoàn tốt nhất dưới quyền chỉ huy của ông, đã bị kéo căng một cách nguy hiểm, với hai trung đoàn phân tán qua Kontum và Pleiku và một phần của trung đoàn khác được điều động đến mặt trận Ban Mê Thuột-Quảng Duc. Để đối phó với một cuộc tấn công trực diện vào Ban Mê Thuột, ông biết rằng ông sẽ

phải huy động thêm hai trung đoàn nữa và có thể còn nhiều hơn nữa, tùy thuộc vào quy mô của lực lượng đối phương. Nhưng vấn đề của ông là ông chỉ có thể điều động thêm quân bằng cách rút bỏ phòng thủ ở Kontum và Pleiku về phía bắc, và theo quan điểm của ông, điều đó là không thể bàn cãi. Hai tỉnh này quá quan trọng về mặt chiến lược. Không chỉ nằm trên các tuyến đường xâm nhập chính của BV từ Lào và Campuchia, nhưng chúng cũng cung cấp một bước đệm để tiến vào bờ biển. Đường cao tốc chính theo hướng đông-tây ở QK 2, Đường 19, chạy từ Pleiku đến thành phố Qui Nhơn, và nếu các lực lượng Cộng sản lại cố gắng chia cắt đất nước một lần nữa, như họ đã nhiều lần cố gắng và thất bại trong quá khứ, Đường 19 sẽ là tuyến đường hành quân hợp lý. Vì vậy, cả con đường cao tốc và nút giao thông phía

tây của nó ở Pleiku phải được giữ vững trong tay chính phủ.

Trái ngược với tất cả những điều này, báo cáo của tù nhân và thông tin không đáng tin cậy từ Tỉnh Quảng Đức dường như không đủ lý do để tái triển khai lực lượng quy mô lớn. Nếu Sư đoàn 320 BV thực sự đang tiến về phía nam từ Pleiku đến Ban Mê Thuột, thì việc chuyển quân song song của quân đội Phú là điều cần thiết. Nhưng nếu kẻ đào ngũ sai và Phú vẫn chuyển quân thì Pleiku và Kontum coi như mất.

Không, Phú đã khuyên các nhân viên của mình, ông đơn giản không thể mạo hiểm. Ông sẽ để các đơn vị của mình ở nguyên vị trí, giữ lại phần lớn trong số đó, bao gồm hầu hết Sư đoàn 23, tập trung ở vùng cao nguyên phía bắc. Trong việc bảo vệ quyết định của mình, ông đã trích

dẫn các cuộc nghe lén gần đây về thông tin liên lạc của cộng sản, dường như chỉ ra rằng sở chỉ huy của Sư đoàn 320 vẫn ở trong khu vực hoạt động bình thường của nó, tại Đức Cơ ở phía tây Pleiku. Nếu đúng như vậy, thì rõ ràng là kẻ đào ngũ đang nói dối : Sư đoàn 320 không hề nhắm đến Buôn Ma Thuột.

Hóa ra, Phú đã đặt nhầm niềm tin và sự hoài nghi của mình. Không phải báo cáo đào ngũ là giả mạo, mà là bản thân các cuộc chặn sóng vô tuyến. Là một phần của trò hề tinh vi nhằm che giấu mục tiêu thực sự của họ ở vùng cao nguyên, BV gần đây đã thiết lập một sở chỉ huy giả mạo tại Đức Cơ và hiện đang phát tín hiệu vô tuyến từ đó để đánh lừa các chỉ huy VNCH địa phương tin rằng Sư đoàn 320 vẫn còn trong khu vực. Trò lừa bịp này đã đánh lừa tất cả chúng tôi,

với hậu quả cuối cùng là chết người cho chính phủ.

Khi Phú đang cố gắng quyết định về ý định của kẻ thù, sĩ quan liên lạc quân sự lưu động của Trạm, Tướng Timmes, đã đến thăm ông ở Pleiku. Tư lệnh QK 2 không cố gắng giấu giếm sự bối rối của mình. Mặc dù có báo cáo về việc kẻ thù tập trung quân tại Ban Mê Thuột, ông nói, ông vẫn tin rằng đợt tấn công chính của kẻ thù sẽ hướng về Kontum và Pleiku. Và tuy nhiên không có cách nào để chắc chắn. Liệu Timmes có thể tư vấn cho anh ấy không ?

Timmes lắc đầu buồn bã... Ông có thể lắng nghe, ông nói, nhưng không thể đưa ra lời khuyên nào. Hiệp định Paris, với sự cấm đoán can thiệp quân sự của Mỹ vào Việt Nam, đã làm điều đó trở nên không thể.

Vài ngày sau, Phú đã tìm đến cấp trên của mình để cầu cứu. Điều ông cần nhất, ông nói với Bộ Tổng tham mưu liên quân ở Sài Gòn, là thêm nhiên liệu và đạn dược. Với sự không chắc chắn của các kế hoạch của kẻ thù, ông cảm thấy rằng ông nên có đủ kho dự trữ tại Kontum và Pleiku để hỗ trợ quân đội của mình trong ít nhất chín mươi ngày chiến đấu khốc liệt.

Nhưng các tướng lĩnh tại JGS cũng không cởi mở hơn Timmes. Trong khi thừa nhận khả năng xảy ra nhiều cuộc tấn công ở vùng cao nguyên, họ từ chối cấp thêm nguồn cung cho Phú. Dù sao thì nhiều người cũng coi ông là người vô hồn và thiếu trí tưởng tượng, và tin rằng nếu ông được trả lương cao hơn, ông sẽ không có nhiều động lực để giữ cho Tuyến đường 19 mở cửa đến bờ biển, giờ

là tuyến đường sống chính của ông.

Trong khi Phú đau đầu về các mục tiêu của Bắc Việt, những người chính yếu vẫn tiếp tục chuẩn bị cho trận chiến. Đến cuối tháng Hai, Tướng Dũng đã hoàn thành hành trình vòng vo từ Hà Nội và đang bận rộn tổ chức một sở chỉ huy chiến trường - Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên - phía tây Buôn Ma Thuột. «Đại bản doanh của chúng tôi nằm trong một khu rừng xanh, nơi những chiếc lá khô phủ đầy mặt đất như một tấm thảm vàng,» ông đã bình luận một cách thơ mộng vài tháng sau đó. «Bất cứ khi nào ai đó bước lên chúng, chúng phát ra tiếng lạo xạo như những chiếc bánh rán giòn.»

Hy vọng giữ bí mật về sự hiện diện của mình, Dũng đã giảm bớt tất cả các

cuộc truyền tin qua radio và khăng khăng chỉ giao tiếp với Hà Nội qua điện thoại. Điều này giảm thiểu nguy cơ bị phát hiện nhưng lại đặt ra một rủi ro đặc biệt khác. Do thiết bị thô sơ, các mạch điện thoại của ông đã tạo thành một nguy cơ cháy nổ nghiêm trọng trong sự khô cằn như đá lửa của vùng cao nguyên. Do đó, «các sĩ quan tín hiệu và truyền thông phải làm việc vất vả nhất ở đây,» ông thừa nhận trong hồi ký của mình. «Mỗi khi một đám cháy nhỏ bùng phát và phá hủy các dây thông tin liên lạc, họ phải chiến đấu với ngọn lửa và thường trở về với cơ thể đen như thợ mỏ than.»

Ngay sau khi đến nơi, Dũng và phó chính của ông, Trung tướng Hoàng Minh Thoa, đã ngồi xuống với các chỉ huy đơn vị của họ để xem xét sự cân bằng lực lượng. Về tổng thể, họ quyết định rằng

hai bên ở vùng cao nguyên ngang sức nhau, nhưng vì BV không có lãnh thổ cụ thể nào để bảo vệ, họ có thể tự do di chuyển và thao tác để đạt được ưu thế ở bất kỳ khu vực mục tiêu nào. Đây sẽ là chìa khóa cho chiến lược của họ tại Ban Mê Thuột, như đã từng là trong nhiều trận chiến quan trọng khác. Điều kiện thiết yếu tất nhiên là mưu mẹo và bất ngờ : chỉ khi nào họ có thể giữ cho Phú tin rằng các cuộc tấn công chính sẽ diễn ra ở vùng cao nguyên phía bắc, họ mới có thể ngăn ông ta tăng cường lực lượng cho Ban Mê Thuột và đối đầu với họ từng người một.

Chiến dịch, như Dũng đã phác thảo cho các nhân viên của mình, sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn, bắt đầu bằng việc cấm tất cả các tuyến đường cao tốc chính vào và qua vùng cao nguyên và kết

thúc bằng việc chiếm giữ Ban Mê Thuột. Là một trong những lựa chọn của mình, ông sẵn sàng xem xét một cuộc tấn công trực diện vào thị trấn, nhưng phương thức tấn công ưa thích của ông là một chiến thuật mà ông gọi là «hoa sen nở rộ» - một cú đột kích sâu vào trung tâm của mục tiêu, tiếp theo là một cuộc tấn công bùng nổ theo nhiều hướng ra ngoài để tiêu diệt các đơn vị địch ở vùng ngoại ô.

Từ các điệp viên và các cuộc nghe lén radio, Dũng sớm nhận ra sự bối rối của Phú về vị trí của các đơn vị BV. Theo các nguồn tin này, chỉ huy quân đội miền Nam Việt Nam không chỉ mất dấu của Sư đoàn 320 BV, mà còn đang điên cuồng tìm kiếm một sư đoàn khác, Sư đoàn 10 BV, vốn cũng thường được nhắm đến Kontum và Pleiku. Trên thực

tế, sư đoàn 10 thậm chí đang lén lút di chuyển về phía nam để gia nhập cùng sư đoàn 320 tại Buôn Ma Thuột, nhưng Phú không nhận ra điều này và Dũng quyết tâm giữ cho ông ta phải đoán mò. Do đó, ông ra lệnh cho các đơn vị BV còn lại ở Pleiku và Kontum tiến hành các cuộc tấn công nghi binh vào các khu vực mà Sư đoàn 10 thường hoạt động để Phú tin rằng nó vẫn còn ở đó.

Trong khi đó, các đơn vị cuối cùng của Sư đoàn 316 BV đã đến phía tây Ban Mê Thuột để hoàn thiện lực lượng tấn công của Dũng. Giống như chính chỉ huy, sư đoàn đã thực hiện hành trình từ Bắc Việt trong chưa đầy ba tuần, giữ im lặng vô tuyến suốt chặng đường. Đến cuối tháng Hai, đã có ba sư đoàn BV sẵn sàng tấn công thành phố, mang lại cho Dũng một lợi thế về nhân lực năm chọi một, với một sư đoàn khác, sư đoàn 968 từ miền nam Lào, đảm nhận các hoạt động phân tán ở Kontum và Pleiku.

Tại Đại sứ quán ở Sài Gòn, chúng tôi không hề biết Văn Tiến Dũng thậm chí còn có mặt ở Nam Việt Nam, huống chi là ông ta đã thiết lập một sở chỉ huy ở

phía tây Ban Mê Thuột và đang chuẩn bị tấn công thị trấn. Việc tập trung quân đội Nhân dân Việt Nam (BV) trong khu vực đã không bị phát hiện, ngoại trừ một vài báo cáo tình báo mà không ai tin tưởng, và mặc dù rõ ràng một giai đoạn mới trong chiến dịch mùa khô của cộng sản đang đến gần, không ai trong chúng tôi chắc chắn được trọng tâm chính của nó sẽ ở đâu.

Chúng tôi cũng không được thông báo rõ hơn về hướng đi của kế hoạch chính phủ. Thiệu vẫn chưa thấy cần thiết để thông báo cho chúng tôi về quyết định rút Quân đoàn Nhảy dù khỏi QK 1 - một động thái sẽ ảnh hưởng đến diễn biến của cuộc chiến trong hai tháng tới không kém gì cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Khi Joe Kingsley, đồng nghiệp mới của tôi, bắt tay vào nhiệm vụ «phân

tích QK 1,» giả định phổ biến ở tầng sáu của Đại sứ quán là trong vài tuần tới chỉ có những thay đổi nhỏ trong các tuyến phòng thủ ổn định của chính phủ ở phần phía bắc của đất nước khi quân đội Bắc Việt gia tăng áp lực.

Khi Joe và tôi lần lượt củng cố quan điểm của nhau về điểm này, Pat Johnson, thành viên thứ ba của nhóm phân tích nhỏ của chúng tôi, trở nên ngày càng nghiêm trọng hơn, không phải về Việt Nam mà về Campuchia, lĩnh vực quan tâm chính của cô ấy, vì cuộc khủng hoảng ở đó giờ đây dường như đang sâu sắc hơn từng giờ.

Với tất cả các lối vào qua sông và đường bộ bị chặn, Phnom Penh tiếp tục phụ thuộc vào không vận của Mỹ để

cung cấp thực phẩm và quân nhu cần thiết cho sự sống. Trong vài ngày qua, tuy nhiên, các chiến binh Khmer Đỏ đã gia tăng các cuộc tấn công bằng rocket và súng cối vào sân bay và cuối cùng đã đưa vào sử dụng vũ khí tối thượng của họ : các khẩu pháo 105-mm của Mỹ bị bắt giữ, chắc chắn là quà tặng của Bắc Việt.

Bộ Ngoại giao ở Washington ngay lập tức phản ứng với những biểu hiện «quan ngại nghiêm trọng» và thông báo rằng tàu sân bay Okinawa với lính thủy đánh bộ và trực thăng trên tàu đang di chuyển vào Vịnh Thái Lan trong trường hợp việc sơ tán 400 công dân Mỹ ở Cam-puchia có thể trở nên cần thiết. Ngay sau đó, khi các chiến binh Khmer Đỏ tiếp tục bắn phá sân bay Phnom Penh, một chiếc DC-6 thuê đã bị trúng mảnh đạn;

đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị hư hại bởi hỏa lực mặt đất kể từ khi bắt đầu chiến dịch không vận nhiều tháng trước.

Chỉ vài giờ sau sự cố, Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger đã thông báo với các phóng viên rằng chiến dịch không vận sẽ bị chấm dứt trừ khi chính phủ Lon Nol có thể làm tốt hơn trong việc đảm bảo an toàn cho các khu vực hạ cánh. Ông cũng thừa nhận rằng lính thủy đánh bộ có thể phải được gửi đến Phnom Penh để cứu người Mỹ nếu không có cách nào khác để đảm bảo an toàn cho họ. Các phát ngôn viên khác của chính phủ nhanh chóng đưa ra các tuyên bố điều kiện, nhấn mạnh rằng lính thủy đánh bộ chỉ được sử dụng trong một «kế hoạch dự phòng» để bảo vệ sân bay Phnom Penh. Những cảnh báo như vậy là rất hợp lý.

Mặc dù Tổng thống Ford có quyền theo Hiến pháp để thực hiện các bước bảo vệ mạng sống của người Mỹ ở nước ngoài, nhưng không rõ ông có thể đi xa đến đâu ở Campuchia hoặc Việt Nam, vì Đạo luật Quyền Lực Chiến tranh và luật cấm ném bom Campuchia năm 1973 đã rõ ràng cấm ông tái tham gia quân sự ở Đông Dương mà không có sự chấp thuận trước của Quốc hội.

Trong khi đó, khi KC thắt chặt vòng vây quanh Phnom Penh, một nỗ lực nửa vời đã được thực hiện để chuyển xung đột sang lĩnh vực ngoại giao. Vào ngày 3 tháng 3, Lon Nol tự nguyện từ chức để «đảm bảo hòa bình,» như ông đã từng đề nghị vào tháng 7 và tháng 11 năm trước. Nhưng bây giờ cũng như trước đây, cử chỉ đó đã trở nên vô ích. Các nhà cộng sản Khmer đã quá gần với chiến thắng

hoàn toàn để chấp nhận bất kỳ điều gì kém hơn.

Tại Washington, ngày càng nhiều chuyên gia tự xưng về Đông Dương, đặc biệt là trong Quốc hội, cảm thấy Chính quyền đang tìm kiếm sự cứu rỗi ở những nơi sai lầm. Thay vì xử lý các bên tham chiến trực tiếp, họ muốn Kissinger tìm kiếm sự giúp đỡ từ Liên Xô và Trung Quốc để ngừng chiến sự ở cả Campuchia và Việt Nam. Khi nhóm điều tra của Quốc hội trở lại Washington, một số thành viên của họ đã đưa ra đề xuất như vậy với Nhà Trắng. Tuy nhiên, các quan chức Bộ Ngoại giao đã cho biết họ không coi đây là thực tế, đặc biệt là trong trường hợp của Campuchia. «Tình hình thực địa không thuận lợi cho các cuộc đàm phán,» một trong số họ tuyên bố trong một cuộc họp báo, có

nghĩa là chính phủ Lon Nol không có gì để mặc cả. Các quan chức đại sứ quán ở Phnom Penh còn thẳng thắn hơn ; Đại sứ John Gunther Dean đã thông báo một cách lặng lẽ với các phóng viên rằng điều tốt nhất có thể hy vọng là một cuộc đầu hàng được thương lượng.

Kissinger về phần mình dường như quyết tâm phớt lờ sự bi quan đó. Không phải ông không đồng ý với Dean, nhưng sau khi nhìn thấy triển vọng thất bại hoàn toàn, ông giờ đây quyết tâm hạn chế thiệt hại mà nó có thể gây ra cho lợi ích của Mỹ ở nơi khác trên thế giới. Theo quan điểm của ông, điều này ngụ ý một hành động giả vờ và hào phóng cuối cùng của chính phủ Mỹ.

Trong các cuộc họp kín với Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện vào tuần đầu tiên của tháng Ba, ông đã trình bày

lập luận của mình. Nếu như có vẻ như chính phủ Lon Nol đang trên bờ vực sụp đổ, ông nói, thì việc giữ cho dòng viện trợ mở là điều cần thiết để không ai có thể đổ lỗi cho Hoa Kỳ về thảm họa sau này. Tổng thống Ford đã nêu ra cùng một điểm này công khai, khuyên các phóng viên rằng việc đình chỉ viện trợ cho Campuchia hoặc Việt Nam vào thời điểm này «sẽ đặt câu hỏi về độ tin cậy của Hoa Kỳ và khuyến khích niềm tin rằng sự xâm lược sẽ được đền đáp.»

Một số Nghị sĩ và nhà báo đã bác bỏ những tuyên bố này như một sự trở lại đáng xấu hổ của thuyết domino đã mất uy tín của Chính quyền Johnson, nhưng thực tế thì Kissinger và Tổng thống có một động lực cấp bách hơn nhiều trong tâm trí. Trong vài ngày qua, Tổng thống Anwar Sadat của Ai Cập đã bí mật thông

báo với họ rằng ông sẵn sàng thử lại để đạt được một thỏa thuận ở Trung Đông. Vì tính xác thực của các đảm bảo và cam kết của Mỹ là rất quan trọng cho doanh nghiệp này, Chính quyền khó có thể tận dụng tối đa sự linh hoạt của Sadat nếu cùng lúc đó thế giới thấy rằng Hoa Kỳ đang chuẩn bị từ bỏ hai đồng minh Đông Dương của mình.

Khi Kissinger bay đến Trung Đông vào ngày 7 tháng 3 để bắt đầu một vòng ngoại giao shuttle mới, ông đã để lại chỉ thị cho các trợ lý và cấp dưới của mình : Hãy làm mọi cách để đảm bảo rằng Quốc hội thực hiện các cam kết viện trợ của chúng ta đối với Campuchia và Việt Nam - không phải vì hai quốc gia này nhất thiết phải được cứu vớt, mà chính vì chúng có thể không được cứu vớt.

Sự mỉa mai của tình thế khó khăn

của Chính quyền hầu như không bị bỏ qua đối với những người trong cuộc như chúng tôi. Vào chính khoảnh khắc Cam-puchia và Việt Nam đang chao đảo bên bờ vực, Nhà Trắng lại càng không thể thừa nhận điều đó.

Ngay cả khi Kissinger chuyển sự chú ý sang nơi khác, những đám mây bão tố trên bầu trời Việt Nam vẫn tiếp tục dày đặc và nhanh chóng. Đến cuối tuần đầu tiên của tháng Ba, các chu kỳ tuyển mộ và huấn luyện cho quân đội ở Bắc Việt đang tăng tốc nhanh chóng, và việc xâm nhập vào miền Nam của quân đội Bắc Việt trong mùa khô đã tăng lên hơn 63.000 người trong sáu tháng qua - gấp đôi tổng số so với cùng kỳ năm 1973-74. Sự gia tăng lớn nhất đã xảy ra trong bốn tuần qua, cùng với sự gia tăng đáng kể

trong dòng chảy của các nguồn cung cấp vào miền Nam.

Theo thông tin tình báo hiện có, hơn một nửa số quân tiếp viện mà chúng tôi đã phát hiện đã kết thúc ở khu vực Sài Gòn và đồng bằng, phần còn lại phân bố giữa các vùng cao nguyên và bờ biển. Joe Kingsley và tôi cùng các đồng nghiệp tại DAO coi đây là dấu hiệu cho thấy cuộc tấn công chính của kẻ thù trong vài tuần tới sẽ tập trung vào nửa dưới của đất nước. Điều chúng tôi không biết, tất nhiên, là ngoài 63.000 quân nhân cá nhân, một sư đoàn đầy đủ, sư đoàn[9] 316, đã lén lút

9 Thực ra, sự di chuyển của sư đoàn 316 đã không hoàn toàn bị bỏ qua. Ngay từ ngày 25 tháng 1, các nhà phân tích CIA ở Langley đã nhận xét trong bản tin tình báo hàng ngày cho Tổng thống rằng «Sư đoàn 316 hoặc ít nhất là một phần của nó có thể đang di chuyển đến miền Nam Việt Nam từ khu vực hoạt động bình thường của nó ở miền Bắc Việt Nam... đây sẽ là sư đoàn đầu tiên của miền Bắc Việt Nam làm như vậy kể từ thỏa thuận ngừng bắn.» Trong những tuần tiếp theo, tuy nhiên, những suy đoán về vị trí và nhiệm vụ của sư đoàn 316 trở nên ngày càng hiếm hoi, vì đơn giản là không có

xâm nhập vào đất nước, để tham gia vào cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột.

Ngoài các cuộc di chuyển quân đội và cung cấp, còn có những tín hiệu đáng ngại khác trên màn hình tình báo. Trong bốn tuần qua, lực lượng không quân Bắc Việt đã bắt đầu chuyển máy bay đến các sân bay ở vùng đất hẹp Bắc Việt, trong tầm tấn công của các mục tiêu ở QK 1, và một số MIG bổ sung đã đến từ Trung

---

thông tin tình báo nào để hỗ trợ cho điều đó. Có những dấu hiệu cho thấy một sư đoàn dự bị khác - sư đoàn 341 - cũng có thể đang chuẩn bị di chuyển về phía nam, nhưng không ai trong chúng tôi, ở cả Sài Gòn lẫn Washington, sẵn sàng khẳng định điều đó, vì dữ liệu về các hoạt động của nó rất mơ hồ. Sự đồng thuận của cộng đồng tình báo là một phần của sư đoàn 341 đã được gửi đến QK 1 như một sự tăng cường vào cuối tháng Hai. Trên thực tế, như chúng tôi sẽ phát hiện ra sau khi cuộc tấn công đã diễn ra khá lâu, sư đoàn 341 đã được mở rộng đến kích thước gần như hai sư đoàn, và một phần của nó đã được phân phối cho cả QK 1 và QK 3. Chiến thuật lẩn tránh và đánh lừa của Hà Nội do đó đã thành công rực rỡ.

Quốc - những lô hàng đầu tiên như vậy sau gần một năm. Ngoài ra, ít nhất tám trực thăng BV gần đây đã thực hiện các chuyến đi khứ hồi từ Bắc Việt Nam đến tỉnh Quảng Trị. Chúng là những chiếc máy bay Bắc Việt đầu tiên được xác định chắc chắn bên trong Nam Việt Nam.

Ngoài ra, có những dấu hiệu cho thấy sự hợp tác ngày càng tích cực giữa Hà Nội và hai đồng minh chính của mình. Trong vài ngày qua, một phó Ngoại trưởng Liên Xô đã xuất hiện tại thủ đô miền Bắc Việt Nam để tham vấn và một phái đoàn quân đội Trung Quốc đã thực hiện một chuyến thăm kín đáo đến một số cơ sở quân sự của đất nước. Những gì các nhà lãnh đạo Liên Xô thảo luận với các chủ nhà của họ vẫn là một điều suy đoán đối với chúng tôi ở Sài Gòn, nhưng với việc giao hàng máy bay gần

đây từ Trung Quốc và sự gia tăng trong các chuyến hàng quân sự của Liên Xô đến Hà Nội, thật khó có thể tin rằng họ đã xuất hiện chỉ để khuyên nhủ sự ngọt ngào và ánh sáng cho Bộ Chính trị.

Lực lượng BV ở vùng cao nguyên chính thức mở chiến dịch chống lại Ban Mê Thuột vào ngày 1 tháng 3, chiếm lấy ngôi làng giao lộ nhỏ Đức Lập, điểm tiền đồn duy nhất của chính phủ trên các con đường tiếp cận phía nam thành phố từ Campuchia. Các đơn vị BV khác đã chiếm đóng một số đồn bốt dọc theo Đường 19 giữa Pleiku và bờ biển, chặn đứng con đường huyết mạch này. Đến ngày 4 tháng 3, bước duy nhất còn lại trong giai đoạn đầu của chiến lược của Dũng cần phải hoàn thành là việc phong tỏa Đường 14 giữa Pleiku và Ban Mê

Thuột. Đức muốn hoãn việc này đến phút cuối cùng để tránh việc lộ diện quy mô hoặc vị trí của lực lượng của mình. Nhưng vào sáng hôm sau, các binh sĩ quá lo lắng của Sư đoàn 320 BV đã tấn công một đoàn xe nhỏ của miền Nam Việt Nam trên đường cao tốc và do đó đã tiết lộ vị trí của họ cho kẻ thù.

Tại sở chỉ huy của Tướng Phú ở Pleiku, sĩ quan tình báo trưởng đã nhanh chóng xem xét thông tin tình báo và kết luận rằng Ban Mê Thuột sắp bị tấn công. Phú bản thân vẫn hoài nghi, nhưng cuối cùng đã bị thuyết phục gửi thêm một trung đoàn đến làng Buôn Hồ, cách thành phố hai mươi lăm dặm về phía bắc, để hỗ trợ cho trung đoàn VNCH khác đã có mặt tại hiện trường.

Điều này đã khiến Tướng Dũng phải suy nghĩ lại về chiến thuật của chính

mình. Nếu đơn vị ARVN mới đến bắt đầu các hoạt động trinh sát kéo dài, ông biết rằng ông sẽ mạo hiểm mất lợi thế bất ngờ và sẽ phải tấn công Ban Mê Thuột ngay lập tức. Ngày hôm sau hoặc khoảng thời gian sau đó sẽ cho biết.

Trong khi đó, ở Sài Gòn, tôi vừa hoàn thành một đánh giá chiến lược mới cho Washington nhằm cố gắng đặt tất cả những gì chúng tôi biết về ý định của BV vào bối cảnh. Sau khi xem xét sự gia tăng lực lượng và cung cấp gần đây («chưa từng có») và giai đoạn một của cuộc tấn công của Đảng Cộng sản vào tháng Mười Hai và tháng Giêng («vượt xa về quy mô và cường độ so với bất kỳ điều gì chúng tôi đã thấy kể từ khi ngừng bắn»), tôi đã đánh giá triển vọng trong ngắn hạn. Ít nhất bốn sư đoàn BV sẽ cố gắng

cô lập Huế và Đà Nẵng trong vài tuần tới, tôi dự đoán, với các đơn vị BV khác xâm nhập vào các vùng đất thấp ven biển của miền nam QK 1. Các cuộc tấn công phối hợp cũng có thể được mong đợi ở QK 2, đặc biệt là chống lại các mạng lưới đường bộ phía nam và phía đông của các thành phố Kontum và Pleiku cũng như xung quanh Ban Mê Thuột. Ngoài ra, tôi dự đoán sẽ có những sáng kiến mới từ BV trong khu vực Sài Gòn, bao gồm một cuộc tấn công lớn vào thành phố Tây Ninh ở phía tây bắc như một dấu hiệu mở đầu cho một sáng kiến đàm phán mới từ phía Bắc Việt. Trong đồng bằng, các thành phố Cần Thơ và Mỹ Tho có khả năng sẽ chịu áp lực nặng nề.

Như một mớ hỗn độn của những phỏng đoán và dự đoán thận trọng, ước tính này đủ tôn trọng. Mặc dù thiếu thô-

ng tin chắc chắn về nhiều câu hỏi quan trọng, tôi đã cố gắng dự đoán được phần lớn những gì người Bắc Việt sẽ làm trong vài tuần tới. Tuy nhiên, có một điểm mù, và đó là điểm quan trọng, vì điều tôi đã không thể dự đoán là nơi mà những người Cộng sản sẽ tấn công đầu tiên.

Trong khi ghi nhận các dấu hiệu về sự di chuyển bất thường của quân đội BV về phía tây và bắc của Ban Mê Thuột, tôi đã chọn cách không nghĩ đến điều tồi tệ nhất. Thay vì một cuộc tấn công trực diện vào thị trấn, tôi dự đoán rằng các quân cộng sản sẽ chỉ cố gắng cô lập nó bằng cách cắt đứt các tuyến đường cao tốc trong khu vực. Đó, tất nhiên, là một sai lầm khổng lồ, nhưng tôi thích nghĩ rằng nó xuất phát từ sự thiếu hiểu biết hơn là từ sự ngu dốt hoàn toàn.

Khi tôi ngồi xuống để viết ước tính,

có lẽ có ít thông tin hơn về ý định của BV ở vùng cao nguyên so với bất kỳ điều gì khác. Một trong những lý do chính cho sự thiếu hụt là tham nhũng - ngay trong hàng ngũ của chính CIA. Một năm rưỡi trước, các kiểm toán viên của Trạm ở Sài Gòn đã phát hiện rằng một trong những sĩ quan chính tại căn cứ CIA ở Nha Trang đã lạm dụng và làm thất thoát quỹ hoạt động mà lẽ ra phải được sử dụng để phát triển mạng lưới điệp viên ở vùng cao nguyên và các khu vực khác trong QK 2. Viên chức đó đã bị rút khỏi công việc một cách nhanh chóng và bị gửi về nhà, nhưng những tác động của sự «quản lý kém» của ông ta chưa bao giờ được khắc phục : các mạng lưới điệp viên vẫn chỉ là một tia sáng trong mắt những người kế nhiệm của ông ta[10].

10 Khi viên chức liên quan trở lại trụ sở CIA ở Langley, ông ta bị buộc phải nghỉ hưu. Tuy nhiên, vì cấp trên của ông không muốn có bất kỳ sự công khai nào gây xấu hổ, họ đã quyết

Ngoài ra, Giám đốc Căn cứ CIA ở QK 2 đã quyết định vào mùa hè năm 1974 đóng cửa tiền đồn của cơ quan tại Ban Mê Thuột như một phần của cuộc cắt giảm chi phí. Kể từ đó, chúng tôi buộc phải phụ thuộc vào các nguồn tin tình báo địa phương từ ARVN và cảnh sát cho hầu hết thông tin tình báo của mình. Đây không phải là một sắp xếp lý tưởng, vì nhiều sĩ quan cảnh sát và quân đội trong khu vực đã lâu tham gia vào việc buôn bán xuyên biên giới với VC và họ sẽ không cung cấp cho chúng tôi

---

định không đưa ông ra tòa và thậm chí cho phép ông rời khỏi cơ quan với đầy đủ lương hưu và phúc lợi nghỉ hưu. Thái độ của họ không thay đổi ngay cả sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ. Mặc dù hành vi sai trái của người đàn ông đã trực tiếp góp phần vào một trong những thất bại tình báo nghiêm trọng nhất của chúng ta ở Việt Nam, CIA vẫn không sẵn lòng thực hiện bất kỳ hành động nào chống lại ông ta, để hình ảnh công chúng của chính mình bị ảnh hưởng trong quá trình này.

thông tin có thể gây hại cho việc kinh doanh. Để làm phức tạp thêm vấn đề, những người dân tộc miền núi sống ở và xung quanh Buôn Ma Thuột (tên thành phố này có nghĩa là «con gái của Thuột» bằng phương ngữ địa phương của người Thượng) ghét bỏ các lãnh chúa Việt Nam của họ và hiếm khi chia sẻ loại thông tin nào với họ mà có thể giúp xác định ý định của cộng sản. CIA cũng không còn muốn trực tiếp làm việc với người miền núi nữa (như chúng tôi đã thường làm trong quá khứ), để tránh làm phật lòng các bạn bè trong chính phủ. Kết quả là, khi tôi bắt đầu xem xét thông tin tình báo trong những tuần đầu tháng Ba, tôi thấy các hồ sơ về vùng cao nguyên trống rỗng một cách chán nản.

Giữa lúc tôi đang làm việc, Tướng Timmes ghé qua văn phòng của tôi và

nhắc tôi về báo cáo gần đây từ một người đào tẩu chỉ ra sự chuyển quân của Sư đoàn 320 BV từ Pleiku đến Ban Mê Thuột. Tôi tất nhiên là bị cuốn hút và lo lắng bởi điều đó, nhưng giống như Tướng Phú và các nhà phân tích của ông, cuối cùng tôi đã bác bỏ nó như một thông tin sai lệch, chủ yếu vì các cuộc nghe lén radio liên tục dường như đặt Sư đoàn 320 ở khu vực hoạt động bình thường của nó tại Pleiku ở phía bắc. Thật không may, tất cả chúng tôi trong lĩnh vực phân tích ở Sài Gòn đã quá phụ thuộc vào những thông tin tình báo thu được qua điện tử như vậy, thay vì dữ liệu từ nguồn nhân lực, trong các tình huống khủng hoảng diễn ra nhanh chóng. Khi tôi đưa ra kết luận của mình, tôi đã bỏ qua manh mối thực sự duy nhất về kế hoạch của Bắc Việt. Sau đó, tôi đã làm điều mà một nhà phân tích tình báo chỉ có thể làm với rủi ro lớn

: tôi đã đoán ý định của đối thủ - và đã hoàn toàn sai lầm.

Tuy nhiên, tôi không đơn độc. Các đánh giá do DAO và các đồng nghiệp CIA của tôi ở quê nhà chuẩn bị cũng tiếp tục tập trung vào các «khu vực đe dọa» truyền thống của các tỉnh Kontum và Pleiku, trong khi hoàn toàn bỏ qua Ban Mê Thuột.

Vào ngày 7 tháng 3, vài giờ sau khi đánh giá của tôi được gửi đi tới Washington, tôi bay đến Bangkok để gặp gỡ một số «chuyên gia» khác về Bắc Việt. Tối hôm đó, tất cả chúng tôi đã có một cuộc tranh luận thân thiện về các lựa chọn của Thiệu trước mối đe dọa đang nổi lên. Một trong những người bạn đồng hành của tôi muốn biết tại sao Thiệu không thể nhường lãnh thổ để mua thời gian và củng cố lực lượng của

mình. «Quân đội của ông ấy sẽ không bao giờ chịu đựng được áp lực của một cuộc rút lui chiến lược,» tôi nhận xét gần như vô tình. «Chúng quá thiếu kỷ luật cho việc đó và sẽ tan rã trong quá trình.»

Tôi không hề biết.

Trong hai ngày nghỉ phép của tôi, Tướng Dũng đã khép vòng vây. Đến chiều ngày 8 tháng 3, các đơn vị VNCH hoạt động từ Buôn Hồ, phía bắc Ban Mê Thuột, vẫn đang tiến hành các hoạt động trinh sát và Dũng quyết định không thể mạo hiểm để họ tình cờ gặp phải các đơn vị của mình. Do đó, ông đã ra lệnh cho Sư đoàn 320 BV tiến ngay lập tức vào đoạn đường 14 giữa Buôn Hồ và Pleiku. Chỉ trong vài giờ, con đường đã bị cắt đứt và các quân đoàn VNCH ở vùng cao nguyên phía nam thấy mình

bị cô lập khỏi phần còn lại của quân đội Phú ở phía bắc.

Lúc đó Phú mới thấy ánh sáng. Ông lập tức ra lệnh thêm một trung đoàn nữa được vận chuyển bằng máy bay trực thăng từ Pleiku đến khu vực Buôn Hồ-Ban Mê Thuột. Nhưng khi kiểm tra đội máy bay trực thăng của mình, ông phát hiện rằng chỉ có một trong bốn chiếc CH-475 khổng lồ của ông là còn có thể bay được. Ông lo lắng kiến nghị Saigon về việc thay thế, nhưng không có chiếc nào có sẵn. Đại sứ quán đã cân nhắc việc huy động một số trực thăng của Air America thay mặt ông, nhưng đã từ bỏ ý tưởng này để tôn trọng các điều khoản của hiệp định Paris loại trừ sự can thiệp trở lại của Mỹ vào cuộc chiến.

Sáng ngày mùng chín, Dũng đã gửi

một tin nhắn đến các đồng chí của mình ở Hà Nội, lần đầu tiên phác thảo kế hoạch chiến thuật hoàn chỉnh cho cuộc tấn công vào Buôn Ma Thuột. «Chúng ta sẽ tấn công Buôn Ma Thuột vào ngày 10 tháng 3,» ông nói với họ. «Tất cả các yêu cầu đã được đáp ứng...» Chúc các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng Quân sự và Bộ Chính trị sức khỏe dồi dào. Tuan [bí danh của Dũng].»

Trong ngày hôm đó, lãnh sự quán Mỹ tại Nha Trang đã liên lạc với Walt Martindale, đại diện của họ tại tỉnh Quảng Đức, phía nam Ban Mê Thuột, và chỉ đạo ông chuẩn bị để sơ tán khỏi vị trí của mình. Xét thấy những cuộc giao tranh lẻ tẻ gần đây giữa Quang Đức và Ban Mê Thuột, các quan chức lãnh sự lo ngại rằng Martindale có thể bị kẹt lại. Nhưng viên sĩ quan trẻ đã từ chối rút lui,

lập luận rằng việc rút lui của anh ta có thể gây ra sự rút lui của chính phủ khỏi Quảng Đức. Vì lãnh sự quán không sẵn sàng chịu trách nhiệm cho điều đó, họ đã đồng ý để Martindale ở lại trong thời gian này.

Phía bắc hơn, tại chính Ban Mê Thuột, Paul Struharick, đại diện lãnh sự địa phương, vừa trở về từ kỳ nghỉ và đang cố gắng làm quen với tình hình quân sự. Cuối buổi chiều ngày thứ chín, ông gọi điện cho lãnh sự quán ở Nha Trang và thông báo rằng ông vừa mới đi gặp tỉnh trưởng cách đó vài dãy phố để kiểm tra các báo cáo mới nhất về sự di chuyển của quân đội BV. Đó là lần cuối cùng Struharick liên lạc với lãnh sự quán trước khi quân đội Bắc Việt phát động cuộc tấn công.

Buôn Ma Thuột và vùng đồi núi xung quanh có thể đã được lấy ra từ một bức tranh của Henri Rousseau. Khung cảnh và bảng màu hoàn toàn mang phong cách kỳ lạ của thế kỷ XIX, từ màu gạch đỏ xỉn của đất cao nguyên đến màu xanh tươi tốt của các đồn điền cà phê và rừng rậm lân cận. Ngay cả động vật hoang dã cũng dường như là một phần mở rộng của tưởng tượng, vì mặc dù đã trải qua nhiều năm bị không kích bởi B-52 và nhiều thế hệ thợ săn phương Tây, một vài con hổ và voi vẫn lang thang trong bụi rậm.

Cũng có một bầu không khí của sự cấu trúc và kỷ luật ở nơi đó mà từ lâu tôi đã thấy không điển hình cho Việt Nam. Một phần chắc chắn xuất phát từ sự đối xứng giả tạo của các đồn điền, với những hàng cà phê nối tiếp nhau, tất cả

được sắp xếp thành hàng ngũ như một đội quân đông lạnh trong một bức ảnh. Nhưng ngoài điều này, có một điều gì đó không cụ thể đã làm tròn thêm ấn tượng, có lẽ là sự bình yên của chính thành phố. Kể từ năm 1968, chiến tranh chưa bao giờ chạm đến Ban Mê Thuột một cách trực tiếp, và kể từ đó, phần lớn 150.000 cư dân của nó - người Việt, người Hoa, người Pháp và người Ý trồng trọt - đã đạt được thỏa thuận riêng với các đảng viên Cộng sản địa phương, nếu không phải với nhau, để đảm bảo rằng điều đó sẽ không xảy ra lần nữa.

Một trong những điểm thu hút cảnh quan nổi tiếng nhất của thành phố là ngôi nhà săn bắn cũ của vị Hoàng đế cuối cùng của Việt Nam, Bảo Đại - một tòa nhà gỗ khổng lồ với mái nhọn và xà gỗ thông, tất cả đều gợi nhớ mơ hồ đến một

hội trường uống rượu của người Viking. Trong những năm gần đây, người Công giáo địa phương đã thêm cửa sổ kính màu và một tòa giải tội và đã chuyển đổi nó thành một nhà thờ, và với hiệu ứng pha trộn của nó, chắc chắn đây là một trong những bình luận hài hước hơn của Việt Nam về tinh thần đại kết.

Một điểm tham chiếu yêu thích khác cho cư dân và du khách là một quán bar cũ kỹ ở trung tâm thành phố, được gọi là «Chuột Trắng,» nơi những người trồng cây tụ tập mỗi sáng thứ Bảy và Chủ nhật để uống một ly bia trong khi vợ họ đi mua sắm ở chợ trung tâm thành phố. Nếu bạn đã ở «White Rat» vào ngày 9 tháng 3, bạn chắc chắn đã nghe những tin đồn về sự di chuyển của quân đội Cộng sản ở rìa thành phố, nhưng vì những người trồng cây giữ kín bí mật, không chia sẻ

gì với các nhà chức trách Việt Nam địa phương vì sợ bị trả thù của Việt Cộng, những gì họ biết hoặc nghi ngờ không vượt quá vòng tay tại quán bar.

Ngay trước bình minh vào tháng Ba, các lực lượng cộng sản đã tấn công, di chuyển trực tiếp vào thị trấn từ phía bắc và phía tây, tập trung các đợt tấn công ban đầu vào hai sân bay và kho đạn dược ở ngoại ô thành phố. «Pháo tầm xa ngay lập tức nhắm vào các mục tiêu quân sự,» Dũng kể lại. «Ở một điểm cách Ban Mê Thuột bốn mươi cây số, các đơn vị xe tăng của chúng tôi đã khởi động động cơ, lén lút qua các cây cối và tiến về thị trấn.» Những chiếc phà hiện đại được lắp ráp nhanh chóng, trong khi các xe tăng, xe bọc thép và súng phòng không xếp hàng chờ lên tàu nhanh chóng. Các ngọn núi và rừng rậm của vùng cao nguyên trung

tâm đã bị rung chuyển bởi một cơn bão pháo kích.

«Ngay khi pháo binh khai hỏa thì đèn thành phố tắt ngấm.» Các kỹ sư công binh nhanh chóng chiếm lĩnh sân bay chính... Vào lúc 7:30 sáng, đoàn xe tăng đầu tiên của chúng tôi, tiến từ phía bắc và phía tây, đã đến kho xe bọc thép Mai Hắc Đế. Các đơn vị tiên phong đã vượt qua đài phát thanh và đang tiến về trung tâm thông tin liên lạc của Sư đoàn 23 ARVN. Lúc 7:45, xe tăng của chúng tôi đã thâm nhập vào khu vực sở chỉ huy và một chiếc bắt đầu bắn gần vào sở chỉ huy địa phương của Sư đoàn.

Khi cuộc tấn công diễn ra, chỉ có hai tiểu đoàn ARVN, chưa đến 1.200 người, thực sự ở bên trong thành phố, cộng thêm hai tiểu đoàn nữa ở phía bắc, được hỗ trợ bởi một phần của một trung

đoàn khác và một vài đơn vị lính dù và dân quân. Đối đầu với họ là ba sư đoàn tinh nhuệ của Dũng, tổng cộng 25.000 người, với một loạt xe tăng và pháo binh hạng nặng. Trong vài giờ đầu tiên của cuộc tấn công, máy bay Nam Việt Nam đã được gọi đến để hỗ trợ các lực lượng phòng thủ, nhưng giống như trong trận chiến Phước Long vài tuần trước đó, các cuộc tấn công bằng bắn phá và ném bom của họ lại gây nguy hiểm nhiều hơn cho các đơn vị đồng minh so với kẻ thù. Hoạt động ở độ cao quen thuộc 10.000 feet, ngoài tầm bắn của cộng sản, các phi công đã bắn phá mục tiêu một cách ngẫu nhiên và vào một thời điểm nào đó đã vô tình ném bom một sở chỉ huy VNCH trong thành phố. Sau đó, sự chỉ huy và kiểm soát của chính phủ bắt đầu sụp đổ, các lực lượng VNCH và dân quân lần lượt bỏ vị trí của họ.

«Đến 17 giờ ngày 10 tháng 3,» Dũng tiếp tục trong câu chuyện của mình, «chúng tôi đã chiếm phần lớn thành phố và tấn công sở chỉ huy của Sư đoàn 23 địa phương và chỉ huy khu vực địa phương, mặc dù chúng tôi vẫn chưa hoàn toàn chiếm được những mục tiêu này. Pháo binh của địch đã bị tê liệt ngay từ đầu và sự hỗ trợ từ lực lượng không quân chiến thuật của địch không hiệu quả lắm. Nhưng lực lượng địch ở khu vực sân bay chính và các đơn vị phía sau của trung đoàn 53 [VNCH] đã phản công khá dữ dội. Tôi đã ra lệnh cho mặt trận giữ vững các khu vực đã chiếm được... và tổ chức các cuộc tấn công để tiêu diệt các phần tử còn lại của Sư đoàn 23 VNCH ở đó...

«Sau khi chiếm được sở chỉ huy của Sư đoàn 23 và khu vực xe bọc thép, quân đội của chúng tôi đã vượt qua căn cứ phía

sau của Trung đoàn 45 và chiếm lĩnh các khu vực thông tin liên lạc của cảnh sát quân sự cũng như trường huấn luyện lực lượng địa phương.» Các đơn vị du kích [người miền núi] sau đó đã gặp nhau tại sở chỉ huy của Sư đoàn 23 và một đơn vị hành động vũ trang [cảnh sát mật] đã tiến vào thành phố Ban Mê Thuột. Về cơ bản, trận chiến đã kết thúc vào lúc 10:30 ngày 11 tháng 3 năm 1975.

«Về cơ bản, trận chiến đã kết thúc - những lời này được ghi lại trong tin nhắn đến được ghi bởi một cán bộ tác chiến tại sở chỉ huy của chúng tôi.» Niềm vui sướng của các chiến sĩ của chúng tôi không thể diễn tả bằng lời. Tôi đã nói với những người đi cùng tôi : việc chúng ta chỉ mất hơn một ngày và một đêm để tấn công và chiếm đóng một thành phố lớn như vậy chứng tỏ rằng kẻ thù không thể

tìm ra cách nào để chống lại sức mạnh của chúng ta.

«'Về cơ bản, trận chiến đã kết thúc' - những lời này được ghi lại trong tin nhắn đến được ghi bởi một cán bộ tác chiến tại sở chỉ huy của chúng tôi.» Niềm vui sướng của các chiến sĩ của chúng tôi không thể diễn tả bằng lời. Tôi đã nói với những người đi cùng tôi : việc chúng ta chỉ mất hơn một ngày và một đêm để tấn công và chiếm đóng một thành phố lớn như vậy chứng tỏ rằng kẻ thù không thể tìm ra cách nào để chống lại sức mạnh của chúng ta.

Mặc dù Ban Mê Thuột đã bị chiếm, các thành phần của hai tiểu đoàn VNCH vẫn bám trụ vào đường băng nhỏ hơn ở rìa thị trấn trong sáu ngày tiếp theo, thực hiện một hành động giữ vững dũng cảm trước những khó khăn không thể tưởng

tượng nổi. Cuối cùng họ buộc phải rút lui, rút vào những khu rừng phía nam, không bao giờ được nghe thấy nữa.

Khi trận chiến bước vào những giờ cuối cùng, chính phủ ở Sài Gòn vẫn không có ý tưởng rõ ràng về những gì đang diễn ra. Cho đến ngày 14 tháng 3, chúng tôi mới nhận ra rằng thành phố đã bị mất. Thông tin duy nhất có sẵn đến từ những bức ảnh chụp từ trên cao của máy bay Air America và máy bay Nam Việt Nam, và chúng không cho chúng tôi biết gì nhiều. Tôi nhớ đã xem qua một loạt ảnh của chúng một ngày hoặc hai ngày sau khi cuộc tấn công ban đầu của BV diễn ra. Khói và các vụ nổ trên không có thể nhìn thấy ở một trong các đường băng nhưng phần còn lại của thành phố dường như yên tĩnh. Một vài chiếc xe tăng đậu ở chợ trung tâm, gần «Chuột

Trắng,» và một số người đi xe đạp có thể thấy đang đạp xe lười biếng xung quanh chúng. Chúng tôi kết luận từ bằng chứng mỏng manh này rằng lực lượng chính phủ đã đẩy lùi những kẻ tấn công (chúng tôi vẫn chưa biết có ba sư đoàn BV trong khu vực). Nhưng tất nhiên, điều ngược lại là đúng : thành phố đã nằm trong tay của BV.

Sự bất lực của chúng tôi trong việc theo dõi trận chiến khi nó diễn ra đã dẫn đến việc lúng túng trong một ưu tiên quan trọng - cứu những người phương Tây bị mắc kẹt trong thành phố : tám nhà truyền giáo người Mỹ, một người Úc và Paul Struharick, đại diện lãnh sự.

Khi Dũng gửi đoàn xe tăng đầu tiên của mình tiến về Ban Mê Thuột, tất cả những người phương Tây ngay lập tức chạy trốn đến khu vực của USAID và

trụ sở của tỉnh trưởng, nơi đã được lưu trữ các vật phẩm khẩn cấp. Khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, Struharick đã phát tín hiệu radio đến lãnh sự quán ở Nha Trang để nói rằng anh và các đồng nghiệp của mình đang bị bao vây bởi xe tăng của BV. Các quan chức lãnh sự ngay lập tức điều động một chiếc trực thăng đến để cứu hộ, nhưng hỏa lực mặt đất của quân đội Cộng sản đã ngăn cản nó hạ cánh. Trong vài giờ tiếp theo, Struharick tiếp tục liên lạc với phi công, đảm bảo với anh ấy rằng mọi người đều an toàn, nhưng cuối cùng, khi pin cung cấp cho chiếc radio nhỏ của anh ấy yếu đi, anh ấy đã ngừng phát sóng.

Hy vọng rằng anh ta vẫn có thể nhận được tin nhắn, phi công tiếp tục phát tín hiệu hướng dẫn cho anh ta thay mặt lãnh sự quán, chỉ đạo anh ta đặt một lá cờ nhỏ

nếu anh ta có thể nghe thấy. Một số trực thăng Air America khác đã cố gắng hạ cánh, nhưng họ cũng bị bắn tỉa đuổi đi. Khi lực lượng của Dũng cuối cùng hoàn thành cuộc lùng sục trong thị trấn, Struharick và những người còn lại đã bị giam giữ.

Trong tám tháng tiếp theo, họ bị giam giữ làm tù binh chiến tranh, một số ở Ban Mê Thuột, những người khác ở phía bắc hơn tại Pleiku. Struharick, người mà cộng sản nghi ngờ là một sĩ quan CIA, bị giam giữ trong tình trạng biệt giam nhưng được đối xử tốt. Thức ăn thì kém, nhưng không tệ hơn so với những gì mà một lính BV trung bình nhận được. Cuối cùng, vào đầu mùa thu năm 1975, BV rõ ràng đã kết luận rằng cả mười người đều là những người vô tội như họ đã tuyên bố và quyết định thả họ.

Trong suốt cuộc thử thách dài đằng đẵng, một số thành viên trong nhóm đã phát triển những khao khát kỳ lạ. Sau khi Sài Gòn sụp đổ, khi tôi đang hoàn tất một nhiệm vụ tạm thời ở Bangkok, một nhà báo Mỹ vừa rời Việt Nam vào ngày 5 tháng 5 đã cho tôi đọc một bức thư từ một trong những người bị giam giữ, mà các nhà lãnh đạo cộng sản đã yêu cầu ông gửi đi. Người viết, một nhà truyền giáo, đã phàn nàn với cha mẹ về nỗi khao khát mãnh liệt của mình đối với một thanh kẹo sô-cô- la.

Khi tin tức về việc mất Ban Mê Thuột được xác nhận, Kissinger đang trên chuyến bay từ Cairo đến Tel Aviv, giữa lúc ông đang thực hiện chuyến ngoại giao liên tục, và ông vừa ngạc nhiên vừa bối rối trước tin tức này. Tuy nhiên, theo

các nhân viên đi cùng ông, ông không cảm thấy rằng sự kiện không may này báo hiệu bất kỳ cuộc khủng hoảng thực sự nào cho miền Nam Việt Nam. Theo quan điểm của ông, Ban Mê Thuột đã «không liên quan» đối với an ninh của đất nước và có lẽ đã bị từ bỏ một cách có chủ ý, như một phần của nỗ lực đau đớn nhưng có hệ thống của chính phủ để điều chỉnh cam kết của mình với các nguồn lực.

Trong khi đó, khi những dư chấn chính trị của thất bại tiếp tục làm rung chuyển Sài Gòn, Pat, Joe và tôi bắt đầu cảm thấy như những người cố thủ trong một hầm trú ẩn đang bị tấn công. Các báo cáo tình báo chiến thuật giờ đây đang đổ xuống chúng tôi như một cơn mưa không ngừng, và mỗi người trong

chúng tôi đều dành nhiều giờ sau giờ làm việc để cập nhật bản đồ chiến đấu và cố gắng tiếp thu dữ liệu. Cũng không phải chỉ có tọa độ lưới cho Ban Mê Thuột mà chúng tôi thuộc lòng, vì ngay cả khi Dũng và các quân đoàn của ông ta nhanh chóng hoàn thành mục tiêu quan trọng này, đã có một sự gia tăng đột ngột trong các cuộc giao tranh trên khắp cả nước, ở các khu vực mục tiêu khác mà tôi đã cố gắng xác định trong ước tính của mình vài ngày trước.

Vào ngày 8 tháng 3, các du kích VC đã tấn công vào mười lăm thôn làng rải rác giữa Quảng Trị và Huế ở QK 1. Trong vài ngày tiếp theo, các đơn vị BV ở phần phía nam của khu vực đã cô lập hai thị trấn huyện ở trung tâm tỉnh Quảng Tín, phong tỏa tất cả các con đường ra biển và sau đó tiến về thủ phủ tỉnh Tam Kỳ.

Cuộc tấn công được dự đoán vào tỉnh Tây Ninh, nằm ngay phía tây bắc Sài Gòn, cũng bất ngờ ập đến với chúng tôi khi các đơn vị cộng sản tràn vào thị trấn Tri Tâm ở phía đông tiếp cận thủ phủ tỉnh và một phần lãnh thổ ở phía tây.

Trong vòng một hoặc hai ngày sau cuộc tấn công Ban Mê Thuột, lực lượng chính phủ đã phải nhượng bộ trên khắp cả nước, và bộ chỉ huy cao cấp ở Sài Gòn đã bắt đầu điên cuồng tìm kiếm trong trí tưởng tượng tập thể của họ những phương thuốc có thể. Tướng Viên, chủ tịch của Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân, đã hội ý không ngừng với các cấp dưới chính của mình. Thật không may, viên sĩ quan mà ông cần lời khuyên nhất lại không có mặt để đưa ra lời khuyên đó. Vào ngày 11 tháng 3, Tướng Đặng Văn Khuyên, tham mưu trưởng quân đội và

là chuyên gia hậu cần hàng đầu của quân đội, một người đặc biệt gần gũi với người Mỹ, đã bay sang Nhật Bản để ở bên cha mình, người đang trải qua ca phẫu thuật ung thư. Khuyên[11] sẽ vắng mặt trong suốt một tuần, trong thời gian đó, sự chuyên môn về hậu cần của anh và các mối liên hệ với người Mỹ sẽ được rất nhiều người nhớ đến. *

Nhưng sự vắng mặt của Khuyên không phải là trở ngại duy nhất mà chính phủ phải đối mặt. Thiệu tự tạo ra một vài vấn đề cho chính mình. Nổi giận vì cuộc tấn công bất ngờ vào Ban Mê Thuột, ông nhanh chóng bắt đầu lạnh nhạt với tất cả các sĩ quan tình báo cấp cao của mình,

11 Khuyên, phó tư lệnh của quân đội, là một trong những sĩ quan do Mỹ đào tạo. Ông đã trở thành một trong những người được Tướng Murray yêu thích nhất sau khi ngừng bắn, vì cả hai đều là những nhà hậu cần theo đào tạo và quan điểm. Tín nhiệm của ông với người Mỹ cao đến mức Đại sứ quán thuận tiện quên rằng «chú ruột» của ông là một tướng ba sao của BV.

với lý do họ đã thất bại trong nhiệm vụ. Một trong những người cảm nhận được cơn thịnh nộ của ông là Đại tá Lê Văn Lượng, trưởng phòng tình báo của Bộ Tổng tham mưu Liên quân. Lượng không có tội lỗi hơn bất kỳ ai trong chúng ta đã hiểu sai các tín hiệu, nhưng Thiệu đã coi ông ta là một kẻ bất tài, chỉ trích ông ta ngay trước mặt, và sau đó phớt lờ ông ta. Tinh thần trong văn phòng của Luong đã giảm sút nghiêm trọng, và kết quả là, bộ máy tình báo quân sự của quân đội đã rơi vào tình trạng tồi tệ khi cuộc chiến bước vào những tuần cuối cùng.

14. Ánh sáng trên đỉnh

Dù có những sai lầm chiến thuật, Tổng thống Thiệu không phải là kẻ ngốc. Ông đã đọc cuốn Chiến tranh Nhân dân và chỉ huy quân đội trên chiến trường, và với bản năng của một người lính kỳ cựu, ông biết rằng mục tiêu cuối cùng của các cuộc tấn công của cộng sản, dù bị phân tán, là cô lập Sài Gòn và làm suy yếu quân đội của ông.

Chỉ có ba sư đoàn tiền tuyến hiện đang được triển khai trong khu vực Sài Gòn để bảo vệ thủ đô, với hai lữ đoàn

thủy quân lục chiến và không quân mới thành lập và chưa được thử nghiệm cùng một nhóm biệt động quân trong lực lượng dự bị - khó có thể so sánh với sự hiện diện của quân đội nhân dân miền Bắc tại địa phương, hiện tương đương với sáu sư đoàn. Vào ngày 12 tháng 3, Thieu đã gửi một bức điện khẩn cấp đến Tướng Trưởng ở Đà Nẵng, chỉ thị ông ta sửa đổi kế hoạch và gửi Sư đoàn Nhảy dù đến Sài Gòn ngay lập tức.

Sáng hôm sau, ông đã gặp Hội đồng An ninh của mình để công bố một quyết định thậm chí còn gây chấn động hơn. Sau nhiều tháng tranh luận và trì hoãn, cuối cùng ông đã quyết định làm theo lời khuyên của nhiều đồng nghiệp : ông sẽ loại bỏ các khu vực «không hiệu quả» của đất nước, những phần lớn của QK 1 và 2, và tập trung lực lượng của mình

vào những nơi có thể mang lại hiệu quả cao nhất : xung quanh Sài Gòn. Ông gọi khái niệm chiến lược mới là «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới.»

Trong hai tuần qua, Thủ tướng Khiêm và một nhóm chuyên gia đã nghiên cứu kế hoạch. Ban đầu, bài tập này chỉ mang tính chất dự phòng, một cuộc xem xét tổng quát các lựa chọn dài hạn, không có mục đích cụ thể. Chính Thiệu đã nhấn mạnh vào cách tiếp cận này. Ông không muốn các chỉ huy của mình có ấn tượng rằng ông đang xem xét một cuộc rút lui nhục nhã khỏi một số khu vực quan trọng cho đến khi thực sự cần thiết. Vì tôn trọng mong muốn của ông, và mặc dù bị Ted Sarong và những người khác thúc giục, Khiêm và đội ngũ của ông đã cẩn thận tránh việc đi sâu vào chi tiết hoặc hỏi ý kiến cấp dưới về các đề xuất.

Ngoài sự thu hẹp dần dần của các chiến tuyến của Tướng Trương ở QK 1, những tác động thực tiễn của một cuộc rút lui tổng thể - chính xác là lãnh thổ nào nên được nhường lại và khi nào - hầu như chưa được xem xét.

Vài ngày trước khi Ban Mê Thuột thất thủ, Bộ trưởng Kinh tế của Thiệu đã gọi điện cho người đồng cấp tại Đại sứ quán Mỹ, cố vấn kinh tế mới đến Dan Ellerman, và thảo luận một số ý tưởng đang được xem xét với ông ta. Martin có ủng hộ việc cắt xén không ? Khái niệm này đã được thảo luận ở Washington chưa ? Vào ngày 11 tháng 3, khi Ban Mê Thuột chỉ còn trong những giờ cuối cùng, Ellerman đã gửi lại một phản hồi mà ông đã chuẩn bị cùng với quyền Đại diện, Wolfgang Lehmann. Việc có bỏ rơi bất kỳ phần nào của đất nước hay khô-

ng, ông nói, là quyết định chỉ người Việt Nam mới có thể đưa ra. «Và bất cứ điều gì các bạn làm, thế giới sẽ tôn trọng điều gì được thực hiện thành công.»

Tin nhắn đó, không cam kết, gần như hời hợt, cuối cùng đã khiến Thiệu quyết định cho mình. Nếu người Mỹ có thể tiếp cận một vấn đề lớn như vậy một cách hời hợt, ông kết luận, họ sẽ khó bị ảnh hưởng bởi bất kỳ điều gì ông làm. Không có lý do gì để ông cố giữ từng mảnh lãnh thổ chỉ để gây ấn tượng với họ.

Trên cơ sở này, ông quyết định thay đổi toàn bộ chiến lược của mình, trượt dần và không thể đảo ngược vào «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới.»

Nhìn lại, sự chuyển mình đột ngột dường như hoàn toàn hợp lý, vì bản chất

của các chính sách chiến lược của Thiệu luôn là việc thao túng người Mỹ vì lợi ích quốc gia theo cách ông ta nhìn nhận. Và một khi người Mỹ không còn có vẻ dễ bị thao túng nữa, thì chỉ đơn giản là đến lúc phải thay đổi nhanh chóng, và đúng vậy, thậm chí là đột ngột, đặc biệt nếu sự sống còn của quốc gia phụ thuộc vào điều đó. Đó là lý do đã đưa ông đến những quyết định mang tính bước ngoặt mà ông trình bày trước các đồng nghiệp trong bữa sáng hôm 13 tháng 3.

Nhưng vì đã thay đổi hướng đi quá nhanh, ông đã không có nhiều thời gian để suy nghĩ về các khía cạnh thực tiễn, không hơn gì Khiêm hay Tướng Viễn hoặc bất kỳ ai khác đã tham gia vào việc lập kế hoạch dự phòng trong hai tuần qua. Vì vậy, khi ông nhâm nhi tách trà buổi sáng và suy ngẫm về khái niệm

này, có những khoảng lặng dài, những khoảng trống khó xử khiến nhiều người nghe ông tự hỏi chính xác phải làm gì.

Khiêm và Viên đã muốn đặt ra một số câu hỏi thực tế, nhưng cả hai đều rất nhẹ nhõm khi Thiệu cuối cùng đã chuyển sang quan điểm của họ, họ đã quyết định - một cách tai hại - để mọi thứ yên ổn trong lúc này.

Không có câu hỏi nào sao ? Vậy thì, Thiệu tiếp tục, họ cũng nên xem xét mục tiếp theo trong chương trình nghị sự : phản ứng ngay lập tức của họ đối với các cuộc tấn công tại Ban Mê Thuột. Về chủ đề này, Tổng thống dường như đã có những ý tưởng rõ ràng. Đầu tiên, cần phải xác định xem thành phố có thực sự bị mất hay không (không ai trong số các sĩ quan tình báo của ông ta chắc chắn). Thứ hai, nếu thực sự nó đã thất thủ, mọi

nỗ lực phải được thực hiện để chiếm lại nó. Ở đây, Thiệu đã bắt đầu một cuộc lạc đề lịch sử. Ban Mê Thuột luôn là chìa khóa của vùng cao nguyên. Người Pháp đã sử dụng nó làm căn cứ chính của họ ở đó, và với việc được đào tạo như một sĩ quan Pháp, anh ta có thể hoàn toàn hiểu được quan điểm của họ. Ai kiểm soát Ban Mê Thuột sẽ kiểm soát các tuyến đường tiếp cận phía tây đến Sài Gòn.

Viên ngồi không yên trên ghế. Thật vậy, Ban Mê Thuột là rất quan trọng, ông thừa nhận. Nhưng làm thế nào để Tướng Phú có thể bảo vệ nó ? Một sư đoàn đầy đủ của ông ta ở vùng cao nguyên, ngày 23, đã bị kéo dài quá mức. Hơn một trung đoàn đã bị phân tán và có lẽ đã mất ở Ban Mê Thuột, và hai trung đoàn khác đang được đưa đến để tăng cường. Điều đó khiến Pleiku và Kontum thiếu

quân số. Và không có lực lượng dự bị để lấp đầy khoảng trống.

Thiệu ngồi một lúc, ngón tay chụm lại, cằm tựa vào chúng. Tất nhiên là Viên đúng: không có quân dự bị. Và các đơn vị của Phú căng như trống.

Ông nhìn quanh bàn, tìm kiếm những gương mặt để tìm câu trả lời. Không có ai cả. Họ đều là những kỹ nữ hoàn hảo, tất cả đều nhường nhịn anh ta. Ông lục lọi trong túi, hắng giọng, rồi đưa ra quyết định của mình, gần như thì thầm, một bước ngoặt trong lịch sử cuộc chiến. Ông nói rằng Kontum và Pleiku sẽ phải bị bỏ lại. Các cuộc rút lui chiến lược, «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới,» sẽ bắt đầu từ đó.

Căn phòng trở nên im lặng như tờ. Ông tiếp tục : việc rút lui như vậy là hợp

lý, cần thiết ; nó sẽ giải phóng lực lượng để tiến vào Ban Mê Thuột. Và Ban Mê Thuột là chìa khóa, sau tất cả, như các chiến lược gia Pháp đã chứng minh hai mươi năm trước.

Các đồng nghiệp của ông có thể đã quá choáng váng hoặc đơn giản là quá sợ hãi ông để phản đối. Trong bất kỳ trường hợp nào, không có cuộc thảo luận nào, và cuối cùng, Thiệu đã ra lệnh cho họ giữ im lặng. Đừng nói với ai về kế hoạch, ông ta nói, ngay cả người Mỹ cũng không. Họ đã có cơ hội để giúp đỡ, nhưng đã thất bại.

Chiều hôm đó, Thiệu đã gặp Trưởng, người vừa bay từ Đà Nẵng đến. Ông chào ông ta một cách lạnh lùng, vì ông biết rằng chỉ có một lý do duy nhất khiến chỉ huy QK 1 đến gặp ông, đó là để yêu cầu ông đảo ngược quyết định về Lữ đoàn

Nhảy dù. Nhưng bây giờ không còn cơ hội nào nữa. Chiến lược mới sẽ không cho phép điều đó. «Nhẹ ở trên, nặng ở dưới» : Lực lượng Nhảy dù sẽ phải đến Sài Gòn ngay lập tức.

Nhưng Trưởng thì kiên trì một cách bất thường, giải thích lần thứ một trăm rằng lực lượng của ông đã bị cam kết quá mức một cách nguy hiểm. Việc rút lui lực lượng Nhảy dù một cách vội vàng, trước khi ông có thời gian điều chỉnh, sẽ tạo ra những lỗ hổng lớn trong phòng thủ của ông, buộc ông phải thực hiện những thay đổi đột ngột và nghiêm trọng trong đó. Nói một cách thẳng thừng, Thành phố Quảng Trị, chiến trường đẫm máu năm 1968, đã mất và lại giành lại vào năm 1972, sẽ phải bị bỏ lại. Bởi vì ông không còn đủ khả năng để giữ Sư đoàn Thủy quân lục chiến của mình triển khai

để bảo vệ nó. Các thủy quân lục chiến sẽ phải rút lui về Huế và Đà Nẵng để lấp đầy khoảng trống do Nhảy Dù để lại.

Thiệu gật đầu và thông cảm - nhưng chỉ đồng ý với một nhượng bộ nhỏ. Ông sẽ rút lui từng bước một của lực lượng Nhảy dù, ông nói, để cho Trưởng có thời gian sắp xếp lại phòng thủ của mình. Lữ đoàn đầu tiên của họ sẽ được rút vào ngày 17 tháng 3 ; lữ đoàn tiếp theo, tám ngày sau đó, trong khi lữ đoàn thứ ba có thể ở lại QK 1 cho đến cuối tháng. Trong khi đó, một số đơn vị thủy quân lục chiến chưa được huấn luyện bên ngoài Sài Gòn sẽ được gửi đến để giúp lấp đầy các khoảng trống.

Khi Trưởng trở lại Đà Nẵng vào cuối ngày, anh ta hầu như không được xoa dịu. Ông đã nói riêng với một số nhân viên rằng ông sẽ từ chức hoặc thậm chí

có thể tiến hành đảo chính nếu Tổng thống lại thay đổi tín hiệu với ông. Đối với vị chỉ huy QK 1 thường kín đáo, đây thực sự là một cuộc nói chuyện nghiêm túc, và những người thông báo của Thiệu nhanh chóng truyền đạt thông tin này cho ông, củng cố niềm tin của ông rằng Trưởng không chỉ là đối thủ mà còn là kẻ thù. Vài giờ sau, ông ban hành một sắc lệnh hành chính hạ lệnh giới nghiêm của Sài Gòn từ nửa đêm xuống mười giờ tối như một biện pháp phòng ngừa chống lại bất kỳ cuộc đảo chính nào sau giờ giới nghiêm.

Thực ra, những lo lắng của Thiệu là không cần thiết. Trong vài ngày tiếp theo, Trương đã chứng tỏ mình trước hết là một người lính kỷ luật. Hầu như ngay lập tức, ông đã ra lệnh cho một trong các lữ đoàn thủy quân lục chiến phía bắc Huế

chuẩn bị chuyển đến mặt trận Đà Nẵng khi ông bắt đầu sửa đổi các phòng thủ của mình theo yêu cầu của Thiệu.

Tại sở chỉ huy của Tướng Dũng ở vùng cao nguyên phía tây, các sĩ quan và binh lính giờ đây đang làm việc suốt ngày đêm để giữ cho chỉ huy BV cập nhật về các diễn biến trên toàn quốc. «Bản đồ chiến dịch được phủ đầy các vòng tròn và dấu chéo đỏ đánh dấu những nơi mà quân đội của chúng tôi đã tiêu diệt kẻ thù và kiểm soát hoàn toàn các mục tiêu,» Dũng sau này nhớ lại. «Có những mũi tên màu đỏ chỉ sự tiến quân của các đơn vị chúng tôi, và những mũi tên màu xanh chồng chéo chỉ hướng rút lui của kẻ thù về các khu rừng lân cận.» Những cuộc gọi điện thoại liên tục đổ vào... Các đồng chí phục vụ tại sở chỉ huy làm việc

và đi lại một cách lặng lẽ và phát thuốc lá vừa được chuyển từ phía sau tới.

Chỉ hai tuần trước, Dũng đã được gửi đến Nam Việt Nam với một mục đích duy nhất - để lãnh đạo chiến dịch chống lại Ban Mê Thuột. Nhưng bây giờ khi những vết nứt xuất hiện trong các phòng thủ của chính phủ ở nơi khác, ông nhanh chóng quyết định mở rộng mục tiêu của mình. Như với nhiều quyết định của ông trong những tháng cuối của cuộc chiến, một chiến công tình báo đã cung cấp nguồn cảm hứng ban đầu. Trong những giờ cuối cùng của trận chiến Ban Mê Thuột, quân của Dũng đã bắt giữ phó tư lệnh của Sư đoàn 23 VNCH. Viên sĩ quan hóa ra vừa nói nhiều vừa thông thạo. Mặc dù ông không có kiến thức trực tiếp về «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới,» nhưng ông rất quen thuộc với logic đã

dẫn đến điều đó. Dưới sự thẩm vấn, ông đã tiết lộ rằng Nha Trang và Vịnh Cam Ranh trên bờ biển miền trung hiện nay là những tài sản quan trọng nhất của chính phủ ở QK 2 và Thiệu có thể sẽ chọn từ bỏ Pleiku và Kontum ở vùng cao nguyên, cũng như thành phố ven biển Qui Nhon trong trường hợp khẩn cấp. Lực lượng không quân đã bị đánh bại và mất tinh thần, ông nói ; nếu các Sư đoàn Thủy quân Lục chiến và Nhảy dù ở QK 1 bị đánh bại, toàn bộ quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ sụp đổ.

Thực tế, viên sĩ quan đã dự đoán chính xác những gì sẽ xảy ra trong vài tuần tới, và Dũng, ngay từ thời điểm sớm này, đã bị ấn tượng. Vào ngày 11 và 12 tháng 3, ông đã gửi đi một số khuyến nghị gây sốc đến các đồng chí của mình ở Hà Nội. Không chỉ có kế hoạch giữ vững

Ban Mê Thuột bằng mọi giá, mà ông còn muốn mở rộng các hoạt động vào tỉnh Phú Bổn ngay phía đông bắc như một bước đầu tiên để cô lập Pleiku và Kontum và chiếm toàn bộ vùng cao nguyên phía tây. Ông cũng kêu gọi những sáng kiến mới của Huế ở QK 1 để Thiệu không thể chuyển hướng các đơn vị thủy quân lục chiến hoặc không quân đến mặt trận cao nguyên.

Chắc chắn rằng các đề xuất của ông đã khơi lại cuộc tranh luận trong Bộ Chính trị. Bí thư thứ nhất Đảng Lê Duẩn đã thuyết phục các đồng chí của mình về ý tưởng tấn công lớn ngay từ đầu bằng cách đảm bảo rằng nó sẽ được giữ trong giới hạn - ít nhất là trong năm tới để công cuộc tái thiết có thể tiến hành. Bây giờ, tổng tư lệnh đang ủng hộ những sáng kiến mới đầy kịch tính.

Ban Chấp hành Trung ương Quân đội Đảng đã được triệu tập để xem xét các đề xuất của ông. Như Dũng sau này đã chỉ ra trong hồi ký của mình, quyết định cuối cùng được đưa ra trong vòng hai ngày - đã được trình bày cho ông như một quyết định tập thể, cả Bộ Chính trị và các chuyên gia quân sự của đảng đều đã phê chuẩn nó. Rõ ràng, không ai muốn gánh vác trách nhiệm duy nhất trong việc biến cuộc tấn công thành một đề xuất có thể kéo dài vô thời hạn.

Theo kế hoạch mới, Dũng sẽ hoàn thành các hoạt động dọn dẹp xung quanh Buôn Ma Thuột và tấn công về phía bắc, vào trung tâm và các phần còn lại ở phía tây của khu vực, cắt đứt tất cả các tuyến đường chính và chiếm các thị trấn quan trọng khác. Phản ứng của chính phủ, theo dự đoán của Bộ Chính trị, sẽ là tập

hợp lại lực lượng tại Pleiku hoặc «có thể buộc phải rút lui chiến lược và từ bỏ hoàn toàn vùng cao nguyên.» Dựa trên đánh giá sắc bén này, Dũng được chỉ thị «bao vây Pleiku ngay lập tức.»

Để trấn an Bộ Chính trị, Dũng đã gửi một thông điệp đến Hà Nội vào ngày mười bốn, gợi ý rằng lực lượng của ông có thể thực sự «vượt chỉ tiêu» hiện tại trong vài tuần tới và «thậm chí đạt được kế hoạch dự đoán cho năm 1976.» Tuy nhiên, đối với một số đồng chí thận trọng hơn của ông, dự đoán cuối cùng đó chắc chắn không thể nào an ủi được. Kế hoạch cho năm 1976, sau cùng, đã dự kiến giải phóng toàn bộ đất nước.

Cuộc tranh cãi mà các đề xuất của Dũng gây ra trong ban lãnh đạo hoàn toàn có thể đoán trước được, vì những quyết định mà ông đang thúc giục họ rõ

ràng chỉ đến một sự thay đổi chiến lược mang tính bước ngoặt. Những gì chỉ mới bắt đầu vài tuần trước như một chiến dịch quân sự hạn chế, tập trung vào vùng cao nguyên và được điều chỉnh cẩn thận để không làm quá khích Hoa Kỳ hoặc làm giảm đi công cuộc tái thiết trong nước, giờ đây đang được mở rộng đến ngưỡng của một «cuộc tấn công tổng lực» đa mặt trận, với tất cả những bất ổn và rủi ro mà điều đó hàm ý. Và nếu các vùng cao nguyên được kiểm soát thì sao? Liệu Dũng có khăng khăng «thực hiện vượt mức» kế hoạch của mình cho năm 1975, như ông đã chỉ ra rằng ông có thể làm không ? Các nhà ôn hòa trong Ủy ban Trung ương của đảng đã lo sợ như vậy.

Như cả Dũng và những người chỉ trích ông đều nhận thức, trong việc lập kế hoạch và thực hiện bất kỳ cuộc tấn công

nào, có một loại động lực nuôi dưỡng bởi thành công. Trong trường hợp chiến dịch hiện tại, tuy nhiên, áp lực cho việc tiếp tục leo thang và chấp nhận rủi ro đã được gia tăng bởi một yếu tố hoàn toàn không liên quan đến sự lạc quan của Dũng. Kích thích bổ sung này là thời tiết. Trong khu vực mục tiêu chính của Dũng (cũng như ở QK 3 và đồng bằng), mùa mưa chỉ còn hai tháng nữa. Nếu lực lượng BV muốn đạt được bất kỳ loại đột phá quyết định nào, họ sẽ phải tấn công mạnh mẽ và nhanh chóng, làm cho mỗi trận chiến đều có ý nghĩa - hoặc sẽ có nguy cơ bị sa lầy trên những chiến trường lầy lội và phân tán, những chiến trường chật kín người cách xa nguồn cung cấp chính của họ. Sự cần thiết phải vượt qua mùa mưa đã tạo ra sự khẩn trương cho mọi việc Dũng định thực hiện, và thêm vào động lực hướng tới một cuộc chiến

toàn diện ngay lập tức.

Có lẽ một cách hợp lý, chính sự lo lắng của các nhà lãnh đạo Cộng sản về những giới hạn và yêu cầu do thời tiết đặt ra đã lần đầu tiên phá vỡ mạng lưới bí mật bao quanh các kế hoạch của họ. Vào một thời điểm, ngay sau khi chiếm được Ban Mê Thuột, một trong những nguồn tin tình báo của chúng tôi đã nghe lén được một cuộc trò chuyện giữa hai chỉ huy chiến trường của BV liên quan trực tiếp đến mối quan tâm quan trọng này. «Chúng ta có nên tiếp tục tiến về phía bờ biển hay dừng lại chờ mùa mưa ?» một sĩ quan hỏi sĩ quan kia. «Tiếp tục tiến về phía bờ biển» là câu trả lời. «Chúng ta không thể dừng lại vì bất cứ lý do gì.» Đây là một trong những manh mối đầu tiên cho thấy quân Bắc Việt đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công lớn mới.

Tuy nhiên, đó không phải là trường hợp duy nhất. Ngay sau các quyết định của Bộ Chính trị giữa tháng Ba, đã có một sự leo thang đột ngột trong các yêu cầu đàm phán của Hà Nội, gần như kịch tính như sự thay đổi chiến lược của họ. Trở lại tháng Giêng và tháng Hai, khi Lê Duẩn đã tạo ra sự thỏa hiệp chiến lược ban đầu của mình, ông đã từ bỏ yêu cầu từ chức của Thiệu mà trước đó là tiêu chuẩn, với hy vọng thuyết phục những người ôn hòa bên cạnh ông (và chúng tôi) rằng vòng chiến đấu tiếp theo sẽ không kéo dài. Bây giờ, đột nhiên, sự cứng rắn cũ lại tái xuất hiện. Các nhà tuyên truyền Bắc Việt không chỉ yêu cầu loại bỏ Thiệu một lần nữa, mà còn khăng khăng rằng toàn bộ «nhóm» của Thiệu phải rút lui như một cái giá cho hòa bình. Khi tôi lần đầu tiên nhận thấy sự thay đổi trong tuyên truyền từ Đài phát thanh Hà Nội,

tôi đã soạn một bản ghi nhớ cho Polgar, nhắc nhở ông rằng chính những yêu cầu hoành tráng như vậy đã báo hiệu cuộc «tổng tấn công» của miền Bắc Việt Nam vào năm 1972.

Trong khi Đại sứ quán cố gắng hiểu rõ âm điệu mới và đáng lo ngại trong các tuyên bố của Hà Nội, các quan chức Mỹ sống và làm việc ở vùng cao nguyên, nơi trực tiếp bị ảnh hưởng, bắt đầu tìm chỗ trú ẩn. Vào ngày 12 tháng 3, hai ngày sau cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột, Walt Martindale, đại diện lãnh sự quán tại tỉnh Quảng Đức phía nam, đã được ra lệnh rõ ràng phải bỏ mọi thứ và rời đi. Lái xe về phía đông nam theo những con đường ít người sử dụng, ông đã đến tỉnh Lâm Đồng và sau đó là Nha Trang, trên bờ biển, nơi đặt tổng lãnh sự quán Mỹ cho QK 2.

Các quan chức lãnh sự tại thành phố Pleiku, trong khi đó, đang chuẩn bị cho cuộc rời khỏi của họ. Khi tin tức đến với họ rằng Ban Mê Thuột đang bị tấn công mạnh mẽ, Earl Thieme, viên chức USAID năm mươi tuổi kiêm đại diện cao cấp của tỉnh Mỹ, đã lấy lại kế hoạch sơ tán của mình và đang xem xét các điều khoản của nó. Nhưng càng nghiên cứu kỹ lưỡng, ông càng nhận ra rằng nó đơn giản là không đủ. Điểm yếu rõ ràng nhất của nó chính là giả định cơ bản, tức là trong trường hợp người Mỹ sơ tán, dân cư địa phương sẽ vẫn giữ thái độ ngoan ngoãn. Thành phố Pleiku, với dân số hỗn hợp người Việt và người miền núi 60.000 người, đã là một mồi lửa âm ỉ. Cuộc tấn công Ban Mê Thuột đã gửi những làn sóng hoảng loạn vang dội qua những con đường quanh co và khu ổ chuột tạo thành trái tim của nó, và các sĩ

quan không quân Việt Nam địa phương thậm chí còn đang lén đưa gia đình của họ ra ngoài nhanh nhất có thể.

Thieme đã ngồi xuống với một số nhân viên khác vào ngày mười hai để xây dựng một cuộc diễn tập sơ tán mới, phù hợp hơn với tình hình căng thẳng mà họ đang đối mặt. Cuối ngày hôm đó, đồng nghiệp cấp cao của anh tại CIA đã bay đến Nha Trang để thông qua kế hoạch với lãnh sự quán.

Sáng hôm sau, viên sĩ quan đã báo cáo cho cấp trên của mình, Giám đốc Căn cứ CIA cho QK 2, «Howard Archer.» Pleiku đang nhanh chóng trở thành một thị trấn ma, ông giải thích, các chợ thực phẩm đang đóng cửa và dân cư thì lo lắng như chưa bao giờ thấy. Đã đến lúc rút quân Mỹ. Archer đề nghị họ nói chuyện với chính «Congen».

Tổng Lãnh sự Moncrieff Spear, một người đàn ông gầy gò, căng thẳng với những giả vờ như Brahmin và một vẻ ngoài La Mã, không phải là kiểu quan chức bán quân sự mà cuộc khủng hoảng đang nổi lên ở QK 2 cần. Ông không yêu Việt Nam hay cuộc chiến tranh không bao giờ kết thúc của nó, và thực tế là ông đã không muốn đến đây chút nào. Mặc dù Nha Trang, với làn nước xanh biếc và không khí của một thành phố nghỉ dưỡng, ít nhất cũng là tiền đồn lãnh sự thanh lịch nhất trong cả nước, anh vẫn thích phục vụ thời gian của mình trong sự xa hoa thực sự ở nơi khác, như anh đã từng ở Nassau, nơi anh đã công tác trước đó. Hơn nữa, trong mười tám tháng làm việc ở Nha Trang, ông vẫn chưa phát triển được bất kỳ «cảm giác» thực sự nào về quyền chỉ huy. Đại sứ không cho phép anh ta. Ngay sau khi đến nơi, Spear đã

phạm sai lầm khi báo động cho Đại sứ quán về tình hình an ninh xấu đi ở vùng cao nguyên và đã bị Martin khiển trách nặng nề vì quá «kích động.» Kể từ đó, anh ta đã đi theo nhịp điệu của Đại sứ một cách tỉ mỉ.

Cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột, tuy nhiên, đã khiến Spear rơi vào tình thế khó xử, và khi việc mất Struharick cùng với những người phương Tây còn lại ở đó được xác nhận, ông bắt đầu suy nghĩ về một số câu hỏi khó khăn. Liệu ông có nên tiếp tục giữ bình tĩnh và thận trọng, như Martin mong muốn không ? Hay đã đến lúc nắm bắt cơ hội và tăng tốc kế hoạch dự phòng của chính mình ?

Khi ông lắng nghe Archer và người của CIA từ Pleiku vào sáng ngày mười ba, ông quyết định rằng sự thận trọng nằm ở hướng thứ hai, và khi buổi họp

báo kết thúc, ông đã quyết định bắt đầu rút các nhân viên Mỹ «không cần thiết» ra khỏi Pleiku.

Sáng hôm sau, Spear và nhân viên của ông đã biết từ các nguồn VNCH rằng một ngôi làng ngay phía bắc Ban Mê Thuột mà Tướng Phú đã hy vọng sử dụng làm điểm xuất phát cho một cuộc phản công đã bị mất vào tay cộng quân cộng. Họ cũng được thông báo rằng tuyến đường chính từ cao nguyên phía nam ra bờ biển đã bị chặn và hàng nghìn người tị nạn hiện đang nằm rải rác dọc theo các con đường phụ song song chạy ra bờ biển.

Vài giờ sau, Archer thông báo với Đại sứ quán ở Sài Gòn rằng ông đang gửi một đội ngũ và trực thăng đến thị

trấn Phước An, phía đông Ban Mê Thuột, để nắm bắt câu chuyện về cuộc rút lui một cách trực tiếp. Một số nhân viên bán quân sự của Trạm đã hô vang tán thưởng, vì trong mắt họ, hành động táo bạo như vậy rất phù hợp với truyền thống «công ty» tốt đẹp ngày xưa. Nhưng khi «John Pittman,» phó của Polgar, hỏi tôi nghĩ gì về ý tưởng đó, tôi khó lòng giấu được sự thất vọng của mình. Lực lượng BV di chuyển rất nhanh và thông tin tình báo thì rất không đồng đều, tôi đã cảnh báo anh ấy, chúng tôi không thể chắc chắn rằng Phước An thậm chí còn nằm trong tay ARVN. Cuối cùng, Pittman đã lắng nghe lời cảnh báo của tôi và hủy bỏ nhiệm vụ - không quá muộn, vì chỉ trong vài giờ sau, Phước An đã bị ném bom dữ dội và bị cô lập.

Buổi sáng ngày mười bốn khô cằn và nóng bức, rất điển hình của mùa khô. Chuyến bay đến Cam Ranh trên bờ biển miền trung mất khoảng một giờ. Có rất ít sự nhiễu loạn không khí làm rung chuyển chiếc C-47 đã được tháo gỡ, và bên ngoài cửa sổ bên phải, mặt trời lấp lánh trên Biển Đông như những mảnh mica trong đá granite xám. Tổng thống Thiệu ngồi một mình trong phần lớn chuyến đi, xem xét các thông tin tình báo mới nhất từ mặt trận. Thủ tướng Khiêm, Tướng Quang và Tướng Viễn nói chuyện nhỏ nhẹ với nhau ở phía bên kia lối đi. Thiệu đã triệu tập cuộc họp ở Cam Ranh vào sáng sớm tốt lành này để thông báo cho Tướng Phú, chỉ huy QK 2 của ông, về một vấn đề nghiêm trọng mà cả hai đều quan tâm - «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới.»

Khi Thiệu đặt tài liệu sang một bên và ngả lưng để giảm bớt cơn cứng cổ tay phải mãn tính, ông ta dường như, đối với một trong những người bạn đồng hành, đang rơi vào một giấc mơ ban ngày. Có lẽ ông chỉ đang suy ngẫm về những khả năng. Liệu chúng có thực sự bất lợi như chúng xuất hiện không ? Đêm trước đó, Thiệu đã tham khảo ý kiến cả nhà chiêm tinh gia gia đình và Ted Sarong về kế hoạch cắt giảm đất nước của mình (mặc dù không tiết lộ chi tiết). Nhà chiêm tinh đã tỏ ra nghi ngờ. Sarong đã nói với ông rằng thời gian đang cạn kiệt. Có thể cả hai đều đã đọc đúng điềm báo. Nhưng còn gì khác để làm nữa ? Thiệu chỉ có thể hy vọng rằng người bạn cũ của mình, Tướng Phú, sẽ có một câu trả lời nào đó cho câu hỏi đó. Vận mệnh của vùng cao nguyên và có lẽ cả đất nước sẽ sớm nằm trong tay ông ấy.

Thiếu tướng Phạm Văn Phú từ lâu đã là một trong những chỉ huy chiến trường yêu thích của Thiệu. Giống như Tổng thống, ông đã nổi bật đầu tiên như một người lính dưới sự chỉ huy của Pháp, chiến đấu chống lại các lực lượng cộng sản trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Bị bắt cùng với đồn trú Pháp tại Điện Biên Phủ, ông đã trải qua vài năm tiếp theo trong một trại giam của Việt Minh, nơi theo các cộng sự, ông đã mất sức khỏe (do bệnh lao) và sự can đảm. Nhiều năm sau, ông đã phục vụ bên cạnh Thiệu khi cả hai cùng thăng tiến trong hàng ngũ của quân đội quốc gia được đào tạo bởi Pháp và hỗ trợ bởi Mỹ. Khi Thiệu trở thành Tổng thống, sự nghiệp của Phú cũng nở rộ, vì người bạn cũ của ông đã thưởng cho ông

một cách hào phóng với nhiều nhiệm vụ quan trọng, cuối cùng bổ nhiệm ông làm người kế nhiệm chỉ huy Quân đoàn 2, Tướng Nguyễn Văn Toàn, vào mùa thu năm 1974.

Như Phú đã thừa nhận vào thời điểm đó, anh ấy coi mình là không đủ trình độ cho công việc này. Ông đã có rất ít kinh nghiệm với vai trò «người làm việc tại tổng hành dinh» và cảm thấy thoải mái hơn với việc lập kế hoạch chiến thuật hàng ngày hơn là với những điều không rõ ràng của chiến lược lớn. Một số người đã biết ông trong nhiều năm khăng khăng rằng ông cũng mắc phải một khuyết điểm nghiêm trọng hơn nhiều - nỗi sợ gần như bệnh lý về việc bị kẹt lại trên chiến trường và bị đối thủ bắt giữ. Đó là di sản, họ nói về những năm ông bị giam giữ sau Điện Biên Phủ.

Trong thời gian ông Phú giữ chức vụ tại QK 2, người tiền nhiệm của ông, Tướng Toàn, đã biến chỉ huy thành một lãnh địa nhỏ bé, phân chia các vị trí tỉnh và các nhiệm vụ khác dựa trên các khoản tiền thưởng cá nhân khác nhau. Bây giờ Toàn là tư lệnh QK 3, được bổ nhiệm theo đề xuất của Martin, và Phú đã bị bỏ lại với những tàn dư của phong cách chỉ huy của Toàn - một đội ngũ kém cỏi gần như không có cảm tình với quân đội và có thái độ khinh thường không che giấu đối với lực lượng du kích người Thượng chiếm phần lớn quân đội ở vùng cao nguyên. Những thiếu sót của nhân viên của ông ta, cộng với những khuyết điểm của Phú, sẽ tạo thành một sự kết hợp chết người.

Khi hội nghị tại Cam Ranh bắt đầu vào khoảng giữa trưa, Phú cố gắng đưa

bức tranh quân sự vào đúng bối cảnh cho đồng chí cũ của mình. Các lực lượng địch tương đương với bốn sư đoàn hiện đang được triển khai từ Pleiku đến Ban Mê Thuột, ông nói với Thiệu, và tất cả các con đường chính dẫn ra bờ biển đều bị phong tỏa. Với lực lượng hiện có, ông tiếp tục, ông sẽ chỉ có thể bảo vệ vùng cao nguyên không quá một tháng, và chỉ khi ông nhận được thêm sự hỗ trợ từ không quân, đạn dược và quân tiếp viện.

Khi Thiệu nghe điều đó, mắt ông ta dường như đờ đẫn. Một lần nữa, một trong những cấp dưới của ông ta nghĩ rằng ông ta đang mơ mộng. Cuối cùng, ông nhìn về phía Phú và lắc đầu. Không có gì trong số này, cả lực lượng tăng cường lẫn thiết bị bổ sung, có thể được cung cấp, ông nhấn mạnh. Quân đội đã bị kéo căng một cách nguy hiểm khắp cả

nước và các kho dự trữ phải được giữ gần các khu vực dễ phòng thủ. Vì vậy, không có cách nào để củng cố phòng thủ của Kontum và Pleiku. Lựa chọn duy nhất của họ là từ bỏ cả hai tỉnh và sử dụng lực lượng ở đó để tăng cường phòng thủ bờ biển và hỗ trợ một cuộc phản công chống lại Ban Mê Thuột.

Mặc dù những lời này có ý nghĩa sâu sắc, Phú không có phản ứng gì. Có thể ông ấy đã gật đầu một cách ngắn gọn để tán thành, nhưng chỉ có vậy thôi. Cũng không có câu hỏi nào được đưa ra hay phản đối nào được nêu lên. Như mọi khi, ông ta vẫn là người bạn hoàn toàn dễ chịu và hoàn toàn tôn trọng.

Thấy rằng ông đã nêu rõ quan điểm của mình, Thiệu chuyển sang một vấn đề cụ thể quan trọng, đó là việc lựa chọn một lộ trình rút lui. Mặc dù Đường 19

qua trung tâm khu vực và Đường 14 chạy về phía nam hướng tới QK 3 đều bị chặn, vẫn có khả năng quân đội có thể vượt qua. Phú sẽ thích đánh cược vào con đường nào ? Ở đây, Tướng Viên đã ngắt lời, khẳng định rằng không con đường nào có thể được bảo vệ đầy đủ bởi lực lượng mà Phú có sẵn. Điều đó chỉ còn lại Đường 7B, một con đường cũ của những người khai thác gỗ kéo dài về phía đông qua vùng trung tâm của khu vực này qua Tỉnh Phú Bồn. Mặc dù một số đoạn của nó đã không được sử dụng trong nhiều năm, Vien nhận thấy, có hai lợi thế khi sử dụng nó. Đầu tiên, theo như mọi người biết, nó không có lực lượng địch. Thứ hai, các lực lượng Cộng sản sẽ không mong đợi bất kỳ sự di chuyển nào dọc theo con đường này. Khi Viên hỏi Phú nghĩ gì về lựa chọn này, chỉ huy QK 2 lại chỉ gật đầu.

Khi hội nghị sắp kết thúc, Phú đã động não để hỏi về một điểm quan trọng : thời gian. Khi nào thì việc rút lui nên bắt đầu ? Thiệu gạt phắt câu hỏi sang một bên. Điều đó sẽ do Phú quyết định, ông ấy nói. Điều kiện duy nhất của ông là quyết định cuối cùng, dù là gì đi nữa, phải được giữ bí mật tuyệt đối. Ngay cả lực lượng lãnh thổ hay người dân tộc thiểu số ở Kontum và Pleiku cũng không được thông báo về điều đó. Việc bao gồm họ trong kế hoạch ban đầu, ông khẳng định, chỉ gây ra những phức tạp và tăng nguy cơ phản bội. Hơn nữa, họ chắc chắn sẽ tìm cách thoát ra ngay khi nhận ra rằng một cuộc rút lui đang diễn ra.

Với kế hoạch tắc trách và cẩu thả, cuộc trao đổi gần như tùy tiện này về các câu hỏi và chỉ thị chắc chắn phải đánh

dấu một mốc quan trọng nào đó trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Chính Thiệu đã đặt tông cho các cuộc họp, với cách ông ta lướt qua các vấn đề như thời điểm rút quân và sự thờ ơ hoàn toàn của ông ta đối với số phận của các chiến binh người Thượng, trụ cột của quân đội Phú. Tướng Viên cũng phải chịu trách nhiệm về những gì đã xảy ra, nếu chỉ vì đã dễ dàng chấp nhận những thiếu sót và sai lầm của Thiệu. Hơn nữa, chính Viên là người đã đập tan cơ hội thành công bằng cách đề xuất Đường 7B làm lối thoát mà không thèm xác định phần nào của nó có thể sử dụng được và phần nào thì không. Nếu không có sự chuẩn bị trước đó, quân đội của Phú đã thực sự bị đặt trên con đường tự hủy diệt của chính mình.

Trước khi trở về Pleiku, Phú đã trao đổi ngắn gọn với trưởng phòng tác chiến

của Viên. Như một hướng dẫn chiến thuật cơ bản, họ quyết định dựa vào một kế hoạch dự phòng ít được biết đến cho việc rút lui hậu cần ở vùng cao nguyên, kế hoạch này đã nằm ở trụ sở của Bộ Tổng tham mưu Liên quân tại Sài Gòn trong nhiều tháng. Tài liệu dường như có thể thích ứng và đủ cho nhiệm vụ mới của Phú, ngoại trừ một điều: nó cho phép sáu tháng chuẩn bị trước khi bắt đầu hoạt động.

Phú không cảm thấy mình còn nhiều thời gian như vậy.

Mặc dù bản thân Thiệu không quan tâm đến vấn đề này, nhưng thời điểm rút lui gần như đã được định sẵn ngay cả khi hội nghị tại Cam Ranh kết thúc. Vào sáng cùng ngày, các nhân viên cấp cao của Phú

ở Pleiku đã họp để thảo luận về khả năng chuyển một phần hoạt động của họ đến một sở chỉ huy thay thế ở Nha Trang để họ có thể phối hợp tốt hơn với kế hoạch phản công chống lại Buôn Ma Thuột. Đó không phải là một cuộc rút lui toàn diện như họ đã tưởng tượng. Một phần nhân viên của trụ sở sẽ ở lại Pleiku. Tuy nhiên, chỉ còn một hoặc hai giờ nữa là đến cuộc họp Cam Ranh, quyết định này đã tạo ra một động lực, một loại tâm lý di tản-ngay-lập-tức sẽ ảnh hưởng đến tất cả các nhiệm vụ và trách nhiệm mà Thiệu giao cho họ. Việc từ bỏ vùng cao nguyên thực sự có thể đã ít liều lĩnh hơn nếu các nhân viên của Phú chưa chọn thay đổi ngay lập tức địa điểm của họ.

Các viên chức lãnh sự tham dự phiên họp buổi sáng hôm đó ở Pleiku coi việc chuyển trụ sở là một điểm xấu nữa, và

khi Spear gửi điện tín cho họ từ Nha Trang khoảng một giờ sau đó, chỉ đạo họ cắt giảm hàng ngũ của chính mình, họ đã sẵn sàng tuân theo.

Bên cạnh mười viên chức Hoa Kỳ rải rác giữa Kontum và Pleiku, còn có hơn hai mươi cá nhân thuộc nhiều quốc tịch khác nhau mà Earl Thieme cảm thấy có trách nhiệm, bao gồm các nhà thầu người Mỹ và Philippines làm việc tại sân bay Pleiku, một số doanh nhân người Pháp và một đội ngũ chuyên gia y tế từ New Zealand. Hơn nữa, mỗi cơ quan của Mỹ tạo thành cộng đồng «chính thức» ở vùng cao nguyên đều có nhiều nhân viên người Việt với gia đình - khoảng 500 người tổng cộng - sẽ phải được sơ tán nếu và khi người Mỹ rời đi.

Ngay trước bữa trưa, Thieme đã phát tín hiệu cho Nha Trang và hỏi liệu anh có

thể sử dụng một chuyến bay chuyển phát định kỳ để bắt đầu đưa người ra ngoài không. Spear đồng ý ngay lập tức.

Tại Sài Gòn, Tướng Homer Smith, Tùy viên Quốc phòng, đã đến thăm Tướng Viễn vào chiều thứ Sáu như thường lệ, người vừa trở về từ Cam Ranh. Viên, với nụ cười và sự lạc quan, không nói gì về sự thay đổi kế hoạch lớn lao vừa được thực hiện.

Khi Tướng Phú trở về Pleiku sau hoàng hôn, ông đã tổ chức một cuộc họp ngắn với các chỉ huy tiền phương để thông báo cho họ về nhiệm vụ mới. Ông có vẻ rất kích động và chỉ đề cập sơ qua về các chi tiết hoạt động. Trong hành động quyết đoán nhất của buổi tối, ông đã bổ nhiệm chỉ huy đội tuần tra,

Thiếu tướng Phạm Duy Tất, để phối hợp việc rút lui và chỉ đạo ông ta thông báo cho tất cả các đơn vị chính quy (mặc dù không phải các đơn vị không chính quy) chuẩn bị di chuyển ngay lập tức. Tuy nhiên, ông đã cảnh báo người đứng đầu bộ phận hậu cần của mình không được phá hủy bất kỳ kho nhiên liệu nào «đến phút cuối cùng» để tránh việc dân địa phương nhận ra điều gì sắp xảy ra. Cũng không nên thông báo cho người Mỹ biết, ông nhấn mạnh. Với điều đó, anh ấy về nhà để đóng gói.

Tại Sài Gòn, đồng nghiệp của tôi, Joe Kingsley, đã dành phần đầu của buổi tối để uống rượu với một số người bạn cũ từ Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ, những người đã trở lại Việt Nam sau khi xuất ngũ. Họ tự gọi mình là «Hiệp hội Lực lượng Đặc

biệt Sài Gòn», và lý do tồn tại của họ là sẵn sàng cống hiến hết mình nếu Hoa Kỳ quyết định quay trở lại. Họ đã tập hợp một kho vũ khí nhỏ và thảo luận về các kế hoạch chiến đấu và đã có một khoảng thời gian tuyệt vời khi làm điều đó.

Khi Joe xuất hiện tại cuộc họp này, tuy nhiên, anh ấy không còn là người thường uống thoải mái như mọi khi, và những người khác ngay lập tức nhận ra điều đó. «Có chuyện gì vậy, Joe ?» Vợ cậu bắt gặp cậu ở một trong những quán bar trung tâm thành phố à ?» ai đó hét lên và mọi người cười ầm lên, vì trong những ngày chưa kết hôn, Joe nổi tiếng với việc tán tỉnh phụ nữ. «Không,» anh ấy nói buồn bã, «chúng ta đều có những vấn đề thực sự». Nơi này đang xuống dốc.» Sau đó, ông tóm tắt ngắn gọn các lập luận - sự mất mát của Ban Mê Thuột, sự bất lực

rõ ràng của chính phủ trong việc tập hợp lực lượng của mình. Có thể anh ấy đã nói hơi nặng nề ; trong số tất cả chúng tôi ở phòng phân tích, anh ấy đột nhiên trở nên u ám nhất, u ám đến nỗi Pat đã đặt cho anh ấy biệt danh «Ngày tận thế». Nhưng những người bạn trong Lực lượng Đặc biệt của anh ấy đã lắng nghe với sự quan tâm và đồng cảm lớn, vì đây là điều mà tất cả họ đều hiểu. Khi anh ta kết thúc, có người đề nghị họ tăng cường chuẩn bị của riêng mình và lên kế hoạch tái họp để thảo luận chiến lược vài tuần sau đó, vào ngày 30 tháng 4. Joe lắc đầu. «Chúng ta không có nhiều thời gian như vậy,» anh ấy nói. «Chúng ta sẽ không ở đây vào ngày 30 tháng 4.» Ông ấy đúng, tất nhiên rồi.

Đối với Đại sứ quán, buổi sáng hôm sau là một ngày bình thường vào thứ Bảy. Chúng tôi đều đến sớm cho nửa ngày làm việc bắt buộc trong văn phòng, trong khi hy vọng rằng mặt trời sẽ không tắt để chúng tôi có thể dành một buổi chiều thư giãn bên hồ bơi. Chargé Lehmann, người vẫn đang thay thế cho Martin, đã dành một phần buổi sáng với Thiệu tại Dinh, thảo luận về những điều không cụ thể. Sau đó, ông ấy đi đến nha sĩ.

Trong khi đó, Polgar đã có một cuộc gặp gỡ ngắn với một liên lạc viên khác của Dinh Độc Lập, Tướng Quang. Cuộc trao đổi là thường lệ. Quang bày tỏ những lo ngại quen thuộc của mình về tình hình ở Ban Mê Thuột, nhưng đã bỏ qua việc đề cập đến kế hoạch của chính phủ cho phần còn lại của vùng cao nguyên. Polgar không có lý do gì để nghi ngờ rằng

tướng quân đang giấu giếm điều gì với ông. Khoảng chín rưỡi, ông trở lại Đại sứ quán, hài lòng vì đã có một ngày thú vị.

Tại Pleiku, cuộc họp buổi sáng tiêu chuẩn tại trụ sở của Phú diễn ra như đồng hồ. Một trong những nhân viên CIA địa phương tham dự như thường lệ và ghi chú để lưu lại hồ sơ. Không có lúc nào viên sĩ quan Việt Nam nói bất cứ điều gì có thể khiến ông nghi ngờ rằng việc rút quân quy mô lớn chỉ còn vài giờ nữa.

Ngay sau đó, chính Thieme đã đến trụ sở để thông báo cho Phú về việc rút lui sắp tới của những thứ không thiết yếu của chính mình. Phú, lo lắng và trông tiều tụy, đã đồng ý với quyết định này, nhưng không nói gì về kế hoạch di tản có phần hoành tráng hơn của mình.

Chưa đầy một giờ sau, tư lệnh QK 2 ghé qua biệt thự của ông gần trung tâm Pleiku để lấy vali, và sau đó, cùng với một vài trợ lý thân cận, bay đến Nha Trang mà không báo động cho bất kỳ ai khác trong nhân viên của ông. Ông nói với một trong những người đi cùng rằng ông đang chuyển đến bờ biển để có thể chỉ huy việc rút lui tốt hơn. Nhưng khi những cấp dưới còn lại của ông, những người đã bị bỏ lại, phát hiện ra ông đã đi, họ không còn tâm trạng để nhận thêm bất kỳ mệnh lệnh nào từ ông nữa. Bây giờ mỗi người tự lo cho bản thân.

Trong khi đó, sự thật khủng khiếp về những quyết định được đưa ra tại Cam Ranh hôm trước bắt đầu bị rò rỉ. Ngay sau cuộc họp buổi sáng của nhân viên, một điệp viên CIA trong đội ngũ của Phú đã báo cho nhân viên phụ trách địa

phương của Mỹ rằng việc bỏ rơi hoàn toàn các vùng cao nguyên là điều sắp xảy ra. Viên chức vụ án bị sốc trước tin tức, và không thể tin vào nó, nên đã quên thông báo cho Thieme hoặc bất kỳ đồng nghiệp nào khác. Thay vào đó, anh ta đã gửi một tin nhắn khẩn cấp, ưu tiên hàng đầu đến Archer ở Nha Trang, trình bày chi tiết và yêu cầu làm rõ.

Khoảng 10 giờ sáng, tôi đã tham gia cùng Polgar trong văn phòng của anh ấy để hỗ trợ trong việc thông báo cho một viên chức Bộ Ngoại giao mới đến. Tôi đã trình bày được mười phút thì một trong những thư ký văn phòng đột nhiên xông vào và nhét một báo cáo tình báo vào mũi Polgar. Đó là một bản sao của báo cáo từ sĩ quan CIA ở Pleiku. Chỉ riêng đoạn đầu tiên đã đủ khiến Polgar tái mét

qua làn da rám nắng của mình : tất cả lực lượng VNCH ở vùng cao nguyên phía bắc, tương đương với gần hai sư đoàn, giờ đây đang trên bờ vực rút lui toàn bộ. Polgar nhảy lên và vội vàng xuống phòng của Đại sứ ở tầng ba để thông báo cho Lehmann, nhưng Chargé vẫn chưa có mặt. Sau đó, anh ta đã gọi điện đến Nha Trang để xác nhận. Tuy nhiên, Archer không có gì thêm để cung cấp. Polgar sau đó đã yêu cầu nói chuyện với Tổng Lãnh sự. Khi Spear nghe điện thoại, Polgar đã đảm bảo với ông về độ tin cậy của nhân viên ở Pleiku và khuyên ông nên sơ tán những người Mỹ còn lại ngay lập tức. «Đó có phải là một mệnh lệnh không ?» Spear hỏi một cách thận trọng, vì anh biết chỉ có Lehmann mới có thể cho phép di tản toàn bộ nhân viên tỉnh.

«Không, tất nhiên là không,» Polgar quát, «nhưng tôi nói với bạn : trừ khi bạn di chuyển những người đó ngay bây giờ, bạn sẽ có nguy cơ mất họ.» Nếu hoảng loạn xảy ra ở đó, đường băng sẽ không còn hoạt động trong vài giờ nữa.»

Một lúc sau, Lehmann trở lại Đại sứ quán. Nhưng ông cũng không có ý định hơn Spear trong việc ra lệnh rút lui hoàn toàn. Ông nghi ngờ tính hợp lệ của báo

cáo tình báo, đặc biệt là vì ông đã gặp Thieu chỉ vài giờ trước đó và không có gì được nói đến về việc rút lui. Hơn nữa, việc đóng cửa các trạm tiền tiêu cuối cùng của Mỹ ở vùng cao nguyên sẽ là một quả bom chính trị. Nó có thể gây ra hoảng loạn trong dân cư và quân đội và thậm chí có thể dẫn đến việc mất Kontum và Pleiku.

Cuối cùng, vào khoảng giữa trưa, Polgar đã mất hết kiên nhẫn còn lại. Ông trực tiếp ra lệnh cho máy bay Air America, chỉ đạo Archer rút tất cả các sĩ quan CIA khỏi Pleiku, và lại đề nghị một cuộc phong tỏa hoàn toàn với Lehmann. Người phụ trách đã trì hoãn một chút lâu hơn nhưng cuối cùng đã đồng ý với hướng đi mà Polgar đề xuất. Ông gọi thư ký vào và đọc một thông điệp cho Spear, chỉ thị ông ta ngừng ngay tất cả các hoạt

động ở vùng cao nguyên.

Dù quyết định này được đưa ra với sự miễn cưỡng, nó vẫn đánh dấu một cột mốc quan trọng. Kể từ khi đội ngũ lãnh sự ở tỉnh Tây Ninh được sơ tán (một cách tạm thời) vào tháng 10 năm 1973, Đại sứ quán chưa bao giờ cố ý từ bỏ một tiền đồn lớn dưới áp lực. Có điều gì đó khác về động thái này cũng có vẻ đáng chú ý, ít nhất là đối với một vài người trong chúng tôi. Mặc dù có thông tin tình báo rõ ràng và chính xác không để lại nghi ngờ về sự cần thiết của hành động khẩn cấp, các quan chức cấp cao của Đại sứ quán đã mất thời gian để thực hiện, khăng khăng rằng phản ứng quá vội vàng có thể làm hoảng sợ các đồng minh của chúng ta. Cảnh tượng tương tự, với những lời thoại giống hệt, sẽ được tái diễn đi tái diễn lại trong vài tuần tới.

Ngay sau khi báo động cho Spear, Lehmann triệu tập Polgar và một sĩ quan CIA khác và hỏi nên làm gì với đội ICCS ở Pleiku. Liệu các nhân viên Hungary và Ba Lan có nên được thông báo về việc rút lui không ? Polgar đã nói có, một cách dứt khoát, mặc dù ông biết cả hai đội sẽ ngay lập tức báo động cho người Bắc Việt. Nhưng Lehmann có một ý tưởng khác. Đại sứ quán sẽ chỉ thông báo cho người Indonesia với tư cách là chủ tịch hiện tại của ICCS, ông nói. Họ có thể nói với những người khác những gì họ muốn.

Đây chính xác là những gì đã được thực hiện. Người Indonesia lần lượt chọn chỉ cảnh báo đội của họ và các đại diện Iran ở Pleiku, để người Ba Lan và Hung Gia Lợi tự lo liệu cho mình. Nếu điều này nhằm làm rối loạn hai phái đoàn

cộng sản, thì thật vô nghĩa. Khi các nhà ngoại giao Indonesia và Iran bắt đầu thu dọn hành lý, các đồng nghiệp Đông Âu của họ ngay lập tức nhận ra có điều gì đó không ổn. Người Hungary ngay lập tức liên lạc với trụ sở ICCS tại Sài Gòn và yêu cầu một chiếc máy bay bổ sung để đưa họ ra ngoài. Air America, đơn vị phục vụ ICCS theo hợp đồng, đã chuẩn bị một chuyến vận chuyển với các dấu hiệu đặc biệt, nhưng vào phút chót đã hủy chuyến bay vì «khó khăn về kỹ thuật,» và đề nghị gửi một chiếc máy bay có dấu hiệu thông thường thay thế. Nhưng đội Hungary đã phản đối điều đó. Họ không định bay ra khỏi Pleiku bằng một chiếc máy bay Mỹ - không có tất cả pháo phòng không của BV trong vùng lân cận. Họ đã nói với trụ sở ICCS rằng họ sẽ chờ cho đến khi Air America có thể cung cấp một phương

tiện vận chuyển được đánh dấu đúng cách.

Và họ đã làm như vậy, dành hai mươi bốn giờ tiếp theo trong một cái rãnh bên cạnh khu vực của họ khi quân Bắc Việt ném rocket vào thành phố Pleiku. Một công dân Mỹ, người phụ trách hợp đồng cho ICCS, đã ở lại với họ suốt thời gian đó để đảm bảo an toàn cho họ. Chính phủ Hungary sau đó đã khen ngợi anh vì lòng dũng cảm.

Khi tin tức về việc Phú rút lui lần đầu tiên đến Washington, các quan chức tại Lầu Năm Góc và Bộ Ngoại giao bắt đầu gọi điện khắp thành phố một cách điên cuồng, cố gắng tìm kiếm Đại sứ Martin đang đi công tác với hy vọng ông có thể làm sáng tỏ sự phát triển gây sốc này. Nhưng Martin đã quá xa để có thể

giúp đỡ nhiều. Vài ngày trước, ông đã trải qua một ca phẫu thuật răng miệng nhỏ và hiện đang hồi phục tại nhà riêng của gia đình ở Bắc Carolina. Cuối cùng, Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger, với sự trợ giúp của trợ lý Erich Von Marbod, đã liên lạc được với Đại sứ qua điện thoại đường dài. «Tại sao, tôi biết tất cả về điều đó,» Martin nói chậm rãi sau khi Bộ trưởng đã cung cấp cho ông những chi tiết. «Phú đã lâu nay lên kế hoạch rút một phần sở chỉ huy của mình khỏi vùng cao nguyên.» Chỉ có vậy thôi.» Dù cố gắng thế nào, Schlesinger cũng không thể thuyết phục ông ta rằng việc rút lui không chỉ đơn giản như vậy. Cũng như vậy, Martin không đồng ý quay trở lại Washington ngay lập tức để giải quyết «một vấn đề nhỏ nhặt như vậy.»

Đến đầu buổi chiều ngày mười lăm, thành phố Pleiku đang nhanh chóng rơi vào cơn hoảng loạn hoàn toàn. Các đội trinh sát BV đã chặn giao thông ở các vùng ngoại ô phía bắc và phía tây, tên lửa rơi xuống gần sân bay một cách định kỳ, và khi quân đội của Phú bắt đầu chuẩn bị rút lui, người dân địa phương, không cần bất kỳ sự thúc giục hay do dự nào, cũng làm như vậy.

Khi Thieme rời trụ sở của Phu và trở về khuôn viên của mình vào khoảng giữa trưa, ông ngay lập tức liên lạc với ba đại diện DAO trong đội ngũ của mình - Mike Chilton, John Good và Nelson Kief - và yêu cầu họ đến văn phòng của ông. Vì cả ba đều có kinh nghiệm chiến đấu, ông tự tin rằng họ sẽ có thể giữ được bình tĩnh và sự thông minh trong những giờ phút khó khăn sắp tới. Sau

đó, ông thiết lập một «trạm chỉ huy» tạm thời trong phòng khách của mình với các máy vô tuyến và điện thoại đặc biệt, và tiếp tục gọi cho các nhân viên người Việt của mình, chỉ đạo họ chuẩn bị rời đi ngay lập tức. Khi ông đến người thứ ba hoặc thứ tư trong danh sách, ba người đàn ông DAO đã đến nơi và đang tập hợp nhiều đoàn xe jeep và xe van nhỏ. Ngay sau đó, họ bắt đầu cuộc hành trình nguy hiểm qua thành phố, dừng lại ở các điểm tập trung đã được chỉ định để đón những hành khách đầu tiên. Vì sân bay đã bị đóng cửa đối với thường dân Việt Nam, Thieme, hoặc một trong những người của DAO, phải hộ tống mỗi đoàn xe đến cổng chính và hối lộ cũng như làm vui lòng các lính gác để đảm bảo chúng được phép đi qua.

Như tất cả các quan chức Mỹ tại

Pleiku, ba nhân viên trẻ tuổi tạo thành phái bộ CIA địa phương (một người thứ tư vẫn ở Nha Trang với Archer) về mặt kỹ thuật chịu trách nhiệm trước Thieme với tư cách là đại diện cao cấp của Hoa Kỳ tại hiện trường. Nhưng ngay khi việc rút lui bắt đầu, Archer đã chỉ đạo họ qua radio rời đi ngay lập tức, theo chỉ thị khẩn cấp của Polgar từ Sài Gòn. Họ là nhân viên tình báo, không phải nhân viên lãnh sự, ông nhắc nhở họ ; họ không có nghĩa vụ phải giúp Thieme sơ tán người Việt Nam làm việc cho USAID hoặc bất kỳ ai khác.

Vài phút sau, các nhân viên CIA ghé qua khuôn viên của Thieme để báo cho ông biết về điều này. Họ đã quá lo lắng và căng thẳng đến mức quên thông báo cho ông ta về báo cáo của điệp viên vào buổi sáng trước đó cho thấy quân đội của Phú đang rút lui hoàn toàn. Ông sẽ không

biết được thông tin quan trọng này cho đến khi ông tự mình đến Nha Trang vào buổi chiều muộn hơn.

Sau khi rời văn phòng của Thieme, các sĩ quan CIA lái xe trở lại khuôn viên của họ, thông báo cho các nhân viên Việt Nam rằng họ đang sơ tán, và khuyến khích họ tìm đường ra bờ biển tốt nhất có thể, trên bất kỳ con đường nào còn mở. Sau đó, họ vội vã ra sân bay với những thiết bị radio tối mật cuối cùng và bắt chuyến bay Air America tiếp theo.

Thật không may, trong sự vội vàng để tự cứu mình, họ đã phạm phải một loạt tội lỗi mà bất kỳ nhân viên tình báo nào cũng nên bị xử lý nghiêm khắc. Ngoài việc bỏ rơi các đồng nghiệp người Mỹ và nhân viên người Việt của họ, họ đã bỏ qua việc đảm bảo an toàn cho nhân viên lâu năm trong đội ngũ của Phú, hoặc

tiêu hủy tất cả các tài liệu mật của họ. Vào phút chót, họ đã nghĩ đến việc chỉ thị cho một trong những nhân viên địa phương của họ thực hiện một cuộc khảo sát cuối cùng của khu CIA, nhưng liệu anh ta có tìm thấy và tiêu hủy các tài liệu còn lại hay không thì chưa bao giờ được xác nhận. Các tài liệu bao gồm thông tin mà các sĩ quan tình báo BV, cũng như các đồng nghiệp Liên Xô và Trung Quốc của họ, sẽ quan tâm.

Suốt buổi chiều, những chiếc máy bay vận tải hai động cơ Air America C-46 và C-47 liên tục hạ cánh xuống sân bay Pleiku, và mỗi khi một chiếc hạ cánh, sáu mươi hoặc bảy mươi hành khách đã xếp hàng sẵn sàng để lên máy bay, nhờ vào sự nỗ lực của Thieme và ba sĩ quan từ DAO. Trong khi đó, một chiếc trực

thăng của Air America bay về phía bắc đến thành phố Kontum để đưa ra ngoài một số ít người Mỹ và các công dân nước ngoài khác đã sống ở đó.

Khoảng bốn giờ ba mươi, Spear, lo lắng đến mức cáu kỉnh, đã phát tín hiệu từ Nha Trang để ra lệnh cho Thieme kết thúc cuộc không vận. Một chuyến bay nữa sẽ được lên lịch, ông nói, và chính Thieme sẽ tham gia chuyến bay đó. Nhưng khi Thieme xem xét danh sách những người Việt Nam vẫn chưa được sơ tán, ông nhận ra rằng một chiếc máy bay nữa sẽ không bao giờ đủ chỗ cho tất cả họ, và ông đã khuyên Spear rằng dưới bất kỳ hoàn cảnh nào ông cũng sẽ không rời đi cho đến khi ít nhất hai chiếc máy bay nữa được cung cấp. Spear, mặc dù tức giận vì sự không tuân lệnh của ông ta, không còn lựa chọn nào khác ngoài

việc phải chiều theo yêu cầu của ông ta.

Vào thời điểm Thieme lên chuyến bay cuối cùng một giờ sau đó, cổng trước của sân bay đã kêu cót két dưới sức nặng của đám đông bên ngoài, và giao tranh lẻ tẻ đã nổ ra giữa những người lính ở rìa đường băng. Nhưng khi máy bay của chính anh ta bay vút lên trên sự hỗn loạn, anh ta và các trợ lý DAO của anh ta có lý do để cảm thấy hài lòng. Trong bốn giờ rưỡi qua, họ đã kịp thời giải cứu và đưa đến nơi an toàn tương đối ở Nha Trang hơn 450 người, trong đó nhiều người là nhân viên Việt Nam của USAID. Chính Thieme xứng đáng nhận được nhiều lời khen ngợi. Một cựu đại tá quân đội với kinh nghiệm chiến trường, ông đã giữ được bình tĩnh dưới những áp lực không thể tưởng tượng nổi và đã đảm bảo rằng chính phủ Mỹ trả nợ cho nhiều người

Việt Nam và người dân tộc thiểu số đã phục vụ trung thành trong nhiều năm.

Trong cùng một buổi chiều dài đằng đẵng đó, khi Thieme làm việc một cách dũng cảm, việc rút lui của quân đội Phú khỏi Pleiku và Kontum bắt đầu như đã được dự kiến, trong sự hỗn loạn hoàn toàn. Khái niệm hoạt động cơ bản thật đơn giản như trẻ con : các đơn vị di tản sẽ theo Quốc lộ 14 về phía nam đến thị trấn Thanh An và từ đó đi về phía đông dọc theo Đường 7B đến Phú Bổn và bờ biển. Nhưng Tướng Tát, người điều phối, đã biến sự đơn giản thành phức tạp bằng cách không thực hiện ngay cả những chuẩn bị cơ bản nhất. Cả ông ta lẫn bất kỳ ai trong số nhân viên của ông ta đều không bận tâm đến việc khảo sát Đường 7B hay chuẩn bị cho hàng nghìn

dân thường sẽ theo các đơn vị ra ngoài. Quân đội và dân thường nhanh chóng bị hòa lẫn một cách tuyệt vọng, các chỉ huy xe tăng và những người lính dạn dày kinh nghiệm đã chen lấn lên đầu đoàn, và khi các xe bọc thép nặng nề và các xe chở đạn kéo ra phía trước, con đường đã bị vỡ và lún xuống dưới sức nặng của chúng. 2.000 chiếc xe hơi, xe jeep và xe tải kéo dài phía sau nhanh chóng bị mắc kẹt trong một dòng bùn. Các chỉ huy chiến trường mặc cả về cấp bậc và đặc quyền, và không quân, luôn ghen tị với sự độc lập của mình, từ chối nghe theo các yêu cầu về sơ tán y tế hoặc hỗ trợ không quân chặt chẽ từ các đại úy và thiếu úy trên mặt đất.

Polgar và một vài người trong chúng tôi đã ở lại phòng tình huống của CIA trên tầng cao nhất của Đại sứ quán suốt

buổi chiều, theo dõi sự hỗn loạn qua các cuộc gọi radio và báo cáo từ máy bay trinh sát. «Tại sao, nó giống như một cuộc diễu hành rạp xiếc chết tiệt đã điên cuồng !» Polgar thốt lên. «Các con voi đã tiến lên phía trước và mọi người khác đang vấp ngã qua đống phân của chúng.» Đó là một mô tả rất chính xác.

Đến buổi tối, Thiệu, kiệt sức và bi quan, đã bắt đầu tìm kiếm những kẻ chịu tội thay. Phú đã hiểu lầm ông, ông phàn nàn với cấp dưới, và ông đã tức giận nói về những người dân tộc thiểu số, đặc biệt là những người ở Ban Mê Thuột, mà ông khăng khăng rằng họ cũng đã phản bội ông. Nghi ngờ của ông xuất phát từ một báo cáo mà ông nhận được vài giờ trước, tiết lộ rằng lực lượng dân quân người miền núi tại Ban Mê Thuột đã rời bỏ vị trí của họ vào ngày đầu tiên của trận chiến ở

đó để bảo vệ nhà cửa của họ khỏi những kẻ đào ngũ VNCH đang hoành hành. Chính điều này, Thiệu khẳng định, đã dẫn đến sự sụp đổ của phòng thủ thành phố và cuộc khủng hoảng hiện tại trên toàn vùng cao nguyên. Khi ông rời Dinh vào buổi tối hôm đó, ông đã ra lệnh cho nhân viên của mình phải làm rõ sự phản bội của những người miền núi nếu đó là điều cuối cùng họ làm.

Không lâu sau đó, các sĩ quan cảnh sát đã bắt giữ một nhà báo người Pháp, Paul Leandri, người đã báo cáo trong một bản tin gần đây rằng những chiến binh Thượng thực sự đã dẫn đầu cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Leandri, một người Corsica cáu kỉnh, từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào, thậm chí sau khi anh ta bị lôi đến trụ sở Cảnh sát Quốc gia ở trung tâm thành phố. Thay vào đó,

anh ta đã bị cuốn vào một cuộc cãi vã lớn tiếng với những kẻ bắt giữ mình, xúc phạm và chế nhạo họ. Sau đó, anh ta đã phạm một sai lầm nghiêm trọng hơn. Anh ta quay lưng lại với họ và lao ra khỏi tòa nhà vào sân. Khi anh ta đang vật lộn với cửa xe của mình, một cảnh sát đã bắn anh ta vào đầu.

Đại sứ Pháp đã nổi giận khi biết về sự việc, và ngay sau nửa đêm, Polgar được gọi trở lại Đại sứ quán để hòa giải giữa ông và các nhà chức trách cảnh sát.

Tuy nhiên, vào sáng hôm sau, cái chết của Leandri và sự phản đối của Đại sứ quán Pháp không phải là mối quan tâm lớn nhất của Thiệu. Đoàn di tản từ Pleiku và Kontum đã bị kẹt lại ở phía tây Phú Bổn, và áp lực đang gia tăng ở

những nơi khác trong nước. Tại tỉnh Bình Định phía tây, trên bờ biển trung tâm, các phòng thủ của chính phủ đang bị phá vỡ dưới sự tấn công liên tục. Cuộc chiến đã bùng nổ qua đêm ở Tây Ninh, phía tây bắc Sài Gòn, và các lực lượng BV khác đang đe dọa các mạng lưới đường bộ chạy về phía đông bắc từ thủ đô đến thành phố nghỉ dưỡng Đà Lạt ở miền nam QK 2.

Để giảm áp lực trong khu vực ngay lập tức của Sài Gòn, Thiệu đã ra lệnh cho không quân ném bom các lực lượng bộ đội và xe tăng của BV ở vùng biên giới Campuchia phía bắc thủ đô. Ông cũng đã gửi một bức điện khẩn cấp đến Tướng Trương ở QK 1, hủy bỏ thỏa thuận kéo dài việc rút lui của lực lượng Nhảy dù và chỉ đạo toàn bộ sư đoàn phải chuyển đến Sài Gòn ngay lập tức.

Ngay sau khi bình minh ló rạng vào ngày mười sáu, Earl Thieme uống cạn thêm một tách cà phê đen và gọi một chiếc trực thăng đưa ông trở lại Pleiku. Ông đã thức cả đêm tại nhà ga Air America ở Nha Trang, cố gắng liên lạc với những người ở lại qua điện thoại đường dài.

Khi chiếc trực thăng bay thấp qua rìa thành phố Pleiku, Thieme và phi công của anh ta gần như không thể tin vào những gì họ thấy. Chỉ sau một đêm, những con đường chính đã trở thành những dòng sông của nhân loại đang vật lộn và hoảng loạn, và bây giờ, khi chiếc UH-1 nhỏ của Air America bay về phía trung tâm thành phố, hàng ngàn đôi mắt dường như đổ dồn vào nó.

Hơn hai trăm người Việt Nam đang chờ đợi tại khu nhà của Thieme khi trực thăng hạ cánh xuống sân. Nhanh chóng loại bỏ những nhân viên của mình, ông đã đuổi những người còn lại đi bằng súng tự động .45 của mình, và cũng đã phát tín hiệu yêu cầu một chiếc máy bay từ Nha Trang. Sau đó, ông chở hành khách của mình qua những con phố đông đúc người tị nạn đến sân bay. Chẳng bao lâu sau, một chiếc máy bay vận tải C-46 của Air America lù lù tiến vào, lách qua đám đông lính và dân thường trên đường băng. Nghĩ rằng đây là chiếc máy bay mà anh vừa gọi, Thieme lao tới và nắm lấy khóa cửa. Nhưng khi anh ta làm vậy, phi công đã tăng tốc động cơ và lao xuống đường băng, đến khu vực đỗ xe dành riêng cho máy bay quân sự. Thieme, vừa sợ hãi vừa tức giận, đã gọi điện qua ra-dio đến Nha Trang để yêu cầu một lời

giải thích. Ông được cho biết rằng chiếc C-46 là một chiếc máy bay CIA được lên lịch đặc biệt để cứu «một sĩ quan quân đội cấp cao của Việt Nam» (thực ra, là điệp viên CIA trong đội ngũ của Phú đã bị bỏ rơi hôm trước).

Một lát sau, một chiếc máy bay vận tải Air America khác đến để đón nhóm của Thieme. Nhưng ngay khi nó vừa dừng lại, nó đã bị một đám lính vũ trang Việt Nam bao vây. Phi công đã phát tín hiệu radio đến Nha Trang rằng ông bị buộc phải nhận hành khách dưới sự đe dọa của súng, và Thieme, nhận ra rằng ông sẽ không thể lên máy bay, đã chạy đến một chiếc trực thăng Air America đang chờ sẵn. Ông và phi công chỉ có thể kéo được một vài hành khách được chọn của mình qua cửa thoát hiểm trước khi đám đông chen lấn buộc họ phải rời đi. Khi chiếc trực thăng rẽ về phía đông

hướng Nha Trang, Thieme thầm cảm ơn rằng có ai đó tại Đại sứ quán ở Sài Gòn đã có tầm nhìn xa trông rộng để ra lệnh sơ tán người Mỹ một ngày trước đó. Nếu không, anh ta và những người khác vẫn sẽ ở đó, có thể bị kẹt lại ở Pleiku[12] mãi mãi.

12 Thực ra, đây không phải là chuyến bay cuối cùng của Thieme đến Pleiku. Ông trở lại vào ngày hôm sau bằng trực thăng để đón một số nhân viên Việt Nam trên đường đến Phú Bồn. Trong khi đó, các nhân viên lãnh sự khác ở vùng cao nguyên và các khu vực biên giới cũng đã thể hiện bản lĩnh anh hùng. Ed Sprague, đại diện lãnh sự tại Phú Bồn, đã thành công trong việc sơ tán hầu hết nhân viên người Việt của mình trước khi sự hỗn loạn trong cuộc rút lui của Phú buộc ông phải bỏ lại vị trí của mình. Ngoài ra, chàng trai trẻ Walt Martindale từ tỉnh Quảng Đức đã bay trở lại thủ phủ tỉnh vào ngày mười bốn, hai ngày sau khi anh bị Spear ra lệnh rời khỏi, để cứu những người Việt Nam và người miền núi mà anh đã buộc phải bỏ lại. Không thể nhồi nhét tất cả những người mà anh dự định di tản lên máy bay được cung cấp cho anh, anh đã tập hợp những người còn lại lại, tạo thành một đoàn xe và tự mình dẫn họ ra ngoài, qua các con đường nhỏ và lối mòn khai thác gỗ, đến tỉnh Lâm Đồng ở phía đông nam và cuối cùng đến thành phố Đà Lạt. Tại một thời điểm trên đường đi, anh ấy thực sự đã chống lại một cuộc tấn công của những kẻ đào ngũ VNCH, giữ một trong số các binh sĩ làm con tin cho đến khi đoàn xe an toàn vượt qua.

Chủ nhật thường là ngày nghỉ, ngay cả đối với Đại sứ quán, nhưng với những diễn biến nghiêm trọng trên toàn quốc, Polgar đã ra lệnh cho nhân viên của mình vào ngày mười sáu phải làm việc ít nhất nửa ngày tại văn phòng. Một mục trong lưu lượng cáp qua đêm đặc biệt làm ông thích thú. Theo thông tin từ Washington, Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger đã công khai tuyên bố rằng không có «cuộc khủng hoảng» nào ở miền Nam Việt Nam. Polgar tự hỏi - bằng những từ ngữ không thể trích dẫn - điều gì sẽ được coi là một «cuộc khủng hoảng» theo quan điểm của Bộ trưởng.

Nhưng tin tức đáng lo ngại nhất không phải từ Washington hay thậm chí từ Nam Việt Nam, mà từ bên kia biên giới ở Campuchia. Theo một thông điệp từ Đại

sứ quán ở đó, Đại sứ Dean đã quyết định bắt đầu di chuyển các nhân viên không thiết yếu ra khỏi đó. Hơn bất cứ điều gì khác, điều đó dường như mang lại cho tôi sự bất ổn của tình hình của chính chúng ta - và của chính sách của Hoa Kỳ.

Tôi đã dành cả buổi chiều để viết một bài đánh giá cho Polgar về những tác động của việc rút lui khỏi vùng cao nguyên. Về mặt lịch sử, việc rút lui không mang lại điều gì tốt đẹp. Việc rút quân Pháp khỏi Kon Tum vào tháng Giêng năm 1954 đã đánh dấu sự bắt đầu của sự kết thúc của sự thống trị của Pháp ở nửa phía nam Việt Nam, cũng như chiến thắng của cộng sản tại Điện Biên Phủ vài tháng sau đó sẽ viết nên sự kết thúc của nó ở phía bắc. Tướng Giáp, nhà chiến lược tài ba của Việt Minh, đã từng viết rằng ai kiểm soát vùng cao nguyên phía

Bắc thì nắm giữ chìa khóa của Đông Dương. Điều đó vẫn có vẻ đúng, vì mạng lưới đường bộ ở đó cung cấp tuyến liên lạc lý tưởng giữa Bắc và Nam Việt Nam và là điểm xuất phát hoàn hảo cho một cuộc tấn công chớp nhoáng vào bờ biển.

Các vùng cao nguyên cũng quan trọng theo cách riêng của chúng. Các tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac và Quảng Đức chiếm mười sáu phần trăm lãnh thổ miền Nam Việt Nam, với dân số 500.000, không phải là một phần thưởng nhỏ cho cả hai bên.

Nhưng giống như mọi người khác trong Đại sứ quán, tôi muốn tin rằng vẫn còn một cơ hội, và trong đánh giá của tôi, tôi lập luận rằng nếu một phần của sáu nhóm lính dù hiện đang trên đường từ Kontum và Pleiku có thể đến bờ biển an toàn, chính phủ có thể biến cuộc rút lui

thành một «chiến thắng» kiểu Dunkirk.

Nhưng Polgar chỉ lắc đầu khi đọc điều đó. «Bạn đang cố gắng làm nước chanh từ một quả chanh chua,» ông ấy nói. «Hãy chờ xem những đơn vị đó sẽ ra sao trước khi chúng ta nghiêng về phía lạc quan.» Sự thận trọng của ông ấy là rất hợp lý[13].

13 Chỉ vài giờ sau khi tôi đưa ra đánh giá của mình, cộng đồng tình báo ở Washington, trong một bản ghi nhớ chung, đã đưa ra một phán quyết tương tự về việc rút lui khỏi vùng cao nguyên : «Mặc dù quyết định của Tổng thống Thiệu [về việc từ bỏ Kontum và Pleiku] có thể được giải thích theo khía cạnh quân sự, nhưng nó vẫn tiềm ẩn nguy cơ làm suy yếu tâm lý trong VNCH, điều này có thể làm phức tạp nghiêm trọng việc củng cố vị trí quân sự của chính phủ VNCH.»

15. Ngọn núi thủy tinh

Sự tiết lộ đến từ từ. Chỉ đến cuối ngày, Tướng Dũng mới nhận ra điều gì đang xảy ra ngay phía bắc của ông ở Pleiku và Kontum, và ngay cả lúc đó, lực lượng của ông cũng chưa sẵn sàng để khai thác nó.

Vào sáng ngày mười sáu, nhân viên theo dõi radio tại sở chỉ huy của ông bên ngoài Ban Mê Thuột đã chặn được vài thông điệp cho thấy lưu lượng không quân dày đặc tại sân bay Pleiku. Vài

giờ sau, Bộ Chính trị đã báo động cho ông qua điện thoại rằng Tướng Phú đã chuyển sở chỉ huy của mình từ Pleiku đến Nha Trang. Ngay sau đó, một đội tuần tra BV tiến lên đã phát hiện một đoàn xe quân sự và dân sự lớn đang di chuyển về phía đông vào tỉnh Phú Bổn ở trung tâm khu vực.

Dũng vội vàng triệu tập nhân viên của mình để xem xét những diễn biến này. Một số sĩ quan coi chúng như là dấu hiệu của một cuộc phản công chống lại Ban Mê Thuột. Những người khác cảm thấy các đơn vị chính phủ đang rút khỏi Kontum và Pleiku, như Ban Chấp hành Trung ương đã dự đoán hai ngày trước. Cuối cùng, vào lúc 7 giờ tối, Dũng nhận được thông tin chính thức từ Hà Nội. Phái đoàn ICCS Hungary ở miền Nam

Việt Nam vừa gửi một tin nhắn khẩn : các vùng cao nguyên thực sự đang bị bỏ rơi.

Phản ứng đầu tiên của Dũng là cơn giận dữ không kiềm chế. Dù rất nhẹ nhõm khi biết kẻ thù đang làm gì, ông vẫn tức giận vì các chỉ huy chiến trường của mình đã chậm chạp trong việc dự đoán điều đó. Ông đặc biệt chỉ trích Tướng Kim Tuấn của Sư đoàn 320 BV. Vài ngày trước, khi ông hỏi Tuấn về tình trạng của Đường 7B qua tỉnh Phú Bồn, ông đã được cho biết rằng con đường này không thể đi qua được. «Bây giờ, khi biết rằng kẻ thù đang rút lui theo Đường 7 và rằng Trung đoàn 320 không có thông tin cụ thể về điều đó, tôi đã chỉ trích nghiêm khắc chỉ huy đơn vị,» Dũng viết sau đó. «Tôi đã nói với đồng chí Kim Tuấn một cách dứt khoát, 'Đây là một thiếu sót,

một sai lầm đáng trách.'» Chỉ cần một chút do dự, sai lầm, sợ khó khăn hoặc chậm trễ cũng có thể dẫn đến thất bại. Nếu kẻ thù trốn thoát, bạn sẽ phải chịu trách nhiệm.'»

Việc khiển trách rõ ràng đã có hiệu quả như mong muốn. Tuấn ngay lập tức điều hai trung đoàn của mình lên phía bắc vào Phú Bồn để chặn đứng cột quân. Tư lệnh miền Nam Việt Nam, Tướng Tất, người sẽ sớm bị bắt trong cuộc hỗn chiến, sau đó đã giải thích cho các nhà thẩm vấn của BV biết cảm giác như thế nào khi ở phía bị tấn công : «Vào ngày 16 tháng 4, lực lượng cộng sản bắt đầu tấn công một phần của Nhóm Biệt động 23 tại Đèo Ban Bleik [ngay phía tây thành phố Cheo Reo], gây thiệt hại nặng nề. Ngày hôm sau, họ đã pháo kích vào sở chỉ huy của chúng tôi trong thành phố.

Các đơn vị lực lượng địa phương [dân quân] sau đó đã đào ngũ và bỏ chạy.

«Nhóm Biệt Động Quân 7 [ARVN] vào ngày 17 tháng 3 đã yêu cầu hỗ trợ không quân. Một đội hình máy bay A-37 đã thực hiện một cuộc không kích nhưng lại tấn công vào các đơn vị của chúng ta, tiêu diệt gần như một tiểu đoàn hoàn chỉnh. Sáng hôm sau, các chiến binh Rangers lại bị tấn công và chịu tổn thất nặng nề. Chỉ có một vài binh sĩ thoát được. Các lực lượng [cộng sản] sau đó tiến lên và chiếm đóng chính thành phố [Cheo Reo].»

Với sự sụp đổ của Cheo Reo, đoàn di tản đã bị chia cắt thành hai nửa, một phần bị mắc kẹt phía tây thị trấn, phần còn lại kéo dài dọc theo Đường 7B ra bờ biển. Việc tiêu diệt nó giờ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Trong QK 1, trong khi đó, Tướng Ngô Quang Trưởng đang vật lộn với một cuộc khủng hoảng ngày càng sâu sắc của riêng mình. Chỉ thị cuối cùng từ Sài Gòn đã đưa tình hình đến đỉnh điểm - chỉ thị của Thiệu yêu cầu ông gửi Sư đoàn Nhảy dù đến QK 3 ngay lập tức. Ông đã muốn hoàn toàn phớt lờ thông điệp, nhưng không có gì trong ngôn ngữ của nó cho ông sự lựa chọn : hoặc ông tuân thủ, hoặc ném cả chuyện này vào mặt Thiệu, và điều đó có nghĩa là từ chức hoặc đảo chính. Và dù cay đắng và bất mãn đến đâu, Trưởng vẫn không thể tự mình chấp nhận một trong hai cực đoan đó. Mệt mỏi và miễn cưỡng, anh ta lại một lần nữa chọn cách tuân theo quy tắc.

Vào chiều ngày mười bảy, khi những đơn vị lính dù đầu tiên lên máy bay vận

tải tại căn cứ không quân Phú Bài, ngay phía nam Huế, Trưởng bắt đầu nhanh chóng điều chỉnh lại lực lượng của mình lần thứ hai trong hai tuần. Chắc chắn rằng trọng tâm sẽ phải chuyển từ Huế sang Đà Nẵng, vì ông không còn đủ lực lượng để bảo vệ cả hai một cách đồng đều và Đà Nẵng vẫn là nơi ưu tiên chính của ông. Do đó, một lữ đoàn thủy quân lục chiến khác đã được lệnh rút khỏi các tuyến phía bắc Huế và chuẩn bị chuyển đến vùng đồi núi gồ ghề ngay bên dưới để giúp bảo vệ đèo Hải Vân và đoạn Quốc lộ I kéo dài về phía nam đến Đà Nẵng.

Chỉ có một phần của vành đai phía bắc được để nguyên. Một lữ đoàn thủy quân lục chiến thứ ba được giữ ở vị trí trên vành đai tây bắc của nó, gần một đoạn của Quốc lộ I đã từ lâu là tâm điểm của những trận chiến ác liệt ; biệt danh

tiếng Pháp của nó «Đường Không Niềm Vui» vẫn có vẻ thích hợp. Nếu quân Bắc Việt tiến hành một cuộc tấn công chớp nhoáng từ Quảng Trị xuống phía nam theo con đường này, như họ đã làm vào năm 1972, thì lính thủy đánh bộ sẽ đóng vai trò như một lá chắn cho Sư đoàn 1 ARVN, vẫn được triển khai quanh Huế. Trương không nghi ngờ gì rằng lính thủy đánh bộ cuối cùng sẽ phải nhượng bộ trước một cuộc tấn công như vậy, nhưng ông hy vọng họ có thể ít nhất mua cho ông thời gian để sơ tán Sư đoàn 1 và một phần dân số của thành phố.

Việc điều chỉnh phòng thủ phía bắc của Trưởng đi kèm với sự thay đổi trong chiến tuyến của ông về phía nam. Theo kế hoạch khu vực mà ông đã thảo luận với Tổng thống Thiệu một tuần trước đó, Sư đoàn 2 ARVN đã rút khỏi các vị trí tiền phương lộn xộn của mình ở trung tâm tỉnh Quảng Tín và kéo đến thành một vòng vây chặt chẽ xung quanh

thành phố Tam Kỳ và sở chỉ huy của nó tại căn cứ không quân Chu Lai trên bờ biển. Xa hơn về phía nam, bốn hoặc năm tiểu đoàn rải rác qua các vùng đất thấp của Tỉnh Quảng Ngãi đã rút lui (trước áp lực liên tục của quân đội Bắc Việt) về thủ phủ tỉnh để đứng vững ở đó.

Trong vài ngày qua, một số người trong Đại sứ quán chúng tôi đã đặt cược vào những gì chính phủ đang làm. Việc Phú rút lui khỏi vùng cao nguyên và sự xáo trộn ở QK 1 rõ ràng là một phần của một kế hoạch chiến lược toàn diện nào đó, nhưng cách các mảnh ghép kết hợp với nhau vẫn chỉ là suy đoán. Cuối cùng, vào chiều ngày mười bảy, một điệp viên CIA trong nội các của Thiệu đã tiết lộ bí mật cho chúng tôi, cung cấp cho chúng tôi cái nhìn đầu tiên thực sự về «Nhẹ ở trên, Nặng ở dưới.»

Từ những gì ông ấy nói với chúng tôi, rõ ràng là khái niệm cơ bản đã được điều chỉnh để phù hợp với những hoàn cảnh thay đổi nhanh chóng. Ba ngày trước, Thiệu đã dự kiến một cuộc rút lui ở QK 1 và từ bỏ các cao nguyên phía Bắc để giải phóng lực lượng bảo vệ Sài Gòn và một cuộc phản công chống lại Ban Mê Thuột. Bây giờ có vẻ như ông ấy đã sẵn sàng từ bỏ nhiều hơn nữa. Báo cáo ngụ ý rằng ông ta thậm chí có thể sẵn sàng từ bỏ kế hoạch tái chiếm Ban Mê Thuột và cũng đang xem xét việc đầu hàng một phần lớn khu vực trung tâm QK 2.

Tuy nhiên, không phải mọi thứ ông ấy định làm đều liên quan đến việc quay lại như vậy. Theo đại diện, Thiệu cũng đang nhằm mục đích thiết lập một vành đai phòng thủ mới phía bắc Sài Gòn, kéo dài từ Tây Ninh ở phía tây đến Nha

Trang trên bờ biển miền trung. Ngoài ra, một loạt các khu vực liên kết chặt chẽ sẽ được thiết lập ở QK 1, dọc theo Quốc lộ 1 từ Huế đến Quảng Ngãi. Trong trường hợp bị áp lực mạnh mẽ từ kẻ thù, Trương sẽ từ bỏ phần phía nam của khu vực và tập trung sức mạnh vào việc bảo vệ Huế và Đà Nẵng, và cuối cùng nếu cần thiết - chỉ Đà Nẵng.

Khi Polgar đọc qua báo cáo của đặc vụ, ông không cố gắng che giấu sự hoảng loạn của mình. «Chúng ta có rất nhiều cuộc rút lui,» ông ta nói với tôi một cách ảm đạm, «nhưng không có gì mang tính chiến lược trong đó cả.» Các lực lượng mà Thiệu hy vọng sẽ cứu vãn trong quá trình này, đặc biệt là từ vùng cao nguyên, đang bị xé nát trên đường rút lui.

Chiều hôm đó, Tướng Smith ghé thăm Tướng Viên để bày tỏ những lo

ngại của riêng mình. Việc rút quân khỏi Kontum và Pleiku đã được lên kế hoạch kém, ông nói một cách cáu kỉnh, và đang bị đe dọa với thảm họa. Và tại sao Viên không nói với ông về điều đó trong cuộc trò chuyện hôm thứ Sáu trước ? Ít nhất thì anh ấy có thể đã giúp với việc logistics.

Viên lê chân và trông có vẻ hơi ngại ngùng. Thiệu đã muốn như vậy, ông nói. Nhưng ông thừa nhận rằng có thể ông đã thiếu sót khi không thông báo cho Đại sứ quán về quyết định chính sách quan trọng nhất kể từ khi ngừng bắn.

Tối hôm đó, Polgar đã mời tôi và một số quan chức Việt Nam đến nhà ông để thảo luận về cuộc khủng hoảng. Tướng Bình, Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, là người đầu tiên đến ; sau đó là Đại tá Lê Văn Lượng, giám đốc tình báo của

Bộ Tổng tham mưu liên quân mà Thiệu hiện đang phớt lờ vì tức giận về những thất bại tình báo liên quan đến Ban Mê Thuột. Cuối cùng, Tướng Quang, cố vấn an ninh của Thiệu, xuất hiện trong chiếc Mercedes có tài xế riêng. Ông đã dành nửa giờ tiếp theo để lật qua các catalog đặt hàng qua bưu điện trong khi Polgar cố gắng tập trung vào các vấn đề đang diễn ra.

Cuối cùng, sau một hoặc hai ly cocktail, tôi đã lên tiếng, bắt đầu với một bản tóm tắt quân sự chi tiết. Tôi sau đó hỏi Quang thẳng thừng liệu chính phủ có hy vọng nào để tái chiếm Ban Me Thuột không. Như thường lệ, anh ấy không thể nghĩ ra một câu trả lời thẳng thắn và quanh co như một quả bóng cao su mập mạp.

Trong bữa tối, tôi lại hỏi anh ấy về các kế hoạch của chính phủ. Cuối cùng, sau một chút rượu và thịt bò nướng, ông ấy đã mắc câu. Điều Thiệu đang làm, ông ta nói một cách ảm đạm, là rút ra một bài học từ lịch sử. Cũng như người Nga đã tiêu diệt quân đội của Napoléon vào năm 1812 bằng cách đổi đất lấy thời gian, người Việt Nam miền Nam cũng sẽ đánh bại những kẻ xâm lược BV. Tôi không thể không nhắc nhở ông ấy rằng người Nga đã có hai lợi thế mà ARVN không có - nhiều lãnh thổ và nhiều tuyết. Anh ấy gật đầu, phớt lờ sự châm biếm của tôi. «Chà, có lẽ những cơn bão mùa sẽ làm cho chúng ta điều mà mùa đông đã làm cho người Nga,» anh ấy nói bằng tiếng Anh với giọng Pháp. «Mưa sẽ bắt đầu trong vài tuần nữa.» Chúng sẽ làm chậm lại tiến độ của BV.

Trong hai ngày tiếp theo, lực lượng chính phủ dường như bị mắc kẹt trên mặt phẳng dựng đứng của một ngọn núi bằng kính, và đang trượt dốc nghiêm trọng. Vào ngày 18 tháng 3, An Lộc, tiền đồn nhỏ ở phía bắc QK 3 từng chứng kiến một cuộc tắm máu khổng lồ vào năm 1972, đã bị bỏ rơi một cách lặng lẽ, để lại cho lực lượng BV trong khu vực tự do dồn toàn bộ sức mạnh của họ vào tỉnh Tây Ninh.

Ở nơi khác, các đơn vị BV đã chiếm một ngôi làng giao lộ cách Sài Gòn bảy mươi dặm về phía đông và cắt đứt con đường chính đến thành phố nghỉ dưỡng Đà Lạt ở miền nam QK 2. Tham mưu trưởng Liên quân đặc biệt lo ngại về thất bại này, vì Đà Lạt nằm trên tuyến phòng thủ phía bắc mới đề xuất cho Sài Gòn.

Sáng hôm sau, những dấu hiệu đầu tiên của thảm họa cũng đã rõ ràng trong báo cáo từ QK 1. Gần 150.000 cư dân của thành phố Quảng Trị và các làng mạc xung quanh giờ đây đang lảo đảo đi về phía nam hướng đến Huế, những người lính quân đội và dân quân tỉnh đang xô đẩy nhau để chen lên phía trước đoàn người. Khi những người đầu tiên trong số họ tràn qua chính Huế, nhiều người dân của thành phố cũng bị cuốn vào cơn cuồng loạn của họ và chẳng bao lâu sau, một làn sóng khổng lồ của những chiếc xe jeep bấm còi, những người lái xe Honda và những chiếc xe buýt quá tải đã lăn bánh về phía nam hướng đến Đà Nẵng, dọc theo Quốc lộ 1.

Ngay từ đầu, sự tháo chạy của dân thường đã có tác động tàn phá đến tinh thần và hiệu quả của quân đội. Không

chỉ những đám đông tràn ngập trên mỗi con đường và sân bay đã làm gián đoạn vô vọng các cuộc di chuyển của quân đội và việc vận chuyển hàng hóa, mà tâm trạng của họ, chính sự hoảng loạn đó, cũng nhanh chóng trở nên lây lan. Nhờ vào một truyền thống cũ của quân đội, nhiều người tị nạn từ Quảng Trị và Huế thực ra là thân nhân quân nhân. Nhiều năm trước, ban chỉ huy cao cấp ở Sài Gòn đã quyết định rằng quân đội sẽ chiến đấu tốt hơn khi có vợ và con cái bên cạnh và đã chọn đặt gia đình quân nhân ở bất cứ đâu quân đội đóng quân, dù là ở Huế, Đà Nẵng, Phú Bài hoặc một tiền đồn xa xôi hơn. Những ngoại lệ duy nhất là các Sư đoàn Thủy quân Lục chiến và Nhảy dù. Vì những đơn vị này đã được hình thành nhiều năm trước như là lực lượng dự bị cơ động, nên các thành viên gia đình của họ vẫn được giữ an toàn ở Sài Gòn, xa

khỏi các chiến tuyến ngay lập tức.

Sự khác biệt sẽ trở nên rõ rệt trong vài ngày tới, vì khi Huế, rồi Quảng Ngãi và cuối cùng Đà Nẵng bị tấn công trực tiếp bởi lực lượng Cộng sản, các binh sĩ ARVN ở mỗi thành phố này sẽ trở thành nạn nhân của những cam kết gia đình - «hội chứng gia đình,» như chúng tôi đã mô tả ở Sài Gòn - dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc cho người thân, nhiều người trong số họ chỉ cách chiến tuyến vài dặm. Chỉ có lính thủy đánh bộ, với gia đình của họ an toàn ở Sài Gòn, mới cuối cùng được để lại để chống lại kẻ tấn công.

Bộ chỉ huy miền Nam Việt Nam ngay lập tức nhận ra rằng hội chứng gia đình sẽ là một trở ngại khủng khiếp, và ngay sau khi rút lui khỏi Quảng Trị, Phó Đô đốc Chung Tấn Cang, tư lệnh hải quân

mới, đã điều động mọi tàu thuyền có sẵn đến QK 1 để giúp đưa cả quân đội và người thân của họ ra ngoài. Cho đến gần đây, ông đã là thống đốc khu quân sự Sài Gòn và theo lời tự thú của ông, ông không «cập nhật» về các vấn đề hải quân. Nhưng trong vài tuần tới, ông sẽ chứng tỏ mình là một chỉ huy tài ba, biến hải quân thành thành trì duy nhất chống lại thất bại ngay lập tức. Nếu không có sự lãnh đạo và sáng kiến của ông, ngay cả phần nhỏ của quân đội cuối cùng được cứu vớt từ QK 1 và 2 cũng sẽ bị tiêu diệt trên bãi biển.

Nhưng sự khéo léo của Cang không phải là lý do duy nhất cho sự hiệu quả của hải quân. Giống như các đồng nghiệp hải quân và không quân của họ, các thủy thủ cũng được hưởng một lợi thế mà các quân đội thông thường không có. Vì trụ

sở chính của hải quân nằm ở Sài Gòn, vợ và con cái của các nhân viên cũng được đặt ở đó. Hội chứng gia đình sẽ do đó ít ảnh hưởng đến những người của Cang cho đến khi chiến tranh đến tận cửa ngõ của thủ đô.

Vào sáng ngày mười chín, Thủ tướng Khiêm và một số thành viên khác trong nội các đã bay lên QK 1 và 2 để tận mắt chứng kiến các cuộc khủng hoảng. Rõ ràng họ đến để đánh giá tình hình khủng hoảng người tị nạn quy mô lớn, nhưng Khiêm, một tướng năm sao, cũng sẽ cung cấp báo cáo tiến độ về «Ánh sáng ở trên, Nặng nề ở dưới.»

Ở Nha Trang, ông không tìm thấy bất cứ điều gì giống với «tiến bộ». Bản thân Phú cũng đang trên bờ vực của sự

không mạch lạc. Ông đã co rúm người trong văn phòng của mình kể từ chuyến bay từ Pleiku ba ngày trước và hầu như không thể tiếp tục một cuộc trò chuyện lịch sự với Thủ tướng.

Chuyến dừng chân ở Đà Nẵng cũng không kém phần thất vọng. Trưởng nói với các vị khách của mình rằng một cuộc tấn công phối hợp vào cả Huế và Đà Nẵng sắp xảy ra. Ba sư đoàn BV đã được triển khai chống lại hai thành phố và có thể một sư đoàn thứ tư gần đây đã di chuyển qua khu phi quân sự vào tỉnh Quảng Trị. Khiêm rất lo lắng, ông đã yêu cầu Trường bay ngay đến Sài Gòn để báo cáo với Tổng thống.

Khi Khiêm trở về thủ đô ngay trước khi trời tối, anh đã tìm Trưởng để thảo luận về những phát hiện của mình. Giải thích về tình thế khó khăn của Trưởng,

anh ấy đã gợi ý rằng Huế nên được bỏ ngay lập tức để giải phóng lực lượng bảo vệ Đà Nẵng. Ông cũng đề nghị rằng Phú nên được thay thế bởi một người có thể làm tốt công việc.

Thiệu hầu như không chịu nghe ông ta. Không có ai thay thế được Phú, ông ta khăng khăng. Còn việc bỏ Huế, điều đó cũng không thể bàn đến. Thực tế, trong vài giờ qua, ông đã quyết định rằng thành phố phải được giữ bằng mọi giá. Ông sẽ khuyên Trưởng trực tiếp.

Khiêm đã bị sốc. Mặc dù anh có thể phần nào hiểu được sự gắn bó của Thiệu với Phú, nhưng quyết định liên quan đến Huế đối với anh dường như không khác gì điên rồ. Chỉ vài ngày trước, Thiệu đã đảm bảo với chỉ huy QKI của mình rằng Huế kém quan trọng về mặt chiến lược hơn Đà Nẵng, và Trưởng, chấp nhận

lời của Tổng thống, đã bắt đầu cắt giảm phòng thủ ở đó. Giờ đây, đột nhiên Thiệu muốn quay ngược thời gian.

Tuy nhiên, Khiêm không nhấn mạnh vào những phản đối của mình. Ông có thể thấy Tổng thống đã quyết định. Và mặc dù ông có những nghi ngờ riêng về khả năng phòng thủ của Huế[14], ông biết rằng vấn đề này, đối với chính Thiệu, vượt ra ngoài tranh luận lý trí. Về mặt quân sự, thành phố này từ lâu đã có giá trị biên giới, thậm chí là một gánh nặng, nhưng về mặt văn hóa, lịch sử và do đó, chính trị, nó vẫn là một phần thưởng cho cả hai

14 Được thành lập vào năm 1792, Huế đã nổi lên mười năm sau đó như là thủ đô của Việt Nam thống nhất đầu tiên dưới triều đại Nguyễn, và từ đó cho đến khi người Pháp xâm lược vào những năm 1880, nó đã trở thành trung tâm chính trị và văn hóa của đất nước. Vào cuối cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, nó cũng đã trở thành nơi cư trú của hàng nghìn người tị nạn từ miền Bắc, nhiều người trong số họ hiện nay là những đồng minh trung thành nhất của chính phủ.

bên. * Vì lý do này, cộng sản đã đặt nó làm mục tiêu chính trong cuộc tấn công lớn của họ vào năm 1968, chiếm được nó trong tháng đầu tiên của chiến dịch. Các lực lượng Mỹ và Nam Việt Nam sau đó đã tái chiếm thành phố này, trong hai mươi sáu ngày chiến đấu đẫm máu từng nhà từng ngõ - mặc dù không trước khi các lực lượng cộng sản đã tàn sát khoảng 2.700 cư dân như một hành động «thanh lọc chính trị.» Huế do đó đã ngập trong máu : một biểu tượng của cách mạng và phản cách mạng đối với cả hai bên. Việc từ bỏ nó mà không chiến đấu sẽ đối với nhiều người ủng hộ Thiệu là một sự xúc phạm.

Nhưng còn có một điều gì khác, điều gì đó quan trọng hơn rất nhiều trong thời điểm này, cũng đã ảnh hưởng đến

quyết định của Tổng thống về việc bảo vệ thành phố bằng mọi giá. Điều này Khiêm không hoàn toàn hiểu. Trong vài ngày qua, Bùi Diệm, cựu Đại sứ tại Hoa Kỳ, và Trần Văn Đỗ, một người bạn cũ khác, đã đến thăm Thiệu và nói thẳng với ông rằng ông sẽ phải từ chức vì lợi ích của đất nước hoặc làm điều gì đó ngoạn mục để tập hợp quân đội và dân chúng. Thiệu không thể nghĩ ra điều gì hoành tráng hơn là một cuộc phòng thủ dũng cảm của cố đô cổ.

Tối hôm đó, lực lượng BV đã thả cầu phao qua sông Thạch Hãn, phía bắc Quảng Trị, và gửi đoàn xe tăng đầu tiên lăn bánh qua. Đó là một sáng kiến quan trọng, một khởi đầu thích hợp cho cuộc tấn công của BV ở QK I, vì Thạch Hãn đã đóng vai trò như một loại đường phân định thực tế giữa hai bên kể từ những

tháng đầu của lệnh ngừng bắn. Cuộc rút lui của lực lượng dân quân và kiểm lâm cuối cùng của chính phủ tại thành phố Quảng Trị bắt đầu ngay sau khi hoàng hôn buông xuống, và các chỉ huy xe tăng BV đã bật đèn pha để những người sơ tán có thể tìm đường trong bóng tối.

Gần như đồng thời, hai sư đoàn BV đã phát động các cuộc tấn công thăm dò dọc theo Quốc lộ 1 cách Huế mười hai dặm về phía nam. Các đơn vị Thủy quân lục chiến và Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã cố gắng ngăn chặn đợt tấn công ban đầu, nhưng tiếng súng pháo và súng nhỏ vang lên gần đó đã làm gia tăng nỗi sợ hãi và sự hoang mang đang dâng cao trong những hàng dài người tị nạn trên quốc lộ.

Khi Tướng Trưởng xuất hiện ở Sài Gòn sáng hôm sau, ông vẫn còn ngây

thơ, nghĩ rằng ông được triệu tập chỉ để cung cấp cho Thiệu một báo cáo tình hình trực tiếp. Ông sớm nhận ra điều ngược lại. Năm phút vào cuộc phỏng vấn, Thiệu đã đưa ra cú sốc của mình. Huế, ông nói với vị chỉ huy QK 1 đang ngạc nhiên, phải được bảo vệ đến người cuối cùng ; ông sẽ lên truyền hình vào ngày hôm sau để công bố quyết định này với cả nước.

Lần này Trưởng đã mất bình tĩnh. Ông không thể tiếp tục chiến đấu bằng những bước đi lùi tiến như vậy, ông gầm lên. Các tuyến tiền tuyến của ông ở Huế thậm chí bây giờ còn đang bị tháo dỡ, nhiều khẩu pháo ở đó đã được chuyển đi, và các lính thủy đánh bộ và lính VNCH còn lại đã chán nản trước những thay đổi chiến lược trước đó. Một sự thay đổi nữa sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của họ

như thế nào ? Thiệu lắng nghe kiên nhẫn và cuối cùng thừa nhận rằng có lẽ ông đã yêu cầu quá nhiều. Việc phòng thủ Huế vẫn kém quan trọng hơn so với sự sống còn của sư đoàn bảo vệ nó, Sư đoàn 1 VNCH, mà nếu tình hình xấu đi, sẽ cần thiết để tăng cường cho Đà Nẵng. Do đó, ông sẵn lòng cho Trưởng một chút tự do. Huế nên được giữ lại, ông nói, chỉ miễn là có thể đảm bảo một lộ trình thoát hiểm cho quân đội, hoặc qua đường bộ dọc theo Quốc lộ 1 hoặc bằng đường biển. Khoảnh khắc sư đoàn có nguy cơ bị bao vây, Huế nên bị bỏ lại. Ông sẽ để Trưởng quyết định khi nào khoảnh khắc đó đã đến.

Khi chỉ huy QK 1 chán nản trở lại Đà Nẵng vào chiều hôm đó, ông ngay lập tức ra lệnh ngừng việc rút lui thiết bị nặng từ Huế đã diễn ra trong vài ngày

qua. Sau đó, ông ngồi xuống bàn làm việc để nghiên cứu chồng báo cáo tình báo đã tích lũy trong thời gian ông vắng mặt. Tất cả đều dường như chỉ ra một kết luận : cuộc tấn công dự kiến vào Huế và Đà Nẵng chỉ còn vài giờ nữa.

Tối hôm đó, Thiệu đã có một bài phát biểu kéo dài bốn phút trên truyền hình quốc gia. Ông không nhắc đến Huế - ông đã để dành điều đó cho tối hôm sau - nhưng ông đã thừa nhận lần đầu tiên rằng Ban Mê Thuột đã bị mất. Đổ lỗi cho sự keo kiệt của Mỹ về những thất bại gần đây, ông cảnh báo đồng bào của mình về những thời gian khó khăn hơn sắp tới. Ít nhất năm sư đoàn BV mới, ông nói, đã gần đây di chuyển vào miền Nam Việt Nam để tăng cường cho mười ba sư đoàn khác đã được triển khai.

Vào lúc bình minh ngày hôm sau,

Trưởng đã gửi điện tín cho Thiệu từ Đà Nẵng, yêu cầu ông hoãn bài phát biểu «chiến đấu đến chết» về Huế cho đến khi tình hình quân sự được làm rõ, kẻo ông sẽ bị trói tay ngay từ đầu một cuộc tấn công lớn. Thiệu đồng ý, nhưng vài giờ sau đã ghi lại bài phát biểu trên băng video để có thể phát sóng ngay lập tức. Đến tối hôm sau, cuộc tấn công vẫn chưa xảy ra và Thiệu quyết định không trì hoãn thêm nữa. Băng video được phát sóng lúc 8 giờ tối, công khai cam kết ông và quân đội của ông sẽ bảo vệ Huế đến người cuối cùng.

Khi Thiệu buộc chỉ huy QK 1 của mình vào một chiếc áo khoác chiến thuật, những gì còn lại của quân đội Phú ở QK 2 tiếp tục tan rã dưới những đòn búa của Sư đoàn 320 BV. Đến tối ngày

mười chín, 200.000 quân lính và người tị nạn từ Kontum và Pleiku đã bị dồn lại sau đèo Tu Na và một điểm vượt sông, cách thành phố Tuy Hòa trên bờ biển miền Trung chưa đầy hai mươi dặm. Trong khi đó, dựa trên cuộc trò chuyện gần đây với Khiêm, Tướng Phú đã quyết định được một điều. Như chỉ huy chiến trường của ông, Tướng Tất, sau này đã giải thích với những người bắt giữ của BV, ông «đã ra lệnh cho chúng tôi bỏ lại tất cả vũ khí hạng nặng và trang bị chiến tranh và rút lui khỏi tỉnh Phú Bổn.» Sau đó, tôi đã chỉ đạo quân đội của mình bỏ lại xe cộ và pháo trên đường và tiến vào rừng, bỏ qua hoàn toàn đèo Tư Na... Vì các sĩ quan và binh lính đã mang theo gia đình của họ, hàng trăm nghìn người bám theo hai bên sườn của họ, làm lộ vị trí của họ.

Vào sáng ngày hai mươi, lực lượng [cộng sản] đã phát động một cuộc tấn công bất ngờ vào đội tiền tiêu đầu tiên của Nhóm Biệt Động Quân số 6 [ở phía sau đoàn di tản], gây thiệt hại khá nặng nề. Trong vài ngày tiếp theo, các đơn vị còn lại đã tan rã và tháo chạy nhưng bị truy đuổi và tấn công liên tục. Chỉ một số ít trong số họ cuối cùng mới có thể đến được Tuy Hòa.

Xa hơn về phía nam, tại Quân khu 3, vận mệnh của chính phủ cũng tiếp tục trượt dốc - có lẽ không quá đáng kể nhưng hậu quả thì vẫn như vậy: mất lãnh thổ và sự linh hoạt về mặt chiến thuật mà Thiệu giờ đây không thể nào chấp nhận được. Đến ngày 20 tháng 3, hai sư đoàn VNCH đã bị ràng buộc hiệu quả trong việc phòng thủ Tây Ninh và phần tây bắc

của khu vực. Một số chỉ huy chính phủ muốn nhượng bộ ở đó hoặc, thay vào đó, rút thêm một sư đoàn từ đồng bằng để làm lực lượng dự bị cơ động. Nhưng Thiệu không chấp nhận điều đó. Việc bỏ rơi Tây Ninh sẽ làm sụp đổ tinh thần của quân đội và dân thường ở phần còn lại của đất nước, ông khẳng định, và việc rút bất kỳ lực lượng nào khỏi đồng bằng sẽ có nghĩa là nhượng một lượng lớn lãnh thổ cho kẻ thù, vì ba sư đoàn VNCH ở đó đã bị kéo căng đến giới hạn.

Nếu chỉ là một ván cờ, Thiệu đã thua từ lâu ; ông đã bị chiếu hết trên mọi mặt trận. Nếu ông có thể cứu vãn một số đơn vị từ vùng cao nguyên, ông có thể đã củng cố được phòng thủ của mình dọc theo bờ biển và quanh Sài Gòn như ông đã hy vọng. Nhưng nếu không

có điều đó, «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới» trở thành một bài tập vô nghĩa và chết người ; ông đang đổi đất lấy không gì cả.

Hơn nữa, những tổn thất của ông ta là lợi ích rõ ràng của kẻ thù. Sự rút lui trong hai tuần qua, cả ở QK 1 và 2, đã để lại cho Bắc Việt Nam những vùng lãnh thổ rộng lớn nơi họ có thể nghỉ ngơi và tái trang bị mà không sợ kẻ thù. Về mặt chính trị, bối cảnh cũng đã thay đổi. Trở lại mùa thu năm 1974 khi các chiến lược gia của Hà Nội lần đầu tiên đề ra chiến dịch «mùa khô» của họ, một mục tiêu chính là tạo ra sự liên tục và cấu trúc chính trị cho các khu vực rải rác dọc biên giới phía tây của Nam Việt Nam để trong trường hợp có một vòng đàm phán mới nhằm chính thức hóa «các đường kiểm soát», họ có thể thương lượng một cách hiệu quả. Trong hai tuần qua, Thiệu

đã nhượng cho họ tất cả quyền thương lượng mà họ có thể tưởng tượng được, vì những gì từng là một chiếc áo khoác của những túi Viet Cong và các khu vực căn cứ giờ đây thực sự đã trở thành một «Việt Nam thứ ba,» với tất cả các thuộc tính được chấp nhận của một quốc gia - nhà nước : sự liên tục, dân số và biên giới xác định.

Ngoài những tác động quân sự và chính trị, còn có một hậu quả khác từ sự thay đổi chiến lược đột ngột và kém quản lý của Thiệu. Trong chưa đầy mười ngày, hàng trăm nghìn người, hầu hết là thân nhân quân nhân, đã bị tước bỏ nơi ở và buộc phải quay về chính phủ để tìm nơi trú ngụ và hỗ trợ. Ngoài 200.000 người tị nạn trên đường từ Pleiku và Kontum, còn khoảng 60.000 người nữa đang cố gắng

di chuyển ra bờ biển từ Ban Me Thuot, và ở QK 1, số người tị nạn đã vượt quá 2.000.000. Nhưng vì việc cắt giảm viện trợ và sự không chắc chắn về các khoản bổ sung, Thiệu không sẵn lòng và không thể giải phóng nguồn lực để nuôi ăn, mặc và ở cho họ.

Đến tuần thứ ba của tháng Ba, tôi đã sản xuất ra một đánh giá mỗi ngày để giúp Washington nắm bắt kịp thời những cơn ác mộng đang diễn ra. Giọng điệu của các ước tính của tôi hoàn toàn phù hợp với chủ đề. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã đề cập và khám phá khả năng thất bại quyết định cho chính phủ.

Vì các đánh giá đều được gửi đi dưới chữ ký của Polgar với tư cách là «quan điểm của sĩ quan cấp cao tại hiện

trường,» nên chúng đã thực sự cam kết ông ta vào viễn cảnh ảm đạm của tôi về tương lai. Polgar không có bất kỳ do dự nào về điều đó. Nếu điều tồi tệ nhất xảy ra với đất nước, ông ấy nói với tôi, ông muốn hồ sơ cho thấy rằng ông và Đài đã đưa ra cảnh báo công bằng.

Ông cũng có một lý do khác để ủng hộ sự bi quan như vậy. Ông vẫn hy vọng sẽ gây sốc cho Quốc hội để họ đến cứu Saigon. Do đó, ông nhấn mạnh việc dệt vào mỗi đánh giá một hoặc hai mảnh của dòng cũ về viện trợ của Mỹ mà chúng tôi đã thường xuyên sử dụng trong quá khứ. Nhiều tiền và thiết bị của Mỹ hơn nữa, ông nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại, có thể cứu vãn tình hình cho chính phủ.

Liệu anh ấy còn tin điều này hay không, tôi không thể nói chắc. Dù sao đi nữa, tôi không làm vậy. Nhưng vì những

áp lực khủng khiếp của những ngày đó, tôi đã không cố gắng tranh luận với anh ấy về vấn đề này. Tôi chỉ sửa đổi các phân tích theo ý anh ấy. Bằng cách đó, tôi đã giúp anh ta đánh bại một trong những mục tiêu chính của chúng ta. Thay vì thuyết phục các đồng nghiệp ở Washington về tính nghiêm trọng của tình hình quân sự, chúng tôi chỉ thành công trong việc thuyết phục họ rằng vẫn còn một lối thoát. Đối với những người lạc quan ở Bộ Ngoại giao và CIA luôn có thể tự đảm bảo sau khi đọc các phân tích của chúng tôi, «Ừ, đúng là mọi thứ đang diễn ra tồi tệ ở đó, nhưng Polgar và các cộng sự của ông ấy nói rằng viện trợ vẫn là câu trả lời.» Đó là khởi đầu của một ảo tưởng cuối cùng tai hại.

Để thêm phần hỗn loạn ở Washington, một cuộc khủng hoảng khác đang bắt đầu bùng lên. Đến ngày 20 tháng 3, không còn nghi ngờ gì nữa rằng cuộc chiến ở Campuchia đang tiến gần đến cao trào. Phái bộ Hoa Kỳ giờ đây là cơ quan ngoại giao nước ngoài duy nhất vẫn đang hoạt động tại Phnom Penh. Máy bay Mỹ đang sơ tán hàng trăm người phương Tây mỗi ngày, và Lầu Năm Góc vừa hoàn thành việc cập nhật kế hoạch bảo vệ sân bay và các khu vực hạ cánh khác trong trường hợp rút lui hoàn toàn. Xét về những vấn đề rất cấp bách này, việc mất các vùng cao nguyên phía tây ở miền Nam Việt Nam đã thu hút ít sự chú ý hơn tại Bộ Ngoại giao so với những gì có thể đã xảy ra.

Ở đầu xa của đại lộ Pennsylvania, trong khi đó, Quốc hội đang tạo ra một

sự phân tâm riêng của mình. Trong vài ngày qua, một động thái lưỡng đảng đã phát triển trong Thượng viện nhằm chấm dứt tất cả sự trợ giúp quân sự cho Nam Việt Nam trước ngày 30 tháng 6. Một phần của nguồn cảm hứng là do tâm lý công chúng. Một cuộc khảo sát gần đây của Gallup cho thấy tám trong số mười người Mỹ ủng hộ việc ngừng viện trợ ngay lập tức, vì lo sợ sự tham gia trở lại vào cuộc chiến. Nhưng cũng có một phần lớn tính thực tiễn và lẽ thường trong phản ứng của Quốc hội. Hơn cả các chuyên gia tại Bộ Ngoại giao hoặc CIA, các nghị sĩ dường như nhận ra rằng Thiệu đã hết thời.

Họ cũng không chỉ hoài nghi về miền Nam Việt Nam. Trong tuần qua, thông qua nhiều chiến lược khác nhau, các nhà lãnh đạo Thượng viện và Hạ viện

cũng đã thực sự viết nên một cái kết cho hy vọng nhận thêm viện trợ cho Campuchia, với lý do rằng không có khoản phân bổ nào, dù lớn đến đâu, có thể cứu vãn chế độ Lon Nol.

Nửa vòng trái đất, hành động của Quốc hội đã khiến Ngoại trưởng lưu động kêu lên trong đau đớn. Đến lúc này, vòng ngoại giao shuttle mới nhất của Kissinger ở Trung Đông đã gặp bế tắc, và trong một lần dừng chân ở Ả Rập Saudi, ông đã tâm sự với các phóng viên rằng ông rất lo lắng, không chỉ về các sự kiện ở Trung Đông, mà còn về hai cuộc khủng hoảng ở Washington và Đông Dương. Như ông giải thích, có mối liên hệ giữa cả ba. Ai Cập và Israel không thể đồng ý về các nhượng bộ lẫn nhau chính xác vì họ không chắc chắn về tính hợp lệ và ràng buộc của bất kỳ đảm bảo nào

từ Hoa Kỳ, xét đến cách chúng ta đã đối xử với các đồng minh của mình ở Đông Dương.

Trong vài tuần qua, Kissinger chỉ theo dõi các diễn biến ở Việt Nam một cách hời hợt, thông qua các phân tích hoàn chỉnh của CIA và các bức điện bí mật của Đại sứ Martin. Nhưng bây giờ ông muốn có một số dữ liệu thô để có thể rút ra kết luận của riêng mình. Trong số các tài liệu được gửi đi cho ông có bài viết dài đã xuất hiện trên tạp chí lý luận của Bắc Việt Nam vào tháng Giêng, giải thích quan điểm của Lê Duẩn. Gần đây nó mới được thu thập và dịch. Kissinger rất lo lắng về nó, đặc biệt là sự nhấn mạnh vào bạo lực cách mạng, và cùng với những dấu hiệu về việc tăng cường tuyển quân và huấn luyện ở Bắc Việt Nam, điều đó đã thuyết phục ông rằng

Hà Nội đang chuẩn bị cho cuộc chiến đấu ác liệt trở lại.

Ngay khi Kissinger đang chuẩn bị rời Ả Rập Saudi, một ánh sáng bất ngờ xuất hiện trên đường chân trời. Vua Faisal, một người hâm mộ lâu năm và nhiệt thành của ông, đã kéo ông sang một bên và đề nghị làm một ân huệ cá nhân phi thường cho ông. Ông tôn trọng những gì người dân miền Nam Việt Nam đang cố gắng làm cho chính họ, ông nói. Vì vậy, xuất phát từ tình cảm của ông dành cho họ, và cho Kissinger, ông sẵn sàng đảm bảo một khoản viện trợ khổng lồ cho chính phủ Sài Gòn để giúp bù đắp cho việc cắt giảm viện trợ của Mỹ. Kissinger đã bị sốc và vô cùng vui mừng. Đây chính là deus ex machina [thuật ngữ Latin = Một sức mạnh hoặc sự kiện bất ngờ cứu rỗi một tình huống dường như vô vọng], mà ông đã tìm kiếm

để giúp ông thực hiện chiến lược Đông Dương của mình.

Nhưng giống như tất cả các phương thuốc khác của ông đối với cuộc chiến ba mươi năm, phương thuốc này cũng định mệnh ngắn ngủi và phù du. Chỉ ba ngày sau khi đưa ra lời đề nghị với Kissinger, Vua Faisal của Ả Rập Xê Út đã bị một người cháu trai ghen tị bắn chết. Cùng với ông, kế hoạch[15] kỳ lạ này để cứu Saigon cũng chết theo. *

15 Trong các cuộc đàm phán với Kissinger vài tuần trước, chính Martin đã đề xuất ý tưởng xin viện trợ từ Ả Rập Saudi. Tuy nhiên, chính vua Faisal là người cuối cùng đã khởi động dự án này. Ngay cả sau khi Faisal qua đời, Martin vẫn tiếp tục thúc giục Kissinger giữ cho kế hoạch này sống sót, nhưng không thành công.

16. Hộp Đen

Khi Al Francis, học trò của Martin, đảm nhận chức vụ Tổng Lãnh sự tại Đà Nẵng vào mùa thu năm 1974, một trong những quyết định đầu tiên của ông là cập nhật kế hoạch sơ tán thường trực của lãnh sự quán. Viên chức mà ông giao nhiệm vụ cuối cùng đã sản xuất một danh mục ba mươi trang các tùy chọn. Một trong số đó, cực đoan nhất, dự kiến một cuộc vận chuyển bằng trực thăng ra khỏi sân bay chính dưới sự bảo vệ của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Francis coi đây là một tình huống «khô-

ng thể xảy ra». Như ông đã giải thích với tôi sau khi Sài Gòn sụp đổ, ông luôn tin rằng người Mỹ có thể dựa vào sự hợp tác của người dân địa phương, ngay cả khi việc di tản toàn bộ trở nên cần thiết.

Kế hoạch đã được sửa đổi ít nhất hai lần trong vài tháng tiếp theo. Francis không bao giờ hài lòng «bạn không thể dự đoán mọi thứ» - nhưng ông coi bài tập này là một cách hữu ích để «nhạy cảm hóa» nhân viên của mình với các vấn đề. Vào tháng Giêng, khi ông trở lại Washington để nghỉ phép, ông không bao giờ nghĩ rằng mình có thể sớm phải thử nghiệm các phương án dự phòng của mình. Như ông đã nói với mọi người, ông tin rằng chính phủ Sài Gòn có thể vượt qua cuộc tấn công hiện tại mặc dù đã cắt giảm viện trợ.

Trong thời gian nghỉ phép, ông cố gắng theo kịp các diễn biến bằng cách ghé qua Bộ Ngoại giao vài ngày một lần để đọc các thông điệp đến. Khi trở lại Sài Gòn vào đầu tháng Hai, ông cảm thấy mình không bỏ lỡ điều gì và rất háo hức quay lại công việc. Nhưng chỉ trong một ngày sau khi đến nơi, ông đã bị bệnh nặng với viêm tuyến giáp và phải được sơ tán y tế trở lại Washington. Đến khi ông được tuyên bố đủ sức khỏe một tháng sau đó, các vùng cao nguyên đã bị bỏ rơi, các đơn vị không quân đang rút khỏi QK 1 và phòng thủ của Huế đã trong tình trạng hỗn loạn.

Trong khi đó, Terry Tull, phó của Francis tại Đà Nẵng và là nữ cán bộ cấp cao duy nhất của Bộ Ngoại giao tại quốc gia này, đã bắt đầu tháo dỡ một số trạm lãnh sự xung quanh QK 1. Với các đơn

vị BV đang tiến gần đến các thành phố lớn, cô không định mạo hiểm mất bất kỳ người Mỹ hoặc người Việt nào mà cô chịu trách nhiệm.

Về mặt chính trị, tuy nhiên, cô ấy đã bị mắc kẹt trong một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Lehmann, người vẫn thay thế Martin ở Sài Gòn, đã chỉ thị cho cô không làm gì có thể truyền đạt cảm giác do dự đến người Việt. Cô biết rằng việc cắt giảm toàn bộ ở các tỉnh sẽ làm điều đó, vì vậy cô đã chọn một quyết định nửa vời. Thay vì đóng cửa hoàn toàn các tiền đồn tỉnh, cô đã cho phép giảm dần số lượng nhân viên của họ để nếu và khi tình huống khẩn cấp xảy ra, chỉ cần một hoặc hai chiếc trực thăng là đủ để hoàn thành công việc. Giữa tháng Ba, bà cũng đã ra lệnh cho nhân viên CIA và Bộ Ngoại giao được phân công đến Huế bắt

đầu dành những đêm của họ ở Đà Nẵng, cách đó năm mươi dặm về phía nam.

Không có quyết định nào của cô ấy là đột phá, nhưng một số đồng nghiệp của cô ấy đã tìm ra lỗi. Người đứng đầu cơ sở CIA địa phương, một người trung niên có kinh nghiệm về Trung Quốc mà tôi sẽ gọi là «Philip Custer,» phàn nàn rằng cô ấy đang «phản ứng thái quá.»

Kể từ khi ông đến vào mùa hè trước, Custer đã trở thành một người biện hộ nhiệt thành cho quân đội Việt Nam Cộng hòa - nhiệt thành đến mức, cái tôi của ông giờ đây đã bị ảnh hưởng. Khi Tull lập luận về việc cắt giảm nhân viên lãnh sự, ông cảm thấy buộc phải không đồng ý. «Đại tướng Trương sẽ giữ vững ; khu vực này an toàn,» ông đã trấn an các cấp dưới của mình. Ba ngày trước khi Đà Nẵng sụp đổ, ông đã đưa ra cùng một ý

kiến với các đại diện Iran trong đội ICCS địa phương, khiến họ trì hoãn việc rời đi đến phút cuối cùng. Quan hệ giữa Đại sứ quán và phái đoàn Iran sẽ không bao giờ hoàn toàn hồi phục.

Để công bằng với Custer, thông tin mà ông dựa vào để đưa ra các phán đoán của mình hầu như không chắc chắn. Không ai trong chúng ta hoàn toàn nhận thức được những mệnh lệnh thay đổi và mâu thuẫn mà Trương nhận được từ Sài Gòn, và ngay cả một người bi quan xác định cũng khó có thể dự đoán sự sụp đổ của toàn bộ quân đội ở QK 1 trong hai tuần tới. Đối với một người lạc quan như Custer, điều đó gần như là không thể.

Khi Francis trở lại Đà Nẵng vào cuối tuần thứ ba của tháng Ba, ông triệu tập

sáu sĩ quan của mình và chỉ đạo họ sửa đổi kế hoạch sơ tán của lãnh sự quán một lần nữa. Ông gọi nhóm này là «hộp đen nhỏ» của mình («đen» để chỉ bí mật) và hứa sẽ cho họ quyền tự do hành động. Mỗi người trong số sáu người đều được chọn vì chuyên môn của họ, không quan tâm đến cấp bậc hay sự liên kết với cơ quan, và Francis đã cảnh báo các sĩ quan cao cấp hơn trong số họ rằng nếu có một cấp dưới nào đó có thể đảm nhận một công việc cụ thể, ông sẽ không ngần ngại giao cho họ trách nhiệm. Như để chứng minh quan điểm của mình, ông đã giao cho một nhân viên CIA tương đối cấp dưới trách nhiệm tinh giản cuốn sách hướng dẫn sơ tán xuống mức có thể quản lý được.

Viên chức CIA rõ ràng đã có một công việc khó khăn trước mắt. Ngoài

năm mươi người Mỹ gắn bó với lãnh sự quán - một nửa trong số họ là sĩ quan CIA - còn có hàng trăm người Mỹ khác ở Đà Nẵng, từ công nhân hợp đồng đến những người đào ngũ khỏi Quân đội Mỹ, những người cũng sẽ phải được bao gồm trong bất kỳ cuộc rút lui nào. Hơn một nghìn nhân viên «địa phương» cũng được liệt kê trong bảng phân bổ nhân sự của lãnh sự quán, và với gia đình, bạn bè thân thiết và họ hàng của họ, số lượng người Việt Nam có khả năng sơ tán đã tăng lên mười nghìn hoặc hơn.

Mặc dù quy mô của nhóm mục tiêu rất lớn, viên chức CIA đã thành công trong việc rút ngắn kế hoạch hiện tại xuống còn hai trang rưỡi chỉ trong một buổi chiều. Những gì ông hình dung là một cuộc di tản theo từng giai đoạn bằng đường hàng không và trên các bãi

biển. Ông hình dung là một cuộc di tản theo từng giai đoạn bằng đường hàng không và trên các bãi biển. Các xà lan và thuyền máy sẽ được gửi lên sông Hàn để đón những người sơ tán tại các điểm được chỉ định trong khi các tàu lớn hơn sẽ chất hàng tại bến cảng nước sâu bên ngoài thành phố. Những người sơ tán khác sẽ được Air America hoặc các máy bay thuê bao khác vận chuyển ra khỏi sân bay chính ở phía tây thành phố hoặc từ đường băng quân sự gần Núi Ngọc. Việc rút lui sẽ được thực hiện một cách kín đáo và dần dần, kéo dài một tuần hoặc hơn, để không ai trong số công dân bị báo động. Nó cũng phải được tích hợp. Francis quyết tâm đưa người Mỹ và người Việt Nam lại với nhau, để nếu công dân nhận ra người Mỹ đang rời đi, họ sẽ có động lực mạnh mẽ để hợp tác.

Về nguyên tắc, «hộp đen» dường như là một sự đột phá : tập trung tất cả các chuyên gia có sẵn vào một vấn đề vô cùng phức tạp. Tuy nhiên, việc sơ tán toàn bộ lãnh sự quán trong điều kiện chiến tranh sẽ khó có thể phù hợp với bất kỳ công thức quan liêu nào, và dù Francis có phương pháp đến đâu, các hệ thống mà ông thiết kế cũng nhanh chóng bắt đầu sụp đổ.

Một điều là, mọi cựu quân nhân trong đội ngũ của ông đều muốn tham gia, và chỉ sau một đêm, nhóm chuyên gia nhỏ bé độc quyền tạo nên «hộp đen» đã tăng lên thành hai mươi lăm người khó quản lý. Đánh giá của chính Francis về tình hình cũng tạo ra một trở ngại. Hết sức lạc hậu sau thời gian hồi phục dài đằng đẵng, ông càng có xu hướng

nhường quyền quyết định cho Đại sứ về các vấn đề quan trọng hơn bao giờ hết. Nếu Martin tin rằng người Việt Nam miền Nam vẫn còn cơ hội, ông sẽ là người cuối cùng không đồng ý.

Rồi cũng có vấn đề về chiến thuật. Lehmann đã khuyên anh ta chỉ vài ngày trước : Đừng làm gì để làm hoảng sợ người Việt; sự kiên trì của người Mỹ phải là tấm gương cho họ. Francis chấp nhận điều này như một định lý hiển nhiên và quyết tâm thể hiện một màn trình diễn tốt. Vì vậy, sau khi thực hiện cử chỉ của mình đối với kế hoạch dự phòng dưới dạng «hộp đen,» anh ta đã sẵn sàng để mặc cho vấn đề này nằm lại.

Ông ấy cũng không phải là người duy nhất. Custer không bao giờ hoàn thành một kế hoạch sơ tán cho các nhân viên người Việt của mình và cũng chậm chạp

trong việc chuẩn bị cho sự ra đi của các nhân viên người Mỹ. Ngay cả việc tiêu hủy các tài liệu mật cũng bị trì hoãn cho đến khi kẻ thù đã ở ngay cổng, và do đó, nhiều sĩ quan trẻ đã dành nhiều thời gian trong những ngày cuối cùng để vò nát và đốt cháy trong khi những người bạn và đồng nghiệp Việt Nam của họ tìm kiếm một cách vô ích.

Hơn nữa, những chuẩn bị ít ỏi mà Custer cho phép đều được giữ bí mật sâu kín. «Chúng ta không thể mạo hiểm làm hoảng loạn các bà vợ hoặc các sĩ quan trẻ,» ông nói với các cấp dưới cao cấp của mình, như một sự nhắc lại của Lehmann. «Vì vậy, hãy giữ bí mật.» Do đó, nhiều sĩ quan trẻ của ông không bao giờ hoàn toàn nhận thức được kế hoạch sơ tán hoặc mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng quân sự - cho đến khi họ

buộc phải bỏ rơi những người Việt Nam mà họ có thể đã giúp đỡ.

Ngoài sự bất cẩn và suy nghĩ mơ mộng của những người đứng đầu, còn có một yếu tố cản trở khác đối với kế hoạch ứng phó của lãnh sự quán : sự tự tin thái quá vào quân đội Mỹ. Đầu tháng này, một nhóm từ Hạm đội 7 đã đến thăm Đà Nẵng để khảo sát các kế hoạch và cơ sở sơ tán hiện có, và sau đó Hải quân Hoa Kỳ đã hứa sẽ cung cấp một đợt trực thăng nếu bất kỳ loại rút lui nào trở nên cần thiết. Khi Francis trở lại Đà Nẵng, ông tự tin rằng lời hứa này vẫn còn hiệu lực. Chỉ vài ngày sau, sau khi trao đổi tin nhắn với Hải quân, anh mới nhận ra điều khác : anh sẽ phải tự mình làm tất cả.

Ngày đầu tiên trở lại, Francis đã tham

quan các vùng nội địa, dừng chân ngắn tại các thành phố Huế, Tam Kỳ và Quảng Ngãi. Khi ông báo cáo về Sài Gòn, hầu hết các chỉ huy người Việt mà ông gặp đều «ở trung tâm của phổ cảm xúc,» rõ ràng là họ kiểm soát được thần kinh của mình nhưng không chắc chắn về ý định của Đảng Cộng sản. Tướng Trương có vẻ đặc biệt bối rối : mặc dù tình báo mới nhất báo trước các cuộc tấn công sắp xảy ra trên toàn khu vực, nhưng áp lực của lực lượng Cộng sản dọc theo phòng thủ phía bắc của Huế đã đột ngột giảm bớt. Ông không biết điều đó có nghĩa là gì.

Sự không chắc chắn về kế hoạch của Hà Nội hoàn toàn có thể hiểu được. Người Bắc Việt cũng phải chịu đựng điều đó. Chỉ vài ngày trước, gián điệp của họ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Thiệu đã cung cấp cho họ một thông

tin tình báo ngoạn mục khác, một báo cáo đầy đủ về chiến lược mới của chính phủ, «Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới.» Bây giờ họ đang tranh luận về việc phải làm gì với điều đó.

Vào ngày 20 tháng 3, Bộ Chính trị đã chuyển một tóm tắt thông tin tình báo đến Tướng Dũng tại sở chỉ huy của ông ngoài Buôn Ma Thuột. Như ông kể lại trong hồi ký của mình, ông và các nhà lãnh đạo khác đã dành hai ngày tiếp theo để thảo luận điên cuồng về các phản ứng có thể có đối với nó qua điện thoại đường dài. Một quyết định đã được đưa ra nhanh chóng : sẽ có một nỗ lực ngay lập tức để ngăn chặn việc tập hợp lại của lực lượng Việt Nam Cộng Hòa ở các khu vực chọn lọc trong Khu Quân sự I, như đã được hình dung trong chiến lược của Thiệu. Trước khi Sư đoàn 1 ARVN có

thể rút lui về Đà Nẵng, căn cứ chính của họ, Huế, phải được chiếm giữ.

Quyết định này được đưa ra trong vòng hai mươi bốn giờ sau khi Thiệu khuyên Trưởng bảo vệ Huế bằng mọi giá.

Vào ngày 22 tháng 3, Polgar, quan sát sự hỗn loạn ở QK 1 từ Sài Gòn, quyết định thực hiện một số biện pháp ứng phó riêng của mình. Trong buổi sáng, ông đã điều một chiếc máy bay Air America đặc biệt đến Đà Nẵng với các thùng hàng và vật liệu đóng gói với hy vọng Custer có thể bị thuyết phục di chuyển một số đồ đạc gia đình của nhân viên của mình. Ông chỉ thành công đến một mức độ nào đó. Custer ngay lập tức cho đóng gói quần áo và đồ đạc của mình vào thùng và chở đến một kho hàng. Nhưng chúng sẽ

ở lại đó. Kết thúc sẽ đến rất nhanh trong vài ngày tới, cả anh ấy và hầu như không ai trong số nhân viên của anh ấy có thời gian để gửi đi đồ đạc cá nhân.

Francis về phần mình tiếp tục cố gắng xoa dịu tâm lý của người Việt bằng cách đảm bảo với các chính trị gia và nhân vật quân sự địa phương rằng quân đội có thể giữ vững. Ông cũng cố gắng thuyết phục báo chí Mỹ về điều tương tự. Vào chiều ngày hai mươi hai, ông đã trực tiếp tổ chức một chuyến bay trực thăng đến Huế cho khoảng một tá nhà báo đã tập trung tại Đà Nẵng để chứng kiến cuộc tắm máu cuối cùng.

Huế vẫn an toàn và có thể phòng thủ, ông ta tự tin nói với họ, bất chấp tất cả những tin đồn ngược lại.

Bắc Việt đã tấn công sớm vào sáng hôm sau, ngay lập tức cắt đứt Quốc lộ I phía nam Huế gần thủ phủ huyện Phú Lộc. Trong một đòn này, họ đã đạt được mục tiêu ban đầu của mình : Sư đoàn 1 ARVN giờ đây không còn lối thoát trực tiếp nào đến Đà Nẵng. Khi cuộc chiến trở nên ác liệt hơn, sự hoảng loạn bùng phát trong đám đông người tị nạn trải dài dọc theo con đường phía bắc của chướng ngại vật, và chỉ trong vài giờ, hàng nghìn người trong số họ đã đổ về phía đông hướng tới cảng nhỏ Tân Mỹ, nơi Trưởng đã hy vọng sử dụng làm điểm thoát hiểm thay thế cho Sư đoàn 1. Chẳng bao lâu sau, tất cả các con đường dẫn đến cảng đều đông đúc xe cộ, và các tàu hải quân Việt Nam đã nằm ngoài khơi để di tản quân đội và trang thiết bị bắt đầu tiếp nhận những dân thường hoảng loạn thay vì quân lính.

Với con đường chính bị cắt đứt và cảng gần như không thể tiếp cận, dân số Huế giờ đây đã rơi vào tay súng pháo binh miền Bắc Việt Nam. Ngay sau khi bình minh ló rạng, pháo kích bắt đầu diễn ra nghiêm trọng, và khi các trực thăng của Nam Việt Nam cố gắng bay vào để đón người sơ tán, pháo binh Bắc Việt đã tập trung vào chính sân bay.

Một hoặc hai giờ sau, bạo loạn bùng nổ tại chợ trung tâm khi những người dân hoảng loạn tranh giành nhau chỗ ngồi trong các taxi và xe buýt Lambretta hướng về bờ biển. Trong các khu dân cư của thành phố, những tin đồn về một cuộc tắm máu sắp xảy ra của BV lan truyền từ nhà này sang nhà khác như một cơn bão lửa đang đến gần, được thổi bùng lên bởi những ký ức rực rỡ của năm 68, cuộc thảm sát lớn ở Huế đã khiến

hơn 2.000 cư dân thiệt mạng và thối rữa trong các hố vôi ở một vùng đầm lầy gần đó.

Chỉ có một vài công dân không bị ảnh hưởng bởi nỗi kinh hoàng : những điệp viên và cộng tác viên lâu năm của Việt Cộng, những người biết rằng họ không có gì phải sợ hãi từ những kẻ chiến thắng ngày mai, và những người già yếu, gần như đã cận kề cái chết nên không còn quan tâm. Từ Cung, mẹ của vị hoàng đế cuối cùng của Việt Nam, Bảo Đại, đã từ chối lên một chiếc trực thăng của VNCH đã dũng cảm vượt qua hỏa lực pháo binh để cứu bà. Bà thích chờ đợi số phận của mình, bà giải thích, trong những cảnh vật quen thuộc của thành phố mà bà yêu quý.

Ở nửa phía nam của khu vực, phía nam Đà Nẵng, lực lượng BV cũng đang

tấn công, tiến gần đến Quảng Ngãi và căn cứ không quân Chu Lai dưới sự che chở của hỏa lực tên lửa và pháo binh. Người dân địa phương phản ứng giống như những người ở Huế và Tân Mỹ, đẩy và cào xé đường đến bãi biển. Chỉ trong vài giờ, toàn bộ Sư đoàn 2 đã bị biến thành một đám đông hỗn loạn gồm mười nghìn người, sĩ quan và binh lính đều chỉ tập trung vào một mục tiêu duy nhất : cứu bản thân và người thân của họ. Tư lệnh của Sư đoàn 2, Tướng Trần Văn Nhựt, đã bị chấn động bởi cảnh tượng đó, ông đã rút lui ra một hòn đảo ngoài khơi, nơi ông cầu nguyện và thiền định khi sư đoàn của ông chịu đựng những cơn hấp hối.

Vào một thời điểm trong buổi sáng, Tướng Trưởng đã liên lạc với Tổng thống Thiệu qua radio để thông báo cho Tổng

thống về thảm họa. Ông nói rằng Huế đã bị bao vây và Sư đoàn 1 đang gặp nguy hiểm cực độ. Không có cách nào để giải tỏa chướng ngại vật trên Quốc lộ 1 phía Nam Huế, vì có thể quân Bắc Việt có hai sư đoàn trong khu vực. Vì vậy, ông ta sẽ phải bắt đầu rút những gì còn lại của Lữ đoàn 1 qua các bãi biển. Huế có thể được giữ thêm một thời gian ngắn nữa, mặc dù chỉ với một cái giá rất lớn. Một phần của Sư đoàn 1 sẽ phải hy sinh trong một hành động trì hoãn ở phía tây và tây bắc thành phố chỉ để mua thêm thời gian.

Thiệu không phản đối. Ông biết rằng ông có một lựa chọn khác : ông có thể gửi Sư đoàn Nhảy dù trở lại QK 1 như một lực lượng tăng cường. Nhưng ông cảm thấy không thể làm điều đó mà không gây nguy hiểm cho an ninh của Sài Gòn. Vì vậy, ông đã giao quyền cho

Trưởng tiến hành theo cách của mình.

Ngay cả khi Trưởng phác thảo kế hoạch của mình cho Thiệu, các lực lượng mà ông cần để thực hiện nó đang tan rã. Ông cũng có phần trách nhiệm. Vài ngày trước, ông đã cho phép các binh sĩ của Sư đoàn 1 chăm sóc sự an toàn của gia đình họ. Ông đã làm như vậy vì lòng trắc ẩn, sự quan tâm của một người chỉ huy đối với binh lính của mình, nhưng khi Quốc lộ I bị đóng cửa, chỉ thị đó nhanh chóng trở thành một chỉ dẫn cho sự hỗn loạn, vì các sĩ quan và binh lính giờ đây đang bỏ trốn khỏi vị trí của mình hàng loạt để giúp đỡ người thân tìm cách thoát thân khác.

Đến giữa buổi chiều, chỉ còn lại một đơn vị duy nhất - Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến 147 - vẫn giữ vị trí phía bắc Huế. Trưởng không muốn hy sinh nó, vì

đó là một trong những đơn vị tốt nhất trong quyền chỉ huy của ông. Vì vậy, ông đã làm điều duy nhất mà ông cảm thấy có thể : ông đã ra lệnh rút lui tất cả các đơn vị tiền tuyến xung quanh thành phố, cả lính thủy đánh bộ lẫn các đơn vị quân đội phân tán của QK 1.

Các lính thủy đánh bộ ở các vành đai của thành phố đã bị sốc bởi sự đảo ngược kế hoạch đột ngột này. Họ đã sẵn sàng chiến đấu đến người cuối cùng, như Thiệu đã ra lệnh. Tinh thần của họ rất cao ; họ đã sẵn sàng và quyết tâm thực hiện. Giờ đây, đột nhiên họ được chỉ đạo rút lui, bỏ lại trang thiết bị và rút về bãi biển. Tinh thần và kỷ luật của họ đã sụp đổ dưới sự xấu hổ.

Vì sự tắc nghẽn tại Tân Mỹ, Trương quyết định di chuyển lính thủy đánh bộ và những người lạc đường khác về phía

nam dọc theo bán đảo Vĩnh Lộc, một dải cát chạy song song với đất liền. Con đường sẽ dẫn họ vòng qua chốt chặn của Cộng sản tại Phú Lộc đến một điểm mà họ có thể nối lại với Quốc lộ I ngay trên đèo Hải Vân. Từ đó họ sẽ có một con đường rõ ràng đến Đà Nẵng. Chướng ngại tự nhiên duy nhất là một con đường thủy nằm giữa mũi bán đảo và đất liền. Các kỹ sư hải quân đã được cử đi để xây một cây cầu bắc qua đó.

Năm mươi dặm về phía nam Huế, căng thẳng tiếp tục gia tăng ở Đà Nẵng khi hàng nghìn người tị nạn đổ về từ mọi hướng. Air Vietnam, hãng hàng không thuộc sở hữu của chính phủ, ngay lập tức lên lịch thêm các chuyến bay vào thành phố để giúp giảm bớt một phần lượng người mới đến, và Đại sứ quán ở Sài Gòn đã sử dụng quỹ của mình để thuê thêm

chỗ ngồi từ một nhà thầu tư nhân, World Airways, chủ sở hữu flamboyant của hãng này, triệu phú Ed Daly, đã kiếm được lợi nhuận đáng kể từ chính phủ Hoa Kỳ trong năm qua bằng cách cho thuê máy bay của mình để vận chuyển vũ khí và gạo đến Campuchia.

Ngay trước buổi trưa ngày hai mươi ba, Francis cuối cùng đã đặt nhân viên của mình vào tư thế bao vây. Nếu Đà Nẵng trở thành một vùng lãnh thổ biệt lập, Lãnh sự quán có thể phải hoạt động trên cơ sở tự duy trì, và ông ấy muốn sẵn sàng nếu điều đó xảy ra. Một trong những sĩ quan mà ông giao cho việc lập kế hoạch khẩn cấp là một người đàn ông CIA trẻ tuổi vạm vỡ mà tôi sẽ gọi là «Ron Howard.» Một chuyên gia hậu cần trong nhiệm vụ nước ngoài đầu tiên của mình, anh ta quyết tâm chứng tỏ bản thân với

cấp trên, vì vậy anh ta lao vào công việc với sự hăng hái, chạy quanh lãnh sự quán, giấu các khẩu phần C ở mọi ngóc ngách có thể, bao gồm cả đống lốp xe dự phòng trong bãi đậu xe. Và khi anh phát hiện ra một kho thực phẩm đóng hộp bị gỉ sét, anh lập tức phát chúng cho một số nhân viên người Việt của lãnh sự quán, với lý thuyết rằng họ sẽ ít có khả năng hoảng loạn hơn khi thành phố bị bao vây, nếu họ có một chút thực phẩm dự trữ trong tay. Ông cũng đã lấy ra lều và túi ngủ và phân phát chúng xung quanh khu vực hậu cần của CIA, cách lãnh sự quán vài dãy phố. Khu vực này đã được chỉ định làm nơi trú quân cho các nhân viên địa phương vừa được sơ tán khỏi Huế và các khu vực lân cận khác, và ông muốn họ đều cảm thấy thoải mái nhất có thể. Ông biết rằng sự an toàn của chính mình có thể phụ thuộc vào điều đó.

Sáng hôm sau, Tướng Viên đã gặp Thiệu tại Dinh Độc Lập để báo cáo cho ông về những diễn biến mới nhất ở Huế. Sư đoàn 1 đang trong tình trạng hỗn loạn hoàn toàn, ông nói. Hàng nghìn binh sĩ đã vứt bỏ vũ khí và đang đổ xô về bãi biển cùng gia đình họ. Một giờ sau, Trưởng đã xác nhận qua đài phát thanh, thêm rằng Huế có lẽ không thể giữ được lâu hơn một ngày. Để tránh thêm đổ máu, ông muốn được phép rời bỏ thành phố ngay lập tức.

Khi Thiệu được thông báo về yêu cầu của Trưởng, ông đã bộc lộ một cơn thịnh nộ mà ít thuộc hạ nào từng thấy ông thể hiện trước đây. Đi đi lại lại trong văn phòng giữa một nhóm cố vấn, ông đã buộc tội tư lệnh QK 1 của mình về chủ nghĩa đầu hàng, đổ lỗi cho ông ta về

sự tan rã của Sư đoàn 1 và thể sẽ khiến ông ta phải trả giá cho điều đó. Nhưng tất cả những điều này tất nhiên chỉ là sự tức giận vô ích. Thiệu bị mắc kẹt trong tình thế tiến thoái lưỡng nan của Trưởng và giải pháp của ông ta, và dù ông có muốn khác đi thì Huế cũng sẽ phải bị bỏ lại ngay lập tức.

Đến sáng ngày hai mươi tư, các pháo thủ Bắc Việt đã tìm được tầm bắn của họ. Ngoại ô Huế đang bị pháo kích liên tục. Khi pháo kích gia tăng, ngày càng nhiều cư dân của thành phố đã chạy trốn về phía đông hướng ra bờ biển. Vì không có cách nào khác để thoát thân, một số người đã chèo ra biển trong những chiếc thuyền nhỏ hoặc thuyền chèo. Nhưng thủy triều đang chảy mạnh và nhiều chiếc thuyền quá tải đã bị lật úp cách bờ năm

mươi hoặc một trăm mét. Chẳng bao lâu sau, những thi thể nằm rải rác trên mặt nước trắng xóa như những khúc gỗ mục nát.

Ban đầu, Lữ đoàn Thủy quân lục chiến 147 và những người lạc lõng của Sư đoàn 1 đã tiến bộ tốt khi họ di chuyển ra bán đảo Vinh Lộc ngay sau khi bình minh vừa ló dạng để bắt đầu hành trình về phía nam, như Trưởng đã ra lệnh. Họ đã thành công trong việc tránh né hàng nghìn người tị nạn ở vùng ven phía đông của Huế, và một số lính đã cởi bỏ ủng và lội qua sóng như những người tắm biển vào chiều thứ Bảy. Trong vòng một giờ hoặc hơn, tuy nhiên, tin tức về sự ra đi của họ đã lan rộng khắp thành phố, và đến giữa buổi sáng, đám đông dân thường rách rưới đã tụ tập ở hai bên sườn họ. Trong khi đó, lực lượng BV ở phía

nam đã di chuyển để chặn họ lại, và khi lính thủy đánh bộ và những người sống sót của Tiểu đoàn 1 đến thị trấn cảng Tân An gần mũi bán đảo, pháo binh BV đã bắn phá cây cầu vẫn chưa hoàn thành qua con đường thủy ngay phía trước. Trong vòng một giờ, nó đã bị biến thành đống đổ nát, khiến họ bị mắc kẹt, không thể tiến lên hay lùi lại, không có chỗ trú ẩn và không có cách nào thoát khỏi khi pháo binh BV bắn vào họ với độ chính xác ngày càng tăng.

Tại những cuộc gọi khẩn cấp đầu tiên của họ, Tướng Trưởng đã điều động mọi tàu thuyền có sẵn đến khu vực này để kéo họ ra khỏi bãi biển. Nhưng khi các tàu nhỏ hơn điều khiển qua những con sóng vỗ, sự hoảng loạn đã chiếm lấy đám đông trải dài dọc theo bờ biển, và lính thủy đánh bộ cùng các chiến sĩ bắt

đầu bắn và đánh nhau, cũng như đánh những thường dân trong số họ để dọn đường ra biển.

Ở phần phía nam của khu vực, hành động kinh hoàng tương tự đang diễn ra trên các bãi biển phía đông thành phố Quảng Ngãi và Chu Lai khi các binh sĩ từ Sư đoàn 2 chiến đấu với dân thường để giành chỗ trên những chiếc thuyền đánh cá cuối cùng còn lại. Đến đầu giờ chiều, thành phố và căn cứ không quân gần như không còn khả năng phòng thủ.

Khi tin tức về nhiều thảm họa tràn vào Đà Nẵng, sự tự tin đã được rèn luyện của Francis đã nhường chỗ. Căng thẳng vẫn đang gia tăng nguy hiểm trong số dân cư của thành phố. Rõ ràng là phải làm gì đó để giảm bớt căng thẳng, ít nhất là để giữ cho lực lượng còn lại của Trương không bị ảnh hưởng bởi nó.

Khoảng giữa buổi sáng, Francis đã gửi một tin nhắn đến Sài Gòn, yêu cầu một cuộc không vận đủ cho bốn mươi nghìn người tị nạn. Chắc chắn điều đó sẽ giảm bớt áp lực.

Khoảng một giờ sau, chiếc máy bay 727 đầu tiên của World Airways thuê bao đã hạ cánh xuống sân bay chính. Hơn một trăm hành khách đã được nhồi nhét lên máy bay và được chuyển đến Vịnh Cam Ranh trên bờ biển miền trung, nơi đã được tạm thời chỉ định là «điểm tập trung» cho người tị nạn. Ngay sau bữa trưa, Custer đã thông báo cho bốn thư ký trong văn phòng của ông chuẩn bị đóng gói và chuyển đến Sài Gòn. Khi họ phản đối, ông ấy trấn an họ rằng tất cả họ sẽ sớm trở lại. Không ai trong số họ, vì vậy, bận tâm đặt bất cứ thứ gì có giá trị thực sự vào bộ đồ qua đêm của cô ấy.

Trong khi đó, tại Sài Gòn, Tướng Smith và các nhân viên của ông đang bận rộn thu gom các tàu kéo và xà lan để gửi đến QK 1 nhằm giúp rút quân và thiết bị của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Có nhiều tranh cãi tại Đại sứ quán và ở Washington về việc Văn phòng Tùy viên Quốc phòng thực sự có quyền pháp lý tham gia vào việc giải cứu quân đội đang gặp khó khăn ở Huế hay không. Một hoạt động như vậy rõ ràng sẽ đến gần với việc vi phạm các chỉ thị của Quốc hội về việc tái tham gia của quân đội Mỹ vào các cuộc xung đột ở Đông Dương. Hiện tại, vấn đề đã được lách qua như đã từng xảy ra ở Campuchia. Chỉ các tàu thuyền và máy bay dân sự sẽ được sử dụng, mặc dù dưới hợp đồng với các Lệnh Vận tải Hàng không và Vận tải Biển của Lầu Năm Góc. Đó chắc chắn là một trò chơi trá hình, nhưng ít nhất nó cũng tuân thủ

tinh thần của pháp luật. Có lẽ điều này thật hợp lý, nhiều tàu mà Smith đã chỉ huy trước đó đã được cam kết cho hoạt động cung cấp của Mỹ ở Campuchia.

Khi Smith tập hợp đội tàu của mình, các quan chức khác của Đại sứ quán lúng túng không biết làm gì. Chưa quen với những cuộc khủng hoảng lớn như thế này, Lehmann và các đồng nghiệp của ông đã lãng phí hàng giờ quý báu trong cuộc họp vào những chi tiết nhỏ nhặt mà có thể để lại cho cấp dưới. Một câu hỏi đặc biệt khiến họ lo lắng : lựa chọn trung tâm tái định cư cho người tị nạn. Lehmann bản thân ông ủng hộ Cam Ranh, với cảng nước sâu khổng lồ, sân bay và khu nhà Quonset - tất cả đều là di sản của sự tham gia trước đây của Mỹ. Nhưng một thành viên của Hội đồng Nhiệm vụ cho rằng việc lựa chọn này là

quá sớm. «Điều gì khiến bạn nghĩ rằng Cam Ranh an toàn đến vậy ?» Polgar hỏi các đồng nghiệp của mình. «Sớm hay muộn chúng ta có thể phải di tản những người đã được di tản ở đó.»

Lehmann và Hội đồng Sứ mệnh không phải là những bên duy nhất trong cơn bão bận rộn với việc lập kế hoạch ứng phó. Trong vài ngày qua, khi các phòng thủ của Huế tan rã, lãnh đạo Bắc Việt đã tiếp tục tranh luận về các lựa chọn của mình. Tướng Dũng, cùng với những người khác, hoàn toàn ủng hộ việc tăng tốc thời gian chinh phục. Như ông đã chỉ ra trong hồi ký của mình, từ những thông tin tình báo có sẵn, có vẻ rõ ràng rằng người Việt Nam miền Nam đang cố gắng tập hợp sức mạnh của họ, thông qua các cuộc rút lui chiến lược, để chuẩn

bị cho một «thỏa thuận chính trị, hoặc là thành lập một chính phủ liên minh hoặc là phân chia miền Nam Việt Nam.» Ông không hứng thú với cả hai viễn cảnh đó. Lực lượng BV đã có sáng kiến, ông nhấn mạnh nhiều lần trong các thông điệp gửi đến Hà Nội. Tại sao không tấn công để giành chiến thắng nhanh chóng và hoàn toàn ?

Rõ ràng là quan điểm của ông cuối cùng đã giành được sự ủng hộ của phần lớn đồng chí của ông. «Trong cuộc họp lịch sử ngày 24 tháng 3,» ông sau này viết, «Bộ Chính trị đã làm rõ ý định của mình là tập trung lực lượng, vũ khí và các phương tiện kỹ thuật và vật chất để giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa - tức là vào đầu tháng Năm - và tận dụng sự rút lui chiến lược của kẻ thù để tiêu diệt và phá hủy Quân đoàn 1 [QK 1] của kẻ

thù và phần lớn Quân đoàn 2 [QK 2] của hắn để ngăn chặn quân đội của hắn rút lui và tập trung lại quanh Sài Gòn.»

Một nghị quyết chính sách tối mật theo hướng này đã được soạn thảo vào ngày hôm sau và được chuyển đến Dũng tại trụ sở của ông ngoài Ban Mê Thuột. Với điều đó, lãnh đạo Hà Nội đã cam kết với quyết định chính sách quan trọng nhất của cuộc chiến. Quân đội Bắc Việt phải chạy đua với thời gian, với những cơn mưa mùa tới, để ngăn chặn việc tái tổ chức lực lượng Việt Nam Cộng Hòa quanh Sài Gòn và «giải phóng» toàn bộ đất nước trong những tuần tới. Điều mà chỉ được nhìn thấy như một khả năng xa vời trong các cuộc thảo luận của Bộ Chính trị vào tháng 12 và tháng 1 - chiến thắng toàn diện vào năm 1975 - giờ đây đã trở thành một mục tiêu cụ thể.

Quyết định này có những tác động ngay lập tức và quan trọng đối với cuộc tấn công ở QK 1. Nếu «Quân đoàn 1 của kẻ thù» phải bị tiêu diệt, thì Đà Nẵng, cũng như Huế, phải bị tấn công và chiếm giữ ngay lập tức[16].

Khi Kissinger trở lại Washington vào ngày 24 tháng 3, tâm trạng của ông rất ảm đạm như nhạc Wagner. Chuyến công du Trung Đông của ông đã bị đình trệ, cuộc khủng hoảng Đông Dương đang

16 Tầm nhìn của CIA về những gì có thể xảy ra ở Đà Nẵng đã thay đổi gần như đột ngột như Hà Nội. Một bản ghi nhớ mà CIA chuẩn bị chung với Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng vào ngày mười bảy đã dự đoán : «Người Bắc Việt có thể sẽ chọn bỏ qua Đà Nẵng» (trong khi nhắm vào Huế và miền nam QK 1). Ba ngày sau, Colby tự tin nói với WSAG, «Đà Nẵng sẽ giữ vững.» Nhưng vào ngày hai mươi lăm, ngay sau khi Hà Nội quyết định tấn công toàn diện vào thành phố, các nhà phân tích CIA đã khuyên Tổng thống Ford trong bản tin tình báo hàng ngày của họ : «Khả năng của chính phủ trong việc phòng thủ mạnh mẽ Đà Nẵng dường như ngày càng đáng ngờ.»

trở nên tồi tệ hơn, và người mà ông đã chọn lựa, Graham Martin, không có mặt tại chỗ mà vẫn đang ở Hoa Kỳ, hồi phục sau ca phẫu thuật răng miệng. Càng đáng lo ngại hơn, Martin dường như không hoàn toàn nhận thức được những vấn đề đã xảy ra ở Việt Nam trong thời gian ông vắng mặt. Ông đã đồng ý bay trở lại Washington từ nhà mình ở Bắc Carolina chỉ vài ngày trước đó, và ngay khi ông đến thủ đô, ông đã bắt đầu chỉ trích các báo cáo gây hoang mang từ mặt trận. Ông đã nói với một phỏng vấn viên truyền hình rằng lực lượng Việt Nam Cộng Hòa đang rút lui có trật tự khỏi vùng cao nguyên bất chấp tất cả các báo cáo ngược lại, và khi phó trưởng bàn Việt Nam của Bộ Ngoại giao phản đối sự lạc quan của ông, ông đã phản bác bằng cách hứa sẽ đưa viên chức và vợ ông ta đi tham quan Ban Mê Thuột «trong một năm tới.»

Ông thậm chí dường như đã trở nên thiếu kiên nhẫn với học trò của mình, Al Francis. Sau khi xem xét một bức điện tín đặc biệt ảm đạm từ Đà Nẵng, Martin đã bình luận một cách không mấy thiện chí rằng "Có lẽ tuyến giáp của Francis lại đang gặp vấn đề."

Sự tự tin của Martin không chỉ xuất phát từ việc không hiểu được sự thật. Khi ông tiếp tục nói với từng người bi quan này đến người bi quan khác ở Washington, ông coi nửa phía bắc của miền Nam Việt Nam là một sự giải thoát tốt. Nó chưa bao giờ có giá trị kinh tế và luôn là gánh nặng cho nguồn lực của chính phủ, ông khẳng định. Những gì còn lại thì giàu có hơn rất nhiều, quan trọng về mặt chính trị hơn rất nhiều, và vì nó gọn gàng hơn nhiều so với toàn bộ đất nước,

nên có thể được bảo vệ hiệu quả hơn rất nhiều.

Một số quan chức ở Washington đã bị sốc bởi những gì Martin nói, nhưng ông không thiếu đồng minh. Lãnh đạo cấp cao tại trụ sở CIA tiếp tục bác bỏ những đánh giá u ám của Đài Saigon để ủng hộ những hy vọng và thành kiến cũ kỹ của chính họ. Thực vậy, các nhà phân tích CIA và Lầu Năm Góc vừa hoàn thành một Đánh giá Tình báo Quốc gia về Việt Nam mà có thể do chính Martin viết. Trong khi thừa nhận rằng việc mất đi một phần lớn của QK 1 và 2 có thể là vĩnh viễn, họ lập luận rằng lực lượng chính phủ ở các khu vực khác trong nước đủ mạnh để giữ vững tuyến phòng thủ mới phía bắc Sài Gòn mà bộ chỉ huy cao cấp miền Nam Việt Nam dự kiến cho mình, ít nhất là cho đến đầu

mùa mưa vào tháng Năm. Sau đó, họ khẳng định rằng cuộc tấn công của Bắc Việt Nam gần như chắc chắn sẽ gặp phải thời tiết xấu, và chính phủ có thể có thời gian để tái trang bị và tập hợp lực lượng của mình, và có thể mở lại các cuộc đàm phán từ một vị thế tương đối mạnh mẽ. Một số nhà phân tích trẻ hơn của CIA đã muốn làm rõ dự đoán lạc quan này, nhưng Colby đã từ chối, tự tay viết vào các đoạn cuối về khả năng sống sót của chính phủ[17].

17 Ước tính (SNIE 53/14-3-75), mơ hồ đến mức không thể hiểu nổi, cho thấy tất cả các dấu hiệu của vô số lần sửa đổi và thỏa hiệp phân tích. Dự đoán sự mất mát của Đà Nẵng «trong vòng hai tuần» hoặc «vài ngày nếu Sư đoàn Thủy quân Lục chiến GVN bị rút lui,» nó cũng dự đoán rằng «người Việt Nam miền Nam sẽ không thể bảo vệ các khu vực của họ» ở QK 2. Tuy nhiên, nó tiếp tục - ngay cả khi người Bắc Việt Nam cam kết sáu sư đoàn dự bị chiến lược còn lại của họ (một số sư đoàn khác đã được thành lập gần đây), «chúng tôi tin rằng sức mạnh quân sự của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ở phần phía nam của đất nước sẽ cho phép họ sống sót qua mùa khô (đến đầu mùa hè), mặc dù tổn thất thêm là điều chắc chắn.» Có một ghi chú chia tay mang tâm trạng bi quan: «GVN có lẽ sẽ chỉ còn kiểm soát được một phần nhỏ hơn là

Tại Lầu Năm Góc, Bộ trưởng Schlesinger đã kết luận rằng sự lạc quan như vậy, dù có phần dè dặt, là «vớ vẩn,» như ông đã nói ngắn gọn với một đồng nghiệp, và ông muốn bắt đầu lập kế hoạch ngay lập tức cho một «giảm bớt» cộng đồng Mỹ ở Việt Nam, tương tự như những gì đã diễn ra ở Campuchia. Nhưng ông và Kissinger đã cãi nhau quá nhiều lần trước đó, khả năng ảnh hưởng đến các quyết định của Nhà Trắng của ông hầu

đồng bằng và Sài Gòn cùng các khu vực dân cư xung quanh.» Kết quả có khả năng sẽ là thất bại vào đầu năm 1976. Vào ngày 28 tháng 3, một ngày sau khi ước tính được phát hành chính thức, Colby trong một cuộc họp báo cho WSAG đã nhấn mạnh lại những khía cạnh tích cực hơn của nó, những khía cạnh mà ông chịu trách nhiệm, mặc dù ông cảnh báo rằng sự sụp đổ của Campuchia có thể mang lại «áp lực tâm lý gia tăng» lên Sài Gòn và rằng «cuộc tranh luận tiếp tục ở Hoa Kỳ về vấn đề viện trợ cho Nam Việt Nam cũng là một yếu tố gây bất ổn.» Với quá nhiều điều kiện kèm theo, quá nhiều sự mơ hồ trong chế độ phân tích của nó, không có gì ngạc nhiên khi Nhà Trắng gặp khó khăn trong việc nhận ra điều gì đang đến.

như không còn giá trị.

Những người khác trong cơ quan quân sự thì có phần bớt chán nản hơn. Các quan chức hàng đầu tại Cơ quan Tình báo Quốc phòng thường đồng ý với Martin về tính khả thi của một Việt Nam bị cắt xén. Trong khi đó, bên kia sông Potomac tại Bộ Ngoại giao, sự trì trệ hành chính đơn giản đã rơi vào tay Đại sứ. Vì không ai được ủy quyền hành động thay Kissinger trong chuyến đi Trung Đông của ông, nên phần lớn các cơ chế lập kế hoạch và phân tích đã bị bỏ ngỏ. Những sĩ quan đã dành sự chú ý đến Việt Nam chủ yếu tập trung vào cuộc tranh luận về viện trợ hoặc những vấn đề không quan trọng. Đầu tháng này, một đội kiểm tra của Bộ Ngoại giao đã trở về từ Sài Gòn với một danh sách dài các khuyến nghị cho việc tổ chức lại thường xuyên của

Đại sứ quán. Kể từ đó, các quan chức cấp cao của Bộ đã dành hàng giờ đồng hồ tranh luận về nó, ngay cả khi sự sống còn của Sài Gòn đang bị đặt dấu hỏi.

Campuchia cũng đã tạo ra một sự phân tâm. Với sự hiệu quả điển hình, Đại sứ Dean ở Phnom Penh đã tiếp tục bắn phá Washington bằng những chi tiết về từng bước thắt chặt. Ngay cả những báo cáo thảm khốc nhất từ Sài Gòn cũng trở nên nhạt nhòa khi so sánh. Mỗi buổi sáng, cho đến khi Phnom Penh thất thủ, Trợ lý Ngoại trưởng Habib sẽ mở các cuộc họp nhân viên của mình tại Phòng Đông Á bằng một bản tóm tắt về tình hình Campuchia. Tin tức từ Sài Gòn luôn đứng thứ hai hoặc thứ ba trong chương trình nghị sự.

Có một vài «chuyên gia» Đông Dương trong Bộ cảm thấy rằng tình

hình rắc rối ở Việt Nam đang bị đánh giá thấp một cách nguy hiểm. Nhưng họ hoặc là quá thấp trong thứ bậc quan liêu để có ảnh hưởng nhiều đến chính sách, hoặc là quá bối rối về những thất bại bất ngờ của quân đội Thiệu để có thể lập luận thuyết phục về thảm họa. Trong số những người thuộc loại sau là Douglas Pike, chuyên gia về Việt Nam tại Văn phòng Kế hoạch Chính sách, nhóm tư vấn của Bộ Ngoại giao. Là một viên chức USIA và là tác giả của một số cuốn sách về Việt Cộng, Pike đã phục vụ ở Sài Gòn nhiều năm và biết «kẻ thù» như lòng bàn tay của mình. Nhưng đó là vấn đề của ông bây giờ. Trong khi ông ta rất quen thuộc với các kế hoạch và khả năng của Đảng Cộng sản, ông ta gần như không có sự đánh giá nào về những điều đó của chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Các báo cáo và tài liệu phân tích mà ông chuẩn

bị cho Kissinger và Nhà Trắng phản ánh quan điểm lệch lạc này, và do đó chúng có xu hướng làm mờ đi, thay vì làm rõ, nguyên nhân thực sự của cuộc khủng hoảng.

Khi Kissinger quay trở lại với thói quen ở Washington, ông đã phải đối mặt với một thách thức lớn. Không chỉ phải huy động bộ máy quan liêu để giải quyết các vấn đề của Việt Nam và Campuchia, ông còn phải xác định mức độ nghiêm trọng của những vấn đề đó. Chỉ trong vài giờ sau khi ông đến, sự năng động của ông đã được cảm nhận. Lầu Năm Góc đã thông báo rằng một tàu sân bay bổ sung sẽ sớm gia nhập USS Okinawa, tàu hiện đang đồn trú ngoài khơi Đông Dương, phòng trường hợp việc sơ tán người Mỹ ở các khu vực đang bị chiến tranh tàn phá trở nên cần thiết.

Vào sáng ngày 25 tháng 3, chính phủ Việt Nam Cộng hòa thông báo Huế đã thất thủ. Trong vòng hai mươi bốn giờ, lực lượng cộng sản đã treo cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời lên thành nội nổi tiếng, nơi của cố đô cổ.

Trong những giờ phút cuối cùng của thành phố, hàng nghìn thường dân hoảng loạn đã chen chúc lên những bãi biển cách đó mười dặm. Nhiều người lao xuống sóng và cố gắng bơi đến đội tàu sơ tán ngoài khơi, chỉ để bị dòng chảy ngầm nguy hiểm kéo xuống. Đến giờ, Sư đoàn 1 đã hoàn toàn không còn tồn tại.

Xa hơn về phía nam, Chu Lai và thành phố Quảng Ngãi đã bị bỏ rơi vào sáng hôm đó. Khi chiếc trực thăng Air America cuối cùng rời Chu Lai với một

số nhân viên lãnh sự trên khoang, nó đã bị lính Nam Việt Nam bắn súng máy và chỉ vừa đủ sức lết đến Đà Nẵng. Hơn 6.000 lính lạc lõng từ Sư đoàn 2 bằng cách nào đó đã thoát khỏi trước khi kết thúc xảy ra, nhưng kỷ luật và tinh thần của họ đã bị phá hủy. Đơn vị không còn có thể được coi là một lực lượng chiến đấu hiệu quả.

Khi Tướng Dũng, tư lệnh tối cao của Bắc Việt, nghe tin từ QK 1, ông gần như không thể kiềm chế được cảm xúc của mình. «Đôi mắt tôi tràn ngập nước mắt,» ông viết. «Rồi tôi châm một điếu thuốc.» Tôi đã bỏ thuốc lá từ lâu, nhưng mỗi khi chúng tôi thành công trong việc giải quyết một vấn đề khó khăn, giành chiến thắng hoặc đạt được một thành công đặc biệt, tôi lại hút một điếu thuốc với sự hài lòng đặc biệt.

Mặc dù rất vui mừng, ông không lãng phí thời gian trong việc lên kế hoạch cho đòn tấn công tiếp theo, cuộc tấn công vào Đà Nẵng. Mặc dù ông quá xa mặt trận QK 1 để chỉ huy trực tiếp, ông vẫn có những ý tưởng rõ ràng về cách chiến dịch nên được tiến hành. Vào buổi chiều ngày hai mươi lăm, ông đã gọi điện thoại đưa ra các đề xuất của mình tới Hà Nội. Trong số những điều khác, ông đã thúc giục rằng một trong những người được ông bảo trợ, Tướng Lê Trọng Tấn, phó tư lệnh của Tổng tham mưu BV, được giao phụ trách mặt trận Đà Nẵng. Bộ Chính trị đã đồng ý, và trong vài ngày tiếp theo đã thành lập một chỉ huy mới ở QK 1. Tướng Tân ngay lập tức rời Hà Nội bằng trực thăng để thiết lập một sở chỉ huy tiền phương phía tây Đà Nẵng.

Trong khi đó, các phòng thủ của

chính phủ ở nơi khác tiếp tục sụp đổ dưới áp lực của BV. Chỉ vài giờ sau khi Huế sụp đổ, Joe Kingsley đã soạn một bức điện về sự tiến công của BV về phía tây Nha Trang trong QK 2, khẳng định rằng thành phố đang trong "tình trạng nguy hiểm nghiêm trọng". Gần Sài Gòn hơn, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bỏ rơi một thị trấn huyện cách đó ba mươi lăm dặm về phía tây bắc, ngay bên ngoài quốc lộ chính đến thành phố Tây Ninh, và ở tỉnh Bình Long lân cận, xe tăng BV đã hội tụ tại thị trấn Chơn Thành cô lập, hiện là tiền đồn phía bắc nhất của chính phủ ở miền Trung Quân khu 3.

Vài giờ sau, Tổng thống Thiệu công bố một số thay đổi trong nội các mà ông tuyên bố sẽ củng cố quyền lực của mình. Thực ra, chúng không đại diện cho bất kỳ sự thay đổi nào cả. Hầu hết các tay chân

của ông, bao gồm Thủ tướng Khiêm và Tướng Viên, vẫn giữ được công việc của họ - và quyền lực của họ.

Tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, trong khi đó, các đại biểu miền Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam trong Đội Quân sự Liên hợp đang phải trả giá cho những thành công của đồng đội họ. Khi họ đến phòng tắm tối hôm đó, họ thấy vòi nước khô. Thiệu, có lẽ trong phản ứng đáng thương nhất của ông đối với cuộc tấn công của Bắc Việt, đã đóng tất cả các đường ống nước vào khu vực của họ.

17. Bắn pháo vào Papa Lima

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam, giờ đây bị cô lập và bị kết án, cách Sài Gòn 370 dặm về phía đông bắc. Vào sáng ngày 25 tháng 3, những cú nã bắt đầu, mười bốn tên lửa 122mm do Liên Xô sản xuất đâm vào trung tâm thành phố, giết chết sáu thường dân, làm bị thương mười bốn người khác. Những cơn rùng mình của sự hoảng loạn lan tỏa qua những hàng dài người tị nạn đổ về từ Huế và Quảng Ngãi.

Việc tiêu diệt Sư đoàn 1 trong hai ngày qua đã khiến Trưởng mất đi lực lượng dự trữ của mình. Hai mươi lăm nghìn quân vẫn còn lại để ông bảo vệ Đà Nẵng, nhưng họ đã bị hai sư đoàn BV và vô số trung đoàn độc lập đối đầu với họ áp đảo, và hai sư đoàn bổ sung sẽ sớm di chuyển từ Huế xuống phía nam để tham gia tấn công.

Dưới Đà Nẵng, sự sụp đổ của Quảng Ngãi và Chu Lai đã giải phóng các đơn vị BV khác để thực hiện các hoạt động chống lại các cánh phía nam của ông ta. Trương chỉ có một sư đoàn để triển khai chống lại họ, sư đoàn 3, sư đoàn tệ nhất trong lệnh của ông[18].

18 Cụ thể, «trật tự chiến đấu» của cộng sản, như chúng tôi nhận thấy vào thời điểm đó, như sau: trong khu vực Quảng Trị-Huế, các Sư đoàn 324B và 325 của BV, cùng với các đơn vị của Sư đoàn 341 và có thể là một sư đoàn khác, giờ đây đã tự do di chuyển về phía nam chống lại Đà Nẵng. Sư đoàn 304 đã ở vị trí đó, được hỗ trợ bởi Sư đoàn 2 và Lữ đoàn 52, đã hoạt động ở các tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi.

Trong suốt tuần rưỡi qua, hơn 500.000 người lạc lõng và những kẻ chạy trốn khác của thất bại đã đổ về Đà Nẵng từ mọi hướng, làm tăng dân số của thành phố lên gần 2.000.000 người, làm suy giảm tinh thần, cạn kiệt nguồn cung cấp, và cuối cùng tạo ra một rạn nứt giữa quân đội và nhiệm vụ của họ. Tại thời điểm nào kỷ luật sẽ bị phá vỡ ? Khi nào «hội chứng gia đình» sẽ cướp đi các sĩ quan và binh lính cần thiết cho cuộc chiến đấu tuyệt vọng cuối cùng ? Trương không thể biết, nhưng anh có thể hy vọng, với một chút lý do, rằng điều tồi tệ nhất có thể được tránh trong lần này. Dù sao thì Đà Nẵng cũng khác với Huế. Có một cảng nước sâu gần đó và hải quân có thể giúp giảm bớt áp lực bằng cách đưa một số dân cư ra khỏi đó trước khi

cơn bão ập đến. Nhưng thời gian là yếu tố quyết định, và rõ ràng, người Bắc Việt Nam quyết tâm tước đoạt nó khỏi tay ông. Ngay cả bây giờ, các bến tàu dọc theo sông Hàn vẫn đông nghẹt người dân tìm kiếm một chuyến đi về phía nam, một số người sẵn sàng trả tương đương 1.200 đô la cho những kẻ trục lợi không thể tránh khỏi. Nếu Bắc Việt bắt đầu bắn phá bờ biển, dòng người rời khỏi thành phố sẽ bị chặn lại và sau đó, không thể tránh khỏi, thành phố sẽ quay lưng lại với chính mình.

Thời gian là yếu tố then chốt. Một số người trong chúng tôi ở Sài Gòn cũng nhận ra điều này, và vào sáng ngày hai mươi lăm, Tướng Smith đã gửi thêm năm tàu kéo, sáu xà lan và ba tàu hàng lên Đà Nẵng để giúp kéo thiết bị và người tị nạn ra.

Trong khi đó, tại cuộc họp sáng của nhân viên, Al Francis đã đưa ra một nhượng bộ của riêng mình đối với cuộc khủng hoảng, ban hành lệnh mà mọi người đã chờ đợi. Các phụ thuộc còn lại của lãnh sự quán sẽ được đưa ngay lập tức đến Sài Gòn ; sau đó, các nhân viên hợp đồng người Mỹ và gia đình họ. Tất cả người Mỹ khác trong thành phố sẽ được khuyên rời đi ngay lập tức.

Khi ai đó hỏi kế hoạch sơ tán là gì, Francis chỉ có một bình luận : "Ứng biến." Bản kế hoạch mà người của CIA đã vạch ra đã trở nên không khả thi do sự thiếu hụt máy bay. Chỉ có Air America và World Airways là có thể tin cậy, cộng với bất kỳ sự hỗ trợ nào từ Air Vietnam và không quân Việt Nam.

"Tôi đã giao dịch với mọi người và bất kỳ ai để đảm bảo có được sự hỗ trợ tốt

nhất có thể," Francis sau này đã tâm sự. "Tôi đã sẵn sàng di dời tất cả mọi người trong thành phố nếu có thể, nhưng tất nhiên điều đó hoàn toàn không khả thi."

Quyết định tiến lên của tôi được củng cố bởi nhận thức rằng những người Cộng sản đang sử dụng các trại tị nạn như một lá chắn. Họ hy vọng sẽ dùng hàng nghìn người trong số họ để áp đảo chúng tôi, và do đó làm suy yếu và tê liệt quân đội, như họ đã làm ở Huế.

Francis tuyên bố rằng ông đã biết từ ngày hai mươi lăm rằng cái kết đang đến gần. "Tôi chỉ nhìn vào các phép toán và sự hỗn loạn trong thành phố và quyết định rằng mọi thứ sẽ phải đến hồi kết khá sớm." Tôi chọn nửa đêm, ngày 29 tháng 3. Tôi đã đúng."

Không phải tất cả đồng nghiệp của

ông đều đồng ý. Chargé Lehmann đã gọi điện cho ông từ Sài Gòn để khiển trách ông vì đã phát đi những "tín hiệu gây hoang mang" trong các tin nhắn radio tới Okinawa và các điểm kiểm soát quân sự khác của Mỹ. Đà Nẵng còn ít nhất mười ngày nữa, Lehmann khăng khăng, và có thể sẽ không bị thất thủ. Nhưng Francis vẫn giữ vững sự bi quan mới tìm thấy của mình. "Tôi là người đang ở đây," anh ta đáp, "và tôi nói rằng thời gian đang cạn kiệt. Bạn lấy thông tin từ đâu ?" Lần này Lehmann không có câu trả lời.

Khi cuộc họp buổi sáng kết thúc, Custer đã gọi điện đến Đài ở Sài Gòn và yêu cầu thêm máy bay Air America để giúp đưa người Mỹ và thân nhân của họ ra ngoài. Nhưng thật ngạc nhiên, Air America không thể cung cấp chúng. Không có máy bay nào dư thừa, các

nhân viên điều hành giải thích. Đà Nẵng sẽ phải chấp nhận những chiếc máy bay đã có sẵn trên tuyến đường bay.

Các sĩ quan CIA khác đã dành cả buổi chiều để viết vé cho chuyến bay thường lệ của Air America mà họ gọi là "Chuyến Tàu Tự Do" và phát chúng cho các bạn bè và nhân viên người Việt. Họ cố tình đặt chỗ quá mức, phân phát nhiều chỗ hơn so với khả năng có sẵn, với hy vọng rằng các nhân viên điều hành ở Sài Gòn cuối cùng sẽ thay đổi ý định.

Hầu hết người Việt Nam tập trung tại nhà ga chính của Đà Nẵng trong vài giờ tiếp theo đã cư xử với sự kiên nhẫn và kỷ luật không thường thấy, vì họ biết rằng mạng sống của mình có thể phụ thuộc vào điều đó. Nhưng đối với một số nhà báo Mỹ và nước ngoài cũng có mặt, sự thể hiện của sự khôn ngoan này

là một sự thất vọng lớn. Họ đã mong đợi một số hành động kịch tính, một số cuộc đụng độ thực sự, để làm phong phú thêm các bản tin của họ gửi về nhà, và nếu không có điều đó, họ gặp khó khăn trong việc biện minh cho sự hiện diện liên tục của mình trên chiến tuyến trước các biên tập viên lo lắng của họ. Cuối cùng, một nhóm phóng viên của một hãng phát thanh Anh đã tự mình tạo ra những gì mà hoàn cảnh dường như không thể cung cấp. Ngay khi một sĩ quan CIA mệt mỏi đang điều khiển một tá hoặc hơn người Việt Nam đến cổng chính, các phóng viên bắt đầu đẩy và xô đẩy họ, cố gắng thúc đẩy đám đông lao vào người Mỹ. Thật là một cảnh tượng ngoạn mục để xem trên tivi ở quê nhà : một quan chức Mỹ đánh đuổi những người Việt Nam vô tội khi họ cố gắng trèo lên chuyến bay sơ tán !

Cuối ngày hôm đó, gia đình của trưởng phòng tác chiến của Tướng Trưởng đã được di tản trên một chiếc máy bay DAO đặc biệt, cùng với vợ của Custer và Terry Tull, Phó Lãnh sự vừa mới bị chỉ trích vì "di chuyển quá nhanh." Brunson McKinley[19], thành viên mới nhất của nhân viên lãnh sự quán, ở lại để trở thành phó chỉ huy của Francis.

Tối hôm đó, bà Custer, hốc hác và rã rời sau chuyến hành trình dài, ghé qua Đại sứ quán để gặp Polgar. "Đừng lo về

19 McKinley là một trong những "Mafia Rome" của Martin, đã từng làm trợ lý cho Đại sứ ở đó vào cuối những năm sáu mươi. Trẻ, cao và vô cùng chính xác, ông trở thành một phát ngôn viên nhiệt thành cho sự lạc quan của Martin ngay khi đến Đà Nẵng, đảm bảo với các đồng nghiệp của mình - nhiều người trong số họ là những cựu chiến binh lâu năm của nơi này rằng quân đội của Trương có thể giữ vững. Cùng nhau, anh ta và Francis đã cố gắng bảo vệ hầu hết nhân viên của họ khỏi sự thật cho đến phút cuối, có lẽ với lý thuyết rằng họ cũng đang bảo vệ họ khỏi sự hoảng loạn.

đồ đạc gia đình," bà cầu xin, "chỉ cần đưa người của chúng tôi ra khỏi Đà Nẵng."

Polgar gật đầu và đảm bảo với cô ấy rằng anh ta sẽ làm. Nhưng thực tế là ông không có ý định can thiệp sâu hơn. "Tôi đã quyết tâm không cố đoán ý của những người ở hiện trường," ông sau đó giải thích. "Nhân viên ở Đà Nẵng phải được phép tự đặt nhịp độ và ưu tiên của họ, vì chỉ có họ mới biết họ đang phải đối mặt với điều gì." Đây sẽ là thái độ của ông trong suốt thời gian, đối mặt với mỗi cuộc khủng hoảng mới, và kết quả sẽ là những tình huống nguy hiểm cận kề cho hơn một nhân viên CIA tại hiện trường. Điều mà Polgar quên là chỉ có ông ta mới có bức tranh chiến lược tổng thể trong tầm tay ; những người ở hiện trường chỉ thấy một phần của nó và không thể biết rằng thực tế lớn hơn thường nguy hiểm

hơn nhiều so với những gì họ thấy ngay bên ngoài cổng.

Vào ngày 25 tháng 3, tôi đã lập một đánh giá cho Polgar nhằm làm rõ bức tranh chiến lược một cách dễ hiểu. "Tình hình quân sự đang nhanh chóng xấu đi," tôi đã viết. "Tám tỉnh đã bị mất trong ba tuần qua, bốn người nữa đang gặp nguy hiểm cận kề, và hơn một triệu người đã bị mất nhà, gây áp lực không thể tính toán lên nền kinh tế.

"Các cuộc rút lui chiến lược ở vùng cao nguyên phía tây và miền bắc QK I đã diễn ra quá nhanh chóng và bừa bãi, khó có thể mang lại bất kỳ lợi ích nào." Một lượng lớn đạn dược và thiết bị đã bị bỏ lại. Các đơn vị sống sót từ Kontum và Pleiku vẫn đang bị kẹt tại một điểm vượt sông cách bờ biển hai mươi dặm và khó có khả năng đến được bờ biển nguyên

vẹn, và Sư đoàn Nhảy dù, đã được rút khỏi QK 1 để bảo vệ Sài Gòn, đã bị chia tách giữa các Khu vực Quân sự 2 và 3, một trong các lữ đoàn của nó đã được gửi đến để bảo vệ Nha Trang.

Ở miền Bắc, khu vực chính phủ duy nhất còn lại là Đà Nẵng, và ở QK 2 bốn hoặc năm sư đoàn BV đang di chuyển nhanh chóng về phía bờ biển để tấn công vào các trung tâm dân cư quan trọng của Qui Nhơn, Tuy Hòa và Nha Trang. Chỉ có lữ đoàn nhảy dù mới được triển khai gần đây và hai trung đoàn của Sư đoàn 22 VNCH đứng trên con đường của họ. Tất cả các lực lượng chính phủ khác trong khu vực đã bị tiêu diệt hoặc bị kẹt trên Đường 7B.

Tại QK 3, ba hoặc bốn sư đoàn BV đang nhanh chóng hội tụ về thành phố Tây Ninh và các khu vực lân cận. Hai

đơn vị khác đang cố gắng thiết lập một căn cứ ở 'Tam Giác Sắt' phía bắc Sài Gòn, và phía đông thành phố hai đơn vị nữa đã quét qua Tỉnh Long Khánh, loại bỏ tất cả các cơ sở của chính phủ, ngoại trừ tỉnh lỵ Xuân Lộc, hiện là chướng ngại vật duy nhất trên con đường tấn công truyền thống của quân cộng sản tới khu quân sự Sài Gòn tại Biên Hòa. Tại đồng bằng, lực lượng cộng sản đã khóa ba sư đoàn chính phủ vào các vị trí phòng thủ bằng cách tạo ra và duy trì các mối đe dọa nghiêm trọng đối với cả hai thành phố Cần Thơ và Mỹ Tho.

Với sự sụp đổ gần như hoàn toàn của các phòng thủ chính phủ ở nửa phía bắc của đất nước, lực lượng Cộng sản có được một mức độ linh hoạt mà họ chưa từng biết đến trước đây. Họ kiểm soát hầu hết các tuyến đường chính ở QK 1

và 2, và do đó có khả năng gửi quân tiếp viện đến khu vực Sài Gòn và đồng bằng nhanh chóng và hiệu quả hơn bao giờ hết. Một trong những đặc điểm nổi bật của chiến dịch của họ cho đến nay là khả năng và sự sẵn sàng khai thác những lợi thế đó với tốc độ chớp nhoáng.

Trước những tổn thất cung ứng gần đây và áp lực liên tục của BV trên tất cả các mặt trận, lực lượng chính phủ khó có khả năng lấy lại thế chủ động hoặc phục hồi sức mạnh trong tương lai gần, vì chính những yếu tố đã gây ra cuộc khủng hoảng hiện tại vẫn đang hoạt động không bị kiểm soát ở Sài Gòn, Hà Nội và Washington. Toàn bộ diện mạo của cuộc chiến tranh Việt Nam đã thay đổi chỉ trong vài tuần, và chính phủ đang đứng trước nguy cơ thất bại quân sự quyết định.

Đó là những tín hiệu cảnh báo[20] mà Trạm đã gửi đến Washington vào cuối tháng Ba.

Cuộc họp đã được tổ chức vội vàng. Kissinger chỉ mới trở về nước được hai mươi bốn giờ, và các trợ lý đã làm việc suốt đêm, chuẩn bị các tài liệu và bản tóm tắt để chuẩn bị cho cuộc họp. Nhưng đến sáng ngày hai mươi lăm, khi ông và các quan chức chủ chốt khác tập trung tại Nhà Trắng cho một phiên họp chiến lược quan trọng, sở thích chính sách của ông và của Chính quyền dường như đã được xác định khá rõ ràng.

---

20 Các đoạn trích của ước tính được trích dẫn ở đây được lấy từ sổ ghi chép của tôi, mà tôi đã mang ra khỏi Sài Gòn vào ngày sơ tán. Đoạn cuối cùng gần như giống hệt như trong ước tính, mặc dù phần thảo luận về tình hình chiến thuật có sự khác biệt về ngữ điệu, chỉ một hai từ (mặc dù không về nội dung), so với bản thảo đã gửi đến trụ sở CIA.

Danh sách tham dự cuộc họp chỉ bao gồm các cấp cao nhất. Ngoài Kissinger và Tổng thống, danh sách tham dự còn bao gồm Đại sứ Martin, Tướng Frederick Weyand, Tổng tham mưu trưởng Quân đội, và Brent Scowcroft, phó của Kissinger trong Ban Tham mưu Hội đồng An ninh Quốc gia. Chỉ có một quan chức cấp cao của Chính quyền vắng mặt (một cách đáng chú ý). Phù hợp với sự cạnh tranh lâu dài của họ, Kissinger đã thành công trong việc loại trừ Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger khỏi các cuộc thảo luận[21].

21 Trong suốt cuối tháng Ba và đầu tháng Tư, Schlesinger thực tế đã bị giữ ở bên lề của rất nhiều quyết định cấp cao liên quan đến Việt Nam. Kissinger (theo lời của chính những người cộng sự của ông) đã trở nên rất khó chịu với sự miễn cưỡng rõ ràng của Schlesinger trong việc "đứng ra trước" vấn đề Việt Nam với những đề xuất của riêng mình. Các người bảo vệ Schlesinger nói rằng vấn đề bắt nguồn từ việc Bộ trưởng Quốc phòng từ chối chấp nhận luận thuyết của Kissinger-Martin rằng Việt Nam vẫn có thể cứu vãn. Trong bất kỳ trường hợp nào, căng thẳng giữa hai người đã làm phức tạp nghiêm trọng việc phát triển một đường lối

Phần lớn cuộc thảo luận xoay quanh các báo cáo tình báo gần đây và các đánh giá từ Sài Gòn. Martin thẳng thắn không hài lòng về giọng điệu ngày tận thế của họ, và Kissinger, không chắc chắn đến mức nào nên tin tưởng vào những nghi ngờ của Martin, đã quyết định gửi Weyand đến Sài Gòn để tự mình đánh giá độc lập. Ông cũng muốn Martin tự mình trở lại mặt trận, chỉ để (như ông đã nói một cách châm biếm với nhóm) để Thứ trưởng Ngoại giao Habib có ai đó để đổ lỗi nếu điều tồi tệ nhất xảy ra.

---

phối hợp của Chính quyền về cuộc khủng hoảng, và cũng là nguồn gốc gây khó chịu cho các cộng sự của họ. Một trong những người cảm thấy đặc biệt khó xử là Tướng Weyand. Với tư cách là Tổng tham mưu trưởng Quân đội, ông ta về mặt kỹ thuật là cấp dưới của Schlesinger. Tuy nhiên, khi ông ngày càng bị cuốn sâu vào chiến lược cuối cùng của Chính quyền đối với Việt Nam, ông buộc phải hành động ngày càng nhiều sau lưng Bộ trưởng Quốc phòng.

Vì rất nhiều điều phụ thuộc vào việc cứu hộ và phục hồi các lực lượng bị tổn thương từ QK 1 và 2, Kissinger và các đồng nghiệp của ông đã dành phần lớn thời gian để suy nghĩ về những gì Hoa Kỳ có thể làm để giúp đỡ. Phạm vi lựa chọn của họ, tất nhiên, bị hạn chế nghiêm ngặt. Đạo luật Quyền Lực Chiến Tranh và luật cấm ném bom Campuchia đã làm cho việc cam kết lực lượng Mỹ vào các cuộc thù địch ở Đông Dương vì bất kỳ mục đích nào, bao gồm (theo bất kỳ cách giải thích hợp lý nào của luật) việc giải cứu quân đội của Thiệu, trở thành bất hợp pháp. Tuy nhiên, một cách để vượt qua những trở ngại này đã được tìm ra là khả thi và được Quốc hội chấp nhận. Miễn là Lầu Năm Góc tiếp tục dựa vào máy bay và tàu dân sự theo hợp đồng để di chuyển lực lượng và trang thiết bị Việt Nam ra khỏi các khu vực bị chiến tranh

tàn phá, không ai trong số những người ôn hòa hay tự do trong Quốc hội có thể tuyên bố rằng quân đội lại đang tham gia trực tiếp vào cuộc chiến.

Nhưng có thật sự cần thiết phải dừng lại ở đó không ? Martin xen vào. Nếu công việc đó đáng làm, nó đáng làm đến mức tối đa, với tất cả các tài sản có sẵn. Rõ ràng là Ford và Kissinger đã đồng ý, vì cuối cùng họ quyết định cam kết các tàu hải quân Mỹ tham gia vào việc vận chuyển bằng đường biển ra khỏi QK 1 và 2. Các tàu sẽ phải tránh xa bờ biển và các hành động thù địch, theo quy định của Đạo luật Quyền Lực Chiến Tranh, nhưng chúng sẽ được phép lảng vảng ngoài giới hạn ba hải lý của Việt Nam và đón bất kỳ ai sơ tán, dân sự hoặc quân sự, nếu có thể. Có lẽ hành động hạn chế như vậy sẽ được phép về mặt pháp lý, với

điều kiện Quốc hội được thông báo.

Xét đến những tổn thất vật chất to lớn mà người Nam Việt Nam đã phải chịu trong vài tuần qua, Kissinger và những người khác đều nhận thấy rõ ràng rằng Hoa Kỳ sẽ phải làm điều gì đó phi thường để bù đắp. Tướng Smith ở Sài Gòn đã yêu cầu rằng vũ khí và vật tư đã đặt hàng được giao càng nhanh càng tốt. Kissinger nhiệt tình ủng hộ đề xuất này và Ford đã phê duyệt nó. Ngoài ra, Weyand đề nghị rằng chuyên gia hàng đầu của Lầu Năm Góc về các vấn đề hậu cần của Việt Nam, Erich Von Marbod, được phép đi cùng ông đến Sài Gòn để cập nhật danh sách mua sắm của Thiệu.

Cũng có nhiều cuộc thảo luận trong cuộc họp về một cách tiếp cận mới có thể cho cuộc tranh luận về viện trợ đang âm ỉ. Như một sự nhượng bộ đối với thực

tế trên chiến trường và trên Đồi Capitol, Kissinger và Tổng thống đã quyết định hủy bỏ đề xuất của Chính quyền về viện trợ quân sự bổ sung cho Campuchia.

Về vấn đề viện trợ cho Việt Nam, hai giải pháp đã được đưa ra để xem xét. Một mặt, Kissinger chỉ ra, Chính quyền có thể đơn giản tiếp tục thúc đẩy đề xuất hiện tại của mình về hơn 300 triệu đô la viện trợ quân sự bổ sung. Mặt khác, họ có thể sử dụng nhiệm vụ của Weyand như một cái cớ để tìm kiếm một khoản phân bổ khẩn cấp lớn hơn nhiều. Kissinger bản thân ông ấy ủng hộ phương án thứ hai. Ông cảm thấy rằng nó có cơ hội tốt hơn trong việc củng cố khả năng và tinh thần của quân đội Nam Việt Nam, và cũng là một bảo đảm chắc chắn hơn cho uy tín của Mỹ ở nước ngoài. Nếu một khoản ngân sách lớn hơn được yêu cầu - và Sài

Gòn bị đánh bại dù sao đi nữa - không ai có thể buộc tội Hoa Kỳ đã gây ra thảm họa này do sự keo kiệt không đúng lúc.

Tổng thống và những người khác tại buổi họp ở Nhà Trắng đã quen thuộc với những lập luận này. Kissinger đã từng sử dụng chúng trước đây để cố gắng biện minh cho việc tăng giá trị yêu cầu viện trợ của Chính quyền. Tuy nhiên, cuối cùng nhóm đã đồng ý hoãn bất kỳ quyết định cuối cùng nào cho đến khi Weyand hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nếu những gì ông ta tìm thấy trên chiến trường chứng minh rằng cần một nguồn viện trợ mới lớn, thì việc đưa ra đề xuất như vậy qua Quốc hội sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Khi hội nghị kết thúc, hướng đi của Chính quyền đã được xác định, ít nhất là trong thời gian này. Nhưng bầu không khí quyết đoán đã đặc trưng cho các cuộc

họp thực chất chỉ là không khí, không hơn không kém. Bản chất của chiến lược của Chính quyền vẫn là sự trì hoãn, một sự hoãn lại của tất cả các quyết định quan trọng cho đến khi Weyand có thể tìm ra lý do vững chắc cho chúng. Thời gian đang cạn dần đối với người Nam Việt Nam, nhưng các nhà hoạch định chính sách vẫn đang đánh cược vào hàng triệu năm[22].

Khi Erich Von Marbod biết về nhiệm vụ của Weyand đến Sài Gòn, và vai trò của ông trong đó, ông đã gợi ý với tướng

22 Như một dấu hiệu cho thấy sự đánh giá của Kissinger về cuộc khủng hoảng - hoặc sự thiếu vắng của nó - ông đã gặp gỡ các phóng viên ngay sau phiên họp tại Nhà Trắng để nói rằng Chính quyền lại đang nghĩ đến việc đưa ra Quốc hội một đề xuất về một khoản viện trợ dài hạn cho Sài Gòn, đủ để đáp ứng nhu cầu của thành phố trong ba năm tới. Ngay cả vào thời điểm muộn màng này, ông dường như vẫn tin rằng "khoảng thời gian tạm lắng" của Sài Gòn vẫn còn nhiều sức sống.

rằng họ nên tạo ra một "đội" để đi cùng với họ, để nếu Sài Gòn thất thủ, họ sẽ không phải nhận toàn bộ trách nhiệm cho bất kỳ sai lầm cuối cùng nào được thực hiện ở phía Mỹ. Weyand đồng ý, và từ thời điểm đó, chuyến đi tìm hiểu sự thật của ông trở thành một trong những vấn đề nóng nhất ở Washington. Bất kỳ ai trên các thành trì quan liêu giả vờ có chuyên môn về Việt Nam đều muốn được tham gia. Kissinger đã đề xuất rằng George Carver, một chuyên gia kỳ cựu theo dõi Sài Gòn của CIA, nên được đưa vào nhóm. Tuy nhiên, điều này không làm hài lòng những người khác trong CIA, những người cũng tự cho mình là đủ tiêu chuẩn. Ted Shackley, trưởng phòng Đông Á của cơ quan, đặc biệt khó chịu, vì ông và Carver từ lâu đã là đối thủ của nhau, và ông đã liên lạc với người quen cũ Von Marbod để xem liệu ông có

thể giành được một chút gì đó cho mình không. Von Marbod rất sẵn lòng giúp đỡ ông, sắp xếp cho ông một chỗ ngồi trên máy bay của Weyand.

Trong khi đó, Đại sứ Martin, trong cuộc gặp cuối cùng với Kissinger, đã đề xuất một giải pháp cuối cùng cho những vấn đề của Sài Gòn. Nếu mọi thứ khác đều thất bại, ông nói, Hoa Kỳ nên sẵn sàng biến chính sách hòa bình thành công cho người Nam Việt ; Moskva nên bị buộc phải nhận ra rằng hòa bình Việt Nam vẫn là chốt chặn trong quan hệ Mỹ-Xô.

Đề xuất của ông ấy không phải là một ý tưởng thoáng qua. Martin đã lâu tin rằng (như ông sau này đã nói với tôi) rằng người Soviet sẽ không bao giờ chấp nhận một Đông Dương bị Bắc Kinh hoặc Hà Nội chi phối và sẽ, nếu cần

thiết, can thiệp để ngăn chặn khả năng đó. Mặc dù Kissinger rõ ràng không chia sẻ quan điểm này, Martin vẫn bám lấy nó cho đến những ngày cuối cùng của cuộc chiến, và điều này sẽ khiến ông có thêm một động lực để hoãn việc sơ tán vô thời hạn, vì ông sẽ vẫn tin rằng, trước mỗi thảm họa mới, Liên Xô cuối cùng có thể bị thuyết phục để cứu Sài Gòn.

Ngày hôm sau sau cuộc họp tại Nhà Trắng, Kissinger đã gặp gỡ báo chí để trình bày quan điểm chiến lược của mình. Mở đầu với một vài nhận xét về một điểm nóng thường trực khác, Trung Đông, ông tuyên bố rằng Hoa Kỳ giờ đây sẵn sàng xem xét một giải pháp toàn diện mới cho cuộc khủng hoảng ở đó, vì phương pháp từng bước của ông đã thất bại. Sau đó, ông đã lao vào những suy

tư triết học sâu sắc hơn. “Chúng ta hiểu rằng hòa bình là điều không thể tách rời,” ông nhấn mạnh. “Hoa Kỳ không thể theo đuổi một chính sách đáng tin cậy có chọn lọc.” Chúng ta không thể bỏ rơi bạn bè ở một phần của thế giới [đọc : Đông Dương] mà không gây nguy hiểm cho sự an toàn của bạn bè ở khắp mọi nơi.”

Không ai trong số các phóng viên bận tâm hỏi Kissinger ông đang muốn nói gì ; không ai cần phải hỏi. Rõ ràng, trong mắt ông, sự kiên định của Mỹ ở Việt Nam đã trở thành thước đo cho sự kiên định của Mỹ ở mọi nơi, càng rõ ràng hơn khi ông không còn lá bài nào khác để chơi trong nỗ lực điều khiển Israel và các nước Ả Rập hướng tới sự hòa hợp.

Nhưng Kissinger không dừng lại ở đó. “Vấn đề chúng ta đối mặt ở Đông

Dương," ông nói, "là một câu hỏi cơ bản về chúng ta là loại người gì." Trong mười lăm năm qua, chúng tôi đã tham gia khuyến khích người dân Việt Nam tự vệ chống lại những gì chúng tôi coi là mối nguy hiểm bên ngoài. **Bỏ rơi họ bây giờ, do đó, sẽ tương đương với việc phản bội một niềm tin thiêng liêng**[23].

Nhiều người trong số họ đến mà không có giày dép hay vũ khí và kiêu ngạo đứng giữa đường phố khi giao

23 Tại một nơi khác trong cuộc họp báo, Kissinger đã lên án việc cắt giảm viện trợ mới nhất, tuyên bố rằng Sài Gòn hiện đang phải chịu đựng nặng nề do thiếu phụ tùng cho thiết bị quân sự của mình. Tuy nhiên, với một nỗ lực tinh vi để làm suy yếu ông, một ai đó trong Lầu Năm Góc đã rò rỉ số liệu cho báo chí một hoặc hai ngày sau đó cho thấy rằng phần lớn khoản viện trợ quân sự hàng năm mới nhất cho Sài Gòn - 700 triệu đô la - vẫn chưa được chi tiêu và rằng không có sự thiếu hụt thực sự về phụ tùng, mặc dù những gì đã bị mất ở QK 1 và 2. Vì Schlesinger bản thân được biết đến là người phản đối việc cấp bổ sung viện trợ lớn, ông đã bị các cộng sự của Kissinger quy trách nhiệm cho vụ rò rỉ thông tin.

thông lộn xộn và xoáy quanh họ. Những người khác lảng vảng trên vỉa hè theo từng nhóm nhỏ, đòi hỏi đồ ăn. Người dân Đà Nẵng cảnh giác nhìn những kẻ lạc lõng từ quân đội của Trưởng, và tự hỏi mối nguy hiểm lớn hơn nằm ở đâu - kẻ thù hay chính họ.

Hàng trăm sĩ quan VNCH đã xô đẩy vào lãnh sự quán vào ngày hai mươi sáu để tìm kiếm sự cứu trợ và tị nạn cho gia đình họ. Nhiều người Mỹ đã đáp lại một cách hào phóng, nhét vợ và con của các binh sĩ vào giữa những nhân viên của lãnh sự quán đang được đưa đến Cam Ranh hoặc Sài Gòn. Francis tự mình đóng vai trò cứu tinh với một mục đích, đồng ý sơ tán các thân nhân của một số sĩ quan không quân cấp cao nếu họ đảm bảo an ninh cho hai sân bay của Đà Nẵng.

Lúc đầu, việc vận chuyển bằng đường hàng không diễn ra suôn sẻ, xét về mọi mặt. Chiếc World Airways 7278 và các trực thăng cùng máy bay vận tải C-47 từ Air America đã liên tục ra vào suốt cả ngày, và mỗi khi cầu thang hạ xuống, hàng trăm người Việt Nam đã lao về phía đường băng, nắm chặt những tấm vé quý giá trong tay, và những tài sản cả đời của họ, chó, lợn và trẻ em trong tay kia. Nếu trẻ em vấp ngã hoặc những bà mẹ tóc bạc đi quá chậm, những người trẻ hơn sẽ bế họ lên hoặc thúc họ về phía máy bay.

Ngay trước buổi trưa, Đại tá Garvin McCurdy đã bay từ Sài Gòn lên để giúp Francis tổ chức cuộc không vận của mình. Nhưng vừa mới hạ cánh thì anh lại cất cánh trở lại, quay về Sài Gòn theo yêu cầu của Francis để xem liệu anh có thể giành được một số trực thăng từ

Không quân Hoa Kỳ không.

Khi ông đến Đại sứ quán vào cuối ngày, ông đã gọi điện đến trụ sở Nhóm cố vấn đặc biệt của Hoa Kỳ ở miền bắc Thái Lan, yêu cầu hai chiếc trực thăng được đặt dưới quyền sử dụng của ông để sử dụng trong cuộc sơ tán Đà Nẵng. Nhưng trưởng phòng tham mưu của USSAG đã nói với ông rằng ông đang yêu cầu điều không thể. Toàn bộ đội trực thăng của ông, ông nói, đã được cam kết cho việc sơ tán tiềm năng Phnom Penh "Eagle Pull." Không một chiếc trực thăng nào có thể được điều chuyển đi nơi khác mà không có sự chấp thuận của Washington, và điều đó sẽ mất thời gian.

McCurdy gần như không thể tin vào tai mình. Cuộc sống của người Mỹ đang

gặp nguy hiểm nghiêm trọng ở Đà Nẵng, nhưng Không quân không thể làm gì để giúp đỡ !

Khi cuộc di tản khỏi Đà Nẵng tiến triển, các vị trí của chính phủ ở QK 2 giảm dần đến mức gần như biến mất. Vào sáng ngày hai mươi sáu, một thị trấn nhỏ ở phía bắc tỉnh Bình Định trên bờ biển miền trung đã bị bỏ hoang sau một trận chiến kéo dài bảy giờ. Sư đoàn 3 BV sau đó tiến về phía nam hướng tới Qui Nhơn, thành phố lớn thứ ba ở miền Nam Việt Nam, trong khi các đơn vị cộng sản khác tiếp tục tấn công vào tàn quân của Sư đoàn 22 VNCH, đang bị phân tán về phía tây của thị trấn. Cùng lúc đó, hàng nghìn cư dân của Qui Nhon và thành phố Tuy Hòa ở phía nam đã bỏ nhà cửa và chạy xuống bờ biển hướng về

Nha Trang, một số đi bộ qua Quốc lộ 1, những người khác phải vật lộn với sóng lớn trong những chiếc thuyền đánh cá nhỏ.

Hơn một tá nhân viên Bộ Ngoại giao, USAID và CIA đã nhanh chóng làm theo tại cơ sở lãnh sự ở Tuy Hòa. Sáng sớm ngày hai mươi sáu, họ nhận được cảnh báo từ một nguồn CIA rằng các biệt kích Cộng sản đang chuẩn bị tấn công vào khu vực của họ. Trong vài giờ tiếp theo, họ đã thu dọn đồ đạc và bay đến Nha Trang. Bây giờ, tất cả những gì còn lại của sự hiện diện rộng lớn của người Mỹ ở QK 2 chỉ còn lại là Tổng Lãnh sự quán và những tiền đồn nhỏ ở các thành phố Phan Thiết và Đà Lạt ở phía nam.

Với toàn bộ phần phía bắc của đất

nước nhanh chóng rơi vào tay kẻ thù, Thiệu hầu như không cần phải lo lắng về điều gì khác. Nhưng đối với ông, cũng như đối với các tướng lĩnh của ông, vận rủi dường như đến theo từng đoàn. Vào buổi trưa ngày hai mươi sáu, đối thủ không đội trời chung và cựu Phó Tổng thống của ông, Nguyễn Cao Kỳ, đã tổ chức một bữa trưa cho một số tay chân và người ủng hộ của mình tại Tân Sơn Nhất, và sau một bài diễn thuyết dài và vài chai rượu sâm banh, đã thuyết phục họ tham gia cùng ông kêu gọi một "chế độ lâm thời mới có khả năng tập hợp quân đội và đàm phán từ vị thế mạnh mẽ."

Trong vòng một giờ sau cuộc họp, các đặc vụ của Thiệu đã thông báo cho ông về những gì đã xảy ra, và từ khoảnh khắc đó trở đi, ông sẽ dành gần như

nhiều thời gian để vạch ra các âm mưu phản công như ông đã dành để tập hợp quân đội.

Trong khi đó, dòng nhân viên từ lãnh sự quán QK I bắt đầu gia tăng số lượng và thử thách sự kiên nhẫn của cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn. Mặc dù nhiều người mới đến đã phải chịu đựng những thử thách, nhưng ít người có vẻ muốn lẩn tránh về phòng khách sạn để ngủ cho qua đi những căng thẳng. Thay vào đó, ngày qua ngày, đêm qua đêm, họ lang thang giữa chúng tôi, trong các quán bar và nhà hàng sang trọng của chúng tôi, lan truyền những câu chuyện kinh hoàng và cảm giác sắp xảy ra thảm họa của họ.

Polgar và các quan chức cấp cao

khác của Đại sứ quán, lo sợ sự lây lan, đã nhanh chóng hành động để ngăn chặn nó. Họ đã khuyên các trưởng phòng và phó trưởng phòng của mình nên giảm nhẹ sự thật khủng khiếp về những gì đang xảy ra ở phía bắc chúng ta trong các cuộc trò chuyện với vợ, thư ký và cấp dưới của họ. Ngoài ra, Lehmann, vẫn đang hoạt động như Trưởng Phái bộ trong sự vắng mặt của Martin, đã cẩn thận làm ngợp tất cả các nguồn "tin xấu" tiềm tàng, bao gồm "Đài Phát thanh Mỹ," kênh FM tiếng Anh do DAO điều hành và tài trợ. Mỗi giờ, một trong những cấp dưới của ông ta sẽ xem lại các bản tin đã được ghi âm từ Hoa Kỳ, chỉnh sửa bất kỳ điều gì có thể làm lo lắng các bà vợ của nhân viên Đại sứ quán đang nghe trên các máy nghe nhạc bên cạnh hồ bơi. Báo Saigon Post do CIA kiểm soát, tờ báo tiếng Anh duy nhất ở thủ đô, cũng bắt

đầu giảm nhẹ những thất bại gần đây của chính phủ.

Tính đến trưa ngày hai mươi bảy, sự không chắc chắn và căng thẳng đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống ở Đà Nẵng, một phần dân số dường như đã quen với điều đó. Một số cửa hàng lớn nhất và các chợ thực phẩm của thành phố đã mở cửa trở lại sau một ngày tạm ngừng, và giá thực phẩm tiếp tục giữ ổn định. Một nhân viên CIA, bị cuốn vào bầu không khí u ám, đã dành một phần buổi sáng để đưa hai chú chó cưng của mình ra ngoài, đặt chúng vào lòng một sĩ quan VNCH bất mãn.

Tại khu vực hậu cần của CIA không xa lãnh sự quán, đám đông người Việt Nam tập trung để sơ tán liên tục co lại

và nở ra trong suốt buổi sáng như một sinh vật tự tái tạo. Hơn 300 người đã được chở đến bến cảng nước sâu hoặc sân bay chính để chờ một con tàu hoặc máy bay đưa họ đến nơi an toàn, nhưng trong cùng khoảng thời gian đó, một số lượng tương đương đã lén lút qua cổng chính với vài món đồ ít ỏi và hy vọng về một phép màu Mỹ. Ron Howard, sĩ quan hậu cần của CIA, quan sát dòng người ra vào từ cửa sổ văn phòng của mình ở cuối khuôn viên, và cố gắng kiểm soát những hy vọng và lo lắng của bản thân. Chắc hẳn có hơn 3.000 người trong số họ ở ngoài kia bây giờ, 3.000 người Việt Nam đã làm việc cho lãnh sự quán hoặc cho người Mỹ "trên đất liền" hoặc biết ai đó đã làm như vậy. Và họ tiếp tục đổ vào từng giờ, một người đến cho mỗi người đi, nỗi lo lắng của họ nặng nề như chính nỗi lo lắng của anh.

Khi một đoàn xe jeep và ô-tô nhỏ đi qua cổng chính, Howard chen vào sân để xem liệu anh có thể giúp đỡ việc chất hàng không. Ông không hài lòng với cách lựa chọn hành khách cho đến nay. Người phụ trách CIA là một người mới được sơ tán từ một trong những tỉnh xa xôi, và ông ta có xu hướng, trong việc phân bổ chỗ ngồi, ưu tiên cho những người bạn và đồng nghiệp người Việt đã cùng ông trốn thoát đến Đà Nẵng. Nhân viên của Howard chủ yếu bị bỏ qua. Hai lần trong buổi sáng, ông đã phát tín hiệu qua ra-dio cho "sĩ quan trực" của CIA tại lãnh sự quán - "Cannonball to Papa Lima" - để yêu cầu phân phối công bằng hơn, nhưng mỗi lần ông đều nhận được câu trả lời đơn giản, "Chúng tôi đang làm hết sức mình."

Khi đoàn xe đã được chất hàng và

rời khỏi cổng chính, Howard lê bước trở lại sự cô lập và chật chội của văn phòng mình. Một số người Việt Nam xung quanh anh ta đã đột nhập vào một nhà kho gần đó và đang ăn cắp một cách công khai, gần như thách thức, như thể đang khiêu khích anh ta một cuộc đối đầu.

Nhưng anh đã học từ lâu không để ý đến những khiêu khích như vậy hoặc suy nghĩ nhiều về mối nguy hiểm, vì nó đã quá rõ ràng đối với anh rồi. Là người Mỹ duy nhất có mặt tại chỗ, với vài dãy phố dài giữa anh và lãnh sự quán, anh chắc chắn rằng mạng sống của mình sẽ bị tước đi nếu sự bất ổn trên đường phố bên ngoài bao giờ tràn vào khuôn viên.

Đến giữa buổi chiều, thành phố tràn ngập những tin đồn mới về một cuộc

tấn công sắp xảy ra của BV và dân cư lại đứng trên bờ vực của sự hoảng loạn toàn diện. Tại sân bay lớn ở rìa phía tây của thành phố, hàng trăm dân thường hoảng sợ đã đổ ra đường băng, xô đẩy và giẫm lên nhau khi nhìn thấy mỗi chiếc máy bay đến. Bị kẹt giữa đám đông, các quan chức của lãnh sự quán Pháp, Đài Loan và các lãnh sự quán nước ngoài khác đã cố gắng giữ thăng bằng một cách tuyệt vọng.

Ngay sau hai giờ, Al Francis đến bến xe bằng xe jeep. Ông ta mệt mỏi và căng thẳng, đã ngủ rất ít trong vài ngày qua, và ông ta nhìn với sự thiếu kiên nhẫn ngày càng tăng khi hai sĩ quan CIA cố gắng dồn một đám đông người Việt Nam về phía cổng khởi hành. Cuối cùng, sự kiên nhẫn đã cạn kiệt và anh ta tiến lại để tự mình đảm nhận nhiệm vụ. Nhưng chỉ

trong vài phút, khi một chiếc máy bay khác hạ cánh, đám đông tràn qua anh ta, và Francis, người thường là người có kỷ luật nhất, đã làm điều mà không ai có thể tưởng tượng nổi anh ta có thể làm được - anh ta bắt đầu vung vẩy chiếc bộ đàm cầm tay vào những người Việt Nam gần nhất, loạng choạng, la hét với họ. Một nhân viên CIA chạy đến và giữ anh ta đứng vững, đẩy đám đông ra xa. "Gọi cho tôi thị trưởng," Francis thở hổn hển. "Gọi cho tôi thị trưởng.

Thị trưởng Đà Nẵng, đứng lùi lại trong đám đông, dường như không mấy có ý định giúp đỡ. Nhưng một trong những sĩ quan CIA đã túm lấy ông ta và kéo ông ta lại. "Chết tiệt," Francis quát lên, cố gắng huy động những gì có lẽ là sức lực cuối cùng của mình. "Giúp chúng tôi một tay đi !" Đây là người của ông,

sau cùng." Với điều đó, Tổng Lãnh sự ngã xuống đất trong một cơn ngất xỉu.

Mỗi giờ trôi qua, sự hoảng loạn tiếp tục gia tăng, nhanh hơn rất nhiều so với bất kỳ ai đã dự đoán, và khi đám đông người tị nạn liên tục tràn qua sân bay, các trực thăng Air America bắt đầu chở hành khách đến đường băng nhỏ hơn gần núi Marble phía đông thành phố để đón các chuyến bay đi. "Don Williamson," một trong những cấp dưới đáng tin cậy của Custer, đã làm việc tại Marble suốt buổi chiều, huy động các đơn vị thủy quân lục chiến Việt Nam địa phương để bảo vệ các khu vực xung quanh.

Trong khi đó, một nhóm người Việt Nam đang chờ đợi tại bãi đỗ trực thăng nhỏ của ICCS bên kia đường từ nơi ở của Francis ở trung tâm Đà Nẵng ngày càng trở nên mất trật tự. Đầu giờ chiều,

viên chức USAID phụ trách việc xếp hàng ở đó đã đột ngột leo lên một chiếc trực thăng đang chờ đợi cùng với bạn gái người Việt của anh ta và rời đi. Bây giờ, khi hoàng hôn buông xuống và những hành khách Việt Nam lo lắng chen chúc lên bãi đáp, người điều hành CIA còn lại đã gọi điện cầu cứu khẩn cấp đến lãnh sự quán. Một lần nữa Don Williamson lại là người giải cứu. Làm ăn với những người bạn lính thủy đánh bộ Việt Nam của mình, anh ta đã xoay sở để có được một vài lính được phân công cho anh ta trong "nhiệm vụ bảo vệ" và ngay lập tức gửi họ xuống bãi đỗ ICCS - vừa kịp thời để ngăn chặn một vụ nổ.

Sau đó, vào lúc 8 giờ tối, Francis đã ra lệnh tạm dừng tất cả các chuyến bay của Air America từ sân bay chính vì lo

ngại về sự hỗn loạn và bối rối ngày càng tăng ở đó. Một số người Mỹ tập trung tại nhà ga khi lệnh được truyền đi đã được trực thăng đưa thẳng đến Marble Mountain ; những người khác được đưa trở lại trung tâm thành phố đến một khu chung cư hiện được gọi (thật hợp lý) là "Alamo."

Hơn ba mươi quan chức lãnh sự vẫn đang trú ẩn trong thành phố khi đêm buông xuống, cùng với hàng nghìn nhân viên Việt Nam của họ, nhiều người trong số đó hiện đang chờ đợi lo lắng tại khu vực hậu cần của CIA.

Thông điệp radio từ Sài Gòn vang lên lạo xạo qua bảng điều khiển radio khẩn cấp ngay bên hành lang từ văn phòng của Custer. John Pittman, phó của Pol-

gar, xuất hiện ở đầu bên kia, và mặc dù có tiếng nhiễu trong quá trình truyền, Custer vẫn có thể nhận ra sự căng thẳng trong giọng nói của ông ta. Pittman lo lắng cho ông và các sĩ quan CIA còn lại rời Đà Nẵng ngay lập tức ; Polgar không muốn ai đó mạo hiểm tính mạng của mình trong những hành động anh hùng không cần thiết.

Custer cố gắng trấn an anh ta, đảm bảo rằng anh ta cũng nhận thức được những nguy hiểm và đang thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Khi anh ta ký tên xong, anh ta tự tin rằng đã thoát khỏi Pittman và Sài Gòn.

Khoảng 10 giờ tối, đám đông nhỏ người Mỹ tại Alamo nhận được lệnh của họ. Một trong những phó của Francis lén lút vào từ bên ngoài và khuyên họ một cách nhẹ nhàng rằng hãy thu dọn

đồ đạc và di chuyển ngay lập tức đến nhà riêng của Francis ở gần đó. "Nhưng chỉ người Mỹ thôi," ông nhấn mạnh. "Đừng báo động cho nhân viên người Việt của bạn."

"Cannonball đến Papa Lima, Cannonball đến Papa Lima." Ron Howard đã thử đi thử lại để liên lạc với Custer qua radio. Người Việt Nam ở khuôn viên bên ngoài giờ đang chế nhạo anh qua cửa sổ, la hét về sự phản bội của người Mỹ, và rõ ràng với anh rằng anh sẽ cần sự giúp đỡ, rất nhiều, ngay lập tức nếu anh muốn ngăn chặn cuộc tấn công mà anh đã lo sợ suốt cả ngày. Nhưng chiếc radio vẫn im lặng.

Vào đầu buổi tối cùng ngày, Tổng thống Thiệu đã lên truyền hình quốc gia

với bài phát biểu ngắn gọn dài năm phút, kêu gọi đồng bào của mình "ngăn chặn bước tiến của kẻ thù". Sự tái xuất của ông trước công chúng cũng quan trọng như chính thông điệp đó, vì trong hai tuần qua, ông gần như không xuất hiện, chỉ có hai bài phát biểu ngắn trên truyền hình, do đó làm dấy lên tin đồn khắp thành phố rằng ông đã bị giết hoặc bị phế truất.

Ngay sau khi phát sóng, Thiệu rời khỏi Dinh trên chiếc xe limousine chống đạn và chạy vội đến một nơi ẩn náu riêng tư gần Khách sạn Majestic trên bờ sông. Ông thức khuya trò chuyện với các trợ lý cấp cao. Hơn cả những tin tức khủng khiếp từ mặt trận, những tin đồn về cuộc đảo chính và những mưu đồ của Kỳ dường như ám ảnh và làm ông lo lắng. Trước đó trong ngày, Kỳ đã táo bạo đưa ra một lời kêu gọi công khai khác, lại kêu

gọi Thiệu từ chức. Nhưng Tổng thống đã chuẩn bị cho điều này. Trong vòng một giờ hoặc hơn, các sĩ quan được chọn lọc của Cảnh sát Quốc gia đã bắt giữ một số đồng minh của Kỳ, ba nhà báo và bốn chính trị gia bên lề với cáo buộc "âm mưu lật đổ chính phủ." Không ai trong số những người chính trong đoàn tùy tùng của Kỳ bị động đến, ít nhất là chưa, nhưng các vụ bắt giữ rõ ràng là một lời cảnh báo cuối cùng dành cho họ.

Ngay trước nửa đêm, Trợ lý Đặc biệt George Jacobson đã gọi điện cho Đại tá McCurdy tại khu vực của ông và yêu cầu ông đưa những chiếc trực thăng đó từ USSAG ngay lập tức. McCurdy nhanh chóng thay đồng phục và vội vã đến Đại sứ quán. Khi cuối cùng anh ta liên lạc được với chỉ huy của Không quân Thái

Bình Dương số 7 qua điện thoại bảo mật, anh ta được nghe lại thông điệp của ngày hôm trước : không có máy bay nào có sẵn, cần phê duyệt cấp cao hơn, tất cả tài sản đều đang bận rộn với "Eagle Pull" ở Campuchia.

McCurdy vội vàng chạy đến văn phòng của Jacobson và thấy người cựu chiến binh già nua đang co rúm sau bàn làm việc, nói chuyện qua điện thoại với Francis ở Đà Nẵng. Đột nhiên McCurdy có một ý tưởng. Anh ta gọi lại cho Không quân Thứ 7, yêu cầu nhân viên nối cuộc gọi của mình vào đường dây nóng của Jacobson để Francis có thể nói chuyện trực tiếp với chỉ huy ở Thái Lan. Hy vọng rằng Francis và Jacobson cùng nhau có thể thuyết phục ông ta thả một số trực thăng cho cuộc không vận ở Đà Nẵng. Nhưng trong cuộc trò chuyện, Francis

vô tình làm yếu đi lập luận tốt nhất của mình khi hứa sẽ cố gắng lần cuối vào ngày hôm sau để di chuyển người của mình bằng máy bay cánh cố định.

Khi đêm kéo dài, các chiến trường quanh Đà Nẵng bỗng trở nên yên tĩnh. Chỉ có tiếng đùng đoàng thỉnh thoảng của pháo binh chính phủ mới nhắc nhở dân chúng rằng chiến tranh vẫn còn đó, trong bóng tối của đêm cuối cùng này. Nhưng sự yên tĩnh chỉ là ảo giác. 35.000 lực lượng BV hiện đang ở ngoại ô Đà Nẵng cố ý kiềm chế, để cho con sâu của nỗi sợ hãi và sự mong đợi làm điều tồi tệ nhất của nó. Họ sẽ lặp lại chiến thuật tương tự sau đó, quanh Sài Gòn, khi họ tiến vào để thực hiện cú đòn cuối cùng.

Khoảng 1:30 sáng ngày 28 tháng

3, Ron Howard cuối cùng đã liên lạc qua radio với Custer. Anh ta khó lòng giữ giọng điệu bình tĩnh khi giải thích những nguy hiểm mà anh ta phải đối mặt : những người Việt Nam xung quanh anh ta trong khu vực hậu cần đã bắt đầu đột nhập vào xe cộ và kho bãi, cướp bóc tùy ý. Giọng nói của Custer vang lên như một cái roi: "Giữ bình tĩnh." Rời khỏi khu vực, di chuyển đến bến cảng và hạ thuyền xuống nước. Chúng ta đều sẽ ra ngoài." Người phụ trách logistics đang khóc bây giờ, và cố gắng làm rõ rằng anh ta không thể di chuyển, anh ta bị mắc kẹt. Custer lặp lại mệnh lệnh của mình và kết thúc cuộc gọi.

Howard ngồi ở bàn làm việc, đầu óc quay cuồng. Có năm chiếc thuyền máy của lãnh sự quán ở bến cảng ; đó là lối thoát của anh. Nhưng ở giữa có 3.000

nhân viên người Việt và vô số cư dân thành phố coi ông là con tin an toàn của họ. Họ sẽ không bao giờ để anh ta rời đi, trừ khi anh ta sắp xếp điều gì đó cho họ, hoặc giả vờ làm như vậy.

Anh đi lang thang quanh văn phòng nhỏ của mình, cố gắng sắp xếp lại suy nghĩ, lo lắng múc ra một ít thịt nguội từ một hộp mà anh đã lấy được từ kho thực phẩm bỏ hoang trước đó trong ngày. Một mưu mẹo, anh ta nghĩ. Tìm ra cách nào đó để khiến họ tin rằng họ sẽ được cứu và bạn sẽ tự cứu mình.

Tại tổng hành dinh của mình trên con đường dẫn ra bãi biển, Tướng Trương đang họp với các nhân viên của mình lần cuối cùng. Sẽ mất ít nhất bốn mươi lăm ngày để đưa quân đội và dân cư vào khuôn khổ, ông giải thích một cách ảm đạm, và để sơ tán tất cả những

người dân trong thành phố muốn rời đi. "Nhưng tôi nghi ngờ," ông ta thêm vào, "chúng ta chỉ còn một hoặc hai ngày nữa thôi."

18. Ý tưởng của tháng Ba

Lâu trước khi bình minh đến vào ngày 28, bến tàu nước sâu bên ngoài Đà Nẵng đã trở thành một mỏm đất của nhân loại hoảng sợ và cãi vã. Những tấm ván xám cũ kỹ của nó kêu cót két và rên rỉ dưới sức nặng của hàng nghìn đôi dép xỏ ngón khi đám đông người Việt chen chúc nhau ra tận cuối để chờ chuyến hành trình cuối cùng. Chẳng bao lâu sau, các xà lan và tàu kéo đã tụ tập quanh mỗi cột trụ, dày ba bốn lớp, và khi đám đông tại các lối lên tàu ngày càng đông hơn theo từng giờ, các

viên chức lãnh sự phụ trách việc xếp hàng hóa bắt đầu ném hành khách lên tàu như ném bao khoai tây.

Trong khi đó, ở phía tây của thành phố, trong tầm bắn của các tay súng Bắc Việt, những người sơ tán tuyệt vọng khác đã chiếm giữ tháp điều khiển của nhà ga chính, buộc phải tạm ngừng tất cả các chuyến bay đi. Không lâu sau đó, vào lúc 4 giờ sáng, Francis trở về biệt thự của mình sau một chuyến tham quan ngắn nhưng mệt mỏi quanh thành phố và thông báo cho khoảng ba mươi người Mỹ, Việt Nam và các nước khác đang tập trung tại đó rằng tình hình đã xấu đi đến mức ông ra lệnh sơ tán ngay lập tức và toàn bộ những người mà ông chịu trách nhiệm.

Một phần của nhóm lách qua đám đông ở phía trước đến bãi đỗ trực thăng

nhỏ của ICCS bên kia đường khi những chiếc Huey đầu tiên của Air America bay đến. Những người khác chạy bộ xuống bến tàu đối diện với lãnh sự quán, nơi một chiếc xà lan chạy bằng động cơ vừa mới đến từ cảng nước sâu. Nhưng chưa kịp bắt đầu chất hàng thì hàng trăm người Việt đã lao tới cầu tàu, tranh giành chỗ đứng, và trong chưa đầy hai mươi phút, hơn 4.400 người, gấp đôi số hành khách bình thường, đã nhảy lên tàu. Custer, nhìn từ bến tàu với vẻ bất lực, biết rằng hy vọng cuối cùng của ông trong việc sơ tán những người mình phụ trách đã chết.

Giữa lúc mọi người xô đẩy nhau, Francis đã nắm lấy một sĩ quan DAO và hai người CIA và bảo họ đi theo anh. "Đây, có thể bạn sẽ cần cái này," anh ta hét lên, ném một khẩu súng M-16 cho

một trong số họ. "Đừng ngần ngại sử dụng nó." Sau đó, anh lao qua đường đến lãnh sự quán khi một vài người đi xe Honda hoảng hốt né tránh và lạng lách xung quanh anh.

Sau khi quét nhanh tòa nhà, Francis và ba người bạn đồng hành của anh đã thu gom các thiết bị radio tối mật còn lại của CIA, chất chúng lên xe tải và lái đến bến cảng. Trong mười phút tiếp theo, họ đã chuyển nó dọc theo một chuỗi người,

nhét nó vào xà lan bên cạnh những người tị nạn đang quằn quại.

Trong khi đó, tại một khu nhà ở của CIA bị bỏ hoang trên các đường Gia Định và Lê Lợi, các lính gác "Nùng" người Trung Quốc đang thực hiện một cuộc lục soát cuối cùng của riêng họ. Nhận ra rằng họ sắp bị bỏ rơi bởi các ông chủ người Mỹ, họ bắt đầu cướp bóc và đốt cháy tòa nhà để trả thù, và khi hai người CIA lén lút trèo qua một bức tường phía sau để lấy một số đồ đạc cá nhân, những người Nùng đã chĩa súng trường vào họ, khiến họ phải chạy ra khỏi cổng chính giữa một loạt đạn lạc.

Đó không phải là một mánh khóe - khéo léo hay cao quý gì - nhưng đó là điều tốt nhất mà anh ta có thể nghĩ ra.

Kéo một vài nhân viên Việt Nam sang một bên, Ron Howard nhanh chóng đọc to các hướng dẫn : họ phải đổ đầy xăng cho những chiếc xe tải ở phía xa của khu phức hợp hậu cần và bắt đầu đưa hành khách lên xe nhanh nhất có thể. Tất cả 3.000 người tị nạn trong khuôn viên, ông nói, sẽ được đưa đến một điểm ở giữa thị trấn. Tại đó, những chiếc trực thăng Mỹ sẽ sớm đến đón họ.

Những tay sai của ông ta đã làm theo chỉ dẫn một cách chính xác, chính Howard đã giúp nâng nhiều phụ nữ và trẻ em lên xe tải. Sau đó, từng chiếc một, những chiếc xe lớn hai rưỡi lăn bánh qua cổng chính theo hướng điểm dừng chân giả mạo.

Nhưng như Howard đã nghi ngờ, mánh khóe này không phải là một mánh khóe khôn ngoan. Việc chất hàng kéo dài

hơn một giờ, và ngay khi chiếc xe tải cuối cùng rời khỏi khu vực thì những chiếc xe đầu tiên lại quay trở lại, và những người Việt Nam trên xe thì tức giận điên tiết. Họ đã chờ đợi và theo dõi những chiếc trực thăng hứa hẹn, nhưng tất nhiên, không chiếc nào xuất hiện cả.

Khi Howard kịp đóng và chốt cổng chính, hàng trăm "người sơ tán" không hài lòng đã tụ tập trên các con phố bên ngoài và đang đập vào hàng rào dây xích cao bao quanh khuôn viên. Đột nhiên, giọng nói của Custer vang lên qua chiếc radio bỏ túi của anh, thúc giục anh lần nữa phải đến bến cảng : họ đều đang rời đi. Sợ hãi đến mức phát ốm, Howard hầu như không thèm để ý đến cuộc gọi. Anh nhìn đồng hồ trong ánh sáng mờ : 5:30 sáng. Lúc đó, anh ta bắt đầu mặc cả cho mạng sống của mình.

Lần này anh ấy đã chơi thẳng thắn. Không còn lựa chọn nào khác. Anh ta đã bắt một người Việt Nam, một thợ máy và là bạn cũ, và hứa với tất cả sức mạnh của mình rằng sẽ đảm bảo cho anh ta và gia đình một chỗ trên máy bay hoặc thuyền nếu anh ta giúp anh ta trốn thoát. Người Việt Nam cảm thấy nghi ngờ, nhưng anh ta cũng đã hết mọi lựa chọn. Vì vậy, anh ta đồng ý, và trong khi một tá hoặc hơn những người tị nạn đã lén lút quay lại khuôn viên đang bận rộn đốt cháy các bơm nhiên liệu và lấy trộm theo ý thích, hai người họ, cùng với gia đình của người thợ máy, lén lút đi ra sau một tòa nhà và trèo vào một chiếc xe tải bỏ hoang. Người Việt Nam cầm lái, và khi Howard ngồi xổm bên cạnh anh ta, anh ta đã lao chiếc xe tải qua một cánh cổng nhỏ ở phía sau, làm những người đứng xem hoảng hốt như rơm rạ bị gió thổi

bay. Vài phút sau, họ đã đến bờ sông.

Việc vận chuyển bằng đường hàng không ra khỏi nhà ga chính đã được tiếp tục ngay sau bình minh. Khi chiếc World Airways 727 đầu tiên lướt vào, một đoàn xe tải quân sự chở đầy thân nhân của quân đội Nam Việt Nam đã ra khỏi đường băng và bắt đầu dỡ hàng. Ngay lập tức, 5.000 người Việt Nam khác đã chờ đợi kiên nhẫn tại cổng vào lao về phía máy bay, giẫm lên phụ nữ và trẻ em ở giữa họ. Các nhân viên an ninh Mỹ xịt Mace vào một vài người trong số họ, nhưng không có tác dụng gì. Phi công ngay lập tức giảm ga và bắt đầu cất cánh, cửa khoang bị kẹt nửa mở bởi vô số cánh tay và những ngón tay mò mẫm. Hàng chục người Việt Nam vẫn bám vào các khoang bánh khi máy bay rời đường băng.

Mười bước vào trong sương mù Ron Howard đang lái xe trong tình trạng mù mờ, nhưng trong ánh sáng mờ ảo, qua tiếng sóng vỗ, anh có thể nghe thấy những tiếng kêu cứu của người Việt Nam.

Ông đã tìm thấy Custer và mười sáu người Mỹ khác đang chờ ông ở bến cảng, động cơ gắn ngoài đã bắt đầu hoạt động. Họ đã rời đi mà không hề quay đầu lại, Howard cầm lái chiếc thuyền dẫn đầu, Custer bên cạnh anh, Brunson McKinley, ba người Mỹ khác và những người cứu hộ Việt Nam của Howard chen chúc ở phía sau. Ở phía mạn phải, hai chiếc tàu máy khác của lãnh sự quán khịt khịt và khạc nhổ qua những con sóng lớn.

Howard không biết họ đang đi đâu, nhưng anh cũng không quan tâm lắm.

Có vẻ như chỉ cần ra khỏi Đà Nẵng và an toàn là đủ - lần đầu tiên sau nhiều ngày. Kiểm tra la bàn bỏ túi, viên sĩ quan hậu cần trẻ tuổi đã định hướng đến một hòn đảo nhỏ của ngư dân ở phía đông nam.

Custer, mệt mỏi và kiệt sức, ngả người vào khuỷu tay. Chỉ vài phút sau, anh ta mới lấy lại sức để nói. “Chúng ta có một chiếc 240 LZ đang chờ đón chúng ta,” anh ta hét lên qua tiếng rít của động cơ. Chẳng bao lâu, như thể theo hiệu lệnh, một ống khói đỏ, trắng và xanh cùng hình dáng tối tăm của một tàu hàng Mỹ hiện lên từ trong sương mù. Biển tên ghi : Pioneer Contender.

Khi Francis biết về cuộc bạo loạn tại nhà ga chính, ông đã chuyển tất cả các chuyến bay của Air America đến Marble

Mountain, lần này là vĩnh viễn. Mặc dù đường băng ở đó quá nhỏ để chứa được chiếc World Airways 7275, nhưng các máy bay vận tải và trực thăng của Air America có thể hoạt động dễ dàng miễn là lính thủy đánh bộ Việt Nam không can thiệp.

Hơn 10.000 người Việt Nam đã bị kẹt bên trong nhà ga vào thời điểm ngừng hoạt động. Một số là nhân viên lãnh sự quán và gia đình họ, và Francis ngay lập tức gọi hai chiếc trực thăng Air America Huey để chở những "hành khách hợp pháp" này đến Marble. Nhưng ngay khi hai chiếc trực thăng vừa đáp xuống thì đám đông lại tiếp tục rơi vào cảnh hỗn loạn và đổ máu.

Khi những chiếc tàu nhỏ kéo ngang

qua Pioneer Contender, một vài người bạn của Ron Howard đã reo hò vui mừng và vỗ vai nhau. Một người Việt Nam đã áp một chiếc thánh giá nhỏ lên môi. Howard đứng dậy và với tay lấy thang trèo được treo bên hông tàu. Sau đó, anh ta quay sang Custer và đề nghị giúp ông ta đứng dậy. Nhưng Trưởng Căn cứ đã gạt tay ông ấy ra và lắc đầu. Ông ấy không lên tàu, ông ấy nói. Ông vẫn còn trách nhiệm. Anh ấy sẽ phải quay lại Đà Nẵng để tìm kiếm những nhân viên Việt Nam bị mắc kẹt. Có ai sẵn lòng giúp đỡ không ?

Howard khó mà tin rằng mình đã nghe đúng. Anh nhìn xung quanh những người khác trên thuyền. Không ai cử động. Cuối cùng Brunson McKinley gật đầu. Vâng, anh ấy sẽ quay lại, anh ấy nói. Nhưng anh ta là người duy nhất.

"Chúc may mắn và hãy tự chăm sóc bản thân," Custer gọi to khi anh vẫy tay chào những người còn lại lên thang. Sau đó, chiếc thuyền máy rời đi và biến mất vào trong sương mù. Howard liếc nhìn chiếc thuyền lần cuối qua vai khi anh leo lên boong chính. "Cảm ơn Chúa, tôi không thích làm anh hùng," anh ta hét lên với người bạn Việt Nam của mình đang ở vài bậc thang trên anh.

Nhưng sự nhẹ nhõm của Howard đã đến quá sớm. Bởi vì cảnh tượng chào đón anh khi anh đu mình qua lan can của Contender cũng giống như cơn ác mộng mà anh có thể thấy ở Đà Nẵng. Hơn 1.500 quân lính Nam Việt Nam nằm dài, thư giãn, đánh nhau trên boong tàu chính và cầu tàu, và tập ngắm bắn vào những thường dân Việt Nam bất hạnh ở giữa họ. Chưa đầy ba mươi thước, một

lính VNCH đang cưỡng hiếp một phụ nữ Việt Nam trong khi một lính khác chĩa súng vào người bạn nam của cô. Ba mươi lăm hoặc hơn những người tị nạn Mỹ đã lên tàu đang co rúm lại bên lối đi.

"Họ muốn đi đến Philippines," một trong số họ gào lên với Howard, chỉ vào một nhóm lính Việt Nam vũ trang trên boong tàu ngay phía trên. "Họ đã nhốt thuyền trưởng trên cầu tàu."

Howard hầu như không dừng lại để suy nghĩ về những gì mình đang làm. Ông ra hiệu cho một vài lính thủy đánh bộ Mỹ đã đi cùng ông từ Đà Nẵng và nhanh chóng phác thảo một kế hoạch. Sau khi kiểm tra vũ khí của mình, họ bắt đầu leo lên cầu. Bốn người lính Việt Nam ở lan can phía trước quá bận rộn nói chuyện với nhau nên không để ý, và trước khi họ kịp làm gì như khóa và nạp đạn, Howard

và các thủy quân lục chiến đã lao vào và giữ họ xuống sàn tàu. Chỉ vài phút sau, một trong những người lính thủy đánh bộ đã phá khóa trên cửa hầm, và một vị đại úy bối rối cùng vài thành viên thủy thủ đoàn xuất hiện từ những ngóc ngách của cabin. "Bạn biết không," viên đại úy càu nhàu khi cố gắng lấy lại bình tĩnh, "họ đã nói với tôi ở Sài Gòn rằng chúng tôi đến đây để lấy những chiếc xe hơi thừa của Mỹ." Tôi không hề biết chúng tôi sẽ phải đối mặt với điều này."

Ở Sài Gòn, không ai trong chúng tôi có chút ý niệm nào về những gì các đồng nghiệp QK 1 của chúng tôi đang phải đối mặt. Vào sáng ngày hai mươi tám, thông tin từ Đà Nẵng là một mớ hỗn độn nhưng hạn chế, chủ yếu là các báo cáo của phóng viên, báo cáo của phi công và

một số bức ảnh chụp từ trên cao. Và để làm cho mọi chuyện tồi tệ hơn, sự miễn cưỡng của Custer trong việc vội vàng đến Sài Gòn như Polgar muốn đã để lại cho chúng tôi một sự tự tin sai lầm. Chỉ huy căn cứ đã nắm được tình hình, chúng tôi tự nhủ như vậy, rồi tiếp tục công việc của mình.

"Công việc" của chúng tôi, như đã xảy ra, không hề bình thường, vì ngày hai mươi tám là ngày Martin và đoàn tùy tùng của Weyand đặt chân đến Sài Gòn. Ngay cả khi Ron Howard và phần còn lại của lãnh sự quán QK 1 đang vật lộn với sự sống còn, Pat, Joe và tôi cũng đang bận rộn chuẩn bị các báo cáo và nghiên cứu để giúp các vị lãnh đạo nắm bắt các sự kiện mà chính chúng tôi cũng khó mà hiểu được.

McKinley ngồi bên cạnh Custer,

những giọt nước muối bắn vào kính khi chiếc thuyền máy lướt vào đất liền. Trong làn sương mù, họ thoáng thấy một chiếc tàu kéo, Oseola (một cái tên Mỹ hay, McKinley nghĩ thầm), và lái về phía nó. Có thể có một số xà lan trống trải dài phía sau, Custer hét lên. Họ sẽ cần một nơi nào đó để dỡ bỏ những người sơ tán của mình.

Trên thực tế, không có chiếc xà lan nào trống rỗng - chúng đều chật cứng người. - nhưng hai người đàn ông vẫn quyết định chọn Oseola làm căn cứ hoạt động của họ, và ném vali của McKinley lên tàu trước khi quay đầu hướng về bờ.

Ở bến tàu nước sâu, họ nhìn thấy Al Francis. Anh ta mắt lờ đờ và mệt mỏi đến mức loạng choạng, nhưng anh ta từ chối được sơ tán. Anh ấy phải ở lại thành phố thêm một thời gian nữa, ông

nói, chỉ để cứng rắn hơn với người Việt. "Giữ liên lạc nhé," McKinley đùa một cách nghiêm nghị khi anh và Custer lại lên đường. Đó là lần cuối cùng họ gặp Francis ở Đà Nẵng.

McKinley để Custer lại ở bến tàu nhỏ đối diện với lãnh sự quán và chạy nhanh lên phố hướng về biệt thự của Francis, quan sát đám đông để tìm những gương mặt quen thuộc. Bọn cướp đã đột nhập vào các ngôi nhà và căn hộ chỉ mới bị bỏ hoang vài giờ trước, và những đám đông người Việt Nam, với những tấm bạt đầy đồ ăn cắp trên vai, vội vã đi qua anh khi tiếng đạn lạc vang lên từ các con phố bên cạnh.

Howard và những người bạn Mỹ của anh ta lo lắng nhìn ra hàng nghìn binh lính Việt Nam đang chia sẻ boong tàu của chiếc Pioneer Contender với họ.

Họ đã ở trên tàu hơn một giờ rồi ; họ đã giải cứu được thuyền trưởng và làm dịu những thành viên thủy thủ đoàn đang hoảng loạn hơn, nhưng sự hỗn loạn và điên cuồng xung quanh họ vẫn không có dấu hiệu giảm bớt. Tiếng súng vang lên từ đuôi tàu khi quân đội VNCH nhanh chóng xử án "các nghi phạm Việt Cộng." Các binh sĩ và dân thường đang chiến đấu với nhau một cách tàn bạo trên các boong tàu phía dưới, và có tin đồn rằng các đặc công nước của cộng sản sẽ sớm cố gắng đánh chìm họ. Một trong số các thủy quân lục chiến đã đề xuất : Có lẽ họ nên cố gắng dọn sạch tất cả người Việt trên cầu và boong tàu phía trên và tự cô lập mình lại. Ít nhất, họ sẽ có thể tự vệ nếu đám đông giữa tàu quay lưng lại với họ.

Rõ ràng là việc dọn dẹp boong tàu sẽ không dễ dàng. Có gần 1.000 quân VNCH trên phần trên của con tàu, hầu hết đều có vũ trang, và bất kỳ nỗ lực nào để buộc họ vào trong lỗ hổng hoặc đuôi tàu có thể gây ra một cuộc đối đầu. Nhưng còn lựa chọn nào khác đâu ? Howard và một số người khác đã tham khảo ý kiến của thuyền trưởng. Ông ấy đồng ý. Sau đó họ bắt tay vào làm việc.

Đặt vũ khí xuống, Howard tiến vào nhóm người Việt Nam gần nhất. Anh kéo các sĩ quan sang một bên, nịnh nọt và trấn an họ, giải thích rằng sẽ không thể ra khơi chừng nào còn hỗn loạn trên boong. Anh lặp đi lặp lại những lập luận tương tự trong suốt buổi sáng và đầu giờ chiều, ngay cả khi anh thu thập vũ khí và thúc những người lính bối rối và đôi khi thù địch về phía đuôi tàu. Những người

bạn đồng hành người Mỹ của anh cũng làm như vậy.

Chỉ một lần duy nhất, cuộc điều đình này đã đe dọa trở thành một cuộc đối đầu rõ ràng. Ngay trước buổi trưa, một chiếc tàu tuần tra nhỏ của Việt Nam đã áp sát bên cạnh chiếc Contender với súng máy chĩa vào boong tàu. Người thuyền trưởng Việt Nam, la hét qua loa phóng thanh, yêu cầu con tàu phải đầu hàng ông ta. Đó là những lời cuối cùng mà anh ta nói. Một trong những người Mỹ ngay lập tức nổ súng, bắn vài phát vào buồng lái. Chiếc thuyền nhỏ nhanh chóng lùi lại mà không bắn trả.

Khi McKinley chen lấn trở lại bến tàu tại lãnh sự quán, anh có vài người bạn Việt Nam đi theo, và anh cùng Custer vội

vàng đẩy họ lên tàu máy. Chuyến trở về Oseola mất bốn mươi lăm phút, việc dỡ hàng có thể mất năm phút. Custer sau đó quay đầu máy ngoài và lại hướng về thành phố.

Trong khi đó, Oseola bắt đầu kéo các xà lan của mình về phía một tiếng còi sương mù rên rỉ trong sương mù. Theo một thông điệp radio gần đây, chiếc Pioneer Contender đang ở đâu đó ngoài kia, đang đón hành khách.

Suốt buổi sáng, hai chiếc trực thăng Air America liên tục đưa những người sơ tán từ bãi đỗ nhỏ ICCS gần biệt thự của Francis đến đường băng Marble Mountain. Đến giữa trưa, cả hai chiếc đều sắp hết nhiên liệu và các phi công đã thông báo cho Francis rằng họ sẽ phải bay ra

một hòn đảo cách bờ biển bảy mươi dặm để lấy lương thực khẩn cấp. Quyết tâm tận dụng từng phút một, Francis đã gọi đến sở chỉ huy của Tướng Trương và yêu cầu thêm một chiếc trực thăng để duy trì hoạt động của tàu con thoi. Trương đã đồng ý, tình nguyện cung cấp trực thăng và phi công của mình.

Với sự hỗ trợ thêm này, Francis đã có thể rời khỏi bệ ICCS trước ba giờ chiều. Khi hành khách cuối cùng lên máy bay, anh nghiêng người vào buồng lái và chỉ đạo phi công thực hiện chuyến bay cuối cùng mà không có anh. Ông quyết tâm quay lại lãnh sự quán để tìm thêm những nhân viên Việt Nam bị mắc kẹt.

Mười phút sau, phi công của Trưởng hạ cánh trực thăng xuống đầu đông của sân bay Marble Mountain và cho hành khách xuống ở đó. Nhưng hoàn toàn

không biết, các điều hành viên của Air America vừa mới chuyển các hoạt động đón tiếp sang một khu vực khác của đường băng. Vì vậy, khi chuyến vận chuyển theo lịch trình đến, những người mới đến này đã bị bỏ qua.

Chiều muộn, Francis đã bay trực thăng đến Marble để kiểm tra lần cuối. Ông thấy những người sơ tán bị bỏ rơi tụ tập lại với nhau trong một nhóm nhỏ đầy sợ hãi, và ngay lập tức gọi radio yêu cầu một chuyến bay Air America khác. Trong khi đó, quân đội VNCH đã bắt đầu thiết lập một khẩu đội pháo ngay bên ngoài đường băng, với các nòng pháo hướng xuống đường băng, và Francis đã bước nhanh đến để hội ý với họ. Chỉ bằng cách hứa sẽ loại bỏ một số sĩ quan và binh sĩ, ông mới có thể thuyết phục họ giữ súng lại đủ lâu để chuyến vận tải

theo lịch trình hạ cánh. Trong số chín mươi ba người đã chen chúc lên chiếc C-47 cuối cùng rời đi, hơn một nửa là lính Việt Nam.

Nhưng ngay cả nhượng bộ này cũng không đủ. Khi máy bay bắt đầu lăn bánh xuống đường băng, hàng trăm lính khác lao theo, túm lấy cánh và thân máy bay như thể họ quyết tâm chỉ vì sự tức giận để không cho nó cất cánh. Francis chạy bên cạnh, la hét cảnh báo và chửi bới, đánh một số lính bằng nắm đấm của mình. Những lời khiêu khích của anh ta không phải là vô ích. Một vài người trong số họ nhanh chóng quay sang tấn công anh ta và đấm anh ta xuống đất, liên tục đấm vào cổ và mặt anh ta khi máy bay tự mình vươn lên bầu trời. Francis có thể đã bị giết ngay lúc đó, giữa những người mà anh đang cố gắng giúp đỡ, nếu

như anh không có sự bình tĩnh để nằm bất động như một người chết. Điều đó đã làm cho những kẻ tấn công của anh ta sốc và khiến họ lùi lại. Cuối cùng họ hoàn toàn mất hứng thú với anh ta, và đi lang thang trở lại đường băng về phía súng của họ. Khi người cuối cùng trong số họ biến mất vào làn khói và sương mù, một nhân viên từ thiện người Đức và hai nhân viên từ thiện người Anh đã theo dõi từ xa đã chạy tới và kéo Tổng lãnh sự bị thương đứng dậy. Mặc dù bị chấn động và choáng váng, ông dường như không bị thương tích gì, ngoại trừ vết bầm tím ở cổ. Chúng sẽ làm ông đau đớn hai năm sau khi Sài Gòn sụp đổ.

Đến đầu giờ chiều ngày hai mươi tám, Sư đoàn 3 VNCH ở sườn tây nam Đà Nẵng đã tan rã dưới áp lực của "hội

chứng gia đình" và sự tấn công của pháo binh cộng sản, và vài lính thủy đánh bộ phía bắc thành phố đang rút lui về phía bãi biển trước sức mạnh vượt trội của lực lượng cộng sản. Khi tin tức về những thất bại này lọt vào tai tổng hành dinh của ông, Tướng Trưởng đã gọi điện cho Tổng thống Thiệu ở Sài Gòn và yêu cầu "sự linh hoạt" trong việc thực hiện phòng thủ cuối cùng của thành phố. Thiệu không thèm hỏi để làm rõ. Anh ta biết "tính linh hoạt" có nghĩa là gì - sơ tán ngay lập tức và hoàn toàn bằng đường biển.

Đối với một số đồng nghiệp lo lắng của họ đã có mặt trên tàu, có vẻ như Francis và Giám đốc Căn cứ CIA của anh ta đang cạnh tranh để trở thành người Mỹ cuối cùng ở Đà Nẵng. Ngay sau vụ

suýt xảy ra tai nạn tại Marble Mountain, Tổng Lãnh sự và những người bạn người Anh của ông đã trực thăng đến sở chỉ huy của Trưởng ở rìa thành phố để đề nghị sự giúp đỡ của họ. Custer thì dành phần còn lại của buổi chiều để di chuyển giữa Oseola và các bến cảng dọc theo sông Hàn. Ngay trước lúc chạng vạng, chiếc thuyền máy của anh ta hết xăng không xa lãnh sự quán, và anh ta cùng với người lái buộc phải đi nhờ một chiếc xà lan đi ngang qua cho chuyến cuối cùng ra đến tàu kéo.

Đến chiều muộn, sương mù đã tan, và xa tít tầm mắt, đại dương ngập tràn rác rưởi của một thành phố quyết tâm tự cứu mình - những chiếc thuyền nhỏ, thuyền đánh cá, xà lan đáy phẳng, tất cả đều chất đầy và chao đảo trong những

cơn sóng. Trong vài giờ qua, Ron Howard và các đồng đội của anh đã thành công trong việc quét hầu hết người Việt Nam ra khỏi cầu tàu và boong trên của Pioneer Contender, nhưng giữa tàu, dòng người chen chúc giờ đây đã quá đông, rõ ràng là người Mỹ không thể còn giữ lại một phần tàu cho riêng mình.

Suốt buổi chiều, việc chất hàng lên tàu Contender vẫn tiếp tục không ngừng nghỉ. Khi các tàu nhỏ hơn neo sát bên, cầu thang hoặc thang được thả xuống cho họ, và hành khách bắt đầu cuộc leo trèo nguy hiểm lên boong chính. Nhiều người trong số họ, thường là những người trẻ nhất và già nhất, đã mất thăng bằng và rơi xuống biển, bị nghiền nát đến chết khi tàu của họ va vào bên hông con tàu trong cơn sóng dữ. Đến lúc hoàng hôn, Ron Howard đã ngừng đếm số người

thiệt mạng. Ông đã thấy gần 1.000 người rơi xuống biển.

Khi Francis và hai người bạn người Anh của anh đến trụ sở của Trương, vị tướng đang phá hủy những tài liệu và bản đồ chiến đấu cuối cùng của mình. Hầu hết nhân viên của ông đã bỏ rơi ông. Người Tây phương đã giúp ông đốt các tài liệu, rồi lên máy bay trực thăng riêng của ông và bay cùng ông đến trụ sở hải quân Việt Nam trên một bán đảo nhỏ gần bến tàu nước sâu. Bóng tối đã bao trùm khi họ hạ cánh, nhưng trong ánh sáng mờ của khuôn viên, họ có thể thấy vài chiếc xà lan, tất cả đều chật cứng lính, đậu bên cạnh các bến tàu gần đó. Hàng chục binh sĩ bám vào hai bên mỗi chiếc tàu, những ngón tay của họ nắm chặt vào hàng rào lưới xung quanh mép

tàu, đôi chân họ lướt trên những con sóng. Francis hỏi một sĩ quan Việt Nam liệu anh có thể "mượn" một chiếc xà lan để quay trở lại thượng nguồn đến lãnh sự quán không. Người lính hầu như không thèm lắc đầu.

Ron Howard nheo mắt nhìn đồng hồ trong bóng tối : 10 giờ tối. Trong tám giờ qua, Pioneer Contender đã tiếp nhận gần 7.000 người sơ tán, và tiếng súng vẫn vang lên từ các boong tàu dưới khi các binh sĩ Việt Nam tiếp tục giết hại ngày càng nhiều thường dân để chiếm chỗ cho mình. Một số người Mỹ muốn can thiệp, nhưng những người còn lại không muốn mạo hiểm đối đầu với các binh sĩ. Điều tốt nhất họ có thể làm, tất cả đều đồng ý, là buộc phải dừng việc chất hàng.

Ngay cả vào lúc đó, ba chiếc xà lan lớn đang di chuyển bên cạnh Contender, mỗi chiếc chở khoảng 3.000 người, nhiều hơn nhiều so với khả năng chứa đựng. Nếu phải có một cuộc cách ly, thì tốt nhất là bắt đầu ngay bây giờ. Một vài người Mỹ đã di chuyển đến lan can trên cầu. Họ đợi cho đến khi chiếc xà lan đầu tiên đã dỡ hàng, nhưng ngay khi cầu tạm được kéo dài đến chiếc thứ hai, họ đã bắn một loạt đạn cảnh cáo ngay trước mũi tàu. Một chiếc tàu kéo ở phía sau ngay lập tức bắt đầu lùi lại. Bảng tên của nó lóe lên thoáng qua trong ánh đèn chiếu : Oseola, một tàu của Mỹ.

Máy bay từ Đà Nẵng đã đổ bộ vào căn cứ không quân Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn lâu sau khi trời tối. Người Việt Nam và người Mỹ mắt nhắm mắt mở bước

xuống các bậc thang lên đường băng với tất cả những gì còn lại của tài sản thế giới của họ được ôm trong tay. Một số nhân viên từ USAID và văn phòng hành chính của Đại sứ quán đã thiết lập một trung tâm tiếp nhận để phân loại những người đến. Người Mỹ nhanh chóng được đưa đến các khách sạn hoặc các khu cư trú chính thức của Đại sứ quán, nhưng người Việt, nhiều người trong số họ chưa bao giờ ra khỏi Đà Nẵng trước đây, không có nơi nào để đi. Chính phủ vẫn đang làm việc điên cuồng để chuẩn bị các trại tái định cư khẩn cấp, tại vịnh Cam Ranh và ở đồng bằng.

Tôi nhớ đã đi bộ giữa những người tị nạn Việt Nam tại nhà ga tối hôm đó. Nhiều người ngồi bất động và im lặng trên sàn bê tông cứng, khuỷu tay chống lên va-li, đôi mắt họ mở to và không chớp

trong sự kinh ngạc. Một vài thư ký Đại sứ quán và nhân viên Bộ Ngoại giao di chuyển giữa họ, phát trà và bánh mì nhỏ.

Một số sĩ quan CIA đã bay từ Đà Nẵng đến trong ngày cố gắng chịu đựng, đi vào quán bar của khách sạn Duc để kể về những cuộc phiêu lưu của họ. Nhưng sau một thời gian, nhiều người trong số họ xin phép ra ngoài và trở về phòng của mình. Một sĩ quan bán quân sự già đã bật khóc trước mặt vợ. Họ đã để lại rất nhiều người Việt Nam phía sau, anh ấy nói, rất nhiều nhân viên của họ. Và anh nhớ lại, dù không muốn, cách anh đã dành cả buổi chiều để di chuyển bạn bè và đồng nghiệp người Việt của mình qua một loạt những chiếc lồng thép được thiết lập tại Núi Ngọc để kiểm soát đám đông. Đó sẽ là ký ức sống động nhất của anh về những ngày cuối cùng ở

Việt Nam, những chiếc lồng với những gương mặt căng thẳng phía sau, đôi mắt sáng lên với nỗi sợ hãi và sự không chắc chắn khi những đứa trẻ khóc lóc.

Đến mười một giờ, Custer, an toàn trên tàu Oseola cùng với một số đồng nghiệp CIA của mình, đã từ bỏ việc cố gắng cứu Danang một mình. Anh ta giờ đang nằm dài trên boong tàu, để cho adrenaline thoát ra. Âm thanh hỗn loạn của súng đạn và tiếng kêu của những người sắp chết, đâm xuyên qua bóng tối, khiến việc ngủ trở nên không thể. Trong buồng lái, thuyền trưởng có thể thấy ánh đèn của Pioneer Contender ở xa xa. Nhưng giờ đây ông quyết tâm giữ khoảng cách xa với nó, đặc biệt sau vụ nổ súng nhỏ cách đây một giờ. Rõ ràng là có ai đó trên chiếc Contender không

muốn nhận thêm hành khách. Do đó, anh ta sẽ phải tìm một cách khác để giải thoát cho mình khỏi hàng nghìn người sơ tán bị nhồi nhét trong các xà lan trôi dạt phía sau. Một trong những người của CIA trên tàu Oseola đã phát tín hiệu "Mayday" đến tất cả các tàu thuyền ở Biển Đông.

Ngay sau nửa đêm, viên đạn đầu tiên đã đến, va chạm ngay sau tòa nhà trụ sở. Viên đạn thứ hai trúng vào phía trước, và viên thứ ba đâm thẳng vào giữa cấu trúc giống như Quonset. Một quả thứ tư trúng vào một trong những chiếc xà lan, giết chết hàng trăm người. Khu căn cứ hải quân trên bán đảo nhỏ ngay ngoài Đà Nẵng, thành trì cuối cùng của Trưởng, giờ đây đang bị pháo binh cộng sản tấn công trực tiếp và dữ dội.

Khi tiếng pháo bắt đầu vang lên, Al

Francis đang lang thang quanh bến cảng, vẫn cố gắng mượn một chiếc xà lan để đi ngược dòng. Trong cơn mơ màng, anh ta nghĩ rằng những phát đầu tiên là tên lửa 122mm, và anh ta cảm thấy lạ lùng nhẹ nhõm, vì anh ta biết rằng 122mm nổi tiếng là không chính xác ; những người cộng sản sẽ gặp may mắn nếu bắn trúng bất cứ thứ gì. Nhưng khi vòng vây thắt chặt lại, anh nhận ra chắc chắn có một quan sát viên tiền phương đang làm việc và những gì đang đến không phải là tên lửa mà là đạn pháo, có lẽ từ những khẩu pháo 105mm bị bắt giữ. Trong một sự bắt chước vụng về của việc chạy trên địa hình gập ghềnh, anh và những người bạn người Anh của mình lao xuống bãi biển và ra ngoài sóng biển. Một chiếc thuyền tuần tra nhỏ đang để động cơ chạy không ở ngay ngoài bờ sóng. Họ bơi về phía nó và trèo lên tàu.

Hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã cứu Francis và các đồng đội của anh cách bờ biển gần một dặm. Họ được chuyển sang chiếc "HQ 5," một chiếc tàu tuần duyên cũ. Các binh lính trên tàu, Francis ghi nhận với lòng biết ơn, vẫn rất kỷ luật, vì sĩ quan chỉ huy của họ đã ở lại với họ suốt quá trình sơ tán. Thuyền trưởng thông báo với Francis rằng ông sẽ phải ở lại trên tàu cho đến khi việc sơ tán hoàn tất. Ông là sự bảo đảm của họ về sự hỗ trợ từ Mỹ.

Điện đài trên «HQ 5» không được trang bị để liên lạc trên các kênh mà tàu dân sự đang sử dụng trong khu vực, và Francis phải gửi một thông điệp đến sở chỉ huy hải quân Nam Việt Nam ở Sài Gòn và chuyển tiếp lại cho các tàu chở hàng hiện đang tập trung xung quanh ông ở Biển Đông để báo cho Custer và

những đồng đội còn lại biết rằng ông vẫn an toàn.

Suốt đêm, những người Mỹ trên tàu Oseola thay phiên nhau đứng canh, thỉnh thoảng bắn những phát súng cảnh cáo để đuổi những chiếc thuyền đánh cá và thuyền nan quá tải trôi gần. Các nhân viên liên lạc của đại sứ quán ở Sài Gòn định kỳ gửi cho họ các chỉ thị và lời động viên qua bộ thu phát sóng khẩn cấp. Nhưng một thông điệp thì hoàn toàn không khuyến khích. Theo một máy bay trinh sát của Air America, một tàu kéo Việt Nam ở phía sau của họ vừa bị quân đội ARVN đang hoành hành chiếm đoạt. Người điều hành đài phát thanh Sài Gòn đã cảnh báo thủy thủ đoàn và hành khách trên tàu Oseola hãy cảnh giác với các nỗ lực đổ bộ, như thể lời khuyên đó là cần thiết.

Custer liên tục hỏi thăm Sài Gòn về tin tức của Francis, nhưng hải quân Việt Nam Cộng Hòa vẫn chưa chuyển tiếp tin nhắn từ "HQ 5." Người đàn ông CIA thề sẽ ở lại cảng cho đến khi anh ta chắc chắn rằng người bạn của mình, Tổng Lãnh sự, đã an toàn.

Vài giờ sau nửa đêm, hành khách trên tàu Oseola thấy ánh đèn của tàu Pioneer Contender trôi xa ở phía xa khi tàu định hướng về Cam Ranh.

Chuyến hành trình của con tàu Contender kéo dài hơn mười lăm giờ. Có đủ thức ăn trong bếp cho thủy thủ đoàn, khoảng bốn mươi người Mỹ và một trăm người phương Tây khác trên tàu, nhưng quá ít cho đám đông trên boong chính. Ron Howard và những người bạn

của anh cố gắng phát nước cho các hành khách Việt Nam qua một ống cứu hỏa, nhưng mỗi lần họ kéo ống ra, lính Việt Nam lại cắt đứt nó phía sau họ.

Bác sĩ duy nhất trên tàu, một người tị nạn Nga già, đã thiết lập một bệnh viện tạm thời trong nhà bếp. Có một lúc, Howard đã giúp ông ấy đỡ một em bé Việt Nam khỏe mạnh. Ngay sau đó, viên chức CIA trẻ tuổi cũng trở thành bệnh nhân, ngất xỉu vì kiệt sức do nóng trên một bàn mổ kim loại.

Trời mưa lúc bình minh vào ngày hai mươi chín và lạnh bất thường, và đại dương dường như không kém phần thất thường so với ngày hôm trước. Khi ánh sáng đầu tiên ló rạng trên đường chân trời, một trong những người của CIA

trên tàu Oseola đã leo lên tháp canh và nhìn ra những chiếc xà lan gần đó. Từ vị trí của mình, anh ta có thể nhìn thẳng xuống một số chiếc trong số đó. Rõ ràng giữa hàng nghìn hành khách là những xác chết đứng, những xác chết bị kẹt chặt giữa những người sống, sẽ không ai có thể ném chúng xuống biển.

Một vài chiếc xà lan bị bỏ hoang đang trôi gần đó, hành khách của chúng đã được kéo lên tàu Pioneer Contender vào đêm trước. Rác rưởi chất đống trên boong tàu, và khi sương mù tan đi, người đàn ông CIA nhận ra rằng những gì ban đầu anh ta nghĩ là những cây gậy nhô lên từ những đống quần áo, vali và chất thải bốc hơi... lại là những chi thể con người.

Vào một buổi sáng nào đó ngày 29

tháng 3, Tướng Ngô Quang Trưởng, được cho là vị chỉ huy giỏi nhất trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã bước vào làn sóng nguy hiểm ngoài khơi Đà Nẵng. Ông là một người bơi kém và một phụ tá phải giúp ông khi ông chèo đến một chiếc thuyền tuần tra Việt Nam đang chờ đợi.

Trong hai ngày tiếp theo, ông ở lại trên tàu, chứng kiến những tàn dư của quân đội từng hùng mạnh của mình thiêu rụi và cướp bóc thành phố lớn thứ hai ở miền Nam Việt Nam. Một số đồng nghiệp quân sự của ông sau này sẽ chỉ trích ông, buộc tội ông hèn nhát vì không ở lại bờ để chết cùng với đơn vị của mình.

Trong số 2.000.000 người tị nạn vẫn còn ở Đà Nẵng, có lẽ 100.000 người là lính, những kẻ lạc đường từ các Sư đoàn

1, 2 và 3, cùng với Sư đoàn Thủy quân lục chiến nổi tiếng, tất cả đều bị mắc kẹt như những con chuột trong một cái lồng. Và bây giờ họ sẵn sàng làm bất cứ điều gì - phản bội, ăn cắp hoặc giết nhau - để tìm cách thoát thân cho bản thân và gia đình họ.

Tại Sài Gòn, Polgar đọc các báo cáo "tiến độ" từ QK 1 với sự lo lắng ngày càng tăng. Ngay trước khi lãnh sự quán Đà Nẵng đóng cửa hôm trước, ông đã lại chỉ thị cho Custer bay ngay đến Sài Gòn. Nhưng Chỉ huy Căn cứ, quyết tâm đóng vai trò anh hùng đến cùng, đã phớt lờ lệnh như những lần trước đó. Và bây giờ ông đang ngồi ở cảng Đà Nẵng, từ chối kéo neo. Sau này, anh ta sẽ khăng khăng rằng mình đã ở lại để giúp sơ tán thêm nhiều người, thu thập thông tin tình báo

và đảm bảo an toàn cho Francis. Nhưng Polgar nghĩ rằng Custer đang mạo hiểm không cần thiết và đã nói rõ điều đó với anh ta khi cuối cùng anh ta có thể thực hiện một cuộc gọi radio đến Oseola.

Khi Tổng thống Ford chuẩn bị rời Washington vào ngày hai mươi chín để nghỉ lễ Phục sinh tại Palm Springs, California, ông đã thông báo cho các lãnh đạo Quốc hội rằng bốn tàu vận tải hải quân Mỹ và một số tàu thuê đã được gửi đến vùng biển ngoài khơi Nam Việt Nam để hỗ trợ trong việc sơ tán các cảng biển đang bị bao vây. Daniel Parker, giám đốc của Cơ quan Phát triển Quốc tế, đã được chỉ định để phối hợp các hoạt động tái định cư cho người tị nạn, với các quỹ hỗ trợ sẽ được rút từ ngân sách của USAID. Bộ Hải quân sẽ tài trợ cho việc vận

chuyển bằng đường biển.

Ford mô tả công việc này là "hoàn toàn nhân đạo" và nhấn mạnh rằng các tàu sẽ tránh xa các khu vực chiến sự. Trùng hợp thay, Đại sứ quán ở Sài Gòn đã thông báo bắt đầu một cuộc không vận khẩn cấp các vật tư y tế và quân sự từ Hoa Kỳ.

Ngay sau đó, phía Bắc Việt Nam công khai lên án hành động của Ford là "vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận Paris" và ngay lập tức gia tăng các cuộc tấn công pháo kích vào Đà Nẵng.

Trong suốt buổi sáng ngày hai mươi chín, người điều khiển đài phát thanh Sài Gòn đã trấn an nhóm nhỏ mệt mỏi trên tàu Oseola rằng các tàu hải quân

Việt Nam Cộng Hòa đang ở gần và các tàu khác đang đổ về hỗ trợ họ. Nhưng những tàu duy nhất có thể nhìn thấy qua màn mưa là những chiếc tàu tạo thành hạm đội lố nhố của họ từ Đà Nẵng.

Cuối cùng Mel Chatman đã nhượng bộ trước sự thiếu kiên nhẫn của mình. "Tôi sẽ quay lại để xem có thể tìm thấy một số người của tôi không," anh ấy nói. Các đồng nghiệp của anh ta cố gắng khuyên can nhưng Chatman, một nhân viên da đen của USAID, vẫn kiên quyết. Anh ta trèo lên một chiếc thuyền máy, khởi động động cơ và hướng về bờ biển. Vài giờ sau, anh ta trở về, chán nản và tay không. Thành phố đang trong tình trạng hỗn loạn đến nỗi anh ta không thể cập bến.

Chatman không phải là người Mỹ duy nhất thực hiện nhiệm vụ giải cứu cuối cùng vào Đà Nẵng vào sáng hôm đó. Cũng như Tổng thống không thể ngăn cản của World Airways, Edward Daly. Các đại diện của Đại sứ quán tại Sài Gòn đã tranh luận với ông suốt đêm, cố gắng thuyết phục ông không đi. Nhưng ông vẫn làm như vậy, bằng chi phí của chính mình và bằng thẩm quyền của chính mình, khẳng định rằng máy bay của ông hiện là hy vọng duy nhất cho hàng ngàn người vẫn bị mắc kẹt trong thành phố. Ngay sau khi bình minh, hai chiếc 727 của ông đã cất cánh từ Tân Sơn Nhất và bay về phía bắc hướng đến Đà Nẵng. Bản thân Daly ngồi trên máy bay dẫn đầu.

Khi chiếc máy bay đầu tiên hạ cánh xuống đường băng chính của thành phố, hàng nghìn lính vũ trang và dân thường

đang tụ tập ở rìa đường băng. Khi cầu thang lên máy bay hạ xuống, những người mạnh mẽ và nhanh nhẹn hơn trong số họ đã lao vào chiếc máy bay. Daly cố gắng làm chậm họ lại bằng cách bắn vài phát súng cảnh cáo lên không trung, nhưng không có tác dụng, và một nhóm quay phim của đài truyền hình Anh vừa mới xuống để chụp ảnh đã bị tràn ngập. Sau đó, một chiếc trực thăng của Air America đã phải được gửi đến để giải cứu các phóng viên.

Trong chưa đầy mười phút, hơn 270 người - tất cả đều là lính ngoại trừ hai phụ nữ và một đứa trẻ - đã nhồi nhét vào bên trong máy bay của Daly. Khi chiếc máy bay lớn lăn bánh xuống đường băng, một lính không thể lên máy bay đã chạy theo và ném một quả lựu đạn vào cánh máy bay. Vụ nổ đã làm các cánh hạ cánh

mở ra khi tên lửa Bắc Việt bắt đầu rơi xuống ở đầu xa của đường băng. Chiếc 727 thứ hai không hạ cánh.

Một phóng viên người Mỹ trong số hành khách đã gọi đó là một "chuyến bay từ địa ngục." Hàng chục người bám vào cánh và bánh đáp khi máy bay cất cánh, và nhiều người đã bị nghiền nát dưới bánh. Những người khác đã rơi xuống sau khi máy bay cất cánh, và nhiều thi thể sau đó được tìm thấy bị nghiền nát trong khoang bánh xe. Lối đi giữa cabin lấp lánh với máu. Đó là chiếc máy bay Mỹ cuối cùng rời Đà Nẵng.

Vào buổi sáng muộn, mười chiếc trực thăng nhỏ của Nam Việt Nam cất cánh từ sân bay chính của thành phố. Mỗi chiếc chở hai mươi lính, gấp đôi sức chứa tối đa. Vì đường băng ở Marble Mountain bị bao vây, họ không thể dừng lại để tiếp

nhiên liệu. Một phi công, không biết rằng Chu Lai đã thất thủ, đã lái trực thăng của mình đến sân bay ở đó và bị bắt ngay lập tức. Bốn chiếc trực thăng khác đã bị hỏa lực mặt đất bắn hạ. Một chiếc khác khập khiễng ra một hòn đảo ở phía đông nam Đà Nẵng. Những chiếc còn lại biến mất không một dấu vết.

Khảo sát hàng rào xà lan và thuyền đánh cá kéo dài xung quanh Oseola, Brunson McKinley ước tính tổng số người di cư là khoảng 10.000-10.000 người Việt Nam ở mọi lứa tuổi, mọi mô tả và tình trạng sức khỏe. Tuy nhiên, khi ngày trôi qua, số lượng người trên những chiếc thuyền đó bắt đầu giảm dần, ngày càng nhiều người già và yếu đuối không chịu nổi sự thiếu thốn và lạnh lẽo khi cơn mưa lạnh tiếp tục không ngừng. Trong buổi sáng, người Mỹ đã gọi điện đến Sài

Gòn, yêu cầu thả hàng không các thùng nước ngọt. Trước đó, họ đã chia nhỏ một số hàng dự trữ của mình ra cho các xà lan gần nhất bằng cách sử dụng vòi chữa cháy ; giờ họ cần thêm.

Đại sứ quán ở Sài Gòn đang trải qua những cơn co thắt khẩn cấp như thường lệ. Đại sứ Martin, vừa mới ổn định trong văn phòng của mình, đã yêu cầu các nhân viên USAID chuẩn bị lương thực, đặc biệt là nước, cho đội tàu di tản. Trưởng đại diện USAID địa phương nói rằng ông có thể chuẩn bị mọi thứ trong bốn hoặc năm ngày. Điều đó không đủ tốt, Martin hừ mũi, và quay sang Polgar. Chỉ trong vài giờ, các máy bay Air America theo hợp đồng của CIA đã bay về phía bắc từ Nha Trang với những thùng nước khổng lồ và các vật tư khác.

Đến lúc chạng vạng, mưa đã giảm bớt một chút. Nghi ngờ rằng đây sẽ là ngày cuối cùng của mình ở Đà Nẵng, McKinley lên cầu của Oseola để có cái nhìn cuối cùng về thành phố bị tàn phá. Anh có thể nghe thấy tiếng nổ sporadic của tên lửa và pháo, và thỉnh thoảng ánh sáng từ nòng súng, hoặc sấm chớp, lóe lên từ những đám mây thấp cuồn cuộn trên những ngọn núi phía sau thành phố.

Đột nhiên, khi anh ta sắp quay đi khỏi lan can, một tiếng va chạm vang lên trên mặt nước như tiếng súng trường. Một khoảng cách ngắn, hai chiếc thuyền nhỏ vừa va chạm nhau và đang tách ra. Một trong số đó đã nghiêng nặng, và McKinley ngay lập tức biết được ý định của các lính miền Nam Việt Nam chen chúc trên tàu. Rõ ràng, họ đang nhắm

đến việc chiếm chiếc thuyền kia cho riêng mình. Nhưng trên tàu đó cũng có lính, và không còn chỗ cho hành khách thêm, và bây giờ họ đang bắn thẳng vào những kẻ tấn công để đuổi chúng đi. Khi những chiếc thuyền trôi xa nhau, những viên đạn bắn sáng lướt qua giữa chúng trong ánh sáng mờ ảo, và trong một khoảnh khắc, McKinley cảm thấy như đang đứng bên lề một cuộc đấu trường cổ đại, những nhà vô địch rình rập nhau để giành chiến thắng. Nhưng không có gì anh có thể làm để ngăn chặn nó, và khi những hành khách còn lại trên tàu Oseola cúi mình sau lan can bên phải để xem, ai đó trên tàu đang chìm đã bắn một khẩu súng phóng lựu vào tàu kia, và trong một trận mưa đạn cả hai chiếc tàu bắt đầu chìm.

Chưa đầy năm phút, tất cả các lính

đều đã ở dưới nước, một số đã chết, những người khác đang vùng vẫy trong những cơn hấp hối cuối cùng. Những người Mỹ trên tàu kéo nhìn cảnh tượng trong sự kinh hoàng, biết rằng họ không thể giúp gì được.

Các sư đoàn BV của Tướng Lê Trọng Tấn giờ đã cách Đà Nẵng chỉ hai dặm. Thành phố này đang bị pháo kích nặng nề, một quả tên lửa hoặc đạn pháo thỉnh thoảng rơi xuống giữa những người tị nạn trên bãi biển. Vài giờ trước, quân đội Bắc Việt cũng đã tràn vào thành phố Hội An, cách bờ biển mười lăm dặm, thủ phủ của tỉnh mà Đà Nẵng nằm trong đó. Đó là tỉnh thứ mười ba rơi vào tay cộng sản kể từ khi bắt đầu cuộc tấn công mùa đông-xuân của họ.

Tối hôm đó, tàu Pioneer Contender cập bến Cam Ranh. Một chiếc máy bay vận tải của Air America đã có mặt để đưa Ron Howard và các sĩ quan CIA của ông đến Sài Gòn. Khi họ hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất một giờ sau đó, các nhân viên an ninh CIA đã khăng khăng yêu cầu họ tháo bỏ vũ khí. Howard sau đó đã tâm sự rằng anh rất biết ơn vì họ đã làm như vậy. Nếu không, ông ấy nói, có thể ông ấy đã nhắm đến các quan chức Đại sứ quán, những người vì sự ngu ngốc và những sai lầm của họ đã khiến họ phải trải qua những thử thách này, nếu ông ấy chỉ có thể tìm ra họ là ai.

Máy bay vận tải Air America bay thấp trong bóng tối. Một nhân viên liên

lạc của CIA trên chiếc Oseola đã hướng dẫn phi công hạ cánh để thả hàng. Thùng nước đầu tiên, nặng năm mươi pound, đã vỡ ngay khi chạm đất gần mũi tàu và người của CIA đã gọi máy bay quay lại để thử lần nữa. Custer và các hành khách khác có thể nghe thấy động cơ gần như ngay trên đầu họ khi thùng chứa thứ hai rơi xuống.

Nó rơi xuống như một viên đá, đập thẳng vào trung tâm tháp chỉ huy, những mảnh nhựa văng ra đánh trúng một hành khách Việt Nam và xé toạc cột ăng-ten radio thành từng mảnh. Người Việt Nam, một cách kỳ diệu, chỉ bị hai vết thâm tím quanh mắt, nhưng người thông tin viên của CIA phải mất ba giờ tiếp theo để lắp đặt một ăng-ten khác. Trong khi đó, Custer và những người còn lại đã thả nổi các thùng hàng sống

sót về phía những chiếc thuyền và xà lan nằm ở phía sau.

Tối hôm đó, tin nhắn qua đài phát thanh từ Francis, thông báo về việc anh được cứu, đã được chuyển tiếp đến họ từ Sài Gòn. McKinley và những người bạn đồng hành của anh ta cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm, cả cho bản thân họ và cho Francis, vì họ giờ đây có thể kết thúc cuộc canh giữ của mình.

Ngày hôm sau là Chủ nhật Phục sinh, 30 tháng 3. Tại một cuộc họp báo buổi sáng ở Sài Gòn, Phan Quang Đán, Phó Thủ tướng miền Nam Việt Nam, đã chính thức tuyên bố : "Nó đã mất." "Cộng sản đã chiếm Đà Nẵng." Sau đó, một phát ngôn viên của Việt Cộng tại Tân Sơn Nhất tuyên bố rằng lá cờ của Chính

phủ Cách mạng Lâm thời đã được treo ở Đà Nẵng vào chiều hôm trước. Tại Palm Springs, California, Thư ký Tổng thống Ron Nessen đã trích lời Tổng thống Ford nói rằng việc mất thành phố này là một "bi kịch nhân đạo to lớn."

Vào giữa trưa ngày thứ ba mươi, những con tàu lớn bắt đầu cập bến ngoài khơi QK 1 - tàu hàng Nhật Bản, Việt Nam và Mỹ cùng với nhiều tàu kéo hơn nữa, gần hai mươi chiếc theo số liệu cuối cùng - và chỉ trong vài giờ, họ đã bắt đầu đón hành khách từ các xà lan và các phương tiện sơ tán khác. Trong số đó có ba tàu hàng của Mỹ, Pioneer Commander, Transcolorado và USS Miller, một tàu chiến thắng cũ, tất cả đều theo hợp đồng với Lệnh Vận tải Quân sự.

Trong suốt buổi chiều, những chiếc thuyền tuần tra nhỏ của Nam Việt Nam lao vào và ra khỏi vùng hỏa lực pháo binh của cộng sản để kéo thêm nhiều người di tản khỏi bãi biển. Ngoài việc bắn phá, người Bắc Việt không nỗ lực ngăn chặn dòng chảy ra ngoài, vì họ biết điều đó sẽ giải phóng họ khỏi việc phải thanh lọc toàn bộ xã hội khi họ chiếm quyền.

Trong khi đó, hành khách của Os-eola đã chia tay nhau. McKinley đã chuyển sang tàu Pioneer Contender, tàu vừa mới trở về từ Cam Ranh. Custer và hầu hết các nhân viên CIA cuối cùng đã lên tàu Pioneer Commander. Lần này, chiếc Contender hóa ra lại là một hình mẫu của sự bình yên, vì thủy thủ đoàn của nó giờ đã bao gồm các lực lượng an ninh Việt Nam. Nhưng khi Custer và các đồng nghiệp CIA của ông trèo qua bên

hông của con tàu chị em, họ phát hiện ra những người lính ARVN lẻ tẻ đang kiểm soát boong chính và đang đánh nhau với nhau. Hơn hai mươi lăm người đã chết một cách bạo lực ở giữa tàu trước khi Tư lệnh cập bến Cam Ranh vào ngày hôm sau.

Ba tàu hàng của Mỹ đã rời cảng Đà Nẵng vào chiều muộn. Đến nửa đêm, các tàu khác, xà lan và tàu kéo tạo thành đội tàu sơ tán đã tiếp nhận hơn 50.000 người tị nạn, vượt quá khả năng chứa, và cũng buộc phải ngừng bốc dỡ.

Mười hai giờ sau, những tàu duy nhất chưa rời khỏi Cam Ranh là của hải quân miền Nam Việt Nam. Trong sự nhầm lẫn, Đô đốc Cang ở Sài Gòn đã quên ra lệnh cho họ rút lui. Cuối cùng,

chính Francis, trên tàu "HQ 5," đã phát tín hiệu cho Tướng Smith ở Sài Gòn, yêu cầu ông gợi ý với Cang rằng đã đến lúc phải nhổ neo.

Có rất ít thực phẩm hoặc nước trên bất kỳ tàu nào trong đội tàu cứu hộ, và hầu như không có cơ sở vệ sinh hoặc y tế, và tất cả hành khách, cả người Mỹ lẫn người Việt, đều phải ứng biến trong chuyến hành trình về phía nam. Một bác sĩ Việt Nam bận rộn trên tàu USS Miller đã đỡ đẻ cho bốn em bé trong một chiếc lều bên boong tàu giữa Đà Nẵng và Cam Ranh. Những đứa trẻ sơ sinh tự động trở thành công dân Mỹ bởi vì chúng đã chào đời trên một tàu của Mỹ ở vùng biển quốc tế.

Khi những chiếc tàu dẫn đầu cập bến Cam Ranh vào ngày ba mươi và ba mươi mốt, những người tị nạn loạng choạng

bước xuống boong tàu và quỳ gối, biết ơn bấu víu lấy đất liền khô ráo. Nhiều người bị say sóng dữ dội, đã trải qua hơn bốn ngày trên biển mà gần như không có lương thực. Tại Cam Ranh, cái nóng thật ngột ngạt, lên đến một trăm độ hoặc hơn, và các nhân viên USAID cùng với các nhân viên từ thiện Việt Nam và Mỹ từ Sài Gòn và Nha Trang di chuyển giữa đám đông nóng bức, phát nước, muối và những phần thức ăn ít ỏi còn lại. Trong khi đó, hàng trăm kẻ lảng vảng có vũ trang đi lang thang qua các làng mạc ngoại ô, uống bia và ăn cắp thực phẩm từ những người nông dân hoảng sợ.

Vào chiều ngày ba mươi mốt, sáu tàu của Nam Việt Nam và Mỹ đã quay trở lại Đà Nẵng để đón những người tị nạn khác vẫn đang trôi dạt trên biển cả. Một ngày sau, chính quyền Sài Gòn đã kêu gọi

Liên Hợp Quốc can thiệp với Bắc Việt để đảm bảo thực phẩm và hỗ trợ cho những người tị nạn ở các khu vực do cộng sản kiểm soát. Thực tế, Liên Hợp Quốc đã đang vận chuyển hàng cứu trợ đến Hà Nội để chuyển xuống phía nam đến các khu vực mới bị chiếm đóng.

Đài Hà Nội thông báo vào ngày 2 tháng 4 rằng một chính phủ liên minh hiện đang cầm quyền Đà Nẵng. Thực ra, Tướng Tấn đang phụ trách và trong quá trình khôi phục trật tự. Một số quan chức cảnh sát và dân sự hàng đầu của thành phố, những người đã bị bỏ lại, đã bị bắt giữ và bắn chết. Cùng ngày, Tổng thống Thiệu, trong một trong những đoạn kết hài hước hơn của toàn bộ bi kịch, đã ra lệnh cho Tướng Trưởng mệt mỏi cố gắng thiết lập một đầu cầu trên một hòn đảo ngoài khơi bờ biển QK 1 như một bước

chuẩn bị cho một cuộc phản công để tái chiếm toàn bộ khu vực. Trưởng suýt nữa đã cười vào mặt Tổng thống.

Thất bại ở Khu Quân sự I đã khiến chính phủ phải trả giá đắt. Trong số 3.000.000 người đã nằm dưới sự kiểm soát của họ tại đó vào đầu cuộc tấn công, chưa đến 70.000 người thoát được, phần lớn trong số đó bằng đường biển. Khoảng 16.000 quân nhân nằm trong số những người sơ tán cuối cùng, nhưng bốn sư đoàn, bao gồm cả Sư đoàn Thủy quân Lục chiến - đơn vị tốt nhất của Trưởng - đã bị tiêu diệt như những đơn vị chiến đấu.

Lãnh sự quán cũng không khá hơn bao nhiêu. Francis thừa nhận vài tháng sau đó rằng ông không biết có bao nhiêu

trong số 500 nhân viên Việt Nam của mình đã thoát ra ngoài. Custer thừa nhận rằng chưa đến một nửa trong số 500 người trong danh sách của CIA đã trốn thoát, dù là nhờ nỗ lực của ông hay của chính họ.

Mặc dù chính quyền Ford sẽ đổ lỗi cho việc cắt giảm viện trợ của Quốc hội về thảm họa này, nguyên nhân gốc rễ là do lãnh đạo kém, đặc biệt là ở Sài Gòn. Đã hứa với Trưởng không rút lui Sư đoàn Nhảy dù một cách vội vã, Thiệu đã thay đổi quyết định chỉ sau một đêm, mà không cho chỉ huy QK 1 của ông đủ thời gian để điều chỉnh phòng thủ, và ông đã thay đổi ý kiến ít nhất hai lần về việc phòng thủ Huế. Để thêm phần hỗn loạn, ông đã từ chối thông báo cho các chỉ huy của mình - hoặc các đồng minh của ông - về kế hoạch của mình.

Nhưng Thiệu không phải là người duy nhất xử lý sai lầm trong cuộc khủng hoảng này. Ngay cả sau khi mất Huế, Đại sứ quán ở Sài Gòn cũng không cung cấp cảnh báo hoặc hướng dẫn đầy đủ cho nhân viên ở hiện trường, và Francis cũng chậm chạp trong việc cố gắng lấp đầy khoảng trống đó.

Một phần lý do cho sự chậm trễ của ông là niềm tin sai lầm rằng quân đội Mỹ sẽ đến cứu ông bằng trực thăng, như đã hứa. Nhưng sự kiềm chế cơ bản hơn là sự gắn bó rõ ràng của ông với tất cả những huyền thoại về sức mạnh của VNCH và khả năng sống sót của Thiệu, mà Đại sứ Martin đã cẩn thận nuôi dưỡng trong nỗ lực của riêng mình để củng cố các chính sách Việt Nam của Kissinger - và uy tín của Mỹ ở nơi khác trên thế giới.

19. Mảnh lưỡi của tôi

Sự thất thủ của Đà Nẵng là quyết định, củng cố quyết tâm của Hà Nội cho chiến thắng toàn diện theo cách mà chưa từng có trước đây. Nhưng nó cũng đến như một bất ngờ và cú sốc đối với lãnh đạo miền Bắc Việt Nam. Như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tâm sự với một phóng viên phương Tây, ông và các đồng nghiệp của ông chưa bao giờ mơ rằng quân đội miền Nam Việt Nam lại sụp đổ nhanh chóng như vậy.

Vào ngày 31 tháng 3, Bộ Chính trị

đã tổ chức một cuộc xem xét chính sách "lịch sử" khác. Đánh giá rằng người Việt Nam miền Nam "bị kìm hãm chiến lược" và Hoa Kỳ "hoàn toàn bất lực," họ quyết định rằng cuộc chiến "đã bước vào một giai đoạn phát triển khổng lồ" và kêu gọi Dũng (theo lời ông) "tiến hành một cuộc tổng tấn công vào thời điểm sớm nhất có thể - cụ thể là không muộn hơn tháng Tư."

Một "kế hoạch chiến lược" theo hướng này đã được soạn thảo và gửi đến chỉ huy BV ở hiện trường. Nó đã chính thức hóa cam kết của Bộ Chính trị đối với chiến thắng toàn diện và siết chặt thời hạn mà Dũng phải hoàn thành. Chỉ thị trước đó của Bộ Chính trị, được ban hành sáu ngày trước, đã chỉ đạo ông "đánh bại Sài Gòn trước mùa mưa - vào tháng Năm." Bây giờ ông ta đang chịu

lệnh rõ ràng phải hoàn thành tất cả trong bốn tuần tới.

Trong khi thiết lập các hướng dẫn rõ ràng cho cuộc tấn công, Bộ Chính trị cũng tìm cách gieo rắc sự nhầm lẫn và bất ổn chính trị ở Sài Gòn. Chỉ vài giờ sau cuộc họp của Bộ Chính trị vào ngày ba mươi mốt, Đài Phát thanh Giải phóng đã thông báo rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG) đã sẵn sàng tham gia đàm phán với chính phủ Sài Gòn - trừ Thiệu - "để giải quyết công việc." Công thức này, dù có vẻ hòa giải, thực ra chỉ có một mục đích thâm độc : đưa sự phản đối chính trị đối với Thiệu đến điểm bùng phát.

Trong suốt thời gian này, lực lượng nhân lực và thiết bị quân sự cần thiết cho cuộc tấn công cuối cùng của BV đang được tập hợp và đẩy vào các hành

lang xâm nhập dẫn xuống phía nam. Ba sư đoàn tạo thành Quân đoàn 1 của BV, đóng tại miền Bắc Việt Nam, đã được lệnh chuẩn bị tham gia chiến đấu. Một số đơn vị của Quân đoàn II BV, đã chiếm được Đà Nẵng, đã được rút khỏi thành phố và gửi xuống các tuyến đường ven biển hướng về QK 3, và chính Tướng Dũng đã kích hoạt một sở chỉ huy Quân đoàn III để phối hợp các hoạt động của lực lượng của ông khi họ cũng tiến vào Sài Gòn.

Để đảm bảo tuân thủ các chỉ thị của mình, Bộ Chính trị đã cử một thành viên của mình đến mặt trận để theo dõi Dũng. Người được chọn làm sứ giả không ai khác chính là Lê Đức Thọ, người đã cùng với Lê Duẩn là một trong những người ủng hộ chính của cuộc tấn công ngay từ đầu. Mặc dù Thọ luôn có tư tưởng hiếu

chiến, nhưng có điều gì đó gần như mỉa mai về nhiệm vụ mới của ông, vì chính ông, sau tất cả, là người đã đồng tác giả hiệp định hòa bình năm 1973 mà giờ đây ông lại chuẩn bị đốt cháy[24].

Vào ngày Thọ lên đường, Tôn Đức Thắng, vị chủ tịch bù nhìn yếu ớt của Bắc Việt, đã khuyên ông : «Ông phải thắng. Nếu không, anh không nên quay lại.» Lời cảnh cáo chắc chắn đã được truyền đạt với sự nghiêm túc tuyệt đối. Lãnh đạo giờ đây đã cam kết với một canh bạc lớn mà họ không thể để thua.

---

24 Thọ thực ra rất phù hợp với nhiệm vụ mới của mình. Ông biết rõ về cuộc chiến ở khu vực Sài Gòn, đã từng giữ chức ủy viên chính trị trưởng tại đó vào giữa những năm 1950, kế nhiệm chính Lê Duẩn. Gần đây hơn, ông đã đến khu vực chỉ huy COSVN ít nhất ba lần - vào các năm 1967, 1971 và 1972 - mỗi lần để đảm bảo các chỉ huy chiến trường hiểu rõ mong muốn của Hà Nội vào thời điểm chuyển giao chính sách quan trọng.

Trong những ngày bận rộn trước quyết định của Bộ Chính trị vào ngày ba mươi mốt, Tướng Dũng đã bị cuốn vào một cuộc tranh cãi với các đồng nghiệp về hướng đi tốt nhất của mình. Bộ Chính trị muốn ông chuyển ba sư đoàn dưới quyền chỉ huy trực tiếp của mình đến khu vực Sài Gòn ngay lập tức để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào thủ đô. Nhưng Dũng có một kế hoạch bảo thủ hơn trong đầu. Là một chỉ huy chiến trường luôn cẩn thận, ông đề xuất hoàn thành cuộc tấn công chớp nhoáng qua QK 2 đến bờ biển, tiêu diệt tất cả lực lượng chính phủ ở đó, trước khi quay về phía nam cho cuộc tấn công cuối cùng. Bộ Chính trị, sau một cuộc tranh luận, đã nhượng bộ trước lập luận của ông và trao cho ông quyền tiếp tục tiến về phía đông hướng tới Tuy Hòa, Cam Ranh và Nha Trang. Vậy là số phận của QK 2 đã

được định đoạt.

Đến khi Dũng áp đặt ý muốn của mình lên Bộ Chính trị, một vài đơn vị tiên phong của đoàn di tản của Tướng Phú từ vùng cao nguyên đang tràn vào thành phố ven biển Tuy Hòa, nhưng phần lớn bảy đơn vị quy mô trung đoàn đã tháo chạy khỏi Kontum và Pleiku hai tuần trước đã đơn giản biến mất. Dàn trải dọc theo Đường 7B, họ đã bị tiêu hao một cách có hệ thống và bị tiêu diệt bởi một nửa số đơn vị Bắc Việt. Bây giờ Phú không còn lực lượng dự trữ để bảo vệ những gì còn lại của các vùng đất ven biển của ông. Sư đoàn duy nhất còn lại của ông, Sư đoàn 22 ARVN, đã mất hai trung đoàn và hiện đang bị kẹt tại tỉnh ven biển Bình Định. Ngoài một vài tiểu đoàn dân quân, đơn vị duy nhất còn lại mà ông có thể sử dụng để chống lại năm

sư đoàn BV đối phương là Lữ đoàn Nhảy dù số 3, hiện đang được triển khai để bảo vệ Nha Trang[25].

Trong những ngày cuối tháng Ba, quân đội Bắc Việt đã tận dụng lợi thế của mình với tốc độ đáng kinh ngạc, tiến về phía đông ra khỏi vùng cao nguyên để tấn công và tiêu diệt các đơn vị bị tổn thất của Phú bất cứ nơi nào họ có thể tìm thấy. Ba trung đoàn quân đội Bắc Việt tiến sâu vào Bình Định để tấn công vào tàn quân của Sư đoàn 22 khi họ rút lui về Quy Nhơn, thành phố lớn thứ ba của đất nước. Những người khác truy đuổi các kẻ lạc lõng trên Đường 7B đến tận ngoại ô Tuy Hòa và tiến vào Nha Trang, nơi

25 Các sư đoàn 316, 320 và sư đoàn BV thứ 10 dưới quyền chỉ huy của Dũng, cùng với sư đoàn 968 ở Kontum và Pleiku, đã kiểm soát vùng cao nguyên, trong khi sư đoàn BV thứ 3 đang hoạt động ở tỉnh Bình Định.

đặt trụ sở mới của Phú và lãnh sự quán Mỹ tại QK 2. Đến ngày hai mươi bảy, Lữ đoàn Nhảy dù số 3 đã rút lui về các vị trí phía tây bắc thành phố, để lại các vùng ngoại ô phía tây hoàn toàn không có sự bảo vệ trước các cuộc tấn công.

Ngày hôm sau, lực lượng cộng sản mở một mặt trận mới ở phần phía nam của khu vực, tiến vào thủ đô của tỉnh Lâm Đồng mà không gặp phải sự kháng cự nào, chỉ cách Sài Gòn ba giờ lái xe. Vào lúc đó, Thiệu và các tướng lĩnh của ông đang một lần nữa cân nhắc tính khả thi của việc thiết lập một tuyến phòng thủ phía trước ngay phía bắc thủ đô, kéo dài từ Tây Ninh ở phía tây đến Nha Trang. Ngay trước khi trời tối, Polgar đã gọi điện cho Cung điện để thông báo rằng kế hoạch của họ đã bị ngăn chặn. Tỉnh Lâm Đồng, vốn là trung tâm của tuyến

đường, giờ đã nằm trong tay kẻ thù.

Trong suốt tuần cuối tháng Ba đầy hỗn loạn, Tổng Lãnh sự tại Nha Trang, Moncrieff Spear, đã cố gắng tạo ra hình ảnh điềm tĩnh và tự tin. Một phần trong đó là hoàn toàn giả vờ, vì ông không muốn làm gì có thể làm giảm tinh thần của người Việt xung quanh ông. Nhưng một phần cũng là niềm tin mù quáng vào quân đội của Phú. Mặc dù các đơn vị rút lui dọc theo Đường 7B đã sụp đổ, ông vẫn từ chối tin rằng việc rút lui khỏi vùng cao nguyên đã thất bại hoặc rằng Nha Trang giờ đây đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng.

Vì sự lạc quan của mình, và sự quan tâm đến những nhạy cảm của người Việt, ông đã không chuẩn bị một cách

hợp lý hoặc toàn diện cho khả năng sơ tán thành phố hoặc lãnh sự quán của mình. Không giống như Francis ở QK 1, ông không bao giờ bận tâm đến việc cập nhật kế hoạch sơ tán của mình, và mặc dù ông đã gần đây bắt đầu giảm bớt nhân viên của mình mỗi khi một tiền đồn tỉnh khác bị bỏ lại, ông sẽ ra lệnh cho nhân viên người Mỹ cư trú ở Sài Gòn - tỷ lệ rời khỏi đã chậm hơn nhiều so với sự tan rã của các phòng thủ chính phủ, chủ yếu là do sự do dự của chính ông. Nhiều nhân viên Bộ Ngoại giao và USAID đã được bố trí ở các vùng cao nguyên hoặc các tỉnh trung tâm của QK 2 giờ đây đang đi lại trong các hành lang của lãnh sự quán mà không có việc gì để làm. Đáng chú ý, vợ của Spear sẽ ở lại Nha Trang cho đến ngày trước khi quân đội Mỹ rút lui hoàn toàn.

Spear đã hy vọng giữ cho việc cắt giảm nhân sự của mình kín đáo và không gây chú ý để không làm kích động dân cư địa phương, nhưng quy mô và sự nói nhiều của cộng đồng người Mỹ (khoảng 200 người) đã làm điều này trở nên không thể. Đến giữa tuần cuối tháng Ba, tin tức về việc cắt giảm nhân sự đã lan truyền khắp thành phố và hàng trăm cư dân lo lắng đã xuất hiện tại cổng lãnh sự mỗi sáng để xin một chỗ trên chuyến bay của Air America.

Để công bằng với Spear, không phải tất cả những khó khăn trong kế hoạch sơ tán của ông đều do chính ông gây ra. Khi việc rút quân ở QKI diễn ra nhanh chóng, một số lượng lớn nhân viên của Francis đã dừng lại ở Nha Trang để nghỉ ngơi và chờ lệnh từ Sài Gòn, do đó thêm hàng chục người thừa vào số người mà

Spear phải chịu trách nhiệm. Và với việc chỉ định Vịnh Cam Ranh ở phía nam là trung tâm tái định cư người tị nạn, những cơn đau đầu về thủ tục hành chính của ông càng trở nên tồi tệ hơn, vì nhiều nhân viên của ông giờ đây phải làm việc nhiều giờ ở đó, hỗ trợ trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng những người sơ tán từ QK 1 và từ vùng cao nguyên.

Cuối cùng, còn vấn đề về máy bay. Khi việc sơ tán Đà Nẵng được tiến hành đầy đủ, hầu hết các máy bay của Air America, World Airways và Bird Air, một công ty thuê bao khác, đã được chuyển hướng đến QK 1, và Spear thấy không thể sắp xếp đủ chuyến bay để tăng tốc việc cắt giảm của mình.

Một số nhân viên của Spear đã rất lo lắng về quan điểm lạc quan của ông về tình hình quân sự và về khả năng không thể đáp ứng nhu cầu sơ tán của lãnh sự quán. Phil Cook, phó của ông, người cao gầy và rám nắng, đã quyết định từ sớm, vào ngày mười tám - ngày đoàn quân Mỹ ở tỉnh Phú Bồn được sơ tán rằng việc rút lui khỏi vùng cao nguyên, và có thể cả Nha Trang, đều đã bị định sẵn. Và một số người đã chứng kiến sự hoảng loạn và hỗn loạn khi rút lui khỏi vùng cao nguyên đã thúc giục việc sơ tán bạn bè và nhân viên người Việt ở Nha Trang với hy vọng ngăn chặn một cuộc tái diễn ở đây. Earl Thieme, người tổ chức không vận ra khỏi Pleiku một cách anh hùng, đã dành những ngày cuối cùng của mình ở Nha Trang một cách cuống cuồng cố gắng sắp xếp chỗ ngồi trên các máy bay vận tải và tàu hàng cho những người Việt Nam và

người dân tộc thiểu số mà ông đã đưa ra khỏi vùng cao nguyên. Người cũng tài giỏi không kém, Walt Martindale từ Tỉnh Quảng Đức cũng làm như vậy. Làm việc cùng nhau, anh ta và Thieme cuối cùng đã thành công trong việc đưa ít nhất 250 người bạn và nhân viên địa phương ra Saigon trước khi người Mỹ tự bỏ lại thành trì cuối cùng của họ ở QK 2.

Một thành viên khác trong đội ngũ của Spear cũng ủng hộ hành động ngay lập tức, mặc dù mối quan tâm của ông ta lại khác với Martindale và Thieme. Howard Archer, Trưởng căn cứ CIA tại Nha Trang, đã kết luận một tuần trước rằng việc rút lui chiến lược của Phú chắc chắn sẽ thất bại, và ông đã bắt đầu thúc giục vào thời điểm đó về việc tháo dỡ sự hiện diện của Mỹ trên con đường tiến quân của quân đội Bắc Việt.

Nhưng khác với những người ủng hộ việc sơ tán sớm khác, Archer chỉ bận tâm đến một khía cạnh của vấn đề: sự cứu rỗi của những người Mỹ mà ông đang chăm sóc. Như ông đã nói với các cấp dưới của mình ở Pleiku hai tuần trước, khi ông ra lệnh rút lui vội vàng, ông coi các nhân viên CIA là những điệp viên tình báo, không phải là các quan chức lãnh sự, và ông không thấy lý do gì để họ phải mạo hiểm tính mạng của mình để giúp đỡ trong việc vận chuyển hàng không một số lượng lớn người Việt Nam. Sự thờ ơ của ông (hoặc nói một cách tế nhị hơn là sự ưu tiên sai lệch) còn mở rộng đến cả những người Việt Nam trong biên chế của ông. Ông đã không nỗ lực nhiều trong suốt một tuần rưỡi qua để chuẩn bị cho khả năng sơ tán của họ, và thậm chí còn trở nên hơi khó chịu khi một số người trong số họ, cảm nhận được thái

độ của ông, đã đột ngột bỏ trốn khỏi vị trí của mình để cố gắng tự cứu mình.

"Thật sự làm tôi tức giận." Archer nói với một người bạn sau khi miền Nam Việt Nam thất thủ, "nghe một số người tị nạn này phàn nàn rằng Mỹ đã bỏ rơi họ." Tại Nha Trang, họ đã phản bội và bỏ rơi chúng tôi.

Các vị tướng của họ không thèm nói cho chúng tôi biết về kế hoạch của họ, và khi cuộc rút quân diễn ra, hầu như mọi người trong thị trấn đều nhất quyết mang theo tất cả đồ đạc trong nhà, cũng như tất cả các dì, chú và bà. Họ đã cố gắng sắp xếp cho chúng tôi như thế nào?"

Những phàn nàn của Archer về người Việt Nam không hoàn toàn là vô lý, mặc dù ông không thể biết vào thời điểm đó mức độ đúng đắn của những

phàn nàn đó. Không biết rằng, vào thứ Sáu, ngày hai mươi tám, Tướng Phú đã gặp chỉ huy không quân của mình và nói rõ ràng rằng ông ta phải chuẩn bị để từ bỏ Nha Trang mà không nói cho người Mỹ biết. Trong trường hợp quân đội Bắc Việt tấn công quy mô lớn, Phú tuyên bố, sẽ cần phải giữ vững tuyến phòng thủ phía tây thành phố chỉ đủ lâu để ông và các nhân viên của ông có thể thoát thân. Sau đó, ông ta không còn quan tâm đến những gì sẽ xảy ra nữa.

Ngày hôm sau, Tướng Frederick Weyand, trong một trong những hành động chính thức đầu tiên kể từ khi ông đến Việt Nam, đã ghé thăm sở chỉ huy của Phú để có cái nhìn trực tiếp về cuộc khủng hoảng. Phú đã đảm bảo với vị khách của mình (một cách không thành thật) rằng ông sẽ cố gắng thiết lập một

tuyến phòng thủ mới ở phía bắc thành phố. Weyand ngược lại cố gắng tỏ ra dũng cảm trước chủ nhà và các phóng viên đi cùng, khẳng định rằng người Việt Nam Cộng Hòa "không hề bị suy sụp tinh thần theo bất kỳ nghĩa nào."

Trong suốt phần còn lại của buổi chiều, lữ đoàn nhảy dù ở rìa Nha Trang tiếp tục nhượng bộ, và khi tiếng súng ngày càng gần hơn, 500.000 công dân của thành phố trở nên bất ổn và lo lắng. Trong khi đó, những người tị nạn từ Tuy Hòa và các điểm khác ở phía bắc, hàng nghìn người lảo đảo kéo đến, một số cắm trại trên bãi biển, những người khác lang thang trên đường phố tìm kiếm thức ăn hoặc một người bạn Mỹ, và đến sáng Chủ nhật, hàng trăm người Việt Nam lo lắng, tả tơi đã tụ tập ngay bên ngoài cổng lãnh sự quán.

Spear, đánh giá tâm trạng, đã tranh luận với bản thân và nhân viên của mình về những gì nên được thực hiện. Phil Cook ủng hộ việc tăng tốc di tản nhân viên không thiết yếu, và khuyến nghị rằng những cây cọ trong bãi đỗ xe của lãnh sự quán nên được chặt bỏ để nếu cần thiết, trực thăng có thể hạ cánh ở đó một cách nhanh chóng. Nhưng Spear, vẫn lo ngại về việc gây ra phản ứng dữ dội từ phía Việt Nam do hành động quá vội vàng, đã quyết định hoãn bất kỳ "hành động quyết liệt" nào thêm một thời gian nữa.

Xa hơn về phía bắc, sự hoảng loạn lan rộng từ thôn này sang thôn khác như một dịch bệnh nguy hiểm khi các lực lượng BV tiến về phía bờ biển. Hãng hàng không Air Vietnam đã hủy các chuyến bay vào và ra khỏi thành phố Qui Nhơn ngay trước khi trời tối vào ngày thứ ba

mươi, khi những người tị nạn hoảng loạn lảo đảo vào sân bay, và phó chỉ huy của Tướng Phú, người chỉ mới đến vài giờ trước để lấy một kho tiền mặt mà ông đã để lại với trưởng tỉnh địa phương, đã bị các quân nhân đào ngũ của VNCH dồn vào chân tường và buộc phải giao nộp trực thăng cá nhân của mình cho họ. (Ông sau đó bị lực lượng BV bắt giữ khi họ tiến vào thành phố.) Trong vài giờ tiếp theo, các sĩ quan không quân tại căn cứ không quân Phù Cát gần đó đã bỏ trốn hàng loạt, để lại một khối lượng lớn thiết bị và máy bay còn nguyên vẹn cho quân đội Bắc Việt đang tiến vào.

Vào sáng ngày ba mươi mốt, một danh sách "không thiết yếu" mới và mở rộng đã được phát qua lãnh sự quán, và Spear thông báo rằng tất cả những ai có tên trong danh sách đó phải rời đi

ngay lập tức, dù họ đã đóng gói đồ đạc cá nhân hay chưa (hầu hết họ đều chưa đóng gói). Ngay cả khi tính đến những cắt giảm này, số lượng người Mỹ và các nước khác trong danh sách «người sơ tán tiềm năng» của Spear vẫn dao động gần trăm người. Số lượng người Việt Nam trong cùng một danh mục dường như kéo dài đến vô tận.

Vì các nhân viên người Việt của lãnh sự quán thường được trả lương vào ngày đầu tiên của mỗi tháng, nhiều người tập trung trong sân vào ngày ba mươi và ba mươi mốt đều nghĩ đến tiền bạc, cũng như những yêu cầu cấp bách của việc tự cứu mình. Nhưng trong khoảng thời gian hai ngày hỗn loạn này, người phụ nữ Việt Nam phụ trách sắp xếp hợp đồng cho các lính gác và người giữ cửa

của lãnh sự quán đã tự mình sơ tán cùng với bảng lương, và vào buổi tối ngày ba mươi mốt, Spear phát hiện ra rằng ông không có gì để chi trả lương cho các nhân viên địa phương của mình. Trong tuyệt vọng, ông đã gọi điện đến Sài Gòn, yêu cầu một khoản phân bổ khẩn cấp ngay lập tức, hy vọng rằng vẫn còn thời gian để nhận được và thanh toán trước khi kết thúc giờ làm việc ngày hôm sau.

Nhưng Spear có lẽ đã không cần phải lo lắng, vì thời gian cuối cùng cũng đã hết với anh ta. Thứ Ba, ngày Cá tháng Tư, sẽ là ngày cuối cùng của anh ở Nha Trang.

Đến sáng ngày 1 tháng 4, những người sống sót cuối cùng của Sư đoàn 22 VNCH đang chạy trốn qua Qui Nhơn

về phía bãi biển, các đơn vị tiên phong của Sư đoàn 320 BV đang lao vào các vùng ngoại ô phía tây của Tuy Hòa, và Sư đoàn 10 BV cuối cùng đã vượt qua được Lữ đoàn Nhảy dù 3 ngay phía tây bắc Nha Trang.

Phil Cook tỉnh dậy ngay sau khi mặt trời mọc, đuổi các gia nhân ra ngoài và lái xe qua thành phố đến trụ sở của Phu để tham gia cuộc họp buổi sáng theo lệ thường. Phú, trông lôi thôi hơn thường lệ, giữ im lặng khi người báo cáo điểm qua các báo cáo mới nhất từ mặt trận. Sau đó, Cook vội vã đến lãnh sự quán để truyền đạt những gì anh đã nghe cho Spear. Khi anh đến nơi, đám đông người Việt đã tụ tập bên ngoài cổng chính, nhiều người trong số họ là nhân viên lãnh sự đến nhận lương.

Trong khi đó, người đứng đầu tỉnh

địa phương, một người luôn vui vẻ và thích đeo cà vạt ascot, đã gọi cho Phú từ sở chỉ huy của mình ở phía bên kia thành phố để thông báo rằng bộ máy hành chính thành phố, bao gồm cả cảnh sát, đã thực sự tan rã chỉ sau một đêm. Mặc dù ông ta không thừa nhận điều đó với Phú, chính ông tỉnh trưởng đã gây ra sự sụp đổ. Trong hai ngày qua, khi các quan chức hoảng loạn từ các tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức ở phía tây nam lảo đảo đến, chính sự can đảm và sự tự tin của ông đã tan biến, và đêm trước, mà không tham khảo ý kiến của Phú hay bất kỳ ai khác, ông đã đột ngột đóng cửa văn phòng và sa thải nhân viên của mình. Các quan chức tỉnh và thành phố khác nhanh chóng làm theo gương của ông, để lại không ai duy trì trật tự và an ninh trong thành phố.

Phú, đang trong cơn khủng hoảng cảm xúc, không còn đủ khả năng để tiếp nhận tin xấu này, và ngay cả trước khi tỉnh trưởng kể xong câu chuyện buồn của mình, vị chỉ huy QK 2 đã bực bội dập điện thoại và nhảy lên khỏi bàn làm việc trong cơn cuồng loạn. "Ra ngoài !" ông ta hét lớn với các thư ký và người hầu xung quanh khi ông ta chạy ra khỏi văn phòng, xuống bậc thang của tòa nhà trụ sở và ra sân, nơi trực thăng riêng của ông đang đợi sẵn. "Ra ngoài !" ông ta hét lên với phi công, người ngay lập tức bắt đầu khởi động động cơ. Chỉ vài phút sau, chỉ huy Học viện Hạ sĩ quan ở Nha Trang lao qua bãi đậu xe và nhảy vào bên cạnh ông. Chiếc trực thăng sau đó cất cánh và hướng về Phan Thiết, nơi Phú (như sau này ông đã thông báo với cấp trên ở Sài Gòn) dự định thiết lập một sở chỉ huy

mới. Thực tế, bộ chỉ huy QK 2 đã không còn nữa.

Nửa giờ sau, Cook cố gắng gọi điện cho trụ sở QK 2 nhưng không thành công, rồi lái xe đến xem tại sao không ai trả lời. Ông thấy tòa nhà trụ sở gần như vắng vẻ, và nhanh chóng rút ra kết luận không thể tránh khỏi. Liên lạc với Spear qua radio, ông đã kêu gọi sơ tán ngay lập tức tất cả nhân viên lãnh sự quán và «công dân nước thứ ba» trong thành phố.

Chiếc Air America Huey đầu tiên hạ cánh xuống bãi đậu xe của lãnh sự quán ngay trước buổi trưa. Nhưng sự thiển cận đã đặc trưng cho kế hoạch dự phòng của Spear cho đến nay vẫn tiếp tục thể hiện rõ. Trong tất cả sự nhầm lẫn của buổi sáng, không ai trong lãnh sự quán

nhớ khóa và chặn cổng chính. Vì vậy, khi chiếc trực thăng nhỏ đầu tiên lơ lửng trên những tán cây, khoảng 150 người Việt Nam đã lao qua các lính thủy đánh bộ và vào sân chính. Cook, người vừa trở về từ sở chỉ huy của Phu, đã lao vào đám đông và cuối cùng, với sự giúp đỡ của Walt Martindale và một vài người khác, đã quản lý đóng cửa cổng lại. Sau đó, anh ta đã dồn những người Việt Nam đã ở bên trong vào một khu vực nhỏ có hàng rào ở rìa bãi đậu xe và bắt đầu đếm số lượng hàng hóa có thể quản lý được.

Chẳng bao lâu sau, những chiếc trực thăng Huey của Air America đã đến mỗi năm phút một lần, chở tối đa hai mươi hành khách mỗi chuyến và đưa họ ra sân bay chính ở rìa thị trấn, nơi họ được chuyển sang các chuyến bay vận tải đến Sài Gòn. Khi nhóm ban đầu gồm 150

người đã được chất lên và bay đi, thêm năm mươi hoặc sáu mươi người Việt Nam khác đã được chen chúc qua cổng chính và tập trung để lên máy bay. Walt Martindale tự mình kiểm soát cổng và chỉ ra ai nên được cho vào và ai không nên. Chỉ trong khoảng một giờ, anh ta đã đổ mồ hôi rất nhiều dưới sức nặng của công việc, bộ đồ denim xanh của anh ta bắt đầu phai màu trắng.

Khi tin tức về việc Mỹ rút quân lan truyền khắp thành phố, đám đông bên ngoài cổng chính lãnh sự quán nhanh chóng tăng lên hàng nghìn người. Ban đầu, các lính thủy đánh bộ xử lý họ một cách nhẹ nhàng, cẩn thận và lịch sự, phân loại những người mà người Mỹ (theo đánh giá của Martindale) có trách nhiệm đặc biệt. Nhưng cuối cùng, khi những thành viên năng động hơn trong đám

đông bắt đầu leo lên hàng rào lớn bao quanh lãnh sự quán, các lính thủy đánh bộ đã rút dùi cui ra và bắt đầu làm việc với hiệu quả khủng khiếp. Khi những cái đầu bị đập và những kẻ xâm nhập bất thành rơi khỏi hàng rào như những con ruồi tật nguyền, đám đông trên đường phố bên ngoài trở nên sát khí.

Cách đó vài dặm, chính sân bay cũng đang nhanh chóng rơi vào tình trạng hoảng loạn và bối rối khi ngày càng nhiều cư dân của thành phố xuất hiện để tranh giành chỗ ngồi. Vào khoảng giữa trưa, viên đại tá người Việt phụ trách an ninh ở đó đã đóng cổng trước để ngăn dòng người, và chẳng mấy chốc, những chiếc ô tô, xe jeep và xe Honda bấm còi inh ỏi đã chen chúc thành hàng dài khoảng hai mươi đến ba mươi người quanh lối vào chính.

Đến thời điểm này, các quan chức lãnh sự đã hy vọng sẽ di chuyển một số người tị nạn Việt Nam của họ đến nhà ga Air America, bên trong sân bay, bằng xe ô tô hoặc đoàn xe buýt. Nhưng bây giờ, với cánh cổng chính bị chặn, điều này rõ ràng là không thể. Đầu giờ chiều, Phil Cook lái xe đến sân bay, lén vào qua một lối vào ít người biết đến và cố gắng thuyết phục chỉ huy căn cứ cho phép các phương tiện Mỹ qua các trạm kiểm soát của ông ta. Nhưng không có kết quả gì. Kế hoạch đoàn xe do đó đã phải bị hủy bỏ, và trực thăng đưa ra khỏi lãnh sự quán trở thành phương tiện duy nhất để chuyển hành khách đến các khu vực chất hàng của Air America. Các nhân viên người Việt Nam đã được chỉ định tập trung tại các điểm đón đoàn xe ở bãi biển đã bị bỏ rơi.

Khoảng một giờ, Howard Archer lang thang vào khu phức hợp văn phòng CIA có mái vòm trên tầng bốn của lãnh sự quán để kiểm tra két sắt và ngăn kéo bàn tìm kiếm tài liệu mật bị lãng quên. Theo hồi tưởng của chính mình, ông cảm thấy bị giam cầm bởi sự hỗn loạn bên ngoài và tin rằng giờ đây sẽ không thể tìm thấy, chứ đừng nói đến việc cứu bất kỳ ai trong số những liên lạc và nhân viên người Việt quan trọng của ông quanh thành phố. Cũng không có cảm giác nào khác hơn so với vài ngày trước đó để mạo hiểm tính mạng và sức khỏe của mình cho họ, đặc biệt là sau khi nhiều người đã bỏ rơi anh.

Khi anh đi từ két này sang két khác, xoay các núm, anh nhớ đến một kho tài liệu mật tại một "nhà an toàn" không xa

lãnh sự quán. Vài ngày trước, ông đã cố tình bỏ lỡ cơ hội để tiêu hủy nó, vì sợ rằng các thư ký và nhân viên người Việt của ông sẽ lo lắng về khả năng Mỹ rút lui. Bây giờ, khi ông suy nghĩ về những gì trong các tập tin, ông đã cân nhắc việc thực hiện một nỗ lực cuối cùng để đến nhà an toàn và tiêu hủy chúng. Nhưng cuối cùng anh ta đã quyết định không làm vậy. Ông ta đã thuyết phục, như ông ta giải thích sau này, rằng các tài liệu không chứa đựng gì có giá trị tình báo thực sự đối với cộng sản[26].

Sau khi kiểm tra các chốt khóa trên chiếc két trống rỗng của mình, Archer

26 Các sĩ quan CIA khác từng phục vụ tại Nha Trang không đồng ý với đánh giá này. Theo lời họ, các tài liệu bao gồm thông tin tiểu sử rộng rãi về các đặc vụ tiềm năng và nguồn thông tin - loại dữ liệu mà những người Cộng sản có thể đã sử dụng để xác định những người gần gũi với người Mỹ và thù địch với chính nghĩa của họ.

nhét một khẩu súng lục cỡ -38 vào thắt lưng, cầm cặp tài liệu và đi lên lầu để nói chuyện với Spear. Ông nói với Tổng Lãnh sự rằng mặc dù ông rất vui lòng ở lại và xử lý lưu lượng radio nếu cần thiết - một đề nghị hợp lý, vì CIA chịu trách nhiệm duy trì trung tâm thông tin liên lạc của lãnh sự quán, ông thích rời đi hơn. Spear gật đầu đồng ý. Ông chỉ ra rằng các đường dây điện thoại đến Sài Gòn vẫn còn hoạt động, và ông có thể sử dụng chúng thay cho các đài phát thanh. Hơn nữa, việc bắt đầu dọn dẹp lãnh sự quán khỏi người Mỹ là điều cấp bách.

Archer và bốn nhân viên CIA còn lại đã dành vài phút tiếp theo để phá hủy thiết bị radio của CIA. Sau đó, họ kéo nhau xuống bãi đậu xe. Khoảng hai giờ, một chiếc trực thăng Air America đã thả họ xuống sân bay Nha Trang.

Tuy nhiên, một trong những nhân viên CIA đã phải chịu đựng sự day dứt lương tâm khi anh ta trèo ra đường băng. "Lew James," một sĩ quan bán quân sự trẻ tuổi, đã bị ám ảnh suốt buổi sáng bởi viễn cảnh phải để lại quá nhiều nhân viên người Việt của cơ quan, và bây giờ khi Archer và những người khác bước về phía chiếc C-47 đang chờ, anh đã quyết định làm điều mà anh cho là đúng. Anh ta hỏi Archer liệu có thể ở lại một chút nữa để giúp đỡ việc sơ tán không, rồi rời khỏi đám đông và hướng về một chiếc trực thăng. Anh ta đã trở lại lãnh sự quán trong vòng mười phút, ngay khi máy bay của Archer bay về phía nam đến Sài Gòn.

Đến ba giờ chiều, George Jacobson, trợ lý đặc biệt của Martin, đã liên tục gọi điện cho Spear từ Sài Gòn, van xin ông

chấm dứt cuộc không vận càng sớm càng tốt. Spear thì trở nên căng thẳng và dễ cáu kỉnh. «Tôi không thể có hội chứng người cuối cùng,» ông ta cứ nói với các nhân viên của mình khi từng người một khăng khăng ở lại cho đến khi tất cả người Việt trong sân đã được sơ tán. Cuối cùng, Spear ngừng yêu cầu hợp tác và yêu cầu nó, ra lệnh cho Cook và phần còn lại của nhân viên lãnh sự phải đến sân bay ngay lập tức. Nhưng ngay cả lúc đó, Cook vẫn kiên quyết, lập luận rằng sẽ không thể hoàn thành cuộc không vận một cách thành công nếu tất cả những người Mỹ chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý nó bị rút khỏi lãnh sự quán quá nhanh.

Sự lo lắng của Spear đối với nhân viên của mình không phải là không có cơ sở, vì khi buổi chiều trôi qua, một số

người táo bạo hơn bắt đầu lén lút rời khỏi lãnh sự quán để tìm kiếm các nhân viên Việt Nam trong sự hỗn loạn của chính thành phố. Một trong những người đã dành phần lớn thời gian trong ngày trên đường phố là Nelson Kief, viên chức DAO trẻ tuổi từ Pleiku, người đã hỗ trợ Earl Thieme trong cuộc di tản khỏi vùng cao nguyên hai tuần trước. Sau khi phát hiện một lỗ nhỏ trên hàng rào của lãnh sự quán, anh đã mạo hiểm ra ngoài qua lỗ đó nhiều lần để truy tìm những nhân viên đã bị bỏ rơi hoặc bị lãng quên. Trong một lần như vậy, anh tình cờ gặp một nhóm nhân viên người Việt của Archer tụ tập ở cổng khu nhà ở của CIA không xa lãnh sự quán. Trong số họ có một số phiên dịch viên tiếng Anh rất tài năng, những người đã chịu trách nhiệm xử lý các tài liệu bị bắt giữ và cuộc sống của họ chắc chắn sẽ bị đánh đổi nếu họ rơi vào

tay Cộng sản. Họ nói với Kief rằng họ đang chờ, "theo chỉ thị," để được đón bởi các nhà tuyển dụng Mỹ của họ.

Không lãng phí thời gian giải thích, Kief xếp họ thành hàng và dẫn họ qua đám đông trên phố đến phía sau lãnh sự quán. Nhân viên CIA Lew James đã giúp anh ta dẫn họ từng người một qua lỗ hổng trong hàng rào.

Khoảng 5:30 chiều, các cố vấn của Spear ở Sài Gòn cuối cùng đã hết kiên nhẫn. Jacobson đã chỉ đạo Tổng Lãnh sự qua điện thoại, "Cút khỏi thành phố ngay lập tức, bạn và những người Mỹ khác." Spear đã quá bối rối và phân tâm đến nỗi chỉ có thể nghĩ đến việc làm chính xác như Jacobson đã bảo anh. Cúp máy, anh ta lao xuống cầu thang và lên một

chiếc trực thăng hướng về sân bay. Vài phút sau, Phil Cook đi lang thang vào văn phòng bỏ hoang của Tổng Lãnh sự và ngạc nhiên phát hiện ra rằng Spear đã đi vắng. Anh ấy nhấc điện thoại và gọi cho Jacobson ở Sài Gòn để hỏi cho ra lẽ. "Trời ơi, hắn đã bị lệnh ra ngoài rồi !" Jacobson quát lớn qua điện thoại. "Và tốt hơn hết là cậu cũng nên ra ngoài." Đó là một mệnh lệnh !

Nhận ra rằng không còn lựa chọn nào khác, Cook nhanh chóng tập hợp mười chín người Mỹ còn lại trong khuôn viên và dẫn họ ra khu vực hạ cánh trong bãi đậu xe, nơi khoảng ba mươi người Việt Nam đang chờ để lên máy bay. Vài phút sau, chiếc Huey đầu tiên hạ cánh rung chuyển và Cook cùng một số người khác đã chui qua cửa hầm khi các lính thủy đánh bộ đi cùng họ bắn những phát

súng cảnh cáo qua đầu những người Việt Nam để giữ họ tránh xa. Huey thứ hai đến ngay sau đó, và trong số những người lao về phía nó có một Walt Martindale hoàn toàn kiệt sức. Khi phi công giảm ga và chuẩn bị cất cánh, một ông lão Việt Nam với đứa trẻ trong tay lết ra khỏi đám đông ở rìa bãi đáp và nâng đứa trẻ lên hướng về cabin, cầu xin người Mỹ đưa nó lên máy bay. Một trong những đồng đội người Mỹ của Martindale tiến đến mép cửa mở và đạp thẳng vào mặt ông lão bằng gót giày của mình. Đứa bé rơi xuống đất, và gần như ngay lập tức chiếc trực thăng, chiếc cuối cùng rời khỏi lãnh sự quán, bay lên trời[27].

27 Ngoài ba mươi người Việt Nam tập trung trong sân và hàng nghìn người khác bên ngoài cổng, người Mỹ đã để lại tại lãnh sự quán vài hộp tài liệu mật đã được chất đống trong hành lang để đốt vào đầu ngày, nhưng sau đó đã bị bỏ quên. Các hồ sơ, được chuẩn bị bởi các đại diện của Bộ Ngoại giao và USAID, chứa thông tin thu thập được từ bạn bè và cộng tác viên của các cơ quan lãnh sự tại các tỉnh.

Trong nửa giờ cuối cùng của cuộc không vận, Tổng Lãnh sự Spear đi đi lại lại một cách lo lắng quanh nhà ga Air America tại sân bay Nha Trang. Chiếc áo sơ mi ngắn tay màu xám của ông bị đốm mồ hôi và một khẩu súng tự động 9 mm lớn lắc lư và kêu lách cách một cách đáng sợ trong bao đeo vai đen khi ông đi từ nhóm hành khách này sang nhóm hành khách khác, thúc giục họ sẵn sàng lên tàu ngay khi chuyến vận chuyển tiếp theo đến. Vào một thời điểm, anh ta thực sự vấp phải sĩ quan DAO Nelson Kief và đồng nghiệp CIA Lew James, những người đang ngồi trên sàn nhà ga chờ đợi tên của họ được gọi. Kief đã cố gắng tránh xa Spear kể từ khi anh ta và James đã bay trực thăng cùng nhóm của Cook vài phút trước, vì anh ta biết Tổng Lãnh

sự không hài lòng về cách mà anh ta và người đàn ông CIA đã hành xử trong buổi chiều, với những cuộc tấn công lặp đi lặp lại qua thành phố. Nhưng bây giờ, khi Spear gỡ chân khỏi hai thuộc hạ nằm sấp của mình, Kief thấy mình sắp phải đối mặt với một cuộc thanh toán. «Chết tiệt, Kief !» Spear nói lắp bắp với anh ta khi căng thẳng của chính mình bùng nổ. «Nếu mày không biến khỏi đây ngay lập tức, mày sẽ nhận được một mảnh lưỡi của tao.»

Viên chức trẻ DAO ngẩng đầu nhìn lên Tổng Lãnh sự và suýt nữa thì bật cười. Đây chính là hình ảnh của sự hiền hòa - Moncrieff Spear - với khẩu súng buồn cười đó được đeo trên vai, cuối cùng cũng bắt đầu thích nghi với vai trò chỉ huy quyết đoán mà anh ta đã tránh né suốt nhiều tuần.

Ngay sau đó, vào khoảng sáu giờ, Spear, Cook, Martindale và một số ít người Mỹ còn lại ở sân bay đã lên trực thăng của Air America, bay đến một khu vực xa xôi của sân bay, xa khỏi đám đông người Việt Nam đang tràn vào, và ở đó họ đã chuyển sang một chiếc Air America Volpar hai động cơ. Vài phút sau, giữa tiếng súng nổ xa xăm, chiếc máy bay lao xuống đường băng và đột ngột vọt lên bầu trời đêm.

Hầu như ngay khi những người Mỹ cuối cùng rời Nha Trang, Bộ Chính trị ở Hà Nội đã gửi chỉ thị mới cho Tướng Dũng, thúc giục ông (một lần nữa) rút quân khỏi các tuyến chiến đấu ở QK 2 và gửi ngay lập tức đến khu vực mục tiêu quan trọng hơn, Sài Gòn. Lần này Dũng đã làm theo chỉ thị, và ngày hôm sau, 2

tháng 4, ông đã điều chuyển cả Sư đoàn 316 (từ Ban Mê Thuột) và Sư đoàn 320 (từ Tuy Hòa) xuống phía nam hướng về QK 3. Chỉ có một trong những đơn vị chính của ông, Sư đoàn 10, vẫn ở lại bờ biển trung tâm để hoàn thành các hoạt động dọn dẹp, tiến vào chính vịnh Cam Ranh.

Do sự tái tổ chức lực lượng của Dũng, Nha Trang thực sự không bị các đơn vị cộng sản chiếm đóng trong gần một tuần. Điều này đã dẫn đến sự nhầm lẫn đáng kể giữa các nhà phân tích Việt Nam và Đại sứ quán ở Sài Gòn : thành phố có phải là một nạn nhân hay không ? và sự bối rối của chúng tôi chỉ càng tăng lên bởi một tình huống gần như hài hước xảy ra ngay trước khi những người cộng sản tiến vào lấp đầy khoảng trống. Vào ngày 4 tháng 4, ba ngày sau khi lãnh

sự quán đóng cửa, một sĩ quan pháo binh Nam Việt Nam lạc đường đã đi vào Nha Trang qua các bãi biển để tìm vợ và con của mình. Ông không tìm thấy họ, cũng như không thấy bất kỳ quân đội Bắc Việt nào, nhưng ông đã tình cờ gặp một máy phát radio cũ vẫn còn hoạt động. Ông khởi động nó và gọi đến Sài Gòn, khoe khoang rằng ông đã tái chiếm thành phố. Có một làn sóng hân hoan trong toàn bộ chính phủ, và Ban Tham Mưu Liên Quân nhanh chóng cử một nhóm nhỏ đến Nha Trang để giúp củng cố "chiến thắng." Niềm vui ngắn ngủi, tuy nhiên, vì chúng tôi nhanh chóng nhận ra rằng lực lượng cộng sản chỉ đơn giản là đã bỏ qua Nha Trang và đang tiến về các mục tiêu quan trọng hơn ở phía nam.

Khi Tướng Dũng chuyển các đơn vị của ông ra khỏi QK 2, toàn bộ bộ máy

chiến tranh của cộng sản đã được tái cấu trúc để hỗ trợ cuộc tấn công sắp tới vào Sài Gòn. Các tuyến đường biển của miền Bắc Việt Nam đã nhanh chóng được mở rộng đến các cảng mới bị chiếm đóng ở QK 1 và 2. Các tù binh chiến tranh người Việt Nam Cộng Hòa đã bị ép làm tài xế phụ và hướng dẫn cho hàng trăm đoàn xe tải đang di chuyển về phía nam suốt ngày đêm, và một chuyến bay shuttle đã được thiết lập giữa Bắc Việt Nam và các sân bay bị chiếm đóng ở Đà Nẵng và tỉnh Kon Tum. Cùng lúc đó, một sư đoàn dự bị thứ ba và sau đó là thứ tư đã rời Bắc Việt ra mặt trận, một tổng hành dinh mới của BV được thành lập (và gần như ngay lập tức bị tình báo Mỹ phát hiện) ở phía đông Sài Gòn, và việc di chuyển lực lượng từ khu vực Đà Nẵng đến QK 3 đã được tăng tốc. Tướng Lê Trọng Tấn, tư lệnh BV tại Đà Nẵng, được yêu cầu tập

hợp ít nhất ba sư đoàn của ông ở phía đông thủ đô không muộn hơn ngày 11 tháng Tư.

Cũng có một sự nâng cấp đột ngột và ấn tượng về khả năng phòng không của Đảng Cộng sản ở QK 3. Trong những ngày đầu tháng 4, đoàn xe tải chở tên lửa đất đối không SA-2 hình điếu xì gà, đã uốn lượn về phía nam qua các cao nguyên phía tây hướng tới tỉnh Phước Long. Chưa bao giờ những vũ khí như vậy được nhìn thấy ngoài Bắc Việt Nam và các vùng biên giới của QK 1, và sự xuất hiện của chúng gần thủ đô là một phát triển đáng kinh ngạc, vì chính SA-2, sau tất cả, đã gây thiệt hại nặng nề cho các máy bay B-52 của Mỹ ở Bắc Việt Nam vào giữa những năm 1960.

Song song với việc tăng cường quân sự điên cuồng, các nhà hoạch định chính sách cộng sản tiếp tục đưa ra những nhành ô liu giả để giữ cho kẻ thù của họ ở Sài Gòn bối rối và mất cảnh giác. Ngày hôm sau sau khi sơ tán Nha Trang, bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao của Mặt trận Giải phóng miền Nam, đã nói với các phóng viên ở Algeria, "Chúng tôi hiểu rằng Tướng Dương Văn Minh [đối thủ chính của Thiệu] đã sẵn sàng đàm phán hòa bình và chúng tôi cũng sẵn sàng nói chuyện với ông ấy." Những người lạc quan ở cả Sài Gòn và Washington đã coi những nhận xét đó như một dấu hiệu cho thấy các nhà lãnh đạo cộng sản có thể sẵn sàng thương lượng, nhưng thực tế thì điều mà Hà Nội đang nhắm tới chỉ là việc loại bỏ chính Thiệu, người đàn ông dường như có khả năng giữ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa

đoàn kết trong những thử thách và gian truân sắp tới. Trong vòng vài ngày, hơn nữa, hình dạng thực sự của ý định của Hà Nội trở nên rõ ràng hơn một chút. Đài Hà Nội và Đài Giải phóng bắt đầu bỏ qua các tham chiếu đến đàm phán và thay thế bằng một điều gì đó đáng lo ngại hơn nhiều : một lời kêu gọi "nổi dậy tổng lực" ở Sài Gòn và các thành phố lớn khác trên toàn vùng QK 3 và đồng bằng. Đó là loại tuyên bố ẩn dụ về chiến tranh toàn diện đã được lặp đi lặp lại nhiều lần trước cuộc tấn công lớn của cộng sản vào năm 1968.

Trong khi đó, người sẽ lãnh đạo cuộc tấn công cuối cùng của cộng sản vào Sài Gòn vừa mới đến khu vực QK 3. Vào chiều ngày 3 tháng 4, chiếc xe quân sự cũ kỹ của Tướng Dũng đã vào thị trấn Lộc Ninh, cách Sài Gòn khoảng sáu mươi

dặm về phía bắc. Mệt mỏi và phủ đầy bụi sau chuyến lái xe suốt cả ngày từ Ban Mê Thuột, tướng Dũng ngay lập tức đi tìm các chỉ huy cộng sản địa phương, vì Lộc Ninh từ lâu đã là một trong những sở chỉ huy chính của COSVN, bộ chỉ huy cộng sản cho khu vực Sài Gòn và đồng bằng. Trong một túp lều tre ọp ẹp ở rìa thị trấn, ông tìm thấy một trong những người mà ông đang tìm kiếm, chủ tịch vĩ đại của COSVN, Phạm Hùng[28]. Tối hôm đó, phó

28 Phạm Hùng, một người đàn ông thấp bé, vạm vỡ trong độ tuổi giữa năm mươi, đứng thứ tư trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Hà Nội, vượt cả Dũng. Kể từ khi được bổ nhiệm vào COSVN vào năm 1967, tên của ông đã không được nhắc đến trong báo chí Bắc Việt - cách mà Hà Nội che giấu thực tế rằng một trong những lãnh đạo chính của họ đang điều hành cuộc chiến ở nửa phía nam của miền Nam Việt Nam. Phó tư lệnh quân sự của Dũng, Tướng Trà, đã được người Mỹ ở Sài Gòn biết đến như là người đứng đầu ban đầu của phái đoàn Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Ủy ban Quân sự Liên hợp - một vị trí mà ông đã bỏ trống vào cuối tháng 3 năm 1973. Một sĩ quan khiêm tốn và ít nói, Trà là kiến trúc sư chính của cuộc tấn công năm 1968 vào Sài Gòn và rõ ràng là ông chưa bao giờ hoàn toàn phục hồi về mặt chính trị từ thất bại đó, vì mặc dù ông là một

của Hùng, Tướng Trần Văn Trà, đã đến từ sở chỉ huy tiền phương mới thành lập ở miền Đông QK 3.

Trong vài ngày tiếp theo, Dũng và hai sĩ quan COSVN đã tham khảo ý kiến

---

thành viên bí mật của Ủy ban Trung ương Đảng ở Bắc Việt Nam, ông vẫn chưa được gia nhập vào hàng ngũ cao cấp của Bộ Chính trị.

không ngừng về chiến thuật và chiến lược, cuối cùng đồng ý thực hiện một cuộc tấn công ba mặt trận vào Sài Gòn, với mũi tấn công chính từ phía đông vào làng Xuân Lộc. Chính tại đây, ở Xuân Lộc, các tuyến đường chính dẫn đến Sài Gòn và bờ biển giao nhau, và Dũng biết rằng ai kiểm soát được thị trấn giao lộ này sẽ có một con đường trực tiếp tiến vào các vùng ngoại ô phía đông Sài Gòn và thành phố Biên Hòa, nơi hơn sáu mươi phần trăm vật tư chiến tranh còn lại của chính phủ được tích trữ. Việc chinh phục Xuân Lộc sẽ là chìa khóa cho chiến lược của ông ta.

Trong khi Dũng và các đồng nghiệp của anh ta lên kế hoạch và tranh luận, lực lượng BV ở miền nam QK 2 tiếp tục tấn công vào các tài sản còn lại của chính phủ. Vào ngày 4 tháng 4, người dân Đà

Lạt, không còn khả năng tự vệ, đã mời các đơn vị BV vào thành phố và giúp họ khôi phục trật tự trước sự hoành hành của những kẻ lảng vảng. Hai ngày sau, Sư đoàn 10 BV đã chiếm đóng trung tâm tị nạn tại Vịnh Cam Ranh. Việc mất cơ sở chiến lược này chỉ để lại một phần nhỏ của QK 2 trong tay chính phủ - căn cứ không quân Phan Rang và thành phố Phan Thiết ngay phía nam.

Đến cuối tuần đầu tiên của tháng Tư, Tướng Dũng và các chỉ huy của ông tại Lộc Ninh đã hoàn thành bài tập lập kế hoạch của họ, và vào ngày thứ bảy, toàn bộ ủy ban trung ương COSVN đã được triệu tập để xem xét (và thông qua) công việc của họ. Ngay khi cuộc họp được triệu tập, một tiếng gầm và tiếng nổ vang vọng qua hội trường, và «một chiếc xe máy dừng lại trong sân,» Dũng nhớ lại.

«Người lái xe là một đồng chí cao lớn mặc áo sơ mi màu xanh nhạt, quần kaki và đội mũ cứng của quân đội.» Anh ta có một chiếc túi da đen lớn vắt qua vai. Chúng tôi ngay lập tức nhận ra ông ấy là đồng chí Lê Đức Thọ.

Ngày hôm sau, Thọ đã thông báo cho Dũng và các đồng nghiệp về các quyết định mới nhất của Bộ Chính trị, bao gồm một kế hoạch cho một chỉ huy đặc biệt mới, thay thế COSVN, để phối hợp cuộc tấn công vào Sài Gòn. Tướng Dũng sẽ là tư lệnh tối cao ; Phạm Hùng, sĩ quan chính trị trưởng ; và các tướng Trần Văn Trà và Lê Đức Anh, các phó của họ. Vài ngày sau, Tướng Lê Trọng Tấn, người chinh phục Đà Nẵng, được bổ nhiệm làm phó tư lệnh của Dũng, với trách nhiệm chỉ huy chiến dịch quan trọng chống Xuân Lộc.

Trong vòng một tuần sau cuộc di tản Nha Trang, Bắc Việt đã bắt đầu con đường đến "chiến thắng toàn diện trong thời gian ngắn nhất có thể." Hơn nữa, cán cân lực lượng đã thay đổi một cách mạnh mẽ theo hướng có lợi cho họ, họ đã ở trong tầm tay dễ dàng để đạt được mục tiêu của mình.

Trong chưa đầy một tháng, 150.000 quân lính và dân quân Nam Việt Nam ở nửa phía bắc của Nam Việt Nam đã bị phân tán, bỏ rơi hoặc bị tiêu diệt. Mười sáu nghìn quân đã được rút khỏi các bãi biển của QK 1, nhưng chỉ còn một đơn vị duy nhất còn nguyên vẹn, một lữ đoàn thủy quân lục chiến. Trong số hai sư đoàn ARVN ở QK 2, chỉ còn hai trung đoàn, cộng với lữ đoàn nhảy dù phía tây Nha Trang, vẫn còn khả năng chiến đấu

xa xỉ. Trong cùng thời gian ngắn ngủi đó, mười lăm tỉnh đã bị mất vào tay những người Cộng sản ; thiết bị trị giá 1 tỷ đô la đã bị phá hủy hoặc bỏ lại ; gần một nửa trong số bốn trăm máy bay và trực thăng của chính phủ, bao gồm ít nhất mười hai máy bay chiến đấu F-5 tinh vi, đã bị bỏ lại (nhiều chiếc trong số đó còn nguyên vẹn); và toàn bộ hệ thống tình báo của chính phủ ở QK 1 và 2 đã bị tiêu diệt. Nếu không có các hoạt động tình báo liên tục của Mỹ, các đồng minh Nam Việt Nam của chúng ta đã gặp phải số phận của họ trong vài tuần tới mà không hề hay biết chút nào về cách thức hoặc lý do.

Sáu sư đoàn bộ binh, một lữ đoàn nhảy dù và một lữ đoàn thiết giáp, cùng với một vài nhóm biệt kích mới được thành lập là tất cả những gì còn lại của quân đội từng hùng mạnh của Thiệu.

Chính những lực lượng ít ỏi này (khoảng 90.000 người), cộng với bất kỳ đơn vị nào có thể được cứu vãn từ đống đổ nát của QK 1 và 2, giờ đây sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ Sài Gòn và đồng bằng.

Ở phía bên kia của bảng cân đối, quân đội Bắc Việt có hơn 300.000 người, đã có mặt ở miền Nam hoặc đang chuẩn bị di chuyển, để chống lại chính phủ. Đến đầu tháng Tư, ít nhất mười tám sư đoàn BV đã tham gia vào cuộc chiến ; năm sư đoàn nữa đang sẵn sàng ở miền Bắc Việt Nam để hỗ trợ, và tất cả trừ hai sư đoàn này sẽ được đưa vào cuộc chiến trước khi chiến tranh kết thúc. Tổng cộng, một kỷ lục 30.000 quân chính quy BV sẽ được gửi vào miền Nam chỉ trong tháng Tư.

Một đánh giá tình báo mà tôi chuẩn bị cho Washington ngay sau khi Nha Trang thất thủ đã tóm tắt các phép toán

và những hệ quả nghiêm trọng của nó: "Chỉ tính riêng các lực lượng chính quy, cán cân lực lượng hiện tại nghiêng về phía cộng quân khoảng ba hoặc thậm chí bốn so với một..." Người Việt Nam Cộng Hòa thực tế đang đối mặt với một 'kẻ thù mới' có thể bù đắp thông qua việc xâm nhập hoặc triển khai quân đội khiêm tốn bất kỳ bước nào có thể được thực hiện để tái xây dựng sức mạnh của chính phủ ở QK 3 và 4. Hà Nội có thể không hoàn toàn nhận thức được lợi thế của mình, và điều đó có thể trì hoãn thất bại quân sự của chính phủ thêm một thời gian ngắn nữa, nhưng trong bối cảnh thiếu hành động quyết đoán của Mỹ [và ở đây Polgar đã ghi chú "không nhất thiết phải là quân sự," vì ông không muốn ai nghĩ rằng chúng tôi đang ủng hộ việc tái triển khai lực lượng chiến đấu] thì đó là điều duy nhất có thể làm được." *

*[Polgar và tôi không phải là những người duy nhất bi quan. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, các chuyên gia tình báo ở Washington cũng dường như có cái nhìn rõ ràng về thực tế, không bị che mờ bởi những hy vọng về một giải pháp chính trị mà sau này sẽ làm rối loạn tầm nhìn của họ. Vào ngày 2 tháng 4, Giám đốc CIA Colby đã nói với WSAG : "Cán cân lực lượng ở miền Nam Việt Nam hiện đã chuyển giao quyết định về phía các lực lượng Cộng sản..." Quá trình suy nhược tinh thần và chủ nghĩa đầu hàng đã diễn ra có thể không thể đảo ngược và dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của GVN và ý chí kháng cự của nó. Ngày hôm sau, một bản ghi nhớ tình báo liên ngành tuyên bố : "Chúng tôi tin rằng trong vòng vài tháng, nếu không muốn nói là vài tuần, Sài Gòn sẽ sụp đổ về mặt quân sự hoặc một chính phủ sẽ

được thành lập mà sẽ đồng ý với một thỏa thuận theo điều kiện của cộng sản."]